

Mừng Xuân Mậu Tuất 2018

Kính Chúc

Đức Cha, Quý Cha Giáo Phận Metuchen,

Cha Quản Nhiệm Công Đoàn,

Quý Cha, Quý Thầy, Quý Nữ Tu,

Quý Vị Ân Nhân

Cùng Toàn Thể Quý Vị

Một Năm Mới An Lành và Hạnh Phúc

Công Đoàn Đức Mẹ Hòa Xúc Lên Trời

Giáo Phận Metuchen, New Jersey

Đặc San Tết Mậu Tuất 2018 "Việt Nam Quê Hương Tôi"

Nội Dung

Cộng Đoàn Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời
Giáo Phận Metuchen, NJ
Our Lady of Czestochwa Church
507 Hamilton Blvd.
South Plainfield, NJ 07080

<http://www.cdmetchen.org>

Quản Nhiệm

LM. Phêrô Trần Việt Hùng
Điện Thoại: (732) 372-3839
Email: petertran000@gmail.com

Ban Biên Tập

Hồ Đức Linh
Nguyễn Chinh Nguyên
Lê Thiên

Kỹ Thuật

Nguyễn Nam
Nguyễn Chinh Nguyên
Nguyễn Đức Minh

Quảng Cáo

Nguyễn Đức Minh

Hình Bìa

Lê Vũ

Với Sự Cộng Tác

Phan Văn An
Chương Đài
Tôn Thất Đản
Nguyễn Đức Khổng
Lê Thiên

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TÔI

03 Đôi Lời.....	Ban Biên Tập
04 Một Lựa Chọn Đáng Trân Trọng.....	Lê Thiên
09 Con Muốn Chúa Là Người Việt Nam.....	kochinawoa
09 Bốn Ngàn Năm Lịch-Sử.....	Audey Tran
10 Con có một Tổ quốc.....	ĐHY Nguyễn Văn Thuận
11 Việt Nam Quê Hương Tôi.....	Phan Văn An
16 Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ.....	Nguyễn Đức Quang
20 Có Phải Tôi... Quê Hương Ruồng Bỏ.....	Phạm Duy
21 Vinh Danh.....	Phan Văn An
22 QUÊ HƯƠNG Bài Học Đầu Tiên Cho Con.....	Đỗ Trung Quân
23 Quê Hương Xưa Và Nay!.....	Chương Đài
24 Tuổi trẻ hải ngoại...không rời xa tổ quốc.....	Mặc Lâm, RFA

SINH HOẠT CỘNG ĐOÀN

26 Phóng sự lễ nhậm chức chánh xứ.....	Christina Lestle
30 Cộng đoàn nhỏ - Bước vươn lớn.....	Lê Thiên

NĂM MẬU TUẤT 2018

32 Mậu Tuất Chúc Xuân.....	Chương Đài
33 MẬU TUẤT 2018.....	Phan Văn An42
34 Chuyện năm Tuất.....	Tôn Thất Đản
37 Năm Tuất, bàn chuyện chó.....	Phan Văn An
41 Tết Tây – Tết Ta.....	Yên Hà
47 1988-2018 30 Năm Các Thánh Tử Đạo VN.....	Lê Thiên
50 Gợi Quà Đầu Năm.....	Phạm Tín An Ninh
57 Ngôn-ngữ người Việt.....	Yên Hà
60 Linh Mục Đấng Đức Tuần (1825-1874).....	Lê Thiên
64 Nguồn-gốc tên họ Việt-Nam.....	Yên Hà

CHIA SẼ TRONG CỘNG ĐOÀN

69 Khóc Phạm Ngọc Tỏa.....	Phạm Như Cương
69 Một Lời Vĩnh Biệt.....	Phạm văn Sinh
70 Nhớ về Cự Tỏa.....	Lê Thiên
72 Lục Tuần.....	Phan Văn An
73 Tâm Tình Con Gửi Mẹ.....	Nguyễn Thị Mỹ Dương
74 Hoa trắng tiễn mẹ.....	Hồ Thanh Vân
75 Tưởng nhớ một người.....	Phan Văn An
76 Món nợ ân tình.....	Tôn Thất Đản

TÂM TƯ TRONG CUỘC SỐNG

79 Be – Bạn Hãy Là.....	
80 Những Đàn Chim Thiên Di.....	Phạm Tín An Ninh
83 Hãy hái lấy thời gian.....	Dominic
85 The Story of the Rainbow Sự tích cái Cầu vồng.....	Lucy & James
87 The Alien – Kẻ ngoại nhân.....	Ann G.

VƯỜN THƠ CỘNG ĐOÀN

88 Khoảnh thơ Phan Văn An.....	
89 Khoảnh thơ Hoàng Chương.....	
90 Khoảnh thơ Chương Đài.....	
93 Khoảnh thơ Nguyễn Đức Khổng.....	

VỚI NGƯỜI CAO TUỔI

94 Niềm an ủi cho người cao niên.....	ĐTC Phanxicô
95 Bài Thơ Viết Trên Tường Nhà Dưỡng Lão.....	
96 Tâm tình Cha/Mẹ gửi cho con.....	Peter Lê

THƯ GIẢN

97 Ô hô! Tiếng Bắc, tiếng Nam.....	Thy Mai
98 Ngày 13 thứ Sáu, Ngày xui xẻo!.....	Tôn Thất Đản
100 XMAS Xin Mừng Ánh Sáng.....	Trà Lũ

Việt Nam Quê Hương Tôi!

Đôi Lời:

Trước hết, với tâm tình chúc Xuân nồng nhiệt nhất, Đặc san Xuân Mậu Tuất 2018 Cộng đoàn chân thành cảm ơn Cha Phêrô Trần Việt Hùng, Chánh xứ Our Lady of Chzestochowa, South Plainfield, New Jersey kiêm Quản nhiệm CĐCGVN giáo phận Metuchcen, NJ, cảm ơn Ban Điều hành Cộng Đoàn, các Đoàn thể CGTH, quý ân nhân, nhà tài trợ, đăng quảng cáo, quý thân hữu cùng văn hữu, nghệ sĩ trình bày bìa và layout cùng toàn thể Cộng đoàn đóng góp cho sự hình thành Đặc san này.

Cha Quản nhiệm thường nhắc nhở, *"Mỗi dịp Xuân đến, Cộng đoàn chúng ta lại có dịp trở về cội nguồn văn hóa dân tộc với 3 hình ảnh độc đáo: Bánh chưng/bánh tét, Văn nghệ mừng Xuân, Đặc san Xuân. Chúng ta phải duy trì và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ấy mãi mãi bất kể thành công hay thất bại."*

Tài năng văn chương thơ phú trong Cộng đoàn không thiếu, nhưng bài vở đóng góp thì lại hiếm hoi. Báo phát ra, mang về lại không có giờ ngồi đọc, nhất là với thời đại mà báo giấy như đang lùi vào bóng tối! Tuy nhiên, ít ra chúng ta coi đây là một trong ba sản phẩm văn hóa truyền thống CÂY NHÀ LÁ VƯỜN của Cộng Đoàn chúng ta.

Ước gì mỗi người chúng ta đón nhận Đặc san Xuân Mậu Tuất 2018 này với tất cả lòng quảng đại, khoan dung và đậm đà tình thương tuy rằng đây chỉ là thứ sản phẩm cây nhà lá vườn. Khả năng tuy rất giới hạn, nhưng tâm huyết thì tràn đầy. Nói theo thời nay: Tâm hơn tầm! Ước mong đón nhận sự khoan dung và tôn ý.

Những đứa con tinh thần của mỗi tác giả đều được tôn trọng tuyệt đối, cá ý tưởng lẫn văn từ, câu cú lẫn văn phạm, chính tả... đồng thời cũng xin đọc giả tha thứ về mọi khiếm khuyết.

Xin Chúa chúc lành cho tất cả chúng ta.

Đặc san Xuân CĐ 2018



“Việt Nam Quê Hương Tôi!” Một lựa chọn đáng trân trọng!

Lê Thiên

Đặc san Xuân Mậu Tuất 2018 của Cộng đoàn chúng ta chọn chủ đề “**Việt Nam Quê Hương Tôi**” tuy rằng Đặc san Xuân năm 2011 của CĐ đã mang chủ đề “*Việt Nam mến yêu*”. Không sao. Chúng ta còn nhớ “**Việt Nam Quê Hương Tôi**” là nhan đề quyển sách cổ Linh mục Dominici Đỗ Minh Trí, Dòng Tên, người Ý, viết về Việt Nam. Ngài đã từng gắn bó với Việt Nam, với người tị nạn Việt Nam, cống hiến đời mình để phụng sự người Việt Nam và đất nước Việt Nam, mang trái tim Việt Nam, luôn tự nhận mình là người Việt Nam mà tác phẩm mang nhan đề “*Việt Nam Quê Hương Tôi*” là bằng chứng.

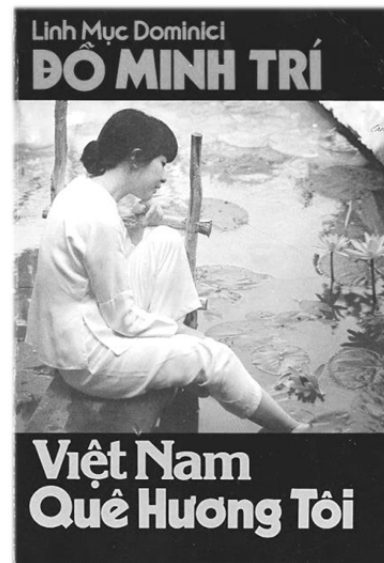
Linh mục Dominici Đỗ Minh Trí

Theo tác giả Phạm Nguyên Hanh trên báo Đồng Hành năm 2003, Linh mục Đỗ Minh Trí, tên thật là **Gildo Dominici**, sinh ngày 5 tháng 3 năm 1935 tại Assisi thuộc miền trung nước Ý. Ngài là con trai lớn trong một gia đình lao động có hai trai và một gái. Người cha, cột trụ của gia đình, đột ngột mất đi trong một tai nạn lao động khi cậu Gildo mới được 8 tuổi. Mẹ cậu phải chạt vật từ sáng sớm đến chiều tối bằng nghề may thuê vá mướn để nuôi nấng dạy dỗ 3 con thơ dại.

Học xong chương trình trung học, cậu Gildo quyết chí đi vào con đường tu đạo và được chọn vào chủng viện của thành phố. Thụ phong linh mục năm 1960, cha Gildo Dominici gia nhập Dòng Tên (Society of Jesuit - SJ) năm 1964 với ước mong đi truyền giáo ở nước ngoài.

Cuối năm 1967, cha Dominici đến Việt Nam và bắt đầu học tiếng Việt rồi được sai đi phục vụ mục vụ tại Đà Lạt. Ngài nói: “**Việt Nam là quê hương của tôi, dù rằng tôi không được sinh ra trên đất nước Việt Nam. Tôi chỉ ở đó có bảy năm. Bảy nhiều cũng đủ để trở thành một công dân Việt**

Nam, theo cách riêng của tôi, mặc dù trên phương diện huyết thống hay pháp lý tôi không được niềm hân hạnh ấy.”



Qua lời tuyên ngôn ở đầu quyển sách Việt Nam Quê Hương Tôi, Cha Dominici Đỗ Minh Trí xác quyết, với ngài: “*Quê hương ấy không phải là những dãy núi với hình dáng khác biệt và phủ đầy rừng xanh... Không phải là những dòng sông..., những cánh đồng... ruộng lúa mênh mông, những biển cả hiền hòa dù đôi khi cũng cuộn sóng...*”

Theo Cha Đỗ Minh Trí, tất cả những thứ nêu trên “*chỉ là thân thể của quê hương tôi, quê hương Việt Nam.*” Trong trái tim Cha “*có một nước Việt Nam khác rộng lớn hơn, rộng lớn như một đại lục.*” Ngài mạnh mẽ tuyên bố: **Việt Nam Quê Hương Tôi, “đó là Văn Hóa Việt Nam, Tâm Hồn Việt Nam, đó là Tinh Thần của Việt Nam... “Chính đó mới thực sự là QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM CỦA TÔI.”**

Và rồi cái tư tưởng ấy, tuyên ngôn ấy, lời tuyên thệ công dân ấy của Cha Dominici Đỗ Minh Trí trải dài hàng chục chương sách dài hơn 300 trang.

Sau biến cố tháng 4 năm 1975, cha Dominici Đỗ Minh Trí bị trục xuất ra khỏi Việt Nam cùng với tất cả các tu sĩ ngoại quốc khác.

Từ 1975, thuyền nhân Việt Nam bắt đầu đổ đến quần đảo Riau, Indonesia. Cha Dominici tình

nguyện làm tuyên úy trong trại ty nạn Việt Nam đầu tiên tại Indonesia để có dịp phục vụ người Việt khổn khổ.

Vào tháng 5 năm 1977, từ Singapore, ngài vào Indonesia. Sau khi học nói tiếng Indonesia và xin gia nhập Dòng Tên của nước này, cha Đỗ Minh Trí trở lại với dân Việt Nam, hòa nhập vào cuộc sống của người Việt ty nạn. Từ một trại nhỏ trên đảo Kuku, ngài đã đồng hành cùng dân ty nạn đến một trại lớn hơn trên đảo Galang. Gắn liền với cuộc sống thường nhật của người ty nạn, cha Trí tìm cách giúp đỡ họ từ việc phân phát quần áo ngài quyên xin được, thăm viếng và an ủi người đau ốm, đến chăm sóc trẻ thơ, không phân biệt lương giáo. Trong trại, cha sống hòa mình cùng họ và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của mỗi người. Ngài ăn ở chung với một số thanh niên độc thân.

Năm 1996, cha Trí được gọi về Rôma để phục vụ trong nhà tĩnh tâm Galloro của Dòng được 2 năm thì bị phát hiện có bệnh ung thư. Từ năm 1998, ngài phẫu thuật chống căn bệnh hiểm nghèo qua giải phẫu và chemotherapy. Tuy bị đau đớn, ngài luôn luôn hiền hòa, kiên nhẫn và vui vẻ. Ngài bình thản chấp nhận: “*Có bệnh thì phải chữa, khỏi thì làm việc tiếp, chết thì về với Chúa*”. Thoạt tiên, bệnh có vẻ được chế ngự, nhưng sau đó lại phát triển mạnh hơn.

Đầu năm 2003, bộ phận gan ngưng hoạt động, và ngài từ trần ngày 3 tháng 3 năm 2003.

Lm Gérard Gagnon - Cha Nhân (1914-1994)

Ngoài Cha Dominici Đỗ Minh Trí, rất nhiều nhà truyền giáo ngoại quốc, sau khi đến Việt Nam, sống trên đất nước Việt Nam, gần gũi người dân Việt, cũng đã chọn Việt Nam làm “quê hương” mình.

Cụ thể, tại Miền Nam Việt Nam trước 30/4/1975, có lẽ không ít người Công Giáo Việt Nam đã từng nghe nói hay tiếp xúc với CHA NHÂN – Cha Gérard Gagnon, Dòng Chúa Cứu Thế Đà Lạt.

Cha Gérard Ganhon sinh năm 1914 tại Québec, Canada. Gia nhập Dòng Chúa Cứu Thế

Canada và khấn lần đầu ngày 15/8/1935, đến tháng 11 trong năm tình nguyện sang Việt Nam và thu phong linh mục tại Hà Nội ngày 06/6/1940.

Theo tập sách tài liệu “**Có một vườn thơ đào**” (2012) do Lm Trăng Thập Tự chủ biên, “*với khả năng thiên bẩm đặc biệt về ngôn ngữ, Cha Gérard Gagnon mau chóng tiếp thu và am hiểu tường tận tinh hoa của văn học Việt Nam, thuộc lòng rất nhiều ca dao, tục ngữ Việt Nam và trọn vẹn 3254 câu thơ lục bát của truyện Kiều.*”

Cha Gagnon nói lưu loát tiếng Việt, đi rao giảng Tin Mừng bằng tiếng Việt khắp Miền Nam. Đâu đâu ngài cũng thu hút đông đảo cử tọa. Người ta nói bộ não của ngài, trái tim của ngài chứa đầy tình cảm và thơ văn Việt Nam đến nỗi miệng lưỡi ngài hầu như lúc nào cũng tuôn ra thơ, thơ Việt. Biên cố 30/4/1975 buộc Cha Gagon rời Việt Nam, trở về Canada. Ngày 12/9/1994, Cha Gagnon lìa đời tại Pháp khi đang dưỡng bệnh tại đây, thọ 80 tuổi.

Năm 1959, Cha Gagnon cho in ra một tập sách. Đó là cuốn **HỒN VIỆT**. Qua **Đôi Lời Chân Thành** ở đầu tập sách, Cha Gagnon bộc bạch: “*Từ khi tới Việt-Nam (1935), với mục đích truyền giáo, tôi một linh-mục Công-Giáo quốc tịch Gia-Nã-Đại, vì quý mến Việt-Nam, hằng tìm hiểu Quốc Hồn Việt-Nam. Bởi thế tôi tìm đọc rất nhiều sách báo. Khi đọc đến bài nào mà tôi cho là hay, tôi thường chép lại để làm tài liệu*”. Cuốn “**Hồn Việt**” hình thành từ đó.

Quyển **HỒN VIỆT** đầy ắp những ca dao, tục ngữ, những truyện dân gian với những phong cảnh hữu tình của thôn làng, đồng quê Việt Nam cũng như cuộc sống thanh thản, an nhàn và hiếu hòa của người dân quê tuy nghèo nàn nhưng luôn mở rộng tâm lòng.

Với Cha Gagnon, **HỒN VIỆT** ẩn trong **HỒN QUÊ**.

Hồn Quê phản phát **HƯƠNG QUÊ**.

Hương Quê thơm ngát **TÌNH QUÊ**.

Tình Quê tỏa sáng **TRỜI QUÊ**.

Thế nên,

“**TRỜI QUÊ** đẹp tựa bài thơ

TÌNH QUÊ phẳng lặng như bờ nước ao

HƯƠNG QUÊ sửa lúa ngạt ngào
HỒN QUÊ sáng tỏ nắng vào ban mai”.

Tình quê và hồn quê Việt Nam có vẻ không ngừng đeo đẳng nhà truyền giáo người Gia Nã Đại khiến ngài đã phải nhọc công lắm để sưu tầm và tập hợp được một số bài thơ “Nhớ” mà ngài đã in ra từ năm 1959, đến giờ lại có giá trị như lời “tiên tri”. Chẳng hạn, Nhớ Nam, tác giả ghi nhận:

Tôi nhớ Sài Thành
Thủ đô Nam Việt
Cuộc sống đua tranh
Tưng bừng náo nhiệt...

....

Nhưng tôi xa quê
Đã bao năm tháng
Biết làm sao về
Viếng thăm cố quán
Chỉ còn nhớ thôi

Nhớ nhung ủ rũ
Ai về quê tôi
Xin cho nhắn nhủ
Rằng chôn biên cương
Có người trai trẻ
Vọng về cố hương
Lòng buồn vô kể!

(T. H.)

Lm. Léopold Cadière (Cố Cả)

Chúng tôi không thể không nhắc tới một hình ảnh đáng trân trọng khác về tấm lòng yêu mến Việt Nam, chọn Việt Nam làm quê hương. Đó là hình ảnh Cha Léopold Cadière (Cố Cả) (1869-1955), linh mục người Pháp của Hội Truyền Giáo Hải ngoại Paris (Missions Etrangères de Paris – MEP).

Tại cuộc Hội thảo về “*Thân thế và sự nghiệp của Linh mục Léopold-Michel Cadière*” ở Huế trong ba ngày từ 07-09/09/2010 do Ủy ban Văn hoá của Hội đồng Giám mục Việt Nam cùng Toà Tổng Giám mục Giáo phận Huế tổ chức, ĐHY Nguyễn Văn Nhơn giới thiệu “*Cha Léopold Cadière, một*

linh mục thừa sai Paris đã đến Huế vào năm 1892. Suốt 63 năm mục vụ tại giáo phận Bắc Đàng Trong, nay là Tổng giáo phận Huế, ngài đã cuộc đời mục tử nhiệt thành và qua sự nghiệp văn hóa, học thuật đồ sộ của mình.”

Theo Đức cố Giám mục Vũ Duy Thống: “*Linh mục Léopold Cadière đã đến Huế, đã ở với Huế, đã nghiên cứu về Huế, đã hiểu biết sâu sắc về Huế, đã yêu mến Huế, đã bảo vệ Huế, đã giới thiệu Huế ra thế giới và cũng đã mong muốn được ở Huế cho đến ngày cuối cùng và được chôn trên đất Huế.*”

ĐC Thống nhận định tiếp: “*Trong nửa đầu của thế kỷ 20, lịch sử VN là một chuỗi dài những biến động: từ biến động chính trị kéo theo những biến động dân sự dân sinh dân cư và cả dân tộc nữa. Trong hoàn cảnh đó, ít có ai yên ổn để quan tâm đến văn hóa dân gian thuần túy và đặc biệt đến vấn đề nhân chủng tôn giáo một cách miệt mài.*”

Từ nhận định trên, Cố Giám mục Thống tiếp: “*Chính vào thời điểm đó, có một người đã âm thầm chọn Việt Nam làm quê hương của mình, đã chăm chút với công việc tỉ mỉ của con ong cái kiến để ghi chép mô tả cũng như để giới thiệu với thế giới về nhiều lãnh vực văn hóa của dân tộc Việt Nam, một dân tộc đầy gặp nhiều đau khổ và trắc trở nhưng luôn hồn nhiên và đáng kính ngạc với tín ngưỡng gia đình. Con người đáng trân trọng ấy... chính là **Cố Cả Léopold Michel Cadière.***”

Cha Léopold Cadière là một nhà truyền giáo nhiệt thành, đã đem Tin mừng của Đức Kitô đến với người Việt Nam. Ngài cũng là một nhà nghiên cứu khoa học lỗi lạc, là nhà Dân tộc học, Ngôn ngữ học, Thực vật học, nhà Huế học. Ngài đã nghiên cứu sâu sắc về phong tục tập quán, thuần phong mỹ tục và tôn giáo của người Việt Nam. Đồng thời ngài cũng là con người thích nghi và hội nhập với văn hóa Việt Nam: ngài dùng tên Việt Nam (**Cố Cả**), ăn mặc theo người Việt, chân đi guốc mộc, nói tiếng Việt như người Việt. Và cuối cùng ngài đã xin được chôn tại Việt Nam, chôn cất tại Huế, nơi mà ngài đã sống và phục vụ suốt 63 năm.

Trong cuộc Hội thảo, nhà nghiên cứu Mai Khắc Ứng nhìn nhận: “*Trong tất cả các tài liệu mà Lm Léopold Cadière để lại cho hậu thế, không hề có*

biểu hiện gì mang tính 'cha cố', mặc dù ông là một linh mục của Hội Thừa sai Paris."

Mai Khắc Ứng quả quyết: "Cardière chính là con chim đầu đàn trong việc gìn giữ văn hóa Việt Nam, nhất là văn hóa Huế." Trong khi nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Châu Phan nêu lên một câu hỏi rồi tự trả lời: "Léopold.Cadière là người rất giỏi và thông thạo tiếng Việt. Vậy tại sao trong các công trình của ông lại viết bằng tiếng Pháp? Là vì ông viết về Việt Nam và về Huế để cho người Pháp và cho cả toàn thế giới đọc để biết về Huế và Việt Nam. Ông là người đầu tiên quảng bá Việt Nam và Huế ra thế giới."

Về cuộc đời của Linh mục Léopold Cardière, ĐGM Nguyễn Thái Hợp tóm tắt như sau:

"Khi đến miền truyền giáo được chỉ định là giáo phận Bắc Đàng Trong, nay là giáo phận Huế, Cha Cadière chẳng những đã chăm chỉ học tiếng Việt, mà còn miệt mài tìm hiểu về đối tượng mà mình có trách nhiệm phục vụ.

"Ngài từng là giáo sư Tiểu chủng viện (An Ninh) và Đại chủng viện (Huế), từng là chánh xứ (Vĩnh Lộc, Cù Lạc, Di Loan, Tam Tòa) và là Hạt trưởng (Di Loan).

"Ngài từng xây dựng trường học, nhà thương, xưởng thợ, (giúp phục hồi nghề lụa Di Loan) và cả một ngôi nhà thờ "đẹp đến nỗi người ta gọi là Vương cung thánh đường".

"Ngài từng làm những công việc thường nhật của một thừa sai là "dạy dỗ, kiểm tra, lui tới những giáo đoàn mới để vực dậy sự dũng cảm của người yếu đuối và bảo vệ họ chống lại những điều phiến nhiễu, làm cho ra lẽ những vụ kiện cáo và những bách hại mà họ thường là mục tiêu; quan hệ xã hội với các viên chức để họ tôn trọng các quyền lợi chính đáng; viết thư khuyên răn, cổ vũ việc siêng năng kính hạt cầu nguyện và ra tay giúp đỡ cả những người khốn khổ nữa"

Theo ĐC Nguyễn Thái Hợp, điều đặc biệt nơi Cha Cardière chính là phương cách truyền giáo và trái tim nhân ái. Đó chính là phương cách hòa đồng, "ao ước được trở thành đồng hương của những người dân hiền lành chất phác ở Bình Trị Thiên", "trở thành người Việt với người Việt". Hòa đồng đến độ ngài tự xưng mình là "một cụ già được Việt hóa" (vieil annamitisant).

Điều đặc biệt thứ hai nơi thừa sai Cadière là trái tim nhân ái, là tấm lòng yêu thương và kính trọng người Việt mà Cha Cadière nhận ra nhiều đức tính cao đẹp về tâm linh và luân lý.

Chính Cha Léopold Cadière đã có lần nói: "Tôi đã nghiên cứu các tín ngưỡng, những thực hành tôn giáo, những thói quen, những phong tục của họ... Tôi đã nghiên cứu lịch sử của họ... Khi đã nghiên cứu và đã hiểu người Việt Nam, tôi đã yêu mến họ. Tôi đã yêu mến họ vì tài thông minh và trí sắc sảo của họ... Tôi đã yêu mến họ vì những nhân đức luân lý của họ... Tôi đã yêu mến họ vì tính cách của họ... Sau hết, tôi đã yêu mến họ vì những đau khổ của họ".

Năm 1955, Cố Cả Léopold Cardière già từ cuộc sống trần gian. Ngài được chôn cất trong khuôn viên ĐCV Xuân Bích Huế (Phú Xuân) theo đúng nguyện vọng của ngài.

Ngoài các vị trên, không ít các vị Thừa sai cũng mang trái tim Việt Nam, như **Đức Cha Jean Cassaigne (Sanh)** mà chúng tôi đã có bài giới thiệu trên Hiệp Nhất và Diễn Đàn Giáo Dân, số Tháng 9/2017. Cha Jean Cassaigne – Sanh (1895-1973) đang tận tâm chu toàn việc mục vụ cho người phun cùi (hủi) tại Di Linh (Đa Lạt) thì năm 1941 ngài được Tòa Thánh bổ nhiệm làm Giám Mục Sài Gòn. Nhưng đến năm 1955, ĐC Sanh xin từ chức giám mục, lui về với Trại Cùi Di Linh, sống chết với người cùi hầu hết là người Thượng. Khi ngài lâm bệnh, ai nấy tha thiết van nài ngài về Pháp điều trị. Ngài trả lời: "**Tôi là người Pháp, nhưng trái tim tôi là của người Việt Nam. Tôi muốn sống tại đây để phục vụ và mong chết tại đây, vì bây giờ Việt Nam thực sự là quê hương tôi**". Quả nhiên, ngài lìa đời tại Việt Nam 31-10-1973, ngay trong làng cùi và được chôn cất ở đó theo đúng nguyện vọng của ngài.

* * *

Bác sĩ Tom Dooley (1921-1961)

Có người hỏi: Ngoài các linh mục là những nhà truyền giáo gắn bó với Việt Nam và đã tha thiết chọn "Việt Nam làm quê hương tôi", giới

không tu trì nước ngoài có ai mang lấy tâm tình và đời sống dâng hiến cho Việt Nam như các ngài không? Chúng tôi đoán thành phần này không nhỏ, chỉ tiếc là chúng tôi chưa có cơ hội tiếp cận với các tài liệu liên quan.

Nhớ có vị bác sĩ người Mỹ, **Bác sĩ Tom Dooley** (1921-1961) đã từng là một nhân vật rất gần gũi với người Việt Nam khi thành phần nay rơi vào tình trạng nguy khốn. Bs Tom Dooley đã một phen một mình tả xông hữu đột giữa biển khơi để cứu vớt hàng vạn sinh người Miền Bắc liều chết để lên được tàu di cư vào Nam năm 1954.

Từ tháng 9/1954 đến tháng 5/1955, số lượng khổng lồ người dân Miền Bắc tìm đường di cư vào Nam hầu như đều rơi vào cảnh chui rúc ô hợp ở bãi biển Hải Phòng trong điều kiện mất vệ sinh hoàn toàn và đang là môi ngon cho các thứ dịch bệnh đồng thời cũng là môi ngon cho hòng sung bộ đội CS nếu không có bàn tay tiếp thuốc và tiếp sức của Bs Tom Dooley.

Do chứng ung thư gan, Bs Tom Dooley lìa đời tại New York, HK ngày 18/01/1961 ở cái tuổi 40 còn tràn đầy bầu nhiệt huyết để phục vụ tha nhân. Chúng tôi đã có bài giới thiệu ông nơi mục Sống Đạo Giữa Đời của Diễn Đàn Giáo Dân (số 25, Tháng 11/2003).

Bà Cherie Clark

Ngoài ra, một phụ nữ Mỹ, bà **Cherie Clark** cũng đã có tâm tình gắn bó với Việt Nam một cách đặc biệt, nhất là với các trẻ em bị quên lãng. Bà đã là Giám đốc Điều hành hải ngoại của Hội thiện nguyện mang tên *Friends of Children of Vietnam* (FCVN) – *Hội Bạn Thiếu Nhi Việt Nam*. Qua chương trình *Di tản Trẻ em (Operation Babylift)*, bà Cherie Clark cùng FCVN đã cứu hàng ngàn Thiếu nhi Việt Nam thoát vùng lửa đạn vào những ngày cuối cuộc chiến thảm khốc tại Việt Nam hồi đầu năm 1975 khi Cộng sản Miền Bắc VN cố tình phá vỡ Hiệp định Paris về VN, xua quân đánh cướp Miền Nam Việt Nam.

Bà Cherie Clark đã viết một quyển Hồi ký nhan đề **After Sorrow Comes Joy** (*Sau Sầu Muộn*

là Niềm Vui) (Colorado, 2000) tường thuật những biến cố đầy nước mắt vào thời gian trên tại Miền Nam Việt Nam, nơi mà bà đã quyết ở lại cho tới giờ phút chót chỉ vì sự sống còn của hàng ngàn trẻ em Việt Nam đang bơ vơ chờ chết. Ở cuối quyển sách, bà tỏ bày tâm tư của bà đối với trẻ em bị quên lãng tại Việt Nam như sau:

*I did not spring from the soil of Vietnam.
I was not cradled in her womb
And she did not give birth to me.
I was a child of another color
And I spoke another language
And yet Vietnam received me
As a mother receives an adopted child
from a far-off land.*

*I went to Vietnam to give and I received.
I went to teach
And four thousand years of history
and wisdom enlightened me.
I went to a country ravaged by war
and found peace.
I went expecting to find despair and sorrow
And I found hope and joy.
I crossed a an ocean and I found a home.
There is a a song in my heart called Vietnam
But it is wordless and I am incompled.
The words have gone from my song
And I am as a motherless child.*

Cherie Clark 1975

*Tôi đã không sinh ra từ đất Việt.
Tôi đã không được ru ngủ trong cung
lòng mẹ Việt Nam
Vì người đã không sinh ra tôi.
Tôi là đứa trẻ vốn khác màu da
Tôi nói một thứ tiếng nói khác!
Vậy mà Việt Nam vẫn đón nhận tôi
Như một người mẹ đón nhận đứa con nuôi
từ vùng đã xa lơ xa lắc.*

*Tôi đến Việt Nam để mà trao cho
nhưng tôi lại nhận lãnh.
Tôi đến để truyền dạy*

Nhưng bốn ngàn năm lịch sử
và sự khôn ngoan lại soi sáng tôi.
Tôi đã đến xứ sở bị tàn phá bởi chiến tranh này
và tôi đã tìm được an bình.
Tôi đến nơi này, cứ tưởng mình sẽ chỉ
gặp thất vọng và sầu muộn.
Nhưng tôi đã tìm thấy hy vọng và niềm vui.
**Tôi đã vượt qua một đại dương
và đã tìm được một mái ấm.**
Có một ca khúc trong tim tôi gọi là Việt Nam,
Nhưng đó là khúc hát không lời
vì tôi chưa hoàn thành.
Những lời lẽ đã biến mất khỏi ca khúc của tôi.
Và tôi đang như đứa con không mẹ!

Cherie Clark 1975



Lời bài hát:

Con Muốn Chúa Là Người Việt Nam

Lời đăng bởi: kochinawoa

Con là người Công giáo Việt Nam
có dòng máu con Lạc cháu Hồng,
Có câu dân ca thắm tình dân tộc
hay lắm Chúa ơi.
Con muốn Chúa là người Việt Nam
để cùng chung chia mọi gian nan,
Cùng chung câu hát muối mặn gừng cay
xin đừng xa nhau.
Quê hương con có hàng tre xanh,
Có dòng sông năm tháng vơi đầy
Và có một niềm tin yêu vào Chúa.
Con mong sao mong một lần thôi
Một lần Chúa đến thăm đất Việt
Để Người ngồi nghe đoàn con hát
Câu dân ca "Người ơi đừng về.."



Việt Nam Quê hương tôi Bốn Ngàn Năm Lịch-Sử

Việt Nam tôi bốn ngàn năm lịch-sử
Bao thăng trầm đất nước vẫn lầm than
Một ngàn năm bao kiếp người nô-lệ
Thống khổ nào bằng nhục mất quê-hương

Máu đã đỏ, Hoàng Trường Sa đã mất
Là một phần da thịt của quê-hương
Anh chị ơi sao cúi đầu câm nín
Đến bao giờ giải phóng Hoàng Trường Sa

Những chiếc thuyền ma hung-hăng trên biển
Giết hại ngư dân, thống trị ngư trường
Rừng xanh tươi để bọn Tàu khai phá
Biển chết dần bởi độc tố do ai

Lũ tham quan cúi đầu làm nô-lệ
Vơ-vét từng ngày, tôi mọi ngoại bang
Quê-hương tôi đắm chìm trong đen tối
Hoàng hôn ơi che phủ đến bao giờ!?

Audey Tran (30/11/2016)



Con có một Tổ quốc...!



Đấng Đáng Kính Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

“Con có một Tổ Quốc: Nước Việt Nam! Con yêu tổ quốc VN, và hiến mình cho Tổ Quốc thân yêu...” Đó là lời và ý của ĐHY Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, người mà hiện nay được Giáo Hội tôn vinh là bậc Đáng Kính, sẵn sàng để được tuyên Chân phúc (Á Thánh) trước khi được tung hô là Thánh có thể là trong thời gian gần đây thôi.

“CON CÓ MỘT TỔ QUỐC: NƯỚC VIỆT NAM...”! Một lời nhắc nhở, và là lời kêu gọi tình yêu nước, trách nhiệm bảo vệ non sông của mỗi người con VN, với đất nước thân yêu do tiền nhân để lại, với bao công lao xây dựng, giữ gìn! Bản tuyên xưng “Con có một Tổ Quốc” của Đấng Đáng Kính đã được linh mục nhạc sĩ Đỗ Bá Công phổ nhạc, và tiếng hát đầy tâm tình của ca sĩ Khánh Ly, làm đổ bao dòng lệ của giáo dân.

Lạy Chúa từ nhân, Chúa đã ban cho chúng con một đất nước, một Tổ Quốc, một giải giang sơn VN xinh tươi, được tô bồi bằng bao máu lệ của tiền nhân anh dũng, giờ đây chúng con cúi xin Chúa hãy thương tình bảo vệ quê hương, dân tộc chúng con. Dân con yếu đuối, nghèo nàn, lại phải đứng trước nanh vuốt của kẻ thù xâm lược tàn bạo như loài dã thú, rất cần tới ơn phù trợ của Chúa.

Đấng Đáng kính của chúng con, từ đây chúng con quyết đi theo con đường của người, không ngại ngừng lặp lại mãi lời tuyên xưng: “CON CÓ MỘT TỔ QUỐC: NƯỚC VIỆT NAM! Con phục vụ hết tâm hồn, Con trung thành hết nhiệt huyết, Con

bảo vệ bằng xương máu, Con xây dựng bằng tim óc...”

Con Có Một Tổ Quốc

Là người Công Giáo Việt Nam,
Con phải yêu Tổ Quốc gấp bội.
Tiếng chuông ngân trầm,
Việt Nam nguyện cầu.
Tiếng chuông náo nùng,
Việt Nam buồn thảm.
Tiếng chuông vang lừng,
Việt Nam khởi hoàn.
Tiếng chuông thanh thoát,
Việt Nam hy vọng.

Con có một tổ quốc Việt Nam,
Quê hương yêu quý ngàn đời.
Con hãnh diện, con vui sướng,
Con yêu non sông gấm vóc,
Con yêu lịch sử vẻ vang.
Con yêu đồng bào cần mẫn,
Con yêu chiến sĩ hào hùng.
Sông cuộn cuộn máu chảy cuộn hơn.
Núi cao, xương chất cao hơn.
Đất tuy hẹp, nhưng chí lớn.
Nước tuy nhỏ, nhưng danh vang.
Con phục vụ hết tâm hồn,
Con trung thành hết nhiệt huyết.
Con bảo vệ bằng xương máu,
Con xây dựng bằng tim óc.
Vui niềm vui của đồng bào,
Buồn nỗi buồn của Dân Tộc.

Một Nước Việt Nam,
Một Dân Tộc Việt Nam,
Một Tâm Hồn Việt Nam,
Một Truyền Thống Việt Nam.

Là người Công Giáo Việt Nam,
Con phải yêu Tổ Quốc gấp bội.
Chúa dạy con, Hội Thánh bảo con.
Cha mong giòng máu ái quốc,
Sôi trào trong huyết quản con.

(Đường Hy Vọng - ĐHY Nguyễn Văn Thuận)

Việt Nam Quê Hương Tôi

Phan Văn An

Từ ngữ Việt Nam ngày nay rất quen thuộc với người Việt ở trong nước cũng như đang sinh sống ở hải ngoại. Hơn thế nữa hầu hết các quốc gia trên thế giới khi nghe tên Việt Nam họ biết ngay đó là một quốc gia thuộc Châu Á, họ cũng biết Việt Nam theo thể chế gì và thậm chí còn biết cả cuộc sống tinh thần cũng như vật chất của người dân Việt nữa. Nhưng “Quen quá hóa nhàm”. Nói cách khác, ngày nay chúng ta sử dụng danh từ Việt Nam, nhưng không biết danh từ này có từ lúc nào và trải qua chiều dài lịch sử nó đã thay đổi như thế nào? Để làm sáng tỏ vấn đề xin trình bày sơ lược về phần lịch sử để có thể rõ ràng hơn.

Sử gia Trần Trọng Kim trong Việt Nam Sử Lược cho biết rằng quốc hiệu Văn Lang là cách dùng đầu tiên vào đời Hồng Bàng (2897-258 trước Tây Lịch). Đến đời Thục An Dương Vương (257-207 trước Tây Lịch) thì gọi là Âu Lạc. Đến đời nhà Tần (246-206 trước Tây Lịch) lược phía nam thì đặt làm Tượng Quận. Sau Nhà Hán (202 trước Tây Lịch) dứt Nhà Triệu, chia đất Tượng Quận ra làm ba quận là Giao Chỉ, Cửu Châu và Nhật Nam. Cuối Nhà Đông Hán, vua Hiến Đế đổi Giao Chỉ thành Giao Châu. Nhà Đường (618-907) lại đặt An Nam Đô Hộ Phủ. Từ khi Nhà Đinh dẹp xong loạn Thập Nhị Sứ Quân, lập ra một nước tự chủ, đổi quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Vua Lý Thánh Tông đổi là Đại Việt. Đến đời vua Anh Tông nhà Tống mới công nhận là An Nam Quốc. Đến đời vua Gia Long, sau khi thống nhất Nam Bắc lấy lẽ rằng Nam là An Nam, Việt là Việt thường, mới đặt quốc hiệu là Việt Nam.

Như vậy trải qua một thời gian dài, quốc hiệu nước ta đã thay đổi nhiều lần, tuy ngày nay nhiều nơi và nhiều người vẫn có thói quen dùng hai chữ An Nam, nhưng vì hai chữ này mang ý nghĩa phải thần phục nước Tàu. Vì vậy các chính

quyền sau này quyết định dứt khoát là phải lấy tên Việt Nam để gọi cho thống nhất.

Việt Nam nằm ở phía Đông Nam Châu Á, chạy dài từ Ái Nam Quan đến mũi Cà Mau, hình dạng giống chữ S. Chia làm ba miền: Miền Bắc có hai con sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình. Miền châu thổ dân cư đông đúc. Miền Trung đất đai khô cằn, không có sông lớn, chỉ có dãy núi Trường Sơn chạy gần tới Nam Việt. Miền Nam đất rộng, phì nhiêu nhờ có sông Cửu Long và sông Đồng Nai. Dân chúng miền Nam hiền hòa và có đời sống vật chất đầy đủ.

Nếu xét về phần chủng loại thì trong nước Việt Nam không phải chỉ có người Kinh (người Việt) sinh sống mà còn có nhiều dân tộc thiểu số khác nữa. Trên miền thượng du Bắc Việt có người Thái, người Mán, người Mường. Miền Trung có người Chăm. Còn ở miền Nam có người Chăm, người Chà, v.v.

Xét về nguồn gốc dân tộc Việt Nam thì có nhiều giả thuyết, nhưng chỉ là những giả thuyết chưa có bằng chứng nào chứng minh rõ ràng. Chỉ biết rằng người Việt Nam xưa có hai ngón chân cái giao với nhau cho nên người Tàu mới gọi người Việt là dân Giao Chỉ.

Đây không phải là một bài khảo luận về “nhân chủng học” vì vậy không đề cập đến bản tính, trí thông minh, cũng như những đức tính khác của người Việt. Trong phạm vi bài viết ngắn ngủi này chỉ muốn trình bày rất sơ lược về mặt hình thức tức những vẻ đẹp bề ngoài cũng như nội dung tức những giá trị bên trong của nước Việt.

Trước hết về hình thức, là cái nhìn bề ngoài về nước Việt Nam tức là nhìn về sông, biển, núi rừng, những danh lam thắng cảnh, đặc biệt là những trung tâm du lịch nổi tiếng. Việt Nam có biển rộng, sông dài, núi non trùng điệp. Rừng núi có nhiều thứ gỗ quý nổi tiếng trên thế giới. Có nhiều vật dụng được chạm trổ rất công phu, được xuất cảng ra nước ngoài, thu nhập một nguồn tài chánh lớn cho tổ quốc. Sông biển Việt Nam cũng giữ một vai trò chính yếu trong nền kinh tế nước nhà. Ngư dân có thể đánh cá ở biển hoặc trên

những sông lớn. Số cá đánh được có thể biến chế thành những thức ăn khác như nước mắm, hoặc đóng hộp hoặc phơi khô rồi xuất cảng ra nước ngoài. Với thời buổi khoa học tiến bộ, số hải sản thu được có thể ướp lạnh rồi xuất cảng. Với những lâm sản và hải sản thu hoạch được đã góp phần rất nhiều vào nền kinh tế, vì vậy có câu “Rừng vàng, biển bạc”.

Ngoài rừng, biển, sông, Việt Nam cũng còn có nhiều mỏ quặng thiên nhiên, có nhiều hải cảng làm khu quân sự quan trọng hay cho tàu buôn ngoại quốc cập bến. Cảng Cam Ranh là một hải cảng ở miền Trung rất quan trọng về mặt quân sự, được nhiều cường quốc nhìn ngó. Sau biến cố 1975, ngành du lịch Việt Nam phát triển rất mạnh và đóng góp một phần kinh tế đáng kể cho chế độ. Khách du lịch trên thế giới thích du lịch tới Việt Nam vì tương đối an ninh, giá sinh hoạt rẻ lại có nhiều phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Miền Bắc có Vịnh Hạ Long nổi tiếng. Vào đến cố đô Huế thì có những lăng tẩm. Có thể nói trên đất nước Việt Nam nơi nào cũng có trung tâm du lịch không lớn thì nhỏ, không cho người ngoại quốc thì cũng cho người trong nước giải trí khi có cơ hội thuận tiện. Đảo Phú Quốc, thành phố Đà Lạt, bãi biển Vũng Tàu, bãi biển Nha Trang, bãi biển Phan Thiết, trung tâm du lịch Mũi Né, Rạng là những nơi rất được khách du lịch chiếu cố. Trước năm 1975, thành phố Sài Gòn có rất nhiều khách ngoại quốc đến thăm viếng nhất là các phái đoàn ngoại giao và thương mại. Sài Gòn lúc đó được gọi là “Hòn ngọc Viễn Đông”.

Trên đây là nhìn tổng quát bên ngoài, tức như một bài văn mới chỉ có phần hình thức mà chưa đi sâu vào phần nội dung là phần quan trọng. Nếu nói yêu mến quê hương Việt Nam mà chỉ có yêu phong cảnh, yêu biển rộng, sông dài, thì chưa phải là yêu nước thực sự. Yêu quê hương đồng thời phải trân quý những giá trị tinh thần, những phong tục tập quán, những anh hùng dân tộc, những tác phẩm văn chương, thì đó mới là yêu tổ quốc toàn vẹn.

Sau đây xin giới thiệu tổng quát những nét đẹp tinh thần của Quê Hương Việt Nam.

Về phương diện giáo dục:

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa và Đệ Nhị Cộng Hòa cho đến năm 1975: đường hướng giáo dục của miền Nam Việt Nam là Nhân bản, Dân tộc, Khai phóng. Với ba định hướng đó nền giáo dục luôn đề cao nhân vị cá nhân, luôn hun đúc tinh tự dân tộc và làm cho dân chúng được mở mang về mọi phương diện. Để thực hiện và đạt được những mục đích đó, chính quyền khuyến khích mở mang và phát triển hệ thống giáo dục bằng cách mở nhiều trường Trung, Tiểu và Đại học. Không kể ở Miền Bắc, trước năm 1975 ở Miền Nam các trường Tiểu học mọc lên khắp nơi. Hầu như các thôn ấp, các làng xã nơi nào cũng có trường Tiểu học do chính phủ điều hành. Ngoài ra các xứ đạo công giáo lại có thêm một hoặc hai trường tiểu học. Có nhiều xứ đạo các vị lãnh đạo tinh thần lại cố gắng mở thêm trường Trung học Đệ nhất cấp và Đệ nhị cấp.

Về phần trường Trung Học thì hầu hết ở các quận đều có trung học Đệ nhất cấp. Riêng trường Trung Học Đệ nhị cấp thì ở tỉnh nào cũng có trường và số học sinh rất đông. Riêng về bậc Đại học thì chỉ ở Miền Nam đã có ba viện Đại Học do chính phủ điều hành, đó là Viện Đại Học Huế, Viện Đại Học Cần Thơ, Viện Đại Học Sài Gòn. Các Viện Đại học này có đầy đủ các phân khoa như Y, Dược, Nha, Sư phạm, Khoa học. Hàng năm các phân khoa có nhiều sinh viên tốt nghiệp và phục vụ trong bộ, nha, sở của chính phủ. Ngoài ra Viện Đại học Đà Lạt, Viện Đại học Minh Đức do giáo hội Công Giáo phụ trách. Ở Sài Gòn có viện Đại học Vạn Hạnh do giáo hội Phật giáo đảm trách. Ở Nha Trang có Hải Học Viện. Chính phủ cũng như các giáo hội cố gắng cấp học bổng hoặc tạo điều kiện dễ dàng để có sinh viên du học nước ngoài hầu thêm nhân tài phục vụ đất nước.

Về phương diện phong tục, tập quán:

Nói đến phong tục, tập quán của Việt Nam thì có rất nhiều, mỗi miền, mỗi vùng và có khi mỗi địa phương có những phong tục riêng biệt mà những vùng khác, kể cả nước cũng phải tôn

trọng, vì vậy có câu tục ngữ: “Phép vua thua lệ làng.” Trong bài ngắn gọn này chi liệt kê một vài phong tục phổ thông hay xứ dụng để đóng góp vào sự tìm hiểu phong tục quê hương hầu bảo tồn những gì quý giá.

Phong tục cưới hỏi:

*Đem thân xuống cõi phù sinh,
Đố ai giữ được chữ trinh ở đời
Có âm dương có vợ chồng,
Dẫu rằng trời đất cũng vòng phu thê.*

Sinh ra sống ở trên đời, ngọn lửa yêu đương được nhóm lên trong tâm khảm của con người từ lúc sơ sinh và chỉ tàn tắt khi nhắm mắt. Ngoại trừ một số người có ơn gọi riêng, sống đời tận hiến. Còn những người khác, dù nam hay nữ đều phải đi vào cuộc sống hôn nhân.

Trước khi đi vào cuộc sống gia đình, cặp trai gái cũng như gia đình hai họ phải trải qua những giai đoạn sau đây:

- Vấn danh: Có nhiều địa phương gọi là lễ cầu thân.
- Sơ vấn: Lễ dặm hỏi
- Đại đăng khoa: Lễ đám hỏi)
- Sí lời (tức là lễ hỏi thăm nhà gái đòi hỏi những lễ vật, tiền nong thế nào)
- Lễ nạp tài và thăm con dâu
- Lễ tiểu đăng khoa (tức lễ cưới)

Sau khi xong lễ đám hỏi, cô dâu tương lai sẽ đi biểu trâu cau, trà, bánh của nhà trai đưa đến hoặc nhà gái có thể sắm thêm cho họ hàng và bà con lối xóm. Ý của người xưa bày ra như vậy có ý cho người trong họ và láng giềng biết rằng con gái mình sắp có nơi trao thân gửi phận.

Sau khi xong lễ hỏi, cứ 2 tuần thì chàng rể đến nhà cha mẹ vợ thăm viếng một lần. Sự thăm viếng này để cho chàng và nàng quen nhau, vì hỏi xưa trai và gái ít được tự do gặp gỡ như bây giờ.

Phong tục ma chay:

Ở Việt Nam, nhất là ở vùng quê trước đây không có nhà quàn (funeral home), vì thế thường những người già yếu, bệnh tật phải chết tại tư

gia. Sau khi tắt thở vài ba ngày thì được chôn cất tại nghĩa trang của làng xóm. Khi thi thể còn ở tại nhà thì tùy theo từng tôn giáo, tang gia có thể mời tu sĩ của tôn giáo mình về nhà cử hành những nghi thức tôn giáo cho người quá cố. Trong lúc đó những người thân yêu ruột thịt phải thọ tang tùy theo thứ bậc và liên hệ trong gia đình. Tang phục này lâu hay mau cũng tùy thuộc liên hệ gia đình. Trước đây những người ruột thịt như vợ con thường để tang ba năm, nhưng bây giờ rút ngắn chỉ còn hai năm. Khi đưa chôn cất ở nghĩa trang, theo phong tục, người con trưởng phải đi lui phía trước quan tài. Việc này có ý nghĩa là đẩy lui người thân thương (cha hoặc mẹ) trở về nhà, không muốn xa lìa cha mẹ. Tính từ ngày chết đến ngày thứ 49 hoặc ngày thứ 100, tang gia của người quá cố thường tổ chức ngày kỷ niệm và mời những người quen thuộc, những người đã giúp đỡ tang gia trong lúc buồn rầu trước đây đến họp mặt trong một bữa tiệc để tỏ tình thân mật. Hằng năm vào những dịp như lễ Linh hồn (Công giáo) và lễ Vu lan (Phật giáo), con cái, người thân thường ra nghĩa trang lo dọn dẹp, tu sửa lại mồ mã cho khang trang, sạch sẽ. Tục lệ tang ma có những giai đoạn sau đây:

Giây phút cuối cùng của đời người.

- Lúc chết: phải đem đến chỗ chính tẩm.
- Phạn hàm và chiêu hồn: bỏ vàng bạc hoặc vật quý giá vào miệng người chết
- Khâm liệm và nhập quan
- Đặt linh sàng, linh tọa: một cái giường đặt bên phải linh cửu, linh tọa là một bàn nhỏ trên có đèn và hình người quá cố và hương nhang
- Lễ thành phục, còn gọi là lễ phát tang.
- Đồ tang phục.
- Chuyển linh cửu.
- Cất đám: Rước linh cửu đi an táng
- Nghi lễ đi đường.
- Hạ huyệt
- Cúng quy lãng: Theo phong tục Phật giáo
- Sự khóc lạy.

- Tế ngu: An tang xong về nhà lại cúng tế gọi là tế ngu.
- Cúng cơm ba ngày: Thường gọi là mở cửa má

Về Tôn Giáo:

Đa số người Việt Nam theo đạo ông bà, tổ tiên. Phật giáo và Công giáo mới du nhập vào Việt Nam sau này. Tuy mới du nhập nhưng hai tôn giáo này đã đóng góp rất nhiều cho quê hương, nhất là về phương diện giáo dục, y tế và xã hội. Như trên đã nói, trước năm 1975, các trường Công giáo và Phật giáo mọc lên khắp nơi, hầu như ở tỉnh nào cũng có một vài trường Trung học do Công giáo hoặc Phật giáo điều hành. Trong các nhà thương, viện dưỡng lão, cô nhi viện, thường do các nữ tu Công giáo phụ trách. Ngoài hai tôn giáo Công giáo và Phật giáo còn có Tin lành, Cao đài, Hòa hảo cũng góp phần rất nhiều trong nền văn hóa nước nhà. Một đóng góp lớn nhất của công giáo là cha Đắc Lộ đã dùng mẫu tự La tinh để sáng chế ra chữ Quốc ngữ mà hiện nay Việt Nam chúng ta đang sử dụng. Cách đây không lâu, phó giáo sư tiến sĩ Bùi Hiền, có đề xuất dùng tiếng Việt mới, công trình do ông ta nghiên cứu, soạn thảo trong 42 năm. Nếu đề xuất này được chấp nhận thì sẽ rất thiệt hại cho nền văn hóa của dân tộc, vì phải in lại sách giáo khoa, mọi người từ thứ dân đến kẻ trí thức đều phải bắt đầu học lại, các văn nhân, thi sĩ cũng phải học lại cách sáng tác, cách phát âm. Nói tổng quát tất cả đều phải làm lại từ đầu, xem như 4000 năm văn hiến đều tan thành mây khói.

Về các Anh hùng dân tộc:

Từ ngày lập quốc đến nay, tổ quốc Việt Nam đã có nhiều vị anh hùng can đảm trong việc đánh đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương lãnh thổ, chúng ta gọi họ là những anh hùng dân tộc. Ngoài ra còn có những anh hùng về tôn giáo, tuy họ không cầm gươm giáo đánh giặc, nhưng đã hy sinh tính mạng vì niềm tin và đã làm sáng danh giáo hội Việt Nam và giáo hội hoàn vũ.

Trong số những vị anh hùng dân tộc, trước hết phải kể đến:

Trung Trắc, Trưng Nhị: Vua Quang Vũ sai Tô Định sang làm thái thú quận Giao Chỉ. Tô Định là người tàn ác, người Giao Chỉ oán hận. Ông đã giết Thi Sách, chồng của Trưng Trắc. Bà Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị nổi lên đem quân về đánh Tô Định và Tô Định phải chạy trốn về quận Nam Hải. Hai bà tự xưng làm vua, đóng đô ở Mê Linh. Sau này vua Quang Vũ sai Mã Viện sang đánh. Mã Viện là một tướng mưu lược cao, trong lúc quân của Hai Bà Trưng ô hợp nên tan vỡ. Tuy thua trận nhưng danh tiếng của Hai Bà đã làm cho quân Tàu khiếp sợ đàn bà Việt Nam.



Trong đầu tháng 11 năm 2017, khi tổng thống Hoa Kỳ đọc diễn thuyết tại Việt Nam, ông có nhắc đến tên Hai Bà và khuyến khích dân Việt noi theo, nguyên văn như sau: *“Nước chủ nhà Việt Nam không chỉ có tinh thần đó trong 200 năm mà là trong gần 2000 năm. Vào khoảng năm 40 Hai Bà Trưng đã đánh thức tinh thần của người dân vùng đất này. Đó là lần đầu tiên người dân Việt Nam đứng lên đấu tranh cho sự độc lập và nền tự hào của các bạn”*





Lý Thường Kiệt: Tháng Chạp năm Bính Thìn, quân nhà Tống vào địa hạt nước ta, Lý triều sai Lý Thường Kiệt đem quân đi cự địch. Quân nhà Tống chết hơn 1000 người. Nhưng sau đó quân nhà Tống tiến quân ồ ạt làm quân sĩ ta tử vong khá nhiều. Lý Thường Kiệt hết sức chống đỡ, nhưng sợ quân ta mất tinh thần, nên ông đã làm 4 câu thơ để kích thích lòng chiến sĩ:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
 Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
 Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Trần Quang Khải khôi phục Thăng Long: Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản và Phạm Ngũ Lão, đem quân từ Thanh Hóa đi thuyền vòng đường bể ra đến bến Chương Dương sấn vào đánh chiến thuyền của quân Nguyên. Quan quân đánh nhau hăng say, quân Nguyên địch không nổi phải bỏ chạy. Quan quân lên bộ đuổi đánh về đến chân thành Thăng Long hạ trại. Thoát Hoan đem đại quân ra cự địch, bị phục binh của Trần Quang Khải đánh úp, quân Nguyên phải bỏ thành Thăng long chạy qua sông Hồng sang giữ mặt kinh bắc. Trần quang Khải đem quân vào thành mở tiệc khao quân. Đến khi uống rượu vui vẻ, Trần Quang Khải ngâm bài thơ:

Đoạt sáo Chương Dương độ,
 Cầm Hồ Hàm tử quan,
 Thái bình nghi nỗ lực
 Vạn cổ thử giang san.

Về các anh hùng tôn giáo:

Đạo công giáo tuy mới được rao truyền ở Việt Nam, số tín đồ không đông lắm, khoảng 8 phần trăm dân số nhưng cũng đã đóng góp nhiều cho quê hương xứ sở cũng như cho giáo hội. Ngoài những vị góp công cho tổ quốc như Ông Nguyễn Trường Tộ, Linh mục Đặng Đức Tuấn, còn rất nhiều vị anh hùng đã làm rạng danh giáo hội địa phương và giáo hội hoàn vũ. Ngày 19 tháng 6 năm 1988 tại giáo triều Roma, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã phong hiển thánh cho 117 vị tử đạo Việt Nam. Các ngài thuộc mọi thành phần, mọi lứa tuổi. Các ngài đã bị các vua triều Nguyễn giết chết bằng nhiều cách. Các ngài chết không phải vì ham danh vọng, quyền bính thế gian nhưng vì niềm tin, vì muốn danh Chúa được cả sáng. Đây là một niềm hãnh diện cho giáo hội và tổ quốc Việt Nam.

Về phương diện Văn Chương và đạo hiếu:

Nói đến Văn chương Việt Nam, chúng ta phân biệt hai loại: Văn chương Bình dân và văn chương Bác học.

Văn chương bình dân: Là những câu chuyện, là những câu tục ngữ, ca dao, câu đố được lưu truyền trong dân gian mà không rõ tác giả. Đa số văn chương bình dân đều mang mục đích là lưu truyền kinh nghiệm về mọi phương diện: canh nông, thời tiết. Văn chương bình dân cũng đề cập nhiều về tình yêu trai gái, sự chung thủy vợ chồng và nhiều khía cạnh khác. Khi nghiên cứu và phê bình nền văn học bình dân, nhiều tác giả đã cho rằng văn chương bình dân Việt Nam có giá trị như cuốn Kinh thi của Trung quốc. Xin trích một vài câu tiêu biểu:

Chàng đi cho thiếp theo cùng,
 Đói no thiếp chịu, lạnh lùng có nhau.

hoặc

Chàng ơi phụ thiếp làm chi,
 Thiếp là cơm nguội đợi khi đói lòng.

hay một bài thơ khác:

Chàng đi đâu để nhận buồn mừng,
 Đêm năm canh thiếp chịu lạnh lùng cả năm?

Đêm nay bỏ thoải tay ra,
 Giường không chiếu vắng xót xa trong lòng.
 Nửa đêm súc miệng ống đồng,
 Lạnh lùng đã thấu đến lòng chàng chưa?
 Đêm qua tắt gió liền mưa,
 Chàng cầm cành bạc, thiếp đưa lá vàng.
 Một ngày năm bảy tin sang,
 Thiếp những mong chàng, chàng những mong ai?
 Má hồng còn có khi phai,
 Răng đen khi nhạt, tóc dài khi thưa.
 Trông ra phở trách ông trời,
 Chỗ ăn thì có, chỗ ngồi thì không.
 Chém cha cái số long đong,
 Càng vương với chữ tình chung càng rầy

Văn chương bác học: Là những tác phẩm viết bằng chữ Nôm hoặc chữ Quốc ngữ, có tác giả rõ ràng. Trong văn chương bác học có nhiều khuynh hướng như hoài cổ, lãng mạn, ái quốc v.v. Nhưng vì quan niệm “văn dĩ tải đạo” nên rất nhiều tác giả dùng văn chương của họ để đề cao giá trị của đạo hiếu. Cụ Nguyễn Đình Chiểu viết Lục Vân Tiên, Lý Văn Phúc viết Nhị Thập Tứ Hiếu để đề cao chữ hiếu và làm gương cho con cái noi theo. Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du thường bị coi là cuốn tâm thư, nhưng qua nhân vật Vương Thúy Kiều, nàng đã để lại một tấm gương hiếu thảo cho hậu thế noi theo:

Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
 Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao.
 Duyên hội ngộ, dứt cù lao,
 Bên tình, bên hiếu bên nào nặng hơn.
 Để lời thệ hải minh sơn,
 Làm con trước phải đền ơn sinh thành.
 Quyết tình nàng mới hạ tình
 Rẽ ra cho thiếp bán mình chuộc cha

Về phương diện tình yêu:

Nếu ở Tây phương những mối tình thường chớm nở ở những buổi dạ vũ, những rạp chiếu bóng hoặc ngày nay trên các Web.. thì ở Việt Nam, nhất là ngày xưa và ở đồng quê thì những mối tình giữa trai gái thường phát xuất dưới ánh trăng thanh, bên bờ ruộng bốc mùi lúa mạ.

Những mối tình này rất trong sạch và chân thực. Chúng ta hãy nghe lời tỏ tình của chàng trai và nàng ở miền thôn quê:

Đêm qua ra đứng bờ ao,
 Trông cá cá lặn trông sao sao mờ.
 Buồn trông con nhện giăng tơ,
 Nhện ơi, nhện hỡi! nhện chờ mỗi ai ?
 Buồn trông chênh chéch sao mai,
 Sao ơi, sao hỡi! Nhớ ai sao mờ ?

Đêm đêm tưởng dạng Ngân Hà,
 Bóng sao tinh đầu đã ba năm tròn.

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
 Tào Khê nước chảy vẫn còn trở trở.

Trong vấn đề tình yêu không phải chỉ những “tu mi nam tử” ngô lời trước, nhưng “các nàng đào tơ, liễu yếu” nhiều khi cũng mạnh bạo ngô lời:

Hôm nay trời nắng chang chang,
 Ở đây xa nước, xa làng, xa dân
 Chàng cho em mượn cái nón làm ân,
 Nhà em xa lắm có gần đâu ai.
 Trời làm gió trúc mưa mai,
 Không mượn chàng nón, mượn ai bây giờ ?
 Nón này đâu phải tình cờ,
 Đã cất đến nón lại sờ đến quai.
 Nón này đã phải hơi ai,
 Mà vuốt chẳng sạch mà mài chẳng ra.
 Nón này của mẹ của cha,
 Hay là của khách đàng xa chàng cầm.
 Hay là của khách tri âm,
 Chàng cho em mượn em cầm che tạm nắng mưa.
 Mất một em sẽ đền ba,
 Nhược bằng mất cả đền ta cho mình.

Nét đẹp của người đàn bà Việt Nam:

Người đàn bà Việt Nam rất siêng năng, chăm chỉ, quán xuyến mọi công việc trong nhà, là người nội trợ gương mẫu, rất dễ chiều chồng, lại khéo nuôi con. Theo tục lệ Nho giáo: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử. Đạo tam tòng đó luôn được người đàn bà Việt Nam tuân giữ,

nhất là khi chưa tiếp xúc với nền văn hóa Tây phương. Người đàn bà Việt Nam trong thời phong kiến họ không được mang sách đến trường, vẫn có quan niệm trọng nam, khinh nữ. Mặc dầu chỉ sống trong khuôn khổ gia đình, nhưng họ luôn chu toàn bốn phận và đã đóng góp nhiều trong việc bảo vệ và giữ gìn hạnh phúc gia đình. Những người vợ nào lập gia đình khi chồng còn theo việc bút nghiên, thì nàng chính là người lo thúc giục chồng cố gắng đạt được bằng cấp, khoa bảng:

*Xin anh đi học cho ngoan,
Để em dệt cửi kiếm tiền dài.
Quan tiền dài em cất làm đôi,
Nửa thì giấy bút, nửa nuôi mẹ già.*

hoặc

*Xin chàng đọc sách ngâm thơ,
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khâu.*

hay

*Xin chàng kinh sử học hành,
Để em cày cấy cửi canh kịp người.*

Đó là hình ảnh người đàn bà lấy chồng khi chàng còn theo nghiệp sách đèn. Nhưng khi đã chung sống với nhau có con cái, người vợ, người mẹ vẫn phải lo cho chồng, cho con, nhiều lúc quên cả bản thân, miễn sao chồng con được no đủ và không xấu hổ với bạn bè. Chính vì lo lắng như thế, nên người đàn bà Việt Nam, suốt năm tháng, không quản nắng mưa, đông hàn hay hè nóng, người đàn bà Việt Nam, nhất là ở vùng thôn quê, vẫn buôn tảo, bán tần, lặn lội một sương, hai nắng để lo cho chồng con được no đủ. Ca dao Việt Nam có bài ca tụng hình ảnh người mẹ Việt Nam như sau:

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nào,
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Hình ảnh này không những chỉ hiện ra trong nền văn chương bình dân, nhưng sau này khi những tác giả trong nền văn chương bác học cũng

đã phác họa lại. Chúng ta hãy nghe một tác giả nổi tiếng về khuynh hướng trào phúng trình bày hình ảnh người đàn bà Việt Nam trong bài thơ của ông:

*Quanh năm buôn bán ở ven sông,
Nuôi đủ đàn con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông
Một duyên hai nợ thôi đành phận
Năm nắng mười mưa dám quản công
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc
Có chồng hờ hững cũng như không.*

Những hình ảnh người đàn bà Việt Nam hiện lên trong văn chương bình dân cũng như trong văn chương bác học không phải đã chấm dứt, nhưng còn đeo đẳng người đàn bà Việt Nam đến ngày hôm nay. Những ai đã sống ở quê nhà những tháng năm sau năm 1975 thì càng thấy hình ảnh này rõ ràng hơn. Biết bao nhiêu người vợ, người mẹ già, trẻ đã phải chạy ngược, chạy xuôi với những điều kiện, hoàn cảnh cực kỳ khó khăn để kiếm đồng tiền, bát gạo hầu thăm chồng, nuôi con và cả cha mẹ già yếu. Ngay cả khi sống tạm dung ở những đất nước tương đối đầy đủ về vật chất, người đàn bà Việt vẫn chịu khó làm phụ trội hoặc hai ba công việc để có thêm đồng tiền gửi về giúp đỡ những người thân ở quê nhà. Có lẽ chỉ những người đàn bà Việt Nam mới biết hy sinh, nhẫn nại như thế. Gương hy sinh này chúng ta cũng tìm thấy qua nhân vật Mai trong tác phẩm Nửa Chừng Xuân của Khải Hưng.

Trên đây là một vài nét tổng quát về bên ngoài cũng như bên trong của đất nước Việt Nam "Quê Hương tôi". Có nhiều điều có lẽ đã lỗi thời, không còn thích hợp với xã hội tiến bộ hôm nay. Tuy nhiên vẫn có những điều tốt đẹp và đáng trân quý. Là người Việt, chúng ta có bốn phận phải xem xét, đánh giá để phát huy và bảo toàn những gì là tinh hoa của nước nhà.

Việt Nam Quê Hương

Ngạo Nghễ

Đêm Văn Nghệ Mừng Xuân 2017 của CĐCGVN Metuchen, Hội Cao Niên người Việt Miền Đông Bắc New Jersey có tham gia tiết mục đồng ca với bài Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ của Nguyễn Đức Quang. Cử tọa đã đồng loạt đứng lên cùng vỗ tay sôi nổi chung tiếng hát với Hội Cao Niên...

Để có chút ý niệm về ý nghĩa và giá trị bài Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ, chúng tôi mạn phép trích đoạn bài viết của nhà văn Trần Trung Đạo sau đây.

Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ của Nguyễn Đức Quang không dừng lại ở nỗi đau của đất nước mà còn nói lên cả những bi thương, công phần, thách đố của tuổi trẻ Việt Nam trước những tàn phá của chiến tranh và tham vọng của con người. Trong vườn hoa âm nhạc Việt Nam, Việt Nam quê hương ngạo nghễ nổi bật lên như một biểu tượng cho khát vọng của một dân tộc đã vượt qua bao nhiêu gian nan khốn khó để tồn tại và vươn lên cùng các dân tộc khác trên mặt đất này.

*Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn
Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang vang
Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm
Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang xoang.*

Lời nhạc của **Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ** tương đối khó nhớ nhưng nhờ cách sử dụng ngôn ngữ trẻ trung, mạnh mẽ, tượng thanh, tượng hình như “tiếng cười ngạo nghễ”, “xích kêu loang xoang”, “trên bàn chông hát cười đùa vang vang” hay “Da chân mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân trời” đã làm cho **Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ** trở thành độc đáo, không giống như những bài ca yêu nước khác với những ý tưởng quen thuộc và lời ca phần lớn là lặp lại nhau. **Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ** đẹp tự nhiên như một đoá lan rừng, không mang màu sắc chính trị, không

nhằm cổ võ hay biện minh cho một chủ nghĩa nào, không cơ quan nhà nước nào chỉ đạo thanh niên sinh viên học sinh phải hát và bài hát cũng chẳng nhằm phục vụ lợi ích riêng của chính quyền, tôn giáo hay đảng phái chính trị nào.

Trước 1975, từ thành phố đến thôn quê, từ các trường trung học tỉnh lẻ đến đại học lớn như Huế, Sài Gòn, từ các phong trào Hướng Đạo, Du Ca đến các tổ chức trẻ của các tôn giáo như Thanh niên Công giáo, Gia đình Phật tử, từ các quân trường Đà Lạt, Thủ Đức, Quang Trung, Nha Trang đến các tổ chức, đoàn thể xã hội từ thiện đều hát **Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ**.

Sau 1975, bài hát theo chân hàng trăm ngàn sĩ quan và viên chức miền Nam đi vào tù. Nhiều hồi ký, bút ký kể lại **Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ** đã được hát lên, kín đáo hoặc cả công khai, ở nhiều trại tù khắp ba miền đất nước. Trong tận cùng của đói khát, khổ nhục, đốn đau, Việt Nam quê hương ngạo nghễ đã hoá thành những hạt cơm trắng, hạt nếp thơm nuôi sống tinh thần những người lính miền Nam sa cơ thất thế.

Những năm sau đó, bài hát, như tác giả của nó và hàng triệu người Việt khác lên đường ra biển tìm tự do. **Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ** lại được hát lên giữa Thái bình dương giống bão, hát lên ở các trại tị nạn Palawan, Paula Bidong...

Không một ông bộ trưởng Bộ Chiêu Hồi nào đặt hàng hay một ông tổng úy trưởng Dân Vận nào chỉ thị anh Nguyễn Đức Quang phải viết. Anh viết không phải để thi đua sáng tác hay mong mang về giải thưởng, huân chương. Trong tâm hồn của một nghệ sĩ chân chính, tình yêu nước bao giờ cũng là sự thôi thúc tự nguyện. Anh viết **Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ** để kết thúc tập trường ca của riêng anh nhưng cũng nối tiếp tập trường ca lớn hơn của đất nước.

Sau bao mươi năm, nhiều nhạc sĩ, ca sĩ đã trở về qua nhiều ngã, trong nhiều tư cách khác nhau, một số tình ca sáng tác trước 1975 đã được nghe lại trong nước, nhưng vừa rồi là lần đầu tiên một bài hát đã về lại quê hương qua ngã của trái tim, trở về trong vòng tay nồng ấm của tuổi trẻ Việt Nam.

*Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người
Nụ cười muôn đời là một nụ cười không tươi
Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sôi
Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân gian.*



Trong số một trăm em đang hát trong nước hôm nay có thể hơn chín mươi em chưa hề nghe đến tên Nguyễn Đức Quang lần nào, và nếu có nghe, có đọc qua bộ máy tuyên truyền của Đảng, cũng chỉ là một “nhạc sĩ ngục đã theo chân đế quốc”. Biết hay không biết, nghe hay không nghe không phải là điều quan trọng. Điều quan trọng là bài hát đã đáp ứng được ước vọng về tương lai và tình yêu tổ quốc của tuổi trẻ. Tổ quốc, vâng, không có gì lớn hơn Tổ quốc.

Văn hoá không phải chỉ là đời sống của một dân tộc mà còn là những gì giữ lại được sau những tàn phá, lãng quên. Việt Nam quê hương ngạo nghễ sau 30 tháng Tư 1975 hẳn đã nằm trong danh sách các tác phẩm “văn hoá đồi trụy” mà Đảng tìm mọi cách để xóa bỏ, tận diệt.

Thế nhưng, như giọt nước rí ra từ kẽ đá và như bông hoa mọc giữa rừng gai, bài hát đã sống sót, đã ra đi và đã trở về. Để tồn tại, một bài thơ, một bản nhạc cũng phải trải qua những gạn lọc, những cuộc bỏ phiếu công bằng không chỉ của người nghe, người đọc dưới một chế độ chính trị nào đó mà còn của cả lịch sử lâu dài. Bài hát phát xuất từ tình yêu nước trong sáng như *Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ* sẽ ở lại rất lâu trong lòng

tuổi trẻ Việt Nam hôm nay và nhiều thế hệ mai sau.

*Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại
Xương da thịt này cha ông miệt mài
Từng giờ qua cười ngạo nghễ
đi trong đau nhức không nguôi.
Chúng ta thành một đoàn người hiền ngang
Trên bàn chông hát cười đùa vang vang
Còn Việt Nam triệu con tim
này còn triệu khối kiêu hùng.*

Nhớ tháng Giêng năm 1974, bài hát Việt Nam quê hương ngạo nghễ đã được hát vang trên đường phố Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, Cần Thơ sau khi Hoàng Sa rơi vào tay Trung Quốc. Những bản tin đánh đi từ Đà Nẵng, danh sách những người hy sinh được đọc trên các đài phát thanh làm rơi nước mắt.

Và hôm nay, trong cái lạnh mùa đông trên xứ người, những lời nhạc *Việt Nam quê hương ngạo nghễ* phát ra như xoáy vào tim.

Việt Nam, sau ba mươi ba năm “độc lập, tự do” vẫn chưa thoát ra khỏi số phận nhục tiếu bị xâm lược, vẫn chưa tháo được cái vòng kim cô Trung Quốc trên đầu. Việt Nam có một lãnh hải dài trên ba ngàn cây số nhưng thực tế không còn có biển. Cả hành lang Đông hải rộng bao la từ Hải Nam đến Hoàng Sa và xuống tận Trường Sa đã bị Trung Quốc chiếm. Phía sau tấm bảng in đậm “mười sáu chữ vàng” hữu nghị thắm thiết giữa hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc là thân xác của ngư dân Việt Nam trôi bèo bọt dọc các hải đảo của tổ tiên mình.

*Ta như giống dân đi tràn trên lò lửa hồng
Mặt lạnh như đồng cùng nhìn về một xa xăm
Da chân mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân trời
Ôm vết thương rí máu ta cười dưới ánh mặt trời.*

Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ như giọt nước mắt bi tráng của tuổi trẻ Việt Nam ngày nào nhỏ xuống trên quê hương chiến tranh khốn khổ, đã bốc thành hơi, tụ thành mây và sau bao năm vùn vủ khắp góc bể chân trời đã trở về quê hương qua ánh mắt của em, qua nụ cười của chị, qua tiếng hát của anh, hồn nhiên và trong sáng.

Từ “vết thương rỉ máu” của một dân tộc đã từng bị nhiều đế quốc thay phiên bóc lột, lợi dụng và hôm nay còn đang chịu đựng trong áp bức của độc tài đảng trị, Việt Nam quê hương ngạo nghễ cất lên như một lời khuyên, hãy sống và hãy vững tin vào lịch sử, sẽ có một ngày, sẽ có một ngày...

*Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người
Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân Nam
Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian
Hỡi những ai gục xuống ngòi dẫy hùng cường đi lên.*

Trần Trung Đạo

Cùng với suy tư của nhà văn Trần Trung Đạo về Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ của cố nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, không thể bỏ qua bài *Có Phải Tôi Là Người Quê Hương Ruồng Bỏ Giống Nòi Khinh* của nhạc sĩ Phạm Duy.

Qua khúc ca này, vị nhạc sĩ muốn diễn tả tâm lòng người xa xứ, những kẻ đã phải bỏ nước ra đi “vì những quyền làm dân đã chết trong tay quân gian tham độc đoán” chứ đâu phải vì là “người quê hương ruồng bỏ”, là “người giống nòi khinh”, là “người giống nòi xưa”. Kẻ xa quê vẫn một lòng “thương cho quê hương, thương cho nòi giống đang sẽ chết dần với đời cùm gông.”

Có Phải Tôi Là Người Quê Hương Ruồng Bỏ Giống Nòi Khinh

Sáng tác: Phạm Duy

*Có phải tôi là người quê hương ruồng bỏ?
Có phải tôi là người giống nòi khinh?
Có phải tôi là người quê hương nguyện rửa?
Có phải tôi là người giống nòi xưa?*

*Quê hương tôi ơi! Tôi sinh ra ở đây
Tôi lớn lên cùng với phận cỏ cây
Vững chắc như tre, đằm mê như ngọn lúa,
Tôi bám rễ vào nước mặn đồng chua.
Tôi yêu câu thơ hay câu ru triu mến
Đã nối tôi liền với giọng tổ tiên.
Dĩ vãng vinh quang nên tôi vui cuộc sống,
Tuy biết đau lòng vì phận nước long đong.*

*Anh ơi! Em ơi! Ta chung nhau dòng máu,
Chung sắc da vàng, góp tình Việt Nam.
Tóc mới xanh tơ, ta nâng niu tình nước
Nay trắng mái đầu vẫn trọn tình xưa
Trong ba mươi năm, ta chia nhau nhiều lắm!
Chia sót vui buồn với cả nhục vinh
Có lúc ca vang, đôi khi ôm mặt khóc
Cho nước non mình nhiều lúc điêu linh.*

*Tôi xa quê hương như con sâu kẹt lối
Non nước tuyệt vời đã đổi màu da
Dĩ vãng chôn xa, theo tương lai mù tối
Hạnh phúc không còn, dấu chỉ nhỏ nhoi
Tôi xa quê hương khi dân no và ấm
Nay đã âm thầm, máu trộn mồ hôi
Nước mắt quê hương tuôn ra như dòng suối
Nhưng khắp giống nòi chỉ cần cõi thêm thôi!*

*Tôi xa quê hương! Vâng, tôi xa nòi giống
Tôi bước đi, vì những quyền làm dân
Đã chết trong tay quân gian tham độc đoán.
Thương xót sông ngòi, núi biển, ruộng nương,
Thương cho quê hương, tôi thương cho nòi giống
Đang sẽ chết dần với đời cùm gông.
Chót vẳng xa quê, tôi xin anh em tạ lỗi
Tôi hứa sẽ về giải phóng quê tôi.*

ĐK:

*Mai này tôi về cùng quê hương rạng rỡ
Mai này tôi về cùng với Tự Do
Mai này tôi về cùng quê hương đổi mới
Mai này tôi về cùng giống nòi tôi.
Cùng với Việt Nam ngàn đời yêu quý.*

Vinh Danh...

Phan Văn An

VIỆT Vinh danh tổ quốc Việt Nam,
Im lìm chịu đựng gian nan trăm chiều.
Êm vui chẳng được bao nhiêu,
Tang tóc, đau khổ triền miên tháng ngày.

NAM Năm tháng chịu cảnh đắng cay,
Anh hùng lỡ vận đọa đày tẩm thân.
Mong cho đất nước muôn phần

QUÊ Qua cơn bí cực muôn dân an bình.
Ung dung gắn bó tâm tình,
Êm đềm cùng hưởng quang vinh mỗi ngày.

HƯƠNG Hạnh phúc, no ấm tràn đầy,
Ươn hèn, nhát đảm quấy rầy quê hương.
Ớn trên tuôn đổ tình thương,
Người người vui sống khôn lường biết bao.
Gió mát cuộn ánh trăng sao,

TÔI Từng giây, từng phút cùng nhau vui vầy.
Ôi thôi từ biệt khổ đau,
Im tiếng than thở cùng nhau an lành

QUÊ HƯƠNG-Bài Học Đầu Tiên Cho Con

Đỗ Trung Quân (sinh 19 tháng 1 năm 1955) là một nhà thơ Việt Nam. Nhiều bài thơ của ông được phổ nhạc và được nhiều người yêu thích như *Quê hương*, *Phượng hồng*... Bài thơ dưới đây của ông chỉ đề cập tới một *Quê hương Việt Nam* nhắm vào tuổi học trò với những "chùm khế ngọt", "những đường đi học", "những bướm vàng bay rợp", "những con diều biếc" quen thuộc đến khuôn sáo... chung chung của tuổi thơ. Thiết tưởng có thể giúp phần nào cho tuổi trẻ Việt Nam hướng về quê hương mình khi đọc bản tiếng Anh.

QUÊ HƯƠNG

Bài Học Đầu Tiên Cho Con

Quê Hương là gì hở Mẹ
Mà cô giáo dạy con phải yêu?
Quê hương là gì hở Mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều?

Quê Hương là chùm khế ngọt
Cho con trẻ hái mỗi ngày.
Quê Hương là đường đi học,
Con về rợp bướm vàng bay.

Quê Hương là con diều biếc,
Tuổi thơ con thả trên đồng.
Quê Hương là con đò nhỏ,
Êm đềm khua nước ven sông.

Quê Hương là vòng tay ấm,
Con nằm ngủ giữa mưa đêm.
Quê hương là đêm trăng tỏ,
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm.

Quê Hương là vòng hoa bí,
Là hồng tím đậu mồng tơi,
Lá đỏ đôi bờ dâm bụt,
Màu hoa sen trắng tinh khôi.

Quê Hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một Mẹ thôi.
Quê Hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người!

HOMELAND

Your First Lesson

What's Homeland, Mommy,
That teacher asks me to love?
That everybody has to keep in his/her mind
Everywhere he/she has to go?

Homeland is sweet carambola bunch
Every day pick up children.
Homeland is the path to school
You walk watching yellow butterflies.

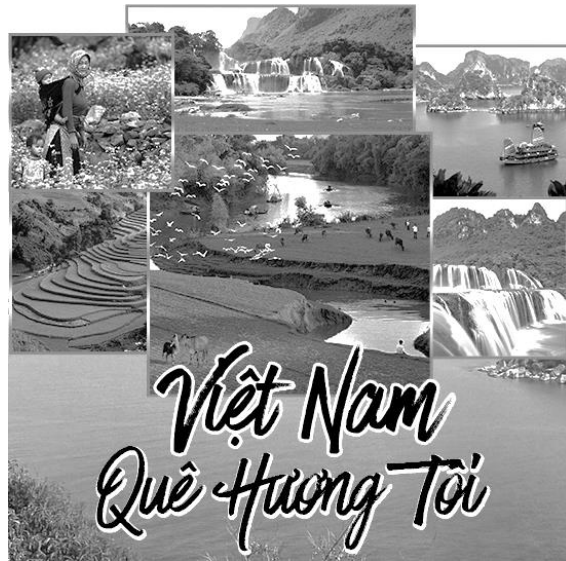
Homeland is blue kites
You fly in the countryside.
Homeland is the small boat
Making gentle noise along rivers.

Homeland is warm arms
Holding you asleep in rainy nights.
Homeland is moonlight nights
Areca flowers falling in corridors.

Homeland is pumpkin blossom
And the purple Malabar night-shade,
And red hibiscus leaves at hedges,
And beautiful white lotus bloom.

Homeland belongs to everyone
As unique Mother to her Kids.
Homeland is that whoever doesn't keep
In his mind, would feel hard to grow up!

Chuyển ngữ tiếng Anh (không rõ tên)



Từ bài thơ của Đỗ Trung Quân trên đây,
Chương Đài gửi tặng độc giả hai bài thơ họa dưới đây.

Quê Hương!

*"Quê hương là gì hờ mẹ
Mà sao cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hờ mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều"*

Quê hương là những cánh diều
Tung bay trong gió những chiều hè sang
Quê hương đồng lúa rục vàng
Hạt bông nặng trĩu mùa màng bội thu
Quê hương là tiếng mẹ ru
Ầu ơ kéo kẹt vi vu trưa hè
Quê hương là những lũy tre
Là thơ lục bát câu về dân gian
Quê hương điệu lý nồng nàn
Là tà áo trắng dịu dàng nên thơ
Quê hương ngày ấy mộng mơ
Thời gian một thoáng tuổi thơ qua rồi
Quê Hương kỷ niệm trong tôi
Quê hương in dấu một đời nhớ thương!

Chương Đài 11/28/17

Quê Hương Xưa Và Nay!

*"Quê hương là gì hờ mẹ
Mà sao cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hờ mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều"*

Quê hương xưa những cánh diều
Tung bay trong gió những chiều hè sang
Quê hương xưa lúa rục vàng
Hạt bông nặng trĩu mùa màng bội thu
Quê hương xưa tiếng mẹ ru
Ầu ơ kéo kẹt vi vu trưa hè
Quê hương xưa những lũy tre
Là thơ lục bát là về dân gian
Quê hương nay cảnh gian nan
Ung thư bệnh tật nghèo nàn hơn xưa
Quê hương **ngập lụt** ngày mưa
Tây Nguyên **bô xít** lại vừa **vỡ đê**
Quê hương **cá chết** biển quê
Miền Nam **nước mặn** tràn về ruộng sông
Quê hương nay những cánh đồng
Lúa thành cỏ lác, nghề nông nghèo nàn
Bao giờ hết cảnh lâm than!
Bao giờ trở lại thiên đàng tuổi thơ!

Chương Đài 11/28/17

Tuổi trẻ hải ngoại lớn lên từ hơn 40 năm Tâm trí không rời xa tổ quốc

**Mặc Lâm, biên tập viên RFA
2015-03-28**

Một cái nhìn của một tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại về giới trẻ người Việt ở hải ngoại qua cuộc phỏng vấn của nhà báo Mặc Lâm, Biên tập viên đài Á châu Tự do (RFA) với nữ luật sư Quỳnh Vi cách đây 3 năm (28/3/2015), xin được ghi lại đây một số đoạn đáng chú ý của bài phỏng vấn.

[Hơn] 40 năm qua biết bao đổi thay đối với cộng đồng Việt Nam hải ngoại, trong đó sự trưởng thành của người trẻ được xem là niềm tự hào và kỳ vọng họ sẽ biến mảnh đất xa tổ quốc nơi tạm dung thành nơi thực hiện dân chủ một cách thực tế cũng như cho người bản xứ thấy rằng tuy xa quê nhưng trong tâm trí không bao giờ rời xa tổ quốc.

Luật Sư Quỳnh Vi là một trong rất nhiều khuôn mặt trẻ thành công và không quên nhận thức rằng mình là một phần máu thịt của quê hương, tổ quốc qua từng việc làm cụ thể tại Mỹ, nơi cô sống trong 25 năm qua.

Nói chuyện với Mặc Lâm, LS Quỳnh Vi chia sẻ:

LS Quỳnh Vi: Quỳnh Vi sinh năm 1978 và năm 12 tuổi thì định cư tại Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ ODP sau khi ông ngoại Vi vượt biên và bảo lãnh cha mẹ và gia đình sang Mỹ sau đó. Quỳnh Vi học và lớn lên, trưởng thành hoàn toàn tại California vùng San Jose và hiện tại đang hành nghề luật sư về dân sự và luật gia đình ở thành phố San Jose

[...]

Mặc Lâm: *Vâng, Vi là người tương đối trẻ, sống trong cộng đồng Việt Nam theo Vi thì người Việt có trở về đất nước quê hương không? Có khi nào Vi nghe được những tâm sự của họ nhớ nhà, hay có những khó*

khăn khi ở quá xa gia đình đối với người còn gia đình trong nước, Vi nhận xét ra sao?

LS Quỳnh Vi: Nếu mà nói về cộng đồng của mình ở hải ngoại thì có thể nhìn thấy các bậc chú bác hay ba mẹ, ông bà của Vi chẳng hạn, những người đã sống trong cuộc chiến Việt Nam trải qua những việc như đi vượt biên, cải tạo, cuộc sống khá là khó khăn ở Việt Nam trước đây.

Thế hệ trước và thế hệ của Vi và thế hệ em của Vi, Vi có những đứa em sinh ở Mỹ, có ba thế hệ khác nhau nói chung ở hải ngoại. Trăn trở của người trẻ nó có khác với người lớn. Vi có một chút may mắn là biết được Việt Nam như thế nào, ở đâu. Có gắn bó với Việt Nam vì Vi lớn lên ở Việt Nam khoảng 10, 11 năm còn những đứa em của Vi hoàn toàn không biết Việt Nam là gì cả.

Người lớn thì họ có nỗi buồn, tâm sự về hậu quả cuộc chiến mang lại cho họ thành ra có khó khăn cho thế hệ này khi ngồi lại nói chuyện, làm việc, ngay cả cách cư xử với nhau trong cuộc sống. Vi nghĩ nói chung thì Vi cảm thấy cộng đồng vẫn cố gắng giữ gìn bản sắc, văn hóa của người Việt Nam. Ngay cả những người sinh bên này thì họ vẫn tôn trọng cái phần Việt Nam của họ, ít thấy người nào hoàn toàn nghĩ mình không phải là người Việt Nam.

Mặc Lâm: *Đối với giới trẻ và những người sinh trưởng hoàn toàn tại Mỹ có bao giờ Vi nói chuyện với họ và nhắc nhở họ vẫn còn một quê hương thứ hai tại Việt Nam hay không? Và trong khi được nghe như vậy thì phản ứng của họ như thế nào?*

LS Quỳnh Vi: Điều này Vi xin chia sẻ hơi cá nhân một chút, chuyện gia đình của Vi đi nhé. Vi có những đứa em sinh ở bên Mỹ, gia đình Vi rất cố giữ gìn tiếng Việt. Trong gia đình vẫn phải nói tiếng Việt với nhau. Những em của Vi sinh ra và lớn lên tại đây dĩ nhiên không thể nói tiếng Việt như Vi. Hồi nhỏ em của Vi được dạy là nói tiếng Việt không được nói tiếng Mỹ thì tụi nó rất tội nghiệp. Nhiều khi nó nói “*Chị! em muốn nói tiếng Việt nhưng em không biết Việt Nam ở đâu!*”

Nghe những đứa em nói những câu như vậy ở lứa tuổi 5, 6 tuổi thì mình cảm thấy là phải

thông cảm với thế hệ trẻ vì họ không biết, không hề biết mảnh đất đó ở đâu. Không biết, không có bất cứ suy nghĩ gì về nơi đó hết thì rất là khó có sự liên hệ. Những đứa em đó khi lớn lên nó tự tìm hiểu và học về chiến tranh Việt Nam, học về những việc liên quan đến Việt Nam. Lúc đó nó tự động tìm đến Vi và hỏi thêm chẳng hạn như khi Vi về Việt Nam thì thấy như thế nào? Tất cả các em mà Vi biết đều mong muốn đến xứ sở đó một lần để biết ông bà cha mẹ mình từ đâu mà đến.

[...]

Một người sinh ra và lớn lên hoàn toàn được đào tạo do người Mỹ thì Vi nghĩ đó là tâm tư của rất nhiều người trẻ rất muốn tìm về. Cũng rất nhiều người muốn làm việc cho Việt Nam chẳng hạn làm từ thiện hay sinh sống hoặc giúp đỡ điều gì đó cho Việt Nam. Đó là những mối liên hệ mà Vi thấy rất nhiều người trẻ đã có.

Mặc Lâm: *Vâng đó là người trẻ còn thế hệ như cha mẹ, ông bà của Vi, ngoại trừ người trong nhà, những người khác Vi được dịp tiếp xúc bên ngoài Vi thấy họ còn giữ cảm giác bị cô độc, bị mất mát khi chạy ra nước ngoài để sống hay không hay bây giờ thời gian đã hàn gắn những vết thương của họ rồi?*

LS Quỳnh Vi: Vi nghĩ nó tùy theo từng người, không thể nào nói hết được đa số thế này hay thế kia. Vi có thể nói khi ra sinh hoạt chung với các chú các bác trong cộng đồng thì ngay bản thân Vi tại mình lớn lên bên này không có trải nghiệm cá nhân về những mất mát những đau thương mà thế hệ trước họ trải qua, đó là những điều mình không hiểu được. Nhưng càng lớn càng tiếp xúc nhiều với các bác thì Vi cảm thấy hiểu được lý do. Có những người họ vẫn giữ quan niệm giá trị của họ như là không thỏa hiệp với chính phủ hiện nay thì Vi hiểu được vì các mất mát không thể nào đủ đền bù hay thời gian làm cho nguôi ngoai.

Nhưng cũng có những người rất tích cực, họ sẵn sàng có những liên hệ để giúp đỡ các bạn trẻ tại Việt Nam, những bạn có hoạt động làm cho nước Việt Nam mình tiến bộ hơn chẳng hạn. Những bạn trẻ có ý định thay đổi Việt Nam theo hướng tích cực có nghĩa là thay đổi Việt Nam tốt

đẹp hơn, người dân với các quyền lợi chính đáng được quan tâm đến, hoặc là phải thay đổi những bất hợp lý trong xã hội Việt Nam.

Vi thấy những chú bác họ thật lòng ủng hộ những người trẻ đó và Vi không thấy sự oán hận hay là thù hằn trong các chú bác mà Vi được gặp khi làm việc trong cộng đồng. Dĩ nhiên ở bất kỳ chỗ nào cũng có người cực đoan, có người quá khích nhưng theo kinh nghiệm của Vi làm việc với các chú các bác thì đa số đều có kiến thức [...], đa số họ có tấm lòng hết sức cởi mở, chịu khó lắng nghe những người trẻ như Vi hay nhỏ hơn Vi, hay những người trẻ trong nước họ đều có một thái độ như vậy.

[...]

Mặc Lâm: *Nếu được góp ý với những người làm chính trị tại Việt Nam việc đầu tiên khi có cơ hội thành lập những đảng phái thì tiêu chuẩn của đảng phái chính trị Việt Nam theo Vi phải có điều kiện gì nó mới thể hiện tự do dân chủ một cách thực sự?*

LS Quỳnh Vi: Vi xin mượn cái ý của một người bạn của Vi ở Việt Nam nói về giải pháp chính trị mà những việc thay đổi xã hội. Vi đồng ý là bất kỳ ai, bất kỳ tổ chức hay đảng phái nào muốn đấu tranh thay đổi chính trị tại Việt Nam thì nên suy nghĩ đến vấn đề người dân. Thực sự nghĩ đến cái cần thiết của họ là gì. Mối quan tâm trong xã hội, gia đình, những vấn đề thiết thực của đời sống. Bởi vì đó là những điều mà Vi cảm thấy đáng cảm quyền hiện tại ở Việt Nam họ không có. Họ hoàn toàn không quan tâm đến đời sống của người dân thực sự.

[...] [Ai] biết nghĩ đến mức độ thuận lợi và an sinh xã hội cho người dân cao nhất thì chắc chắn sẽ được sự ủng hộ của người dân.

Mặc Lâm: *Xin cảm ơn LS Quỳnh Vi*



Sinh Hoạt Cộng Đoàn

Phóng sự lễ nhậm chức chánh xứ

*Vietnamese-born priest welcomed as new shepherd at liturgy.
Phụng vụ chào mừng một linh mục gốc Việt nhậm chức tân mục tử.*

By Christina Lestle, correspondent

Tờ *Catholic Spirit* số 23, tiếng nói chính thức của Giáo phận Metuchen, New Jersey, số phát hành ngày 14 Tháng 12, 2017 có đăng tải một bài phóng sự của Thông tín viên Christina Lestle, chúng tôi sao chép nguyên văn dưới đây, kèm theo phần chuyển ngữ thoáng ý sang tiếng Việt để độc giả tiện tham khảo. **Dạ Quang Bích** phiên dịch với sự góp ý của **Dạ Lữ Hành**.



SOUTH PLAINFIELD – The smile on Father Peter Hung Tran’s face stretched from ear to ear as he stood before his congregation, welcoming them to his installation as the fifth pastor of Czestochowa Parish, Oct. 29. “I love you all so much” the overjoyed priest told hundreds of people sitting shoulder to shoulder in the pews and standing two-deep along the side walls of the church.

The radiant smile never left the face of the Vietnamese-born priest at Mass celebrated by Bishop F. Checchio and concelebrated by brother priests from around the world. Filling the sanctuary, the clergy was framed by two depictions of Mother Mary: on the wall to the right was Our Lady of Czestochowa, the parish’s patron saint, while on the left hung the beloved symbol of Vietnamese Catholicism, Our Lady of La Vang.

SOUTH PLAINFIELD - Nụ cười trên gương mặt căng thẳng của Cha Phêrô Trần Hùng khi ngài đứng trước Công đoàn mình, chào mừng mọi người để bước vào lễ nhậm chức chánh xứ thứ năm Giáo xứ Czestochowa vào ngày 29/10. “Tôi yêu quý tất cả thật nhiều” vị linh mục rất đổi sung sướng nói như thế với hàng trăm người đang ngồi vai sát vai trong các dãy ghế dài nhà thờ cũng như đứng dọc hai bên sát vách tường cuối nhà thờ.

Nụ cười rạng rỡ không hề rời khỏi gương mặt của vị linh mục gốc Việt suốt buổi Thánh Lễ do Đức Giám mục F. Checchio chủ tế với đồng đạo các đến từ khắp thế giới cùng đồng tế. Hàng giáo sĩ ngồi tràn trên cung thánh, đằng sau các ngài là hai hình ảnh Đức Mẹ Maria: Tường bên phải cung thánh có tượng Đức Bà Czestochowa, quan thầy của Giáo xứ, còn bên trái là tượng Đức Mẹ La Vang, biểu tượng kính yêu của Công giáo Việt Nam.

“The first task of a priest is to be a believer, and to become one ever new and evermore,” said Bishop Checchio in his homely, quoting a speech by Pope Benedict XVI. “The most lofty and important thing a priest can do for his people is to first to be what he is: a believer. The priest believes as he baptizes a baby, witnesses a marriage of a couple, bestow the oil of sick on an ailing parishioner, and buries the faithful.”

“The gift of the priesthood is to give everyone in the human family someone to believe with,” Bishop Checchio continue, “even when it seems like the whole world is against you and no one believes.” But, he cautioned, “Don’t mistakenly believe in him, though. It is Jesus who is our savior. Believe in him.”

Turning towards the priest who was about to be installed a pastor, Bishop Checchio told Father Tran, “May your actions always show that you believe, and what you believe, to this parish community entrusted you, so together you can do something beautiful for God here.”

During the Rite of Installation, Bishop Checchio introduced the parish staff, clergy, parish council and trustees to their new pastor. Each group rose as one to signal their assent to Father Tran’s leadership; he, in turn, pledged his support acceptance of their counsel by reciting the canonical Oath of Fidelity.

At the conclusion of the liturgy, Father Tran evoked both laughter and tears during his endearing address to the congregation. The priest admitted to nervousness and say, “I prepared a long time and had good remarks for this, but now I forget!”

Father Tran thanked Bishop Checchio and

“Nhiệm vụ đầu tiên của một linh mục phải là một người có đức tin, ngài phải làm mới đức tin của mình và cứ càng phải mới hơn mãi mãi,” Đức Giám mục Checchio trong bài giảng đã trích dẫn lời của ĐGH Bênêđictô XVI như thế. “Điều cao quý và quan trọng nhất mà một linh mục có thể làm cho giáo dân của ngài biết rõ ngài là ai: người có lòng tin. Vị linh mục phải tỏ rõ đức tin của mình khi ngài ban phép Rửa tội cho một em bé, khi ngài chứng Bí tích Hôn phối cho đôi vợ chồng, khi ngài xức dầu thánh cho một giáo dân yếu bệnh, khi ngài cử hành lễ an táng cho giáo dân.”

“Hồng ân của chức linh mục làm cho mỗi người trong gia đình nhân loại cùng tin với.” Đức Giám mục Checchio nói tiếp, “cả khi xem ra thế gian đối nghịch với vị linh mục và không ai còn có lòng tin.” Nhưng, vị Giám mục lưu ý, “Dầu vậy, đừng tin vào vị linh mục một cách lệch lạc. Chính Chúa Giêsu mới là Đấng Cứu Rỗi chúng ta. Hãy tin vào Người.”

Hướng nhìn về vị linh mục sắp nhậm chức chánh xứ, Đức Giám mục Checchio nói với Cha Trần, “Các hoạt động của Cha luôn luôn phải tỏ rõ rằng Cha tin, và tin vào điều gì, đối với cộng đồng giáo xứ được giao phó cho Cha, để làm sao Cha-con có thể làm điều gì tốt đẹp cho Thiên Chúa ở đây.”

Trong Lễ Nhậm chức của tân Chánh xứ, ĐGM Checchio giới thiệu cho Cha xứ toàn thể Hội đồng mục vụ Giáo xứ cùng thành viên các ban chuyên môn. Mỗi nhóm kết nối với nhau dưới sự lãnh đạo của Cha Trần. Phần Cha Trần cũng chính thức đọc lên Lời Tuyên Thệ theo Giáo luật sẵn sàng đón nhận và hỗ trợ sự tham vấn của Hội đồng.

Vào cuối lễ Nhậm chức, Cha Trần bật tiếng cười trong nước mắt khi ngài ngó lời với cử tọa. Vị linh mục nhìn nhận mình có chút bối rối vì xúc động. Ngài nói, “Từ lâu tôi đã chuẩn bị sẵn mọi thứ cho biến cố này và cũng đã có những cảm nghĩ đẹp để bày tỏ, nhưng giờ thì quên hết rồi.”

Cha Hùng cảm ơn Đức Cha Checchio và cả

Bishop Emeritus Paul G. Bootkoski for guidance, noted the many priests of Vietnamese in attendance, and presented his parents with a bouquet of flowers in gratitude for their support.

“When I became administrator here two years ago, the culture was different,” the priest admitted, “but we all worship one God.”

Father Peter Hung Tran was born in Vietnam to Khanh Tran and Binh Nguyen. Upon completion of elementary and high school in Tan Hiep, Vietnam, he traveled to United States, earning a degree in religious studies and philosophy at Seton Hall University, South Orange.

Father Tran entered Immaculate Conception Seminary at Seton Hall in 1999 and earned a Master of Divinity Degree; he was ordained that spring in Sacred Heart Cathedral, Newark, for that archdiocese. He served as parochial vicar at St. Therese Parish, Kenilworth, and St. John Parish, Jersey City, before being appointed parochial vicar at Saint James Parish, Woodbridge, in 2008, where he was also charged with the positions chaplain and coordinator to the diocesan Vietnamese Apostolate.

Describing the feeling of joy in serving as a priest in America, Father Tran declared, “I enjoy the special opportunity to serve God’s people in both English and Vietnamese, [and] I find it rewarding to offer Mass and administer the sacraments in both languages. I am fortunate and thankful to practice my vocation in a free country, and be able to openly encourage vocations to the priesthood and religious life.” He continued, “I especially enjoy visiting the homebound and hospitalized, as well as working with our youth.”

Father Tran lists his greatest challenges as “developing a cohesive parish family, combining both communities and cultures, and motivating older teens, young adults and young families to

Đức Giám mục hưu dưỡng Paul G. Bootkoski về sự dẫn dắt của các ngài, cảm ơn các linh mục người Việt hiện diện, đồng trình diện trước ông bà Cố, dâng cho thân mẫu mình những đóa hoa tươi bày tỏ lòng tri ân vì sự nâng đỡ của mẹ.

“Khi tôi trở thành Quản xứ ở đây cách đây hai năm, tôi đã cảm nghiệm một sự khác biệt về văn hóa, nhưng hết thấy mọi người ở đây đều cùng thờ phượng Chúa”, vị linh mục nhìn nhận.

Cha Phêrô Trần vốn sinh trưởng tại Việt Nam, con của ông Khanh Trần và bà Bình Nguyễn. Sau khi hoàn tất chương trình học Tiểu học và Trung học tại Tân Hiệp, Việt Nam, Cha đã đi định cư tại Hoa Kỳ, tốt nghiệp Cử nhân Triết học và các môn học về tôn giáo tại Đại học Seton Hall, ở South Orange.

Năm 1999 Cha Trần được nhận vào Đại Chủng Viện Vô Nhiễm Nguyên Tội ở Seton Hall và tốt nghiệp Cao Học (Thạc sĩ) Thần học, ngài thụ phong linh mục tại Nhà thờ Chính tòa Thánh Tâm Chúa ở Newark, thuộc Tổng Giáo phận Newark. Ngài được bổ nhiệm Phó xứ Giáo xứ Saint Therese, Kenilworth, trước khi được bổ nhiệm Phó xứ Giáo xứ Saint James, Woodbridge, năm 2008. Ở đây ngài được giao phó trách nhiệm vừa là tuyên úy vừa là phối trí viên [tiếng Việt gọi là Quản Nhiệm Cộng đoàn] Cộng đoàn người Việt Nam của Giáo phận [Metuchen].

Mô tả cảm xúc vui mừng được phục vụ trong tư cách là một linh mục tại Mỹ, Cha Trần tuyên bố, “Tôi hưởng được cơ hội đặc biệt phục vụ dân Chúa trong hai thứ tiếng Anh và Việt, tôi cảm thấy như là một phần thưởng cho mình khi được ban các Bí tích bằng hai ngôn ngữ. Tôi may mắn và cảm ơn được thực hiện ơn gọi của tôi ở một đất nước tự do, và tôi có thể công khai cổ võ ơn gọi linh mục và đời sống tu trì.” Ngài tiếp tục, “Đặc biệt tôi dễ dàng đi viếng bệnh nhân nằm tại nhà hay tại các bệnh viện cũng như sinh hoạt với giới trẻ.”

Cha Trần liệt kê những thách thức lớn nhất của ngài như “phát triển kết hợp gia đình giáo xứ bằng cách mang lại sự chan hòa giữa các cộng đồng cũng như giữa các nền văn hóa khác nhau,

actively participate to all aspects of parish life.”

The new pastor’s goals for the South Plainfield parish of 611 registered families of Anglo and Vietnamese descent and 65 religious education students are “creating family activities to integrate both communities; maintaining a positive and inviting worship site, and increasing evangelization and spiritual life development for the parishioner.”

Parishioners and others at the Mass expressed their joy at the installation for a new pastor. “He’s already brought such love and happiness,” said Theresa Bielinski. “He’s a good man.” Fellow long-time parishioner Robert Moench echoed, “He’s tremendous. He works so hard, and we are very happy for him.”

Dao Thon was one of many Catholics of Vietnamese descent who travelled from outside the diocese to witness Father Tran’s installation. “I’ve known him a long time, since he was in Newark Archdiocese,” she said. “He’s good with the Vietnamese people and is speaking good English. He has a bright future.”



phát huy sinh hoạt các giới từ thanh thiếu niên đến các gia đình trẻ để họ tích cực tham gia vào mọi mặt của đời sống giáo xứ.”

Các mục tiêu của vị tân chánh xứ cho cái giáo xứ có 611 gia đình chính thức ghi danh gồm con cháu cả người Anh lẫn người Việt trong vùng South Plainfield này cùng với 65 sinh viên về giáo dục Công giáo là “tạo ra các sinh hoạt gia đình hòa nhập cả hai nhóm cộng đồng, duy trì một khung cảnh thờ phượng vừa tích cực vừa mang tính mời gọi, phát huy chương trình phúc âm hóa và phát triển đời sống thiêng liêng cho giáo dân.

Giáo dân và quan khách đến tham dự Thánh lễ đều bày tỏ niềm vui được tham dự lễ nhậm chức của vị tân chánh xứ. “Ngài đã mang lại đây biết bao yêu thương và hạnh phúc,” Theresa Bielinski nói. “Ngài là một người tốt.” Một giáo dân lâu đời ở đây, Robert Moench phát biểu, “Ngài thật tuyệt vời. Ngài làm việc khá cực nhọc, và chúng tôi cảm thấy hạnh phúc có được ngài.”

Là một trong đám con cháu người Công giáo Việt Nam, Dao Thon từ một nơi ngoài giáo phận đến đây để dự lễ nhậm chức của Cha Trần. Chị nói: “Tôi đã biết ngài từ lâu, từ khi ngài còn ở Tổng Giáo phận Newark. Ngài thật là tốt đối người Việt Nam và ngài nói lưu loát tiếng Anh. Ngài sẽ có một tương lai sáng chói.”



Cộng đoàn nhỏ Bước vươn lớn

Lê Thiên

Bài này đã được đăng tải trên 2 Nguyệt san Hiệp Nhất & Diễn Đàn Giáo Dân, Tháng 12/2017. Hai Nguyệt san này đều phát hành tại Quận Cam, Giáo phận Orange, California. Nay đưa lên Đặc san này như là một cái nhìn hạn hẹp của một thành viên trong Cộng đoàn, ghi dấu bước chuyển biến đặc biệt của CĐCGVN Giáo phận Metuchen do Lm Phêrô Trần Việt Hùng lãnh đạo.

Cách đây 30 năm, năm 1987, một nhóm “thuyền nhân” người Công giáo Việt Nam (CGVN) chạy trốn Cộng sản VN đặt chân lên một vùng đất miền đông bắc tiểu bang New Jersey Hoa Kỳ. Họ thất vọng không ít trước hoàn cảnh chân ướt chân ráo với vô số rào cản về văn hóa lẫn ngôn ngữ, tập tục và bao đổi thay trong cuộc sống. Làm sao có thể hội nhập vào xã hội mới, một xã hội được nhìn nhận là văn minh nhất thế giới?

Một Cộng đoàn bấp bênh.

Nỗi lo lớn nhất của đám người CGVN này là việc phụng vụ ít ra vào mỗi Chúa nhật. Việc tìm cho được một linh mục người Việt lo việc mục vụ theo ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam đã là khó. Nhưng đáng lo hơn cả là sự hỗ trợ của giáo quyền sở tại! May thay! HĐGM Hoa Kỳ đã mở ra con đường thoát: Tạo mọi điều kiện để di dân người CGVN có thể chu toàn việc phụng vụ phù hợp với văn hóa Việt Nam.

Từ đó, nhóm người CGVN ở vùng đông bắc New Jersey được hưởng việc mục vụ theo văn hóa và ngôn ngữ riêng của mình dưới sự chần dốt của một linh mục người Việt và được sinh hoạt tại một Nhà thờ CG địa phương. Người CGVN được có Tuyên Ủy riêng, gọi là Quán Nhiệm Cộng

đoàn (QNCD) luôn kề cận, sát cánh, gánh vác mọi trách nhiệm mục vụ Bí tích.

Tính cho tới năm 2005, nghĩa là cách đây 12 năm, khi Cha Phêrô Trần Việt Hùng được điều về phục vụ Cộng đoàn thì trước ngài đã trải qua 6 đời Quán nhiệm (các Cha Nguyễn Quang Vinh, Lâm Sung, Nguyễn Trí Minh, Nguyễn Ngọc Thạch, Võ Cao Phong, Đặng Xuân Oánh). Trong 6 linh mục trên đây, Cha Thạch có thời gian giúp CĐ lâu nhất: 6 năm.

Ngày 15/01/2006, sau khi Lm Đặng Xuân Oánh rời Cộng đoàn, trở về Dòng Ngôi Lời của ngài, Cha Phêrô Trần Việt Hùng vốn là linh mục thuộc Tổng Giáo Phận Newark (New Jersey) được mời về tạm thời đảm nhiệm quyền Quán Nhiệm Cộng đoàn. Ba năm sau, vào ngày 15/3/2011, Cha Phêrô Trần Việt Hùng “xuất tịch” Tổng Giáo phận Newark để “nhập tịch” Giáo phận Metuchen, chính thức lãnh đạo CĐCGVN.

¹

Giáo sở mới.

Ngày 10/6/2012, Đức Cha Paul Gregory Bootkoski, người gốc Ba Lan, Giám mục Giáo phận Metuchen chuyển Cha Phêrô Trần Việt Hùng đến phục vụ với tư cách Phó xứ tại Giáo xứ Our Lady of Czestochowa, thuộc thành phố South Plainfield (NJ) phụ giúp Cha chánh xứ Maciej Melaniuk, gốc Ba Lan. Cộng đoàn CGVN cùng lúc cũng được rời nhà thờ Saint James (Woodbridge, NJ) chuyển về sinh hoạt tại nhà thờ O.L. of Czestochowa. Cha Phêrô Hùng tiếp tục coi sóc Cộng đoàn.

Cả ĐGM Giáo phận lẫn Cha Chánh xứ đều gốc Ba Lan. Nhà thờ mang tên Đức Bà Czestochowa với tượng Đức Bà đen mà người Ba

¹ Tại khu vực Miền đông bắc Hoa Kỳ này có hai linh mục Việt Nam mang tên TRẦN VIỆT HÙNG – Cha Giuse Trần Việt Hùng phụ trách CĐCGVN Bronx (NY) và Cha Phêrô Trần Việt Hùng Quán nhiệm CĐCGVN Giáo phận Metuchen (NJ), từ đây chúng tôi mạn phép gọi Cha Hùng ở New Jersey là **Cha Phêrô Hùng**, hay **Cha Phêrô Trần Việt Hùng**.

Lan (trong đó có Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II) hết lòng sùng kính và tin tưởng giống như người CGVN đối với Đức Mẹ La Vang. Nhưng tại giáo xứ này, hiện nay khá nhiều giáo dân người Âu, kể cả người Ba Lan đã vì sinh kế, đã dời đi nơi khác. Cho nên, sự sống còn của giáo xứ này có nguy cơ lung lay CĐCGVN cùng với Cha Quản Nhiệm của mình dồn hết tâm trí, nghị lực và công sức góp tay với giáo dân kỳ cựu ở đây tạo nên sức sống mới cho Giáo xứ Czestochowa về mọi mặt.

Năm 2015, Cha Maciej Melaniuk cáo bệnh, xin về hưu. Đức Cha Bootkoski nhận ra khả năng lãnh đạo của Cha Phêrô Trần Việt Hùng cũng như nhìn thấy sức sống đạo của người CGVN, nên quyết định trao cho Hùng quyền Quản xứ (Administrator) Nhà thờ Đức Bà Czestochowa ở South Plainfield, New Jersey, và đặt giáo dân người Việt vào vị thế chủ động hơn.

Thành phần chính thức của giáo xứ.

ĐC Bootkoski đến tuổi nghỉ hưu. Ngày 08/3/2016, Đức Thánh Cha Phanxicô bổ nhiệm Đức Cha James Francis Checchio được Tòa Thánh bổ nhiệm và được chỉ định thay thế. Sau một thời gian tìm hiểu, Đức tân Giám mục Metuchen quyết định ban bài sai chính thức cử Cha Phêrô Hùng làm Chánh xứ Nhà thờ Đức Bà Czestochowa.

Tại đây, ngày 29/10/2017 ĐC Checchio cử hành trọng thể Lễ nhậm chức chánh xứ của Lm Phêrô Trần Việt Hùng với sự tham dự của đông đảo linh mục, nam nữ tu sĩ và hàng ngàn giáo dân thuộc mọi sắc dân. Thị trưởng thành phố South Plainfield cùng phu nhân cũng hiện diện trong lễ nhậm chức.

Ngoài bài giảng của ĐGM Giáo phận ca ngợi và tin tưởng vào khả năng lãnh đạo của Cha Phêrô Hùng trong việc cai quản và điều động các việc mục vụ giáo xứ, ông Thị trưởng thành phố South Plainfield cũng ngỏ lời ca ngợi đức độ cũng như tài năng của Cha Phêrô Trần Việt Hùng trong một bài phát biểu sinh động. Tất cả giáo dân thuộc mọi thành phần sắc tộc da trắng hay

da màu, người Âu hay người Á, người Mỹ, người Phi đều phấn khởi bày tỏ tâm tình quý mến, trân trọng cùng từng phục đối với vị tân Chánh xứ của mình.

Từ biến cố này, chúng tôi chợt nhớ trên Đặc san Xuân Nhâm Thìn 2012 cách đây đúng 5 năm, Nguyễn Chinh Nguyên, một thành viên của Cộng đoàn (và cũng là một cựu chủ tịch CĐ) đã chia sẻ niềm ước ao: *“Phải chi CĐ mình đủ mạnh, đủ khả năng lên hàng giáo xứ, ... hy vọng CĐ sẽ được ổn định, sẽ phát triển vững mạnh hơn thay vì một CĐ lãng du, di chuyển từ nhà thờ chánh tòa Saint Francis of Assisi đến nhà thờ Saint Theresa, rồi đến Saint James trong vòng 25 năm qua.”*

Anh Nguyên e ngại rằng đó *“không phải là chuyện đơn giản mặc dầu ý tưởng CĐ ‘nên có nhà thờ riêng’ đã có trong CĐ từ lâu rồi!”*, bởi lẽ Giáo luật lẫn các quy định của Giáo phận Metuchen đã đóng lại mọi khả năng mở ra một giáo xứ mới vì ở Mỹ, nhà thờ đã và đang liên tục thay nhau đóng cửa!

Vậy mà, hôm nay, ngày 29/10/2017, sự thất vọng không đến với Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam Giáo phận Metuchen, bởi lẽ CĐ đang sát cánh với vị Quản Nhiệm của mình và đang làm thành hạt nhân nòng cốt của Giáo xứ (Nhà thờ) Đức Bà Czestochowa, thành phố South Plainfield, New Jersey, Hoa Kỳ.

Xứng vai mục tử.

Chúng tôi ghi nhận, sở dĩ Cha Phêrô Trần Việt Hùng bền bỉ chèo lái CĐCGVN Giáo phận Metuchen, NJ lâu dài và được mọi thành phần trọng nể cùng tận tâm tận lực hợp tác với ngài là vì ngài tinh tế trong đường lối lãnh đạo cũng như trong xử thế. Đặc biệt, ngài luôn luôn cười vui với mọi người, cởi mở thân thiện chan hòa, không hề để tâm tới chức quyền hay bạc tiền hay cả những tình cảm thiếu lành mạnh trong sáng.

Cha Hùng luôn cười vui đồng thời cũng luôn tìm cách làm mọi người cùng vui với ngài và với người khác, nhất là với các bậc cao tuổi. Cha Phêrô Hùng mắc phải bệnh tiểu đường đến mức báo động và đau nhức xương khớp mãn tính,

song ngồi với giáo dân lớn tuổi hay với giới trẻ, Cha cũng đều luôn làm vui lòng mọi người, đến nỗi không ít lần ngài “quên lệnh kiêng cử” mà bác sĩ đã chỉ định cho ngài, chỉ vì để cho kẻ khác không buồn vì ngài.

Là người cộng tác với Linh mục Phêrô Trần Việt Hùng suốt 12 năm ròng dù chỉ trong nhiệm vụ khiêm tốn 2 năm một lần là “Trưởng ban vận động Bầu cử HĐ Mục Vụ Cộng đoàn”, tôi biết rõ Cha Hùng đã khổ sở trần trở dường nào chỉ vì trong Cộng đoàn, không giáo dân nào chịu ra ứng cử vào HĐMV mỗi khi mùa bầu cử đến. Không rõ là vì lòng khiêm tốn hay vì mặc cảm gì, nhưng ai cũng nói mình “sẵn sàng làm bất cứ việc gì Cha giao cho”, nhất định không tranh cử. Dầu vậy, trước khi chọn người phụ giúp mình, Cha Phêrô Trần Việt Hùng luôn thăm dò, tham khảo mọi thành phần, nhất là các bậc cao niên và những thành phần kỳ cựu trong Cộng đoàn. Bản thân người viết tuy đã là lão niên 80, đi lui đi tới bắt đầu khó khăn, nhưng Cha Hùng luôn “kính lão”, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi ý kiến.

Tâm thức dân tộc.

Một nét đặc trưng nơi con người Cha Phêrô Trần Việt Hùng đó là tinh thần dân tộc: Với truyền thống gia đình mà vị thân sinh là một cựu viên chức VNCH từng bị CSVN giam tù 13 năm, Cha P. Trần Việt Hùng có tinh thần yêu nước cao. Trong các buổi Văn nghệ Mừng Xuân hằng năm, Cha Hùng khuyến khích Cộng đoàn đưa ra các tiết mục mang dấu ấn lịch sử Việt Nam như: Con Rồng Cháu Tiên, Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, Huyền Trân Công chúa, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung....

Chính vì hướng đi mang tính dân tộc như vậy, Văn Nghệ Cộng Đoàn Tết năm nào cũng thu hút đông đảo quan khách từ các thành phố các tiểu bang xung quanh như Pennsylvania, New York, Connecticut... bất kể lương giáo..

Có lẽ điều khó nhất đối với một nhà lãnh đạo là thu phục nhân tâm! Kết hợp được lòng người mới tạo được sức mạnh. Là thành viên của Cộng đoàn CGVN Giáo phận Metuchen, tôi hãnh diện

về mục tử của mình, đã và đang dẫn dắt cả Công đoàn CGVN lẫn giáo xứ Đức Bà Czestochowa ở thành phố South Plainfield, New Jersey liên tục 12 năm hiệp nhất tiến lên trong yêu thương, phục vụ và thờ phượng. Với Cha Phêrô Trần Việt Hùng, CĐCGVN ở đây quả thật may mắn là Cộng đoàn nhỏ, bước vươn lớn./.



Mậu Tuất Chúc Xuân

Trước thềm Đinh Dậu sắp qua
Mậu Tuất sắp đến hoan ca chúc Người
Chúc Người năm mới vui tươi
Chúc Người luôn nở nụ cười trên môi.
Chúc Người khỏe mạnh yêu đời
Chúc Người hạnh phúc, tâm thời bình an
Chúc Người mãi mãi giàu sang
Chúc Người cuộc sống an nhàn thành thoi

Chương Đài



Năm Mậu Tuất 2018

- NĂM** Ngàn trùng xa cách quê hương,
Ăn tết lưu lạc, buồn thương vô vàn.
Mọi người tha thiết nài van,
- MẬU** Mong cho đất nước đầy tràn yêu thương.
Ân sâu tình nặng vẫn vương,
U sầu chất chứa trên đường tha hương.
- TUẤT** Trời xuân tươi sáng khôn lường,
U sầu cho kẻ quê hương xa lìa.
Âm thầm buồn tủi phân chia
Tìm nguồn an ủi rượu trà giải khuây.
- HAI** Hương Xuân phảng phất đâu đây,
Ai mà quên được những ngày bên nhau.
Im lìm chông chất khổ đau,
- NGÀN** Ngăn cách sầu tủi nhuộm màu tang thương.
Gió Xuân tỏa nhẹ mùi hương,
Ai mà chẳng nhớ mái trường năm xưa.
Những ngày nắng ấm gió lùa,
- MƯỜI** Mừng vui ngồi cạnh say sưa chuyện trò.
Ươn hèn, chán nản buồn lo,
Ơn trên trợ giúp ban cho an lành.
Im lìm buồn tủi thâu canh,
- TÁM** Thương cho đất nước điêu linh lan tràn.
Anh hùng cùng với muôn dân,
Mau mau cùng đứng quây quần bên nhau.

Phan Văn An

Chuyện năm Tuất

Tôn Thất Đàm

Thời gian thấm thoát thoi đưa như nước chảy qua cầu. Mới đó mà năm Dậu đã qua, và năm Tuất lại về với chúng ta. Năm nay là năm Mậu Tuất (2018), năm cầm tinh con chó.

Chó là con vật thân thiết, gắn bó và thủy chung với người chủ nói riêng, và con người nói chung. Loài vật này được sử dụng để giữ nhà hoặc làm thú chơi. Chó con được gọi là “cún”. Chó gồm nhiều loài: chó sói, chó rừng, cáo và các giống chó nhà. Tất cả các loại chó đều là loài ăn thịt và thích nghi đặc biệt để săn mồi. Răng của chúng dùng để giết mồi, nhai thịt và gặm xương, thỉnh thoảng để cắn nhau.

Các giác quan, như tai, mắt và mũi phát triển mạnh. Chó có mắt to, tai dựng đứng và mũi rất thính, đánh hơi nhạy bén. Nhờ thế chúng có thể theo dấu con mồi thành công. Tất cả loài chó đều có chân dài thích nghi với chạy nhanh khi săn đuổi mồi. Chó là loài đi bằng đầu ngón chân và có hai lớp lông. Lớp bên ngoài như chúng ta đã thấy. Còn lớp lót bên trong giúp cho chúng giữ hơi ấm trong những ngày mưa rét.

Chó là con vật thủy chung, gần gũi với con người. Chó giúp con người rất nhiều việc như trông nhà cửa, săn bắt và được xem như là loài vật trung thành, tình nghĩa nhất với con người.

Chó là loài động vật được nuôi nhiều trên thế giới, có thể trông coi nhà cửa, chăn cừu, dẫn đường, kéo xe v.v...và cũng là món thực phẩm giàu chất đạm.

Thịt chó là một món ăn thông thường tại một số nước châu Á như Hàn Quốc, Việt Nam. Nó vừa có tính cách bình dân lại vừa được xếp vào hàng đặc sản. Tuy nhiên, tại nhiều quốc gia Tây phương và Hồi giáo, việc giết và ăn thịt chó là điều cấm kỵ.

Nhân năm Mậu Tuất, năm cầm tinh con chó lại về. Trước thềm Năm Mới, lòng tôi lại băng khuâng nhớ đến những kỷ niệm vui buồn về những chú chó thông minh, và trung thành nhất mà tôi đã thương mến trong cuộc đời đời rách của tôi.

Đó là vào khoảng năm 1977 tôi đang bị đi tù “cải tạo” tại trại Hàm Trí (Bình Thuận, Phan Thiết). Trong “tổ” của tôi có một anh bạn được người nhà đi thăm nuôi đem cho anh một con chó con. Con “cún” rất đẹp, có hai mắt đen nhánh, lông màu xám tro. Anh ta đặt tên cho nó là con chó Lu. Trong trại, mấy trăm người tù, ai thấy nó cũng thương! Vì nghĩ rằng vô tình mà nó cũng đi tù như chúng tôi! Mặc dầu chúng tôi ăn không đủ no, mỗi bữa chỉ lãnh được một cái bánh xe (bột mì ép lại thành cái bánh tròn, rồi luộc lên), người tù gọi đó là bánh xe lịch sử.

Xui cho con chó Lu, vào ở trong tù với chúng tôi gặp năm đó (1977-1978) là những năm cả nước đều đói meo. Trong tù, người tù đương nhiên đã đói rồi, mà ngoài dân mọi người cũng đói rả họng, nên chẳng có ai được “thăm nuôi”. Những năm đó người tù “cải tạo” chỉ ăn toàn khoai mì và bột làm bằng củ mì. Bột được nắn thành cái bánh xe, mỏng te, to bằng bàn tay, luộc lên, phát cho tù mỗi buổi sáng, mỗi tù nhận hai cái bánh xe cho hai bữa để ăn cầm hơi, và... để lao động vinh quang.

Người tù trong trại đành chịu cái đói thăm khốc hành hạ thân xác. Những năm đó, tù đói giơ xương, đi đứng vật vờ, người không ra người, ma không ra ma. Con chó Lu của anh bạn lại càng đói hơn, vì nó không có khẩu phần “hai cái bánh xe” như những người tù “cải tạo”. Nó bèn đi “cải thiện” linh tinh, nhưng ngặt một cái là các cầu tiêu của Việt Cộng và tù nhân đều làm “nhà cầu” nổi. Tất cả đều có thùng hứng phân nằm nổi ở trên, mỗi sáng có người tù chuyên làm vệ sinh gánh ra đổ xuống hố phân xanh, để dành bón cho ruộng lúa. Vì thế, con chó Lu kiếm chác chẳng được gì. Nó đói lắm, đói giơ xương. Nó càng ngày càng lớn, càng cần năng lượng nhiều. Chúng tôi thấy tội nghiệp nó quá. Mặc dầu phần ăn quá ít,

và đói triền miên, nhưng mỗi người chúng tôi đều bớt đi một miếng nhỏ, dồn lại cho nó. Có bữa nó ăn quá nhanh vì đói, xong rồi nó cứ ngược mắt nhìn người khác ăn một cách thèm thuồng. Thấy tội nghiệp quá, tôi đành ngắt một vài miếng nhỏ liệng lên cao cho nó. Nó liền nhảy lên đớp một cách tài tình, đuôi phe phẩy, còn cái miệng thì cứ rít lên sung sướng như ra vẻ biết ơn, thấy rất dễ thương. Mọi người từ “cái tạo” ai cũng mến nó hết.

Nhưng ngặt một cái là tay trưởng trại này có tên là Lưu. Cứ mỗi lần ông ta vào cổng trại để kiểm tra, thì có vài bạn tù hay gọi con chó Lu là “Lưu Lưu”, mục đích để châm chọc tay trưởng trại. Ông ta giận lắm, nhưng không biết làm sao bắt tội được, vì họ nói rằng họ kêu tên con Lu chứ không bao giờ dám kêu tên Lưu, nên đành chịu thôi. Hơn nữa, con chó này lạ một điều là không bao giờ nó sủa một người tù nào trong trại, nhưng hễ thấy trưởng trại, hoặc cảnh vệ nào bước vào trại là nó sủa ngay, để như báo động cho tù biết vậy. Nhất là ban đêm, hễ thấy cảnh vệ đi tuần tra quanh trại, là nó chạy theo sủa inh ỏi, hình như nó biết ai là bạn, ai là thù. Vì thế, một ngày nọ tay trưởng trại ra lệnh cho anh bạn có con chó đó phải giết nó ngay, nếu không cảnh vệ sẽ bắn bỏ, và anh bạn đó sẽ bị cùm. Chúng tôi thấy tội nghiệp nó quá, mặc dầu đang đói, nhưng không ai nỡ ăn thịt một con vật quá trung thành, và dễ thân thiện như con chó này.

Qua hôm sau, khi đi lao động, anh bạn có con chó Lu đó bèn dắt nó ra ngoài rẫy sắn mì, lấy giây cột nó lại vào một gốc cây, cho nó vài củ sắn mì để nó ăn cầm hơi, chờ có người dân nào đi ngang qua thấy vậy thì đem về nuôi. Nhưng lạ, đến nửa khuya chúng tôi lại nghe tiếng trở về của nó trong trại. Nó cào cào cánh cửa nơi có người chủ của nó nằm. Thì ra nó đã cắn đứt giây, tha nguyên cả một đoạn giây lòng thòng, chun hàng rào trở về với chủ nó. Ôi đúng là, chó không bao giờ chê chủ nghèo.

Nhưng vì trong cảnh tù đầy, bắt buộc phải theo lệnh trên, nên anh bạn chủ của con Lu đành phải làm thịt nó thôi! Tôi thấy anh bịt mõm nó

lại, rồi trần nước cho đến khi chết! Anh vừa làm vừa khóc. Đó là ngoài ý muốn của anh, nhưng dù sao cũng quá tàn nhẫn đối với một con vật quá trung thành với mình. Thật làm thân con chó ở xã hội VN thời nào cũng khổ khổ, bi đát hơn so với con chó ở phương Tây một trời một vực.

Nói chuyện về chó, tôi lại nhớ hồi đó ở cạnh nhà tôi, có một ông cụ nuôi một con chó rất là khôn, và hết sức trung thành với chủ. Ông đặt tên cho nó là con Vàng, vì nó có bộ lông màu vàng rất đẹp. Nhưng ngặt một nỗi là nhà ông quá nghèo. Ông thì đã già, không làm gì ra tiền, sống nhờ vào con cái. Trong nhà còn thiếu ăn, thì lấy gì cho chó được no? Suốt ngày nó cứ chạy quanh xóm kiếm ăn. Nhà tôi ở gần nó nhất, nên nó cứ qua lại kiếm chút thức ăn thừa. Tôi luôn để dành chút đỉnh đồ ăn cho nó, mục đích là dụ nó ở lại bên nhà tôi cho vui, vì tôi cũng rất quý nó. Thế mà ăn xong nó lại quay về với chủ nó ngay, mặc dầu chủ nó rất nghèo. Quả thật, chó là con vật rất gần gũi, và trung thành nhất với con người.

Đến một ngày ông cụ quá yếu, không ngồi dậy được. Thế mà nó vẫn luôn nằm dưới chân giường ông. Đến khi ông mất, nó bỏ ăn mấy ngày liền, rồi chẳng thấy nó qua nhà tôi nữa. Tôi đi tìm nó về cho ăn, thì ra đã thấy nó nằm chết bên mộ ông chủ đã mấy ngày rồi! Thật đúng: “Con không chê cha mẹ khó. Chó không chê chủ nhà nghèo!”



Chưa hết, viết đến đây tôi chợt nhớ tới một chú chó mà tôi thương nhất sau ngày tôi đi tù “cái tạo” về hồi năm 1981. Nhà tôi đặt tên cho nó là con chó Đốm, vì nó có bộ lông “lốm đốm” màu đen trắng rất đẹp. Lúc đó trong thời kỳ bao cấp của chế độ Cộng Sản, mọi nhà đều đói kém. Phần ăn của tôi cũng theo tiêu chuẩn, nhưng lúc nào

tôi cũng bớt lại chút ít để phần riêng cho nó. Tôi quý và thương nó lắm. Vào mùa đông, tôi thường lấy bao bố lót dưới nền nhà cho nó ngủ khỏi lạnh. Mùa hè thì cho nó đi tắm sông, để cùng tôi bơi lội, trông nó thích lắm. Vì thế nó rất quyến luyến, và suốt ngày cứ lẩn quẩn bên tôi.

Con chó Đốm có cái khứu giác bẩm sinh là có thể đánh hơi cách xa hàng trăm thước. Thính giác của nó còn phân biệt được giọng nói, và bước chân từng thành viên trong gia đình. Mỗi lần tôi đi làm rầy về, hình như nó nghe được tiếng bước chân quen thuộc của tôi từ xa, nó ngẩng mồm, ve vẩy đuôi chạy ra trước ngõ, nhảy chồm lên người, miệng rít lên từng hồi, lưỡi cứ thè ra liếm láp vào tay, vào chân ra chiều mừng rỡ, làm tôi thương nó vô cùng.

Hồi đó đi tù “cải tạo” về, đâu có được làm nghề ngỗng gì ngoài việc đi cuốc đất trồng khoai. Ngoài công việc làm rầy ra, tôi cũng có nuôi một ít gà vịt trong chuồng để cải thiện đời sống cho gia đình. Vì chuồng nằm ở sau hè nhà, nên vào một buổi trời tối, có hai tên trộm đến viếng nhà tôi. Chúng nghĩ rằng, tôi là dân tù “cải tạo” mới được thả về, chắc không dám làm gì đụng chạm đến chúng, nên chúng ngang nhiên đến bắt trộm gà vịt của tôi. Khi tôi nghe tiếng chó sủa, và tiếng gà vịt sau chuồng kêu, tôi vội mở cửa ra ngoài để xem việc gì xảy ra, thì bị một tên trộm phục sẵn bên ngoài, chộp lấy cổ tôi đè xuống để cho tên thứ hai xách gà vịt tẩu thoát. Tôi vừa la lên, thì không biết từ đâu trong bóng tối con Đốm nhảy bổ vào cắn chân tên trộm. Nó kéo ống quần làm rách da thịt, tên trộm đau quá đành buông tôi ra. Tên trộm thứ hai vừa chạy tới tiếp cứu thì bị nó tấp cho một miếng vào đùi. Cả hai tên hoảng hốt bỏ chạy không kịp mang theo gà vịt, để lại trên rãnh con Đốm một miếng giẻ, và tí máu của hai tên. Còn tôi và Đốm hoàn toàn vô sự.

Từ dạo đó, tôi coi con Đốm như là một thành viên trong gia đình. Mỗi bữa cơm đạm bạc và ít ỏi của tôi, lần nào tôi cũng chia cho nó nhiều hơn trước một chút. Đi đâu, thấy được khúc xương nào, tôi cũng ráng mang về cho nó gặm. Con Đốm rất khôn, hình như nó biết được mọi

điều đang xảy ra xung quanh. Con Đốm rất quyến luyến tôi, suốt ngày cứ lẩn quẩn bên tôi.

Cuộc sống như vậy trôi đi. Đến đầu tháng 2 năm 1992, gia đình tôi được lên đường đi định cư ở Mỹ theo diện H.O. Khi đó con Đốm cũng được 10 năm tuổi. Nó cũng đã già, chỉ lẩn quẩn trong nhà. Ngày gia đình tôi vào Sài Gòn để lên máy bay, tôi cũng cho Đốm ra bên xe cùng với thân nhân đưa tiễn. Trước khi lên xe, tôi ôm Đốm vào lòng rưng rưng, lưu luyến! Hình như nó cũng linh cảm được sự chia tay vĩnh viễn này, nó liền chúi mồm vào má tôi như để cho nụ hôn lần cuối! Khi tiếng còi xe báo hiệu rời bến, con Đốm nhìn chiếc xe rồi tru lên một tràng dài. Tiếng tru thật nào nùng như lời nhắn gửi sau cùng của nó.

Khi qua Mỹ, tôi được tin con Đốm không chịu về nhà. Nó cứ lẩn quẩn ở khu bến xe cho đến một ngày mùa đông lạnh lẽo, Đốm nằm chết bên vệ đường, nơi mà tôi đã ôm từ già nó trước khi bước lên xe! Tôi thật vô cùng xúc động, và thương nhớ nó. Tôi âm thầm một mình rưng rưng, như khóc cho một thành viên còn ở lại quê nhà, nay không còn nữa. Suốt mấy đêm liền, tôi nhớ về Đốm như nhớ về một con người thật quá cảm, và thủy chung!



Sự Kiện Lớn

Giáo sư hỏi cả lớp:

- Ai có thể nêu hai sự kiện lớn trong cuộc đời của nhà thơ Anh Milton?

Một nam sinh viên nhanh nhẩu phát biểu:

- Sau khi kết hôn, nhà thơ viết tác phẩm "*Thiên đường đã mất*".

Đến khi vợ ông mất, ông viết tác phẩm "*Thiên đường trở lại*".

Năm Tuất, bàn chuyện chó

Phan Văn An

Trước khi đi vào đề tài chính, xin trình bày sơ lược về cách tính năm Âm Lịch. Muốn tính năm Âm lịch, người ta dùng 10 can và 12 chi và ghép với nhau, phải theo thứ tự rõ ràng. Sau đây là 10 can và 12 chi.

- **10 Can:** Canh, Tân, Nhâm, Quý, Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ.
- **12 Chi:** Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Ví dụ: Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão, Giáp Thìn, Ất Tỵ, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu, (rồi bắt đầu lại) Canh Tuất, Tân Hợi, v.v.

Năm 2018 là năm Mậu Tuất thì

Năm 2019 là năm Kỷ Hợi

Năm 2020 Là Năm Canh Tý

Năm 2021 là năm Tân Sửu

Năm 2022 là Năm Nhâm Dần

Năm 2023 là Năm Quý Mão.....

Bây giờ xin bàn về Chó: Tuất dịch ra tiếng Việt là chó, nhưng chữ chó còn có thể dùng một từ ngữ Hán khác là Khuyển, và một tiếng Hán khác là Cẩu. Vì dùng hai chữ này nên chúng ta thường nghe nói “Quân Khuyển, Cảnh Khuyển” và chữ Cẩu trong từ ghép “Hải Cẩu”. Người ta cũng đặt các chòm sao được mang tên chó như: Tiểu Khuyển, Đại Khuyển, Lạp Khuyển. Trong tập Đặc San xuân Giáp Tuất năm 1994 và Đặc San xuân Bính Tuất 2006 của Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam, Giáo Phận Metuchen, tác giả Uyên Vi có viết về tiểu sử của chó, xin phép được trích lại một đoạn: “Chó là một con vật rất gần gũi và thân thiết với con người. Hình ảnh gia đình ngồi quây quần quanh bàn ăn và chú nó nằm phủ phục dưới chân bàn thích thú gặm những miếng xương chủ ném cho, xem ra quá quen thuộc, nói lên về gia đình ấm cúng, hạnh phúc. Bởi vì chó là con vật thông minh, trung thành, dễ dạy, dễ thích ứng với hoàn cảnh và đa

dụng thành thử chó được con người quý mến và được xem như một phần tử của gia đình, đi đâu cũng mang chó theo.” Xét về nguồn gốc của loài chó thì đây là một loại động vật có vú. Loài chó mà chúng ta có ngày nay đã được con người thuần hóa cách đây khoảng 15 đến 20 ngàn năm và có nguồn gốc là chó sói. Chó sói và người thường chung sống với nhau và hợp thành từng nhóm trong vấn đề săn đuổi, nhưng nhiều lúc chó sói và người lại cấu xé nhau. Theo các nhà động vật học thì chó có thể có đến 37 loại, sau đây chỉ đơn cử một vài loại thông thường:

Chó đại: là một loại chó nhà, được người ta nuôi, nhưng mắc bệnh và thường làm thiệt mạng con người, nếu không biết đề phòng và chữa trị.

Chó săn: Giống chó được lai giống, huấn luyện và đào tạo dùng cho mục đích săn bắn.

Chó kiếng: Dùng để làm kiếng. Loại chó này ngày nay rất thông dụng trong nhiều quốc gia trên thế giới. Đa số các gia đình đều có một vài con chó kiếng trong gia đình và rất được quý mến, nâng niu, chiều chuộng. Chó có bác sĩ riêng, hàng năm cũng phải chích ngừa, đi đâu gia đình cũng phải mang theo, đi máy bay chó phải mua vé như người vậy. Chính vì thế mới có những nhà giữ chó như giữ trẻ.

Chó nghiệp vụ: Là những con chó được tuyển chọn, huấn luyện để phục vụ những nhiệm vụ mà con người giao cho. Trong thời hiện đại, chiến dịch bài trừ ma túy chó giữ một nhiệm vụ rất quan trọng, vì khứu giác của chó rất nhạy bén, có thể đánh hơi một cách chính xác. Các hải quan thường dùng chó để phát giác những vụ buôn lậu thuốc phiện. Khi dùng những con chó vào nghiệp vụ đặc biệt, người ta không dùng từ “Tuất”, nhưng lại dùng từ “Khuyển”, vì vậy mới có từ ngữ kép là “Cảnh Khuyển” tức những con chó giúp cảnh sát trong vấn đề an ninh, trật tự. Và từ ngữ “Quân Khuyển” để giúp quân đội trong những cuộc hành quân, khám phá những nơi hẻo lánh mà quân địch đang trú ẩn.

Ngoài loại chó nghiệp vụ đã được tuyển chọn và huấn luyện đặc biệt để giao những nhiệm vụ chuyên môn, còn có một số chó khác cũng

được huấn luyện để làm hướng dẫn viên cho người mù và làm tài tử đóng phim xuất sắc. Ngoài những công việc chính yếu, người Việt Nam nuôi chó còn có mục đích để ăn thịt, trông nhà, đuổi mèo, bắt chuột và thậm chí lo việc vệ sinh cho trẻ con. Vì có nhiều công dụng như thế nên chó rất được ưu đãi, quý mến nhất trong loại lục súc và khi chết đi còn được chôn cất trong các nghĩa địa chó.

Cách tính tuổi của chó:

- Nếu con chó nào mới một tuổi thì nó đã tương đương với con người 16 tuổi.
- Nếu con chó nào mới hai tuổi thì nó đã tương đương với con người 24 tuổi
- Nếu con chó nào mới 3 tuổi thì nó tương đương với con người 30 tuổi.
- Và sau đó cứ 1 năm tuổi chó thì bằng 4 năm tuổi người.

Một vài đặc tính nổi bật của chó: Một con chó cái có thể mang thai từ 60-62 ngày và nhiều khi lên tới 65 ngày. Những con chó con khi mới sinh ra không có răng, nhưng sau 4 tuần lễ thì mọc được 28 răng. Lúc mới sinh ra chó mẹ nuôi bằng cách cho bú, nhưng khi lớn lên mẹ con trở nên hung dữ. Mắt của chó không phải chỉ có một mí, hai mí, nhưng mắt chó có ba mí. Chó có hai lớp lông, trong và ngoài, lớp trong giữ cho thân thể chó luôn ấm áp. Khứu giác của chó rất thính.

Chó trong các nền văn hóa: Chó là một loài động vật rất thân thiết và gắn bó với con người từ lâu đời. Chó rất trung thành, thông minh và rất quan tâm đến chủ. Có nhiều quốc gia chó được thờ cúng tại các đền thờ, miếu đạo. Thái độ đối với chó thì có hai thái độ trái ngược nhau: Một phái cho rằng chó là con vật tốt đẹp, có thể mang lại những điều may mắn, vì vậy có câu:

*Mèo đến nhà thì khó,
Chó đến nhà thì giàu.*

Nhưng một phái khác lại cho rằng chó là một con vật bẩn thỉu, ngu ngốc và đáng khinh bỉ. Vì quan niệm như thế nên người ta hay thóa mạ nhau bằng những câu chửi: Đồ chó, đồ chó má,

đồ chó đê, thằng chó chết, ngu như chó, tuồng chó lợn, đồ chó vô chủ, v.v.

Thịt chó: Một số quốc gia trên thế giới vẫn còn xem thịt chó là món ăn thông dụng. Trong số các quốc gia này có Trung Quốc, Đại Hàn, Phi Luật Tân, Việt Nam. Xin sơ lược về thịt chó ở Việt Nam. Theo thống kê mỗi năm ở Việt Nam có khoảng 25 triệu con chó bị giết làm thịt. Vì số lượng chó tiêu thụ nhiều như thế, nên “ăn trộm chó” xảy ra thường xuyên và khắp mọi nơi. Có những vùng quê đã lập ra trung tâm nuôi chó để cung cấp thịt chó cho nhu cầu đòi hỏi. Trước phong trào di cư 1954, hầu như người dân miền Nam không ăn thịt chó. Nhưng khoảng 1 triệu người miền Bắc vào sinh sống ở miền Nam thì vấn đề ăn thịt chó ở miền Nam rất thịnh hành. Ngày ở thành phố Sài Gòn nhiều quán ăn nhậu thịt chó được mở cửa, nhất là ở vùng Gò Vấp, Trương Minh Giảng, Ngã Ba Ông Tạ với những tên tiệm như: Sóng Trên Đồi, Cờ Tây, Cây Cờn.

Hình ảnh chó trong Văn Chương Việt Nam

Như trên đã nói, chó là một loài vật rất gần gũi với con người, nhất là người bình dân Việt Nam, vì vậy trong văn chương bình dân có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ liên quan đến chó. Xin trích dẫn một số câu làm bằng chứng.

Trong cuộc sống hằng ngày, sống giữa xã hội bon chen về nhiều phương diện, mỗi người có một thái độ sống riêng. Có người để cho cuộc sống phẳng lặng trôi qua, nhưng có người lại lo lắng, bồn chồn về những biến chuyển đang xảy ra, lúc nào họ cũng muốn tiên đoán, đi trước vấn đề, cho rằng chuyện gì mình cũng rõ ràng, tương tặn. Đối với hạng người này, người bình dân đã dùng hình ảnh con chó săn để ám chỉ:

Chó chạy trước mang.

hoặc

Mũi thính như chó đời.

Câu tục ngữ này có thể không hoàn toàn đúng 100% vì khi săn bắn con chó có thể chạy trước để đón con vật, chứ không nhất thiết phải chạy sau để rượt đuổi con vật.

Chó ngáp phải ruồi: Ý nói ai đó gặp được sự may mắn trong cuộc sống, điều đó chỉ là sự may mắn ngẫu nhiên, chứ không phải do tài ba hoặc một sự lựa chọn chính đáng. Thời nay vấn đề số số, nếu ai trúng số cũng chỉ là sự may mắn ngẫu nhiên chứ không phải do tài năng chọn số.

Xã hội đã thay đổi nhiều, có nhiều phong tục tập quán trong xã hội cũ không còn tồn tại trong xã hội hôm nay, chẳng hạn tục làm rể hoặc ở rể. Cũng nên phân biệt hai từ ngữ này. Làm rể tức là lúc người con trai chưa cưới cô gái, nhưng trong một khoảng thời gian nào đó phải sống trong nhà người vợ tương lai để cha mẹ cô gái, hoặc chính cô gái tìm hiểu về người chồng, người rể tương lai của mình, đây giống như là thời gian huấn luyện trong các quân trường ngày nay.

Còn ở rể tức là cô gái cưới chồng. Khi đã thành vợ chồng cô gái không về phía nhà chồng, trái lại người chồng về ở trong gia đình của người vợ. Đây là tục ở rể.

Thân phận của người làm rể hay ở rể thời xưa thật chua xót và đắng cay chỉ vì cha mẹ vợ muốn dùng sức lao động của người rể để góp công vào việc đồng áng, vì vậy có câu:

Trai ở nhà vợ như chó ở gầm chạn.

Và thảm cảnh của chàng trai làm rể được người bình dân mô tả như sau:

*Công anh làm rể chương đài,
Ăn hết mười một, mười hai vại cà.
Giếng đâu thì dắt anh ra,
Không thì anh chết với vại cà nhà em.*

Qua câu ca dao trên, chúng ta nhận ra nỗi khổ cực của người rể nghèo khi chưa cưới được vợ. Sống trong gia đình phong kiến chỉ nhìn những điều lợi trước mắt mà đánh mất hạnh phúc của đời sống đôi lứa:

*Trời mưa chưa trớt lá khoai,
Công anh làm rể đã hai năm ròng.
Nhà em làm ruộng ngoài đồng,
Bắt anh tát nước cực lòng anh thay.
Tháng chín mưa bụi gió may,
Chắt lấy gàu nước chân tay rụng rời.*

Thời đại nào thì xã hội cũng đầy đầy bất công, nhất là xã hội dưới thời phong kiến thì sự bất công lại càng nhiều. Người nghèo khó, cô thân, yếu thế, nghèo nàn, túng cực lại càng bị kẻ xấu, bọn quyền lực chèn ép, bóc lột. Hạng người bất lương tìm đủ mọi cách để chèn ép, làm hại kẻ khốn cùng. Nhìn thấy cảnh bất công đó, người bình dân thấp cổ bé họng chỉ ngậm ngùi than lên:

Chó cắn áo rách.

Trong đời ít nhất là một lần, chúng ta đã trông thấy con voi. Đây là một con vật to cao, muốn lên lưng cỡi nó phải là người cao lớn hay phải có phương tiện mới trèo lên lưng voi được. Trái lại chó là một con vật nhỏ bé, nếu muốn lên lưng chó thì rất dễ dàng. Hai hình ảnh thật trái ngược. Lên voi có ý nói là leo lên những địa vị cao trong xã hội, phải cố gắng nhiều, phải có đủ điều kiện. Còn người không có địa vị trong xã hội cũng giống như trèo lên lưng chó vậy. Một người sa cơ thất thế, đang có chức tước, địa vị, đang giàu sang phú quý bỗng trở nên tay không, đang làm chủ trở nên làm tớ. Gặp hoàn cảnh như thế tục ngữ Việt Nam viết:

Lên voi xuống chó.

Đất nước nào cũng có những vùng đất đai màu mỡ, phì nhiêu, rất ích lợi cho việc canh nông, hoa màu tốt tươi, mức thu hoạch cao. Đó là điều may mắn cho dân tình vùng đó. Nhưng trái lại có những vùng khô khan, cằn cỗi, thiếu nước, đất toàn sỏi đá không thuận lợi cho việc canh nông. Gặp những vùng khô khan như vậy, người ta than vãn:

Chó ăn đá, gà ăn sỏi.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta không sống riêng rẽ cho mình mà phải sống hợp đoàn với nhiều người khác. Chúng ta phải trao đổi, đối thoại với mọi tầng lớp người trong xã hội. Vì vậy trong lời nói, hành động phải luôn cẩn thận. Đừng vì những lời nói, hành động mà làm mất lòng người khác. Để căn dặn việc này ca dao có câu:

Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Cũng trong chiều hướng đó, người bình dân khuyên khi nói năng, hành động phải suy tính cẩn thận trước khi hành động hoặc phát ngôn:

Đánh chó phải ngó chú.

Sống trong xã hội văn minh hôm nay, giao thông không còn là vấn đề khó khăn, vì có máy chỉ đường, có bản đồ hướng dẫn, còn ngày xưa, lúc khoa học chưa phát triển, giao thông còn hạn chế, lạc đường là chuyện xảy ra hằng ngày. Nếu sống ở thành phố thì còn có thể có hướng dẫn viên, có nhân viên giao thông hướng dẫn, nhưng nếu sống ở vùng quê hẻo lánh thì chỉ mò mẫm hoặc dùng trí nhớ hoặc sự kinh nghiệm để tìm hướng. Trong số các con vật được nuôi trong nhà chó và trâu là hai loại có trí nhớ khá giỏi nên khi lạc đường người ta thường tìm chúng để làm hướng dẫn, vì thế tục ngữ Việt Nam có câu:

Lạc đường nắm đuôi chó,

Lạc ngõ nắm đuôi trâu.

Trong xã hội, nhất là xã hội dưới thời phong kiến, bọn cường hào ác bá, những người có chút quyền lực, địa vị thường ý vào quyền thế của mình rồi bốc lột, chèn ép kẻ dưới, những kẻ bần cùng, cô thế. Nhìn vào những hoàn cảnh chướng tai, gai mắt như thế, người bình dân đã liên tưởng đến hai con vật là chó và gà thường hay dùng nơi sinh hoạt của mình để lấn át những thú vật khác khi đến “lãnh thổ” của chúng:

Chó ý thế nhà,

Gà ý thế vườn.

Trong việc buôn bán làm ăn, việc buôn gian, bán lận không phải là không có trong giới thương trường. Buôn bán phỉnh phờ, đánh lừa khách hàng, mua rẻ bán đắt, đồ giả hóa thật, thay đổi nhãn hiệu, đổi củ thành mới, đó là điều xảy ra hằng ngày. Nhìn thấy cảnh lừa lọc này, cổ nhân đã cảnh cáo người bán cũng như người mua:

Treo đầu dê bán thịt chó.

Trong cuộc sống, nhiều lúc mưa thuận gió hòa, nhiều điều may mắn xảy đến, nhưng nhiều lúc tai ương, khốn khó dồn dập xảy ra, làm cho

con người mang nặng lo âu, buồn phiền, chẳng khác gì người hành khất khốn khổ lại bị cho cắn, dành mất cây gậy thủ thân hoặc như chú mèo què lại bị chó cắn, rượt đuổi không có lối thoát:

Chó cắn gậy ăn mày

hoặc

Mèo què phải trợn chó đòi.

Trong gia đình cũng như trong các sinh hoạt đoàn thể, lãnh đạo chỉ huy đóng một vai trò rất quan trọng. Có người nói được nhiều người chú ý theo dõi, trái lại cũng có nhiều người nói không ai muốn nghe. Như trên đã nói người bình dân Việt Nam nuôi chó có nhiều mục đích, một trong những mục đích chính là xem vườn, giữ nhà. Mỗi lần có người lạ mặt vào vườn là chó sủa inh ỏi. Nhưng cũng có nhiều lúc không có hình ảnh gì xuất hiện chó vẫn sủa, đó là:

Chó sủa vườn hoang.

Chó là loài vật rất gần bó với con người, nhất là với chủ của nó. Có những con chó quá hung dữ, hay cắn vật làm cho người khác phải sợ hãi, ngay cả người hàng xóm, láng giềng cũng không dám bén mảng đến nhà vì sợ chó cắn. Trong quan hệ gia đình cũng vậy, bình thường các nàng dâu rất dễ thương, ai cũng quý mến. Tuy nhiên thỉnh thoảng cũng có những nàng dâu đánh đá, coi thường mọi người trong gia tộc, khinh khi, lạnh nhạt với người dưới, bất kính với người trên, từ đó tình gia đình bị sút mẻ và ít bà con, họ hàng lui tới. Người bình dân đã so sánh họ với những con chó dữ và viết:

Dâu dữ mắt họ,

Chó dữ mắt láng giềng.

Viết về chó thì còn rất nhiều câu ca dao, tục ngữ nói về chó, nhưng xin tạm ngưng ở đây kéo mang tiếng: *Sủa dai như chó.*

Bây giờ xin điểm qua một vài năm chó trong cộng đoàn, để gọi là “ôn cố tri tân”

Lần thứ nhất chó thăm Cộng Đoàn: Năm Giáp Tuất 1994

Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam Giáo Phận Metuchen được thành lập vào khoảng tháng 7

năm 1987, thì vào năm 1994 lần đầu tiên chó viếng thăm Cộng Đoàn, đó là năm Giáp Tuất 1994.

Năm này Cộng Đoàn đã chính thức có cha quản nhiệm: Linh mục Anphongsô Nguyễn Ngọc Thạch. Địa điểm sinh hoạt là nhà thờ Saint James ở 145 Grove St, Woodbridge. Chủ tịch trong thời gian này vẫn là Anh Chị Hồ Đức Linh. Mùa xuân Giáp tuất cộng đoàn phát hành tập đặc san với chủ đề *Xuân và Quê Hương*. Tập đặc san mở đề bằng bài sơ Táo Quân rất dài, linh mục quản nhiệm viết lời ngỏ, nội dung rất phong phú. Rất nhiều văn nhân thi sĩ đóng góp bài vở. Các sinh hoạt của cộng đoàn đã đi vào quy củ. Hai sinh hoạt nổi bật nhất là nhóm Linh Thao và chương Tôn Vương Đức Mẹ vào mỗi tối thứ bảy. Hội Đồng Mục vụ nhiệm kỳ 1993-1995 như sau.

Chủ tịch: A/C Hồ Đức Linh
Phó chủ tịch Nội vụ: A/C Vũ Quốc Anh
Phó Chủ tịch Ngoại vụ: A/C Nguyễn Đức Uông
Thư ký: A/C Dương Văn Khả
Thủ quỹ: A/C Thi Anh Tài

Lần thứ hai chó thăm cộng đoàn: Năm Bính Tuất 2006 .

Địa điểm sinh hoạt vẫn ở nhà thờ Saint James, chủ tịch là A/C Thi Anh Tài. Cha Quản nhiệm Đặng Xuân Oánh từ giả cộng đoàn ngày 8 tháng 1 năm 2006 và cha Trần Việt Hùng về thay thế. Chủ đề tờ Đặc san và đêm Văn nghệ là *Xuân Tình Thương*. Nội dung tập Đặc San và đêm văn nghệ rất phong phú. Mọi sinh hoạt trong năm Bính tuất không có gì nổi bật chỉ bình thường.

Lần thứ ba chó thăm Cộng Đoàn: Năm Mậu Tuất 2018.

Sinh hoạt tại nhà thờ Giáo Xứ Đức Mẹ Czestochowa ở S. Plainfield.,

Cha Pherô Trần Việt Hùng là cha chánh xứ và Quản nhiệm Cộng Đoàn ĐMHXL

Đặc San Xuân và Đêm Văn nghệ với chủ đề: *Việt Nam quê hương tôi*.

Còn các sinh hoạt khác xin chờ. Hy vọng sẽ có nhiều biến chuyển trong năm Mậu Tuất.

Tết Tây - Tết Ta

Yên Hà

Mỗi năm, người Á Đông chúng ta được ăn Tết hai lần. Trong dịp này, tôi bỗng cần "ôn" lại phong tục tập quán ngày Tết ta và nhân thể nhắc qua ngày Tết "Tây" ở những quê-hương thứ hai của mình, nhân thể khai bút luôn.

Ngày đầu năm là một ngày lễ đã được ăn mừng từ lâu năm, lần đầu tiên hình như đã hơn bốn ngàn năm tại Babyloane (hiện thuộc nước Iraq).

Thuở nguyên thủy, lúc kinh-tế dựa trên canh nông, người ta thường đánh dấu năm mới vào đầu mùa xuân, lúc vạn-vật bắt đầu sống lại và người nông dân bắt đầu gieo hạt đầu mùa. Dần dần, năm mới được "đồng hoá" vào ngày 1 tháng 1 đầu năm trong tất cả các loại lịch (âm-lịch hay dương-lịch).

1. Âm lịch - Dương lịch

Ngày Tết của người Tây phương được tính theo **dương lịch** (do Giáo-Hoàng Gregorio XIII lập nên). Ngày, tháng, năm được tính theo vị trí của quả đất chuyển động chung quanh mặt trời (do đó gọi là dương lịch): 365,5 ngày một năm (365 ngày hoặc 366 ngày những năm nhuận, mỗi 4 năm).

Ngày Tết ta thì được tính theo **âm lịch**, nghĩa là tháng được tính theo chu kỳ vận-hành của mặt trăng chung quanh quả đất: ngày đầu tháng là tháng mới (new moon / nouvelle lune) và ngày thứ 15 là trăng tròn (full moon / pleine lune) và 1 năm chỉ có 354 (29,5 x 12) ngày.

Trên thực tế, các loại lịch này phải được gọi là **âm-dương lịch** vì tháng được tính theo mặt trăng nhưng năm thì lại tính theo mặt trời để trùng khớp với mùa màng, cho nên cứ 2 (hoặc 3)

năm phải thêm vào 1 tháng để 1 năm có đủ 365,5 ngày..

Ngày nay, dương lịch đã trở thành lịch quốc tế, âm-dương lịch chỉ còn dùng cho những ngày lễ cổ-truyền hay tôn giáo (ngày Tết, Trung Thu, lễ Vu Lan...) hay trong thiên văn, tử vi.

2. Tết Tây

Hết năm cũ, sang năm mới là một cơ-hội để ăn mừng trên toàn thế-giới và ngày mùng 1 tháng giêng dương-lịch đã trở thành ngày lễ mừng năm mới trên (gần như) toàn cầu.

Nếu Giáng Sinh được xem như một ngày lễ trong gia-đình và ở nhà thì người ta thường ăn mừng năm mới với bạn bè ở ngoài (tiệm ăn, vũ trường, ...).

Và đã gọi là sang năm mới thì năm cũ phải kết-thúc, cho nên thời-điểm quan-trọng phải là lúc chuyển-tiếp, nghĩa là ngày 31 tháng 12 (dương-lịch), và đặc biệt là lúc 12 giờ khuya, trước khi bước qua năm sau.

Giao thừa bên Pháp gọi là "*Réveillon de la Saint Sylvestre*". Người Pháp thường đón giao-thừa bằng một bữa ăn thịnh soạn với gan ngỗng (foie gras) và champagne, rồi nháy đăm; đến 12 giờ đêm thì hôn má và chúc mừng năm mới nhau dưới một cành tầm gửi (gui). Ở Paris, thì mọi người hay tụ tập nơi tháp Eiffel hay trên đại-lộ Champs Elysées.

Mừng năm mới thường chấm dứt vào ngày lễ Hiển Linh (*Épiphanie*) ngày 6 tháng 1 và hôm đó mọi người chia nhau ăn "bánh vua" (galette des rois).

Bên Mỹ, đặc biệt là ngày *New Year's Eve* (giao thừa), ở Nữ Ước (New York City), mọi người tụ tập ở 1, Time Square để xem quả cầu pha-lê (to 2 thước đường kính, nặng 500 ký) được từ từ hạ xuống, một phút trước 12 giờ đêm.

Một tục-lệ khác là gửi nhau *thiệp chúc mừng* năm mới, nhưng thời buổi Internet, thiệp giấy dần dần bị thay thế bằng thiệp điện-tử (email, text messages, ...).

Đầu năm, người Tây-phương còn có một tục-lệ "Một kiên quyết cho năm mới" (New year resolution) : "Năm nay, tôi cương quyết sẽ... bỏ hút thuốc, xuống 10 ký-lô, đi học đàn/nhảy/nấu bếp..., bớt làm việc và dành nhiều giờ với gia-đình hơn, ..."

Tinh thần của những "ngệ quyết" này là mượn dịp năm mới để sống lại (rebirth/renaissance), để làm lại từ đầu (starting fresh/repartir du bon pied), là không phó mặc cho số phận mà nhất quyết làm chủ đời mình. Làm được hay không lại là chuyện khác...

Đây, tham khảo đó đây đại khái chỉ bấy nhiêu, ăn Tết kiểu Tây phương chỉ giản-dị vậy, đến khi vào Wikipedia xem "Tết Nguyên Đán" thì sơ sơ cũng hơn chục trang.

3. Tết Nguyên Đán

(phỏng theo Wikipedia)

Tết Nguyên Đán (hay còn gọi là Tết Cả, Tết Ta, Tết Âm lịch, Tết Cổ truyền hay chỉ đơn giản Tết) là dịp lễ quan trọng nhất của Việt-Nam.

Chữ "Tết" do chữ "Tiết" (節) mà thành. Hai chữ "Nguyên đán" (元旦) có gốc chữ Hán: "nguyên" có nghĩa là sự khởi đầu hay sơ khai và "đán" có nghĩa là buổi sáng sớm, cho nên đọc đúng phiên âm phải là "Tiết Nguyên Đán".

Phong-tục, tập quán của người Á-Đông chung quanh ngày Tết thì thật phức-tạp, có thể nói là "rườm rà" nên, nhất là thời buổi này, ít có gia-đình nào, trong hay ngoài nước, áp dụng hoàn toàn được. Chúng ta cũng nên duyệt sơ qua, gọi là ôn lại chút ít truyền-thống văn-hoá của dân-tộc mình.

3.1 Những giai-đoạn chính:

Sự khác biệt giữa âm lịch và âm-dương lịch khiến cho ngày Tết ta muộn hơn Tết tây và thường rơi vào giữa ngày 21 tháng 1 (dương lịch) và ngày 19 tháng 2 (dương lịch).

"Tháng giêng là tháng ăn chơi,
tháng hai trồng đậu, tháng ba trồng cà..."

Bài ca dao này muốn nói người ta ăn Tết không phải chỉ một ngày mồng một.

Nói đúng hơn nữa, không khí Tết đã bắt đầu từ ngày 23 tháng Chạp là ngày mà người Việt **cúng ông Táo** (Táo Quân). Ông Táo vừa là thần bếp trong nhà vừa là người ghi chép tất cả những việc làm tốt xấu mà gia chủ đã làm trong năm cũ và báo cáo về Ngọc Hoàng.

Một số gia đình ở nông thôn vẫn còn gìn giữ phong tục dựng cây nêu để chống lại quỷ dữ và những điềm gở.

Ngày Tắt niên (trước Tết) có thể là ngày 30 tháng Chạp (nếu là năm đủ) hoặc 29 tháng Chạp (nếu là năm thiếu).

Buổi tối ngày này, gia đình sum họp lại với nhau để ăn cỗ cúng Giao thừa, là lễ cúng để đem bỏ hết đi những điều xấu của năm cũ sắp qua để đón những điều tốt đẹp của năm mới sắp đến. Giữa ngày 30 (hoặc 29) tháng Chạp và ngày mồng 1 tháng giêng (từ 23 giờ hôm trước đến 1 giờ hôm sau), giờ Tý là thời khắc quan trọng nhất của dịp Tết. Nó đánh dấu sự chuyển giao giữa năm cũ và năm mới và được gọi là Giao thừa.

Trong thời khắc giao thừa mọi người trong gia đình thường dành cho nhau những lời chúc tốt đẹp nhất.

Qua ngày mồng 1, chúng ta bước vào **Tân niên** (năm mới, sau Tết) và ăn Tết 7 ngày.

Ngày mồng Một tháng Giêng (còn gọi là ngày Chính đán) là ngày Tân niên đầu tiên và được coi là ngày quan trọng nhất trong toàn bộ dịp Tết. Không kể những người tốt số, hợp tuổi được mời đi xông đất vào sáng sớm ngày này, người Việt cổ thường không ra khỏi nhà, chỉ bày cỗ cúng Tân niên, ăn tiệc và chúc tụng nhau trong nội bộ gia đình.

Đối với những gia đình đã tách khỏi cha mẹ và cha mẹ vẫn còn sống, họ đến chúc tết các ông bố theo tục: Mồng Một Tết cha.

Cứ năm mới tới, mỗi người tăng lên một tuổi, bởi vậy ngày mồng Một Tết là ngày con cháu "**chúc thọ**" ông bà và các bậc cao niên.

Ngược lại, người lớn thường tặng trẻ em tiền bỏ trong một bao giấy đỏ, hay "hồng bao", gọi là "**lì xì**" với những lời chúc mừng ăn no, chóng lớn. Theo cổ tích Trung Quốc thì trong "hồng bao" có 8 đồng tiền (là Bát Tiên hóa thân) được đặt dưới gối đứa trẻ để xua đuổi quỷ đến quấy nhiễu, vì ma sợ giấy màu đỏ. Tiền mừng tuổi nhận được trong ngày Tết gọi là "**Tiền mở hàng**".

Ngày mồng Hai là ngày có những hoạt động cúng lễ tại gia vào sáng sớm. Sau đó, người ta chúc tết các bà mẹ theo tục Mồng Hai Tết mẹ. Riêng đàn ông chuẩn bị lập gia đình còn phải đến nhà cha mẹ vợ tương lai (nhạc gia) để chúc Tết theo tục "Đi sêu".

Ngày mồng Ba là ngày sau khi cúng cơm tại gia theo lệ cúng ít nhất đủ ba ngày Tết, các học trò thường đến chúc Tết thầy dạy học theo tục Mồng Ba Tết thầy, đúng theo truyền-thống.

Mùng Một thì ở nhà cha,

Mùng Hai nhà vợ,

Mùng Ba nhà thầy

hay nói cách khác

Mùng Một tết cha,

Mùng Hai tết mẹ,

Mùng Ba tết thầy.

Xông đất (hay đạp đất, mở hàng) là tục lệ đã có lâu đời ở Việt-nam.

Với quan niệm ngày mồng Một "khai trương" một năm mới, vào ngày này, nếu mọi việc diễn ra suông sẻ, may mắn, cả năm cũng sẽ được tốt lành, thuận lợi. Ngay sau thời khắc giao thừa, bất cứ người nào bước từ ngoài vào nhà với lời chúc năm mới được coi là đã xông đất cho gia chủ.

Người khách đến thăm nhà đầu tiên trong một năm cũng vì thế mà quan trọng. Cho nên cứ cuối năm, mọi người cố ý tìm xem những người trong bà con hay láng giềng có tính vui vẻ, linh hoạt, đạo đức và thành công để nhờ sang thăm. Nếu không tìm được người "lý tưởng" thì gia chủ tự xông đất bằng cách ra khỏi nhà rồi bước vào trở lại.

Hoá vàng: Ngày mùng 4 tháng Giêng theo lịch cổ là ngày con nước. Trong ngày này (hoặc ngày mùng 5), người Việt làm lễ cúng tổ tiên để về ăn Tết với con cháu và đốt nhiều vàng mã để tiền nhân về cõi âm có thêm tiền vốn đầu năm, mà phù hộ độ trì cho con cháu hậu thế làm ăn phát đạt. Tại nhiều vùng ở Đồng bằng Bắc Bộ, người Việt có tục hát chèo đờ đưa tổ tiên trở lại thế giới bên kia.

Ngoài ra, còn có những tục lệ khác như:

- **xuất hành:** lần đi ra khỏi nhà ngày đầu tiên trong năm, thường được thực hiện vào ngày tốt đầu tiên của năm mới để đi tìm may mắn cho bản thân và gia đình, có người đi du xuân luôn;

- **khai xuân** tùy theo nghề nghiệp: khai trương, khai thương mở hàng, khai ấn (nếu là người có chức tước), khai bút (học trò, sĩ phu), khai canh (nhà nông) hay... khai pháo;

- **hái cành lộc:** ở các nơi đền, chùa miền Bắc ngụ ý xin hưởng chút lộc của Thần, Phật;

- **khai hạ:** hạ cây nêu ngày mùng 7 Tết, chấm dứt Tết nguyên đán để sau đó bắt đầu bước vào việc làm ăn trong năm mới;

3.2 Sắm Tết – Trang hoàng

Đã gọi là Tết thì phải linh đình, năm mới cái gì cũng phải mới và đây là dịp để đi **sắm Tết**. **Chợ Tết** là những phiên họp chợ vào trước Tết, từ 25 tháng Chạp cho đến 30 tháng Chạp, bán nhiều mặt hàng, nhưng nhiều nhất là các mặt hàng phục vụ cho tết Nguyên đán. Vào những ngày này, các chợ sẽ bán suốt cả đêm, và đi chợ Tết đêm là một trong những cái thú đặc biệt. Kèm theo các chợ mua bán ngày giáp tết đông đúc, nhiều nơi còn tổ chức các chợ hoa nhằm vui xuân. Những loại chợ Tết đặc biệt cũng sẽ chấm dứt vào trước giờ Ngọ.

Cây Tết tiêu biểu nhất là **cây nêu**, một loại tre cao khoảng 5-6 thước, ngọn thường treo nhiều thứ (tùy theo từng địa phương) như vàng mã, bùa trừ tà, cành xương rồng, bầu rượu bện bằng rơm, hình cá chép bằng giấy để tảo quân dùng làm phương tiện về trời,...

Ngoài ra, **cây quất** được trang trí trong phòng khách, cây xum xuê, lá xanh tốt, quả vàng chi chít thể hiện sự trù phú, hứa hẹn năm mới được mùa, ăn nên làm ra, dồi dào sức sống.

Mâm ngũ quả là một mâm có khoảng năm thứ trái cây khác nhau thường có trong ngày Tết.

Mâm ngũ quả của người miền Bắc gồm chuối, bưởi, đào, hồng, quýt, nhưng hầu như tất cả các loại quả đều có thể bày được, miễn là nhiều màu sắc.

Mâm ngũ quả người miền Nam gồm dưa, đu đủ, măng cầu, xoài, sung, với ngụ ý "cầu sung vừa đủ xài".

Cũng không thể quên quả **dưa hấu** mà An Tiêm đã mang lại cho chúng ta và đã được người Trung Hoa khen: "Hấu".

Hoa Tết thì không thể thiếu **hoa đào** (để xua đuổi ma quỷ, theo sự tích hai vị thần ở núi Sóc Sơn) và **hoa mai** (màu vàng tượng trưng cho sự cao thượng vinh hiển cao sang, cho sự phát triển nòi giống).

Hoa để cúng có thể là vạn thọ, cúc, huệ, ... và hoa để trang trí thì muôn màu sắc như hồng, thủy tiên, lan, cẩm chướng, thạch thảo, ...

Để trang trí trong những ngày Tết, đặc biệt còn có tranh Tết và câu đối Tết.

Tranh Tết là một phần không thể thiếu và những màu sắc rực rỡ như khơi gợi nên cảm giác mới mẻ ấm cúng rộn rã sắc xuân trong mỗi gia đình của người Việt.

Câu đối Tết được viết bằng chữ Nho (màu đen hay vàng) trên những tấm giấy đỏ hay hồng đào cho nên còn được gọi là câu đối đỏ:

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.*

Và không ai là không nhớ bài thơ "ông đờ" của Vũ Đình Liên:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đờ già
Bày mực tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua*

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay

Nhưng mỗi năm, mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

3.3 Ẩm-thực ngày Tết

Thành ngữ Việt Nam có câu "Đói giỗ cha, no ba ngày Tết". Tết đến, dù nghèo khó đến đâu thì người ta cũng cố vay mượn, xoay xở để có đủ ăn trong ba ngày Tết sao cho "già được bát canh, trẻ có manh áo mới". Hơn thế nữa, dù có đói khát quanh năm thì đến Tết, mọi người, nhất là trẻ em thường được ăn uống no đủ.

Bữa ăn ngày Tết thường có nhiều món, đủ chất hơn và sang trọng hơn bữa ăn ngày thường. Vì vậy mà người ta cũng thường gọi là "**ăn Tết**".

Thức ăn mặn thì nhất định phải có những **bánh truyền-thống** như bánh chưng (vuông), bánh dày, bánh tét (còn gọi là bánh chưng tày hay bánh tày, tròn và dài) với dưa hành, gắn liền với các sự-tích cổ thời vua Hùng.

Tôi vẫn nhớ các món ăn giỗ ông bà hay **cổ Tết** người **Bắc** có thể có bóng bì, canh măng, chân giò, miến gà, xôi gấc đỏ, thịt gà, thịt đông với dưa muối, giò lụa, nộm, cơm rượu, ...

Ngoài ra, các gia đình miền **Nam** thường có thêm nôi thịt kho, nước dứa (thịt kho rệu) và nôi khổ qua hầm và nem bì, dưa giá miền Nam, củ

kiệu ngâm, bánh tráng (để cuốn) để ăn mấy ngày Tết. Thông thường, người nội trợ miền Nam lục lọi nghỉ ngơi, không nấu nướng trong 3 ngày Tết, mà chỉ dùng thức ăn đã được chuẩn bị sẵn trước Tết.

Miền **Trung** có dưa món và món tré (giống giò thủ của miền Bắc nhưng nhiều vị củ riêng), thịt chua và tai heo, ...

Mứt Tết và các loại bánh kẹo khác để thờ cúng, sau đó dọn ra để đãi khách. Tôi cũng nhớ những lần cắn hạt dưa đến đỏ cả môi và tay, hạt bí, hạt hướng dương, ...

Thức uống ngày Tết vẫn là **rượu**: rượu truyền-thống như rượu nếp thơm, nếp nương, nếp cẩm, rượu đế, ... hay những rượu Tây-phương như cognac, whisky, bia, ...

Sau bữa ăn, người ta thường dùng **trà** xanh.

3.4 Phong-tục, tập quán và sinh hoạt Tết

Phong-tục Tết thì nhiều lắm. Ngoài những gì đã đề-cập ở phần trên, còn có:

Đốt pháo thường hay có trong dịp cúng tât niên hay thời khắc giao thừa ngày Tết cổ truyền để xua ma, trừ quỷ.

Áo quần mới: Ngày xưa, trước Tết một thời gian ngắn, các bà các mẹ trong nhà phải thức khuya quay tơ, dệt vải, may áo quần mới cho cả nhà. Công việc này thường kết thúc vào ngày cuối năm để đến sáng mừng Một Tết, cả nhà dậy sớm, thay quần áo mới làm lễ gia tiên. Người ta cho rằng cần phải rũ bỏ những cái cũ, cái không may mắn đi theo quần áo cũ và đón một năm mới với nhiều hy vọng và niềm vui mới từ bộ quần áo mới đó.

Trả nợ cũ: Đối với nhiều người Việt, cuối năm là dịp trả nợ cũ, xóa bỏ xích mích của năm cũ, để hướng tới năm mới vui vẻ.

Tuỳ theo bản sắc văn hóa của mình, mỗi địa phương đều tổ chức **lễ hội** ngày tết với những phần "lễ" và phần "hội" chứa đựng những nét văn hóa khác nhau rất phong phú.

Các lễ hội truyền-thống thường có thi đấu cờ người (không phải loại của bà Hồ Xuân Hương

đâu nhé), đua thuyền, đấu vật, **múa lân**, múa rồng, thi thả chim bồ câu...

Trò chơi dân gian: bịt mắt bắt dê, múa võ, hát bội, hát cải lương, hát chèo, đánh đu, chọi gà và nhiều trò dân gian cổ truyền khác.

Cờ bạc: Ngày xưa các gia đình có nề nếp quanh năm cấm đoán con cháu không được cờ bạc rượu chè nhưng trong dịp Tết thì tam cúc, chắn, tổ tôm, cờ gánh, ai thích gì thì cứ chơi. Đến lễ khai hạ (hạ nêu) thì xé bộ tam cúc, cất bộ tổ tôm... hoặc đốt các bộ bài trong lễ hóa vàng.

Còn nhiều phong-tục thất -truyền nữa như "đi sêu Tết" (trước ngày Tết, con rể tương lai mang lễ đến biếu bố mẹ vợ), lạy sống ông bà, hát sặc bùa (trẻ con nghèo đến cửa các nhà vừa hát vừa gõ trống để được chủ nhà phát tiền mừng tuổi), ...

3.5 Tín ngưỡng ngày Tết

Đi lễ chùa: Có người cả năm không đi lễ, nhưng đến Tết nhất thiết phải qua chùa thắp nén hương, dâng tiền giọt dầu hoặc tiền công đức cho chùa. Trong những ngày đầu năm âm lịch thì rất nhiều người thích đi lễ ở các lăng tẩm, đền chùa để cúng bái và xin xăm, nhất là vào buổi sáng mùng một. Phong tục này thường được tiến hành chung với tục lệ chọn hướng xuất hành và hái lộc.

Xin xăm là một hình thức tin vào các thế xăm có ghi lời sấm báo trước điềm lành hay dữ trong năm và thường cần có thầy bàn xăm. Ở miền Bắc có tục "bốc quẻ thẻ" giống như tục "xin xăm" ở phía Nam.

Người Việt ta hay tin dị-đoan.

Mong sao có những điềm lành như:

- Sau Giao thừa, nếu **hoa mai** (loại 5 cánh) nở thêm nhiều và đầy đặn thì đó là một điềm may. Và may mắn hơn nữa khi có một hoặc vài bông hoa 6 cánh;

- **Chó lạ vào nhà:** theo tục ngữ "Mèo đến nhà thì khó, Chó đến nhà thì sang";

- Cây đào nếu có nhiều cánh kép (hoa kép) 3 lớp (hàng) trên đài hoa và có hình dáng như bông hồng thì sẽ có nhiều phúc lộc;

- **Cây quất** nếu có nhiều chồi xanh mọc thì năm đó sẽ có nhiều lộc. Nếu có đủ Tứ quý: quả chín, quả xanh, hoa và lộc thì sẽ may mắn và thành đạt cả năm;

... ..

Và cũng có nhiều điều **kiêng kỵ** nên tránh như:

- **Kỵ mai táng:** Ngày Tết Nguyên Đán là ngày mở đầu cho vận hội hanh thông của cả một năm, có ý nghĩa rất thiêng liêng và gia đình phải tạm gác mối sầu riêng để hoà chung với niềm vui toàn dân tộc;

- Ngày mừng Một Tết người ta rất **kỵ người khác đến xin lửa** nhà mình vì quan niệm lửa là đỏ, là may mắn, nên giữ, không nên cho đi;

- Kiêng **cho nước** đầu năm vì nước được ví như nguồn tài lộc trong câu chúc "tiền vào như nước", nếu cho nước thì coi như mất lộc;- Theo quan niệm dân gian, việc **quét nhà** trong ngày Tết sẽ quét đi theo cả lộc xuân (xác pháo đốt trong đêm giao thừa), người quét nhà sẽ bị "rông" (xui xẻo) cả năm;

- Ngày đầu năm cũng như ngày đầu tháng, người ta rất kiêng kỵ việc **vay mượn** hay trả nợ, cho vay (cho nên phải làm dịp cuối năm cho xong);

- Trong **ăn uống**, người ta kiêng ăn thịt chó, cá mè, thịt vịt... nếu không sẽ "xúi quẩy".

Ngoài ra, người già cũng khuyên con cháu trong ngày này không được đánh vỡ bát đĩa, cãi nhau, nói xấu, kiêng những **điều không vui** xảy ra với gia đình;

Người ta thường kiêng khóc lóc, **buồn tủi** hoặc nói tới điều rủi ro hoặc xấu xa trong dịp Tết, kiêng mặc quần áo màu trắng và đen (màu của tang lễ);-

... ..

3.6 Tết tha-hương

Tôi nhớ mãi những buổi văn-nghệ Tết bên Bì, bên Pháp khi tôi còn là du học sinh, bao giờ cũng vừa vui, vừa buồn. Vui vì có dịp vui chơi với bao nhiêu bạn bè, buồn vì có vui mấy cũng chỉ là

vui "tạm bợ" nơi xứ người, xa gia-đình, xa quê-hương.

Và bây giờ tôi vẫn "phải" tiếp tục vui Tết tha hương.

Người Việt hải-ngoại nếu không có điều kiện về Việt Nam cũng tổ chức những hoạt động trong dịp Tết Âm lịch mang đậm truyền thống văn hóa.

Những nơi đông Việt Nam như quận Cam, San Jose, Houston, Cabramatta-Úc, Paris, ... cũng có chợ Tết, chợ hoa, những khu thương xá cũng có bán các mặt hàng mứt, bánh chưng, hạt sen,..., cũng có đốt pháo, múa lân, ...

Các cộng đồng và các hội đoàn người Việt, các chùa, các giáo xứ, các hội sinh-viên,... có tổ chức Hội tết và ca nhạc văn nghệ Tết.

Chúng tôi có dịp đi giúp vui văn-nghệ trong những buổi Tết cộng-đồng, thường có đốt pháo, múa lân, ăn uống (món ăn Tết), bầu cua, cá cộp, lì xì cho trẻ em, văn nghệ thường có nhạc Tết, nhạc quê-hương, cải lương, nhạc vui, có những màn múa thanh thiếu niên và trẻ em.

Hội Tết nào cũng thật vui, nhưng bao giờ tôi cũng cảm thấy bùi ngùi, không hiểu vì sao?

Con người "xa mặt, cách lòng" và dù muốn dù không, xa quê-hương, chúng ta cũng mất mát đi một chút gì văn hoá truyền-thống của mình.

Tết ngày hôm nay nơi xứ người, chúng ta còn giữ được những gì trong tất cả những phong-tục, tập quán của người Việt-Nam ta? Còn giữ được bao lâu?

Vui buồn lẫn lộn.

Tháng Giêng, 2014

1. Tết Nguyên-Đán – Wikipedia
http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%Bft_Nguy%C3%AA_n_%C4%90%C3%A1n
2. New Year – Wikipedia
http://en.wikipedia.org/wiki/New_Year

1988 -2018

30 Năm

Các Thánh Tử Đạo VN

Lê Thiên



Trong Thư Mục Vụ số 5/2017, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam kêu gọi: “Năm 2018, chúng ta sẽ kỷ niệm 30 năm Toà Thánh nâng 117 vị Tử đạo lên hàng hiển thánh. Đây là một dấu son trong lịch sử và là niềm tự hào của Giáo Hội Việt Nam. Chúng ta hãy tạ ơn Chúa đã ban cho Giáo Hội những chứng nhân anh dũng, dám sống màu nhiệm hạt lúa được gieo vào lòng đất, chấp nhận chết đi để mang lại nhiều hoa trái (x. Ga 12,23-25). Chúng ta không quên, ngày 19/6/1988, tại Roma, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô đã tuyên thánh 117 vị Tử Đạo Việt Nam. Vị Cha Chung của Hội Thánh nhắn nhủ: “Hỡi các Kitô hữu Việt Nam, chúng tôi có thể nói rằng máu Các Thánh Tử Đạo là cho anh chị em, là nguồn ân sủng để tăng trưởng đức tin. Nơi anh chị em, đức tin của cha ông chúng ta tiếp tục được thông truyền cho những thế hệ mới. Đức tin này là nền tảng giúp cho anh chị em,

vừa trung thành với quê hương Việt Nam, vừa tiếp tục là những môn đệ đích thực của Đức Kitô”.

Một niềm hân hoan và hãnh diện không nhỏ cho người Công Giáo Việt Nam. Nhưng rồi chúng ta tự hỏi: mình đã thật sự biết gì về các Đấng Tử Đạo VN chưa, dù chỉ biết vài nét khái quát?

Tôn vinh Thánh Tử Đạo Việt Nam.

Trong quyển “Máu Tử Đạo trên đất Việt Nam” (1987), Linh mục tiền sĩ Trịnh Việt Yên có vẻ như phiến trách: “Nguyên nhân chính khiến người Công Giáo Việt Nam lãnh đạm với các Thánh Tử Đạo Việt Nam là do ‘vô tri bất mộ’ và ‘bụt nhà không thiêng’” (sđd trang 79). Ấy là cái nhìn ở thời điểm 30 năm về trước. Ngày nay không vậy nữa. Nhà thờ Công Giáo Việt Nam tại Việt Nam lẫn tại hải ngoại ít ra cứ mỗi Chúa Nhật lại vang tiếng kinh cầu cùng các Thánh Tử Đạo Việt Nam. Một số tín hữu, đoàn thể, nhà thờ và cơ sở Công Giáo Việt Nam đã chọn Thánh Tử đạo Việt Nam làm Thánh Quan Thầy. Cụ thể,

+ ĐGM Nguyễn Văn Hiền chọn Thánh Simon Hòa làm Thánh Quan Thầy và ngài thích được gọi là “**Simon-Hòa Hiền**” – Đức Cha Simon-Hòa Hiền.

+ Tiểu Chúng Viện Huế do Đức Đáng Kính Hồng Y Phanxicô Xavie Nguyễn Văn Thuận một thời làm Giám Đốc có tên gọi là “**Chúng viện Tôma Thiện**”.

+ Ca đoàn **Lê Bảo Tịnh**, một Ca đoàn Công Giáo lớn tại Việt Nam

Simon Hòa, Tôma Thiện, Lê Bảo Tịnh... là những vị Thánh trong số 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam. Và còn nhiều trường hợp khác.

Học hỏi Thánh Tử Đạo Việt Nam

Dẫu vậy, có lẽ không ít người Công Giáo Việt Nam cũng nên tự xét mình khi nghe lời trách cứ sau đây của Lm Trịnh Việt Yên: “*Vì không ý thức về chân giá trị của cha ông, vì không hãnh diện về tài đức của tổ tiên, chúng ta đã đánh mất lòng tin ở mình và đã vô tình coi thường những tinh hoa của giống*

nòi... lầm tưởng rằng chỉ có những vị thánh khác của Giáo Hội mới là ‘Thánh’, mới ‘thiêng’, nên chỉ tôn kính, cầu khẩn các Ngài và bỏ rơi các thánh Việt Nam.” (Sđd trang 79).

Là hậu duệ của các đấng tiền nhân anh hùng tử đạo, lẽ nào chúng ta không coi sách truyện các Thánh Tử Đạo Việt Nam là cuốn gia phả cho đời sống thiêng liêng của mình. Nhưng đọc và nhớ tiểu sử của một vị Thánh thôi đã là khó, nói gì tới 117 vị? Song ít ra, chúng ta ai cũng nên có một cái nhìn tổng thể về các Thánh Tử Đạo VN để từ đó sẽ chọn cho mình một vị Thánh mình yêu chuộng về mặt này hay mặt khác.

Trong thế kỷ 18 và 19, có khoảng từ 130 ngàn đến 300 ngàn người Công giáo đã chết vì đạo; riêng trong thời gian từ 1857 đến 1862, có khoảng 5 ngàn tín hữu bị giết, khoảng 40 ngàn tín hữu cùng 215 giáo sĩ, tu sĩ nam nữ đã bị bắt, bỏ tù hay lưu đày vì đạo. Trong số đó có 117 vị, tử đạo từ 1745 đến 1862, được Giáo hội Công giáo tôn vinh Chân phước qua bốn đợt:

- Ngày 27 tháng 5 năm 1900 (thời Giáo hoàng Lêô XIII): 64 vị
- Ngày 20 tháng 5 năm 1906 (thời Giáo hoàng Piô X): 8 vị
- Ngày 2 tháng 5 năm 1909 (thời Giáo hoàng Piô X): 20 vị
- Ngày 29 tháng 4 năm 1951 (thời Giáo hoàng Piô XII): 25 vị

Ngày 19 tháng 6 năm 1988, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II tuyên phong 117 Chân phước Tử đạo VN lên bậc hiển thánh.

Theo Tự điển mở Wikipedia, căn cứ quốc tịch, 117 Thánh Tử đạo Việt Nam được chia ra như sau:

- 11 vị gốc Tây Ban Nha: 6 giám mục và 5 linh mục dòng Đa Minh,
- 10 vị gốc Pháp: 2 giám mục và 8 linh mục thuộc Hội Thừa sai Paris,
- 96 vị người Việt: 37 linh mục và 59 giáo dân - trong đó có 14 thầy giảng, 1 chủng sinh và một phụ nữ là bà Anrê Lê Thị Thành.

Các vị nêu trên đã bị giết trong những đời vua chúa sau đây:

- 2 vị dưới thời chúa Trịnh Doanh (1740-1767),
- 2 vị dưới thời chúa Trịnh Sâm (1767-1782),
- 2 vị do sắc lệnh của vua Cảnh Thịnh (1782-1802),
- 58 vị dưới thời vua Minh Mạng (1820-1841),
- 3 vị dưới thời vua Thiệu Trị (1841-1847),
- 50 vị dưới thời vua Tự Đức (1847-1883).

Thánh Tử đạo gốc giáo dân.

Phía giáo dân Việt Nam có 59 vị Thánh được tuyên phong Đức Ông Trần Ngọc Thụ ghi nhận: *“Về giáo dân, đạo gốc có, tâm tòng có, thường dân có, quan quyền có, binh sĩ có, ngày xưa họ đã từng bị bách hại khốc liệt, đã bị xử lăng trì, trảm quyết, bả đao, xử giáo, quăng vào lửa, buông xuống sông biển, phân sập vào các làng bên lương...! Tổng cộng, hơn 130 ngàn giáo hữu đã gục ngã đau thương, chỉ vì một tội là theo đạo Gia Tô. Theo chương trình Thiên định, họ là hạt giống gieo xuống lòng đất, sẽ bị thổi nát, để rồi nảy mầm vươn lên ánh sáng, thành cây tươi tốt, thành vườn hoa trăm màu nghìn sắc, báo hiệu mùa Xuân Giáo Hội huy hoàng.”* (ĐỒ Đa Minh Trần Ngọc Thụ - Chung quanh lễ Phong Thánh các Anh Hùng Tử Đạo Việt Nam 16/6/2013)

Thời các Thánh Tử Đạo VN, đạo CGVN chưa có đoàn thể CGTH, mà chỉ một số giáo dân đạo đức, uy tín, được giao phó trách nhiệm trù mứ, trù họ hay chánh trương, phụ giúp các linh mục chánh xứ. Các vị này hy sinh mạng sống vì trách nhiệm của mình, bảo vệ chủ chăn, bảo toàn đức tin.

Về việc chọn ngày lễ tuyên thánh.

Trong bài tường trình của ĐỒ Trần Ngọc Thụ dẫn trên, Đức Ông nêu rõ: *“Theo thông lệ, khi xin nhật kì phong thánh, bao giờ cũng phải dự tính sẵn 3 ngày, để đề phòng trường hợp Tòa Thánh đã có chương trình xếp đặt nào khác thì mình cũng phải thay đổi theo. Lễ Phong Thánh Việt Nam đã xin vào ngày 29.6.1988, lễ hai Thánh Phêrô và Phaolô, nhưng người ta khuyên cáo không nên, vì sẽ bị hai Thánh*

Quan Thầy quá lừng danh của Thủ đô Roma lẫn át mất. Đã có dự tính chuyển sang Chúa Nhật 26.6, nhưng cũng không ổn, vì hôm đó Đức Thánh Cha đi công du bên Áo quốc. Chỉ còn Chúa Nhật 19.6, nghĩa là xếp trước cuộc công du của Đức Thánh Cha một tuần lễ, vì trước sau ngày đó không còn cách nào khác. Đây là lí do duy nhất và dễ hiểu, chứ không hề có chuyện nghĩ tới, hay là may mắn muốn kỉ niệm Ngày Quân Lực VNCH như người ta đã cố tình gán ghép.”

Nhà cầm quyền Cộng sản vô thần tại Việt Nam đã từng nại cái cớ “ngày 19/6 là ngày Quân Lực VNCH” để đòi đình hoãn lễ tuyên thánh. Họ còn mở chiến dịch đánh phá chính việc tuyên thánh, kết tội các Đấng Tử Đạo, kết tội Giáo Hội Công Giáo hoàn vũ, kết tội người Công Giáo Việt Nam. Đến nỗi lúc bấy giờ, trong nước đã có một thẩm quyền Công giáo có vẻ “chao đảo”, nghiêng về phía CSVN, núp dưới danh nghĩa “đoàn kết dân tộc” đòi đình hoãn vô thời hạn việc tuyên thánh... May thay! Chúa Thánh Thần đã soi dẫn các Đấng Chủ Chăn Công Giáo VN để các ngài noi gương các Thánh Tử Đạo VN, kiên quyết tuyên xưng Đức Tin.

Kết quả là ngày 19/6/1988 lễ Tuyên Thánh 117 Thánh Tử Đạo Việt Nam vẫn được tiến hành. Trong lễ phong thánh tại Rôma, ngày 19.06.1988, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhấn nhủ: *“Hỡi các Kitô hữu Việt Nam, chúng tôi có thể nói rằng máu Các Thánh Tử Đạo là cho anh chị em, là nguồn ân sủng để tăng trưởng đức tin. Nơi anh chị em, đức tin của cha ông chúng ta tiếp tục được thông truyền cho những thế hệ mới. Đức tin này là nền tảng giúp cho anh chị em, vừa trung thành với quê hương Việt Nam, vừa tiếp tục là những môn đệ đích thực của Đức Kitô”*.

Giáo Hội Công Giáo VN cùng với Giáo Hội toàn cầu hân hoan và cung kính cử hành lễ mừng trọng thể vào ngày 24/11 hàng năm tại các nhà thờ các giáo xứ, giáo họ khắp cả nước.

Gói Quà Đầu Năm

Phạm Tín An Ninh

Tôi phải ngồi lại trên các bậc đá nghỉ chân đến ba lần trước khi bước vào cổng chùa. Ngôi chùa nhỏ nằm trên một triền núi, được phủ mát bởi những tàng cây. Ngôi nhà khách bằng gỗ, khá xinh xắn, nằm trong một khu vườn toàn hoa vạn thọ. Phía trước là một tượng Phật ngồi dưới gốc cây bồ đề, cành lá được cắt tỉa công phu. Chung quanh là cả một vùng núi trời tĩnh mịch. Tôi không phải là phật tử, nhưng ngồi nghe tiếng mõ và lời cầu kinh trong chùa vọng ra, cũng thấy lòng nhẹ hẳn đi trước bao nhiêu điều phiền não.

Hôm nay là mùng một tết, nhưng cảnh chùa khá im ắng, bởi chùa nằm khá xa khu dân chúng. Ngày hôm qua tôi có đến đây, nhưng thầy trụ trì đi vắng. Tôi đã để lại tấm danh thiếp của chồng tôi, viết vài dòng phía sau xin hẹn thầy hôm nay trở lại.

Chú tiểu còn rất trẻ, mang trà ra mời và xin tôi chờ thêm mười phút nữa, vì thầy trụ trì đang khai kinh cho buổi lễ tân niên. Tôi nôn nao muốn sớm được nhìn mặt vị ân nhân của mình, nhưng cũng dặn lòng phải kiên nhẫn và cẩn trọng ý tứ trước một nhà sư.

Hơn ba mươi năm trước. Lúc ấy tôi còn là cô bé học trò của trường huyện An Túc, nằm giữa thị trấn An Khê, bên QL 19 nối liền Qui Nhơn với Pleiku. Chiến tranh đang thời kỳ ác liệt. Tuổi còn nhỏ, nhưng ngày nào tôi cũng nghe cha mẹ và các thầy cô bàn chuyện chiến trường: đánh lớn ở Pleime, Dakto, Tân Cảnh. Mấy năm nay, An Khê tương đối bình yên, nhờ Sư Đoàn 101 Không Kỳ Hoa Kỳ có căn cứ ở đây, và dọc theo đèo An Khê có đồn bót của các đơn vị thuộc Sư Đoàn Mãnh Hồ Đại Hàn. Giữa lúc chiến tranh ngày khốc liệt, bất ngờ lực lượng đồng minh rút quân về nước, làm dân chúng ở đây hoang mang, lo lắng. Xứ họ đạo của tôi cũng được cha chánh xứ tổ chức

những toán tự vệ, phối hợp với quận, lo canh gác khu vực của mình.

Chiều ba mươi Tết, được thông báo của tỉnh, các cơ quan trên quận phối hợp với các thầy cô giáo và cả Hội Đồng giáo xứ đi mọi nhà kêu gọi đóng góp những gói quà tượng trưng dành tặng cho anh em chiến sĩ của một đơn vị từ xa tới, thay thế lực lượng đồng minh, đồn trú ở đây.

- Tôi nghiệp, nghe nói anh em đã phải rời căn cứ từ sáng sớm 30 để chiều mùng một Tết có mặt ở đây. Họ có biết tết nhất gì đâu! Ông cha xứ nói với chúng tôi như thế.

Cả quận vui mừng, nô nức trước tin vui. Riêng tôi còn vui hơn khi tưởng tượng sẽ có nhiều anh lính đến cái thị trấn nhỏ xíu buồn tênh này, nên rất sốt sắng trong việc gói quà. Tôi tự tay thực hiện được hai gói quà, gồm một số bánh mứt, chiếc khăn tay do tôi thêu lấy, kèm theo lá thư chúc mừng năm mới tới hai anh chiến sĩ vô danh nào đó. Tôi nắn nót viết thật đẹp rồi đề tên, lớp và trường học phía dưới. Vì "sao y bản chánh" từ một bài luận văn tháng trước, nên hai lá thư giống nhau như đúc. Nhìn hai gói quà tôi mỉm cười, khi nghĩ sẽ có hai "người tình không chân dung" nào đó nhận được lá thư nồng nàn của một cô "em gái hậu phương". Ban đầu, các thầy cô cho biết, đám học trò chúng tôi được hướng dẫn vào căn cứ để tận tay tặng quà cho các anh chiến sĩ. Bọn tôi đứa nào cũng hớn hờ, lảng xãng giật ủa lại chiếc áo dài trắng ưng ý nhất. Nhưng sau đó dưới tỉnh cho biết là trước khi vào An Khê, các đơn vị này còn phải hành quân mở đường, giải tỏa một số đồn bót của lực lượng Đại Hàn nằm dọc theo đèo An Khê, bị địch quân bao vây đã ba hôm nay. Cuối cùng tất cả quà đều được nộp cho trường, và thầy hiệu trưởng cùng các thầy cô giáo sẽ mang vào cho đơn vị để trao lại cho anh em chiến sĩ khi tình hình an ninh cho phép. Bọn học trò chúng tôi tiếc hùi hụi vì mất một dịp được vào xem căn cứ và úy lạo các anh chiến sĩ.

- Nam Mô A Di Đà Phật. Xin chào bà. Xin lỗi, chắc là bà đã chờ tôi lâu lắm phải không?

Câu hỏi của thầy trụ trì cắt đứt dòng hồi tưởng của tôi. Tôi đứng lên, vụng về chấp hai tay

trước ngực chào lại thầy. Tôi muốn nhìn thật kỹ khuôn mặt của thầy, nhưng thấy á ngại, nên chỉ cúi đầu im lặng.

- Cái cổng tam quan, ngôi nhà khách này, và những bậc đá trên con đường mà bà vừa đi lên là do tiền cúng dường của ông bà. Chúng tôi xin tán thán công đức và cầu xin chư Phật gia hộ cho ông bà cùng gia đình. Bà có muốn đi một vòng xem cảnh chùa không? Xin mời bà.



Thầy vừa nói vừa chỉ tay về phía cổng tam quan.

- Dạ, công ơn của thầy đối với gia đình tôi lớn lao quá. Biết làm sao đền đáp. Xin thầy đừng nhắc tới công đức, làm tôi thêm xấu hổ. Tôi vừa bước theo phía sau thầy, vừa nói.

- Mô Phật! Giúp người, đó là nhiệm vụ của kẻ tu hành, dù là tôn giáo nào. Sao bà lại gọi là công ơn. Thầy nở một nụ cười độ lượng.

Đi phía sau, nhìn dáng đi khoan thai của thầy, tôi băn khoăn suy nghĩ: Khuôn mặt thì có nhiều nét giống, nhưng với cái dáng đi thì lại khác hẳn. Có thể ngày xưa là lính nên cần phải nhanh nhẹn. Tôi nghĩ thầm như thế.

Khi đến cửa tam quan, thầy dừng lại và chỉ tay về hướng bờ biển, nơi có mấy tảng đá ở triền núi, phía dưới là một khu rừng rậm:

- Chính ở nơi đó, tôi đã tìm gặp chồng của bà

Năm ấy, khi chồng tôi vừa mới trốn về từ trại tù cải tạo Gia Trung (anh chỉ là thầy giáo, vì dạy một trường trong khu người Thượng, nên bị nghi ngờ hợp tác với lực lượng Fulro chống lại

chính quyền, bị bắt năm 1979), được một người bạn thân cho đi theo một chuyến vượt biển do gia đình anh ta tổ chức. Lúc ấy ai cũng nghĩ ra đi là không bao giờ gặp lại vợ con, mà có ở lại cũng sống không yên, chỉ làm khổ cho gia đình. Hơn nữa lúc ấy tôi vừa mới sanh đứa con đầu lòng, nên không thể đi cùng. Chúng tôi đành gạt lệ chia tay mà không dám nghĩ sẽ có ngày tái ngộ.

Tàu vừa ra khơi hơn một ngày thì bị hỏng máy, trong lúc gió mưa tầm tã. Tất cả mọi người phải đem sinh mạng chống chọi với phong ba. Cuối cùng, sau gần ba ngày bồng bềnh trên biển, nhờ những cơn gió nhiệm màu đã đẩy chiếc tàu với hơn một nửa số người sống sót, giạt vào một ghềnh đá lúc trời nhá nhem tối. Tưởng đã thoát chết, nào ngờ khi vừa leo lên bờ thì bị một toán công an biên phòng vây bắt. Một số người yếu sức thì đành đưa tay cho họ trời. Chồng tôi cùng một vài thanh niên khác dùng hết tàn lực chạy trốn trong các hốc đá bên triền núi. Mấy lần thoát chết dưới những tràng đạn. Nhờ trời tối anh chạy thoát vào khu rừng trước khi kiệt sức. Khi tỉnh lại, anh thấy mình nằm trong ngôi chùa nhỏ nằm bên triền núi. Anh được vị trụ trì săn sóc và che dấu chu đáo, mặc dù biết anh là người công giáo, bởi trên cổ có đeo thánh giá. Sau hơn một tuần, nhờ thầy giúp cạo đầu, cho áo quần để cải dạng một thầy tu, và gởi theo một chiếc xe đồ của một phật tử thân quen, chồng tôi mới trốn được vào nhà bà cô ruột ở Cam Ranh. Sau đó nhờ chính bà cô này tìm đường để vượt biển tiếp. Và lần này anh đã được tàu Pháp vớt, nên được sang định cư bên Pháp. Ba năm sau, tôi và đứa con được anh bảo lãnh với diện đoàn tụ gia đình.

- Mô Phật! Tôi nghiệp, ông ấy đã về tìm thăm tôi hai lần, và giúp cho tôi khá nhiều tiền để lập lại ngôi chùa này và một nhà từ thiện nuôi các em bé tật nguyền dưới xóm. Công đức của ông bà thật lớn lắm.

Tôi nhớ lại tấm ảnh mà chồng tôi chụp chung với thầy trong lần thứ nhì về thăm thầy. Bao nhiêu lần tôi đã nhìn kỹ tấm ảnh, lại nghe chồng tôi bảo, ngày xưa thầy cũng là lính, nên tôi

đã ngồi hàng giờ hình dung, nhớ lại một người quen lúc trước.

- Thực ra anh ấy ngại không muốn về, nhưng vì nhớ ơn thầy mà anh ấy mới về gặp thầy. Lần này chính tôi đề nghị được thay anh về thăm thầy, nhân dịp thăm mẹ của tôi đang ốm nặng.

- Mô Phật ! Tôi hiểu nỗi khổ tâm của ông ấy.

Tôi nghe tiếng thờ dài của vị trụ trì, và thấy thầy đưa mắt nhìn về một nơi xa xăm nào đó. Từ lúc mới gặp nhau trong ngôi nhà khách, tôi nghĩ là thầy đã nhận ra tôi. Tôi chờ thầy hỏi, nhưng có thể thầy đã quên hay bây giờ là ké tu hành, nên thầy không muốn nhắc lại chuyện thế tục ngày xưa. Không để lỡ mất cơ hội, tôi lên tiếng :

- Tôi về đây, gặp thầy cũng để muốn xin được hỏi thầy một điều, mà bấy lâu nay cứ băn khoăn mãi trong lòng, nhưng ngại thầy là bậc tu hành, nên tôi không dám .

Thầy nhìn tôi, im lặng giây lát rồi lên tiếng :

- Mô Phật! Ké tu hành lúc nào cũng muốn đem ánh sáng cho chúng sinh hầu giải tỏa những lo âu phiền não. Xin bà cứ tự nhiên

- Xin thầy tha lỗi, nếu có điều gì không phải. Có phải thế danh của thầy là Quế, Lê Phương Quế ?

Thầy ngạc nhiên nhìn tôi, rồi nhìn lên khoảng không, nhíu mày.

- Mô Phật! Làm sao mà bà biết được tên của tôi ?

- Thầy còn nhớ anh Lân, trung sĩ Đỗ Lân, ở Sư Đoàn 23 BB, có đóng quân ở An Khê vào những ngày tết năm 1972 ?

- Bà còn biết cả bạn tôi? Anh Lân đã tử trận ở Kontum từ mùa hè 72 . Bà có biết không?

Tôi có một thoáng giận thầy, vì nghĩ là đến bây giờ ông vẫn chưa nhận ra mình. Chẳng lẽ thầy vô tình đến thế. Nhưng ngay sau đó tôi hối hận về ý nghĩ của mình. Sao lại đem chuyện đời để mà trách một vị chân tu, một người đã xa lánh chuyện hồng trần, thế sự. Thầy đã cho mình hỏi và sẵn sàng tâm sự đã là một điều hi xá rồi.

- Dạ, tôi có biết, và tôi cũng có đến Kontum thăm mộ anh mấy lần. Sau này tôi về tìm để xây

lại ngôi mộ cho anh, thì nghĩa trang không còn nữa, và không ai biết mộ anh đã chuyển đi đâu .

Đôi mắt của vị trụ trì sáng hẳn lên. Thầy mở đôi mắt thật to nhìn tôi, đưa tay lên định nắm vai tôi, nhưng rồi kịp khựng lại.

- Vậy là Xuân ? Bà là cô Xuân ngày xưa? Mô Phật! Sao lại có chuyện kỳ ngộ lạ lùng này.

Vâng, tôi chính là Xuân, cô bé học trò trường trung học An Túc ngày xưa. Người đã gói hai gói quà Xuân úy lạo cho những chiến sĩ đến giữ an ninh cho quê tôi vào đúng chiều ngày mùng một tết. Hai gói quà được nộp cho trường để chuyển tới cho các anh, vì lúc ấy đơn vị đang hành quân mở đường để đến nơi trú đóng.

Sau một cái tết an bình, cả thị trấn nhỏ của tôi nhộn nhịp hẳn lên bởi sự có mặt của một trung đoàn lính chiến, ngày mùng tám tết, đám học trò chúng tôi trở lại trường, nhưng các thầy cô biết là trong lòng đám học trò ai cũng còn dư âm ngày tết, nên cho chúng tôi tập hợp lại hát hò và kể chuyện vui. Trong lúc thầy hướng dẫn đệm đàn cho cả đám học trò ca hát, thầy giám thị đến tìm tôi, bảo tôi lên văn phòng có người nhà muốn gặp. Bước theo thầy giám thị mà lòng tôi lo lắng không biết ở nhà có chuyện gì, thì ông đưa tay chỉ hai anh lính đang ngồi chờ trên chiếc ghế đá trong sân trường.

Hai anh lính thật trẻ đứng lên chào tôi, nhoèn miệng cười :

- Hai đứa tôi đến để cảm ơn Xuân và chúc mừng Xuân năm mới .

Tôi thoáng một chút ngạc nhiên và bẽn lẽn :

- Em có làm gì đâu mà hai anh cảm ơn ? Mà sao hai anh biết được tên em ?

Hai anh cùng mở túi áo lấy ra bức thư. Vừa kịp nhận ra đó là hai bức thư mà tôi đã “sao y bản chính” bỏ trong hai gói quà úy lạo, thì một anh lên tiếng :

- Tôi là Đỗ Lân, và người bạn thân của tôi đây là Lê Phương Quế. Trông anh hiền như con gái, nhưng Xuân đừng nhầm với nữ ca sĩ Phương Hồng Quế nghe, mặc dù anh Quế bạn tôi cũng có giọng hát rất hay, không thua gì Phương Hồng Quế . Hai đứa tôi nhận hai gói quà của Xuân.

Quà cáp như nhau và lời lẽ trong cả hai bức thơ cũng giống nhau như đúc. Cô Xuân thật công bình. Cám ơn nghe!

Tôi hơi quê, nhưng cố làm ra vẻ tự nhiên:

- Hai anh tới trường tìm Xuân, không sợ thầy giám thị la Xuân hà ?

Anh lính thứ nhì, tên Quế, lên tiếng :

- Bọn tôi bảo là anh em bà con với Xuân, đi lính xa nhà bây giờ mới gặp. Thầy giám thị coi bộ cũng thương lính lắm, nên chắc không nỡ la rầy người yêu, à xin lỗi, người em của lính đâu!

Mặc dù thấy hai anh chàng có vẻ thư sinh, vui tính, nhưng nhớ lời bà chị thường bảo mấy ông lính bạo dạn và tán gái hay lắm. Phải coi chừng. Tôi nhủ thầm như thế. Và để xem hai anh chàng này có thực sự bạo dạn hay không tôi khoanh tay:

- Nghe nói anh Quế hát hay không thua gì Phương Hồng Quế, em xin mời hai anh vào lớp em chơi. Bọn em cũng đang ca hát trong đó, chứ không có học hành gì đâu. Đám bạn em sẽ mừng lắm đó.

Hai anh nhìn nhau cười, rồi gật đầu, theo tôi vào lớp.

Cả đám bạn học trò im bật, tò mò nhìn ra khi thấy tôi dắt theo hai anh lính trẻ. Tôi nói với vị giáo sư hướng dẫn :

- Thưa thầy, có hai anh lính nhận được quà Tết của lớp mình, đến cám ơn và xin hát cho cả lớp mình nghe .

Thầy hướng dẫn lớp gật đầu, đến bắt tay hai anh, tươi cười :

- Hồi nãy tới giờ mấy cô chỉ hát những bài tình yêu lính chiến, bây giờ đích thân lính chiến hát tặng mấy cô thì còn gì hay bằng, phải không ?

Cả lớp vỗ tay .

Anh lính tên Lân bước lên bục giảng, hai tay mân mê chiếc nón bê-rê :

- Kính thưa thầy, thưa các bạn. Tôi không biết hát, nên xin dành phần nói trước. Chúng tôi xin cám ơn những gói quà Tết của nhà trường, của các bạn. Trong không khí Tết, vì nhiệm vụ phải xa nhà, được những món quà của các bạn chúng tôi thấy ấm áp nhiều lắm. Đặc biệt hai đứa

tôi đây đã nhận được quà của cô Xuân. Chỉ cần cái tên của cô là hai đứa chúng tôi cũng đã có cả một mùa xuân rồi . Xin cám ơn và kính chúc thầy, chúc các bạn một năm mới vạn điều như ý.

Cả lớp lại rộn lên tiếng cười và những tràng vỗ tay không dứt. Một con bạn có tiếng nghịch nhất lớp quay về hướng tôi ngồi :

- Xuân ơi, mày chỉ được chọn một trong hai thôi. Còn để dành cho đứa khác nữa chứ!

Đúng là nhất quỷ nhì ba, còn thứ ba là bọn này. Tôi đoán hai anh chàng lính sữa đang nghĩ như thế. Anh lính tên Lân bẽn lẽn, ngừng lại đôi phút rồi đưa tay về hướng người bạn, tiếp tục :

- Bây giờ, xin giới thiệu anh bạn thân nhất của tôi, Lê Phương Quế, mà chúng tôi thường gọi là Phương Hồng Quế, tiếng hát hàng đầu của trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu, sẽ lên hát một vài bài tặng thầy và các bạn .

Tôi cũng phục tài ăn nói khá “tâm lý chiến” của anh chàng Lân này. Cái giọng Huế nghe cũng êm ái, cứ như rót mật vào tai người ta. Bây giờ nhìn kỹ thấy anh ta cũng đẹp trai, nụ cười cũng có duyên ghê lắm. Lính cỡ này chắc sẽ làm khổ vài cô em gái hậu phương đây. Tôi mỉm cười với ý nghĩ vừa thoáng trong đầu.

Anh Quế bước lại chỗ thầy hướng dẫn để xin nhờ thầy đệm đàn. Anh hát bài Xuân Này Con Không Về của nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân. Trông anh có dáng dấp thư sinh và khuôn mặt hiền lành như một thầy tu.

Tiếng hát cất lên làm cả lớp im bật. Đúng là giọng hát của anh rất hay, điêu luyện, lúc réo rất lúc trầm buồn không thua một ca sĩ chuyên nghiệp. Dường như có cùng tâm trạng với nội dung bài hát, nên anh đã hát với tất cả cảm xúc, làm dao động trái tim mọi người. Bài hát chấm dứt, mà cả lớp dường như còn thần thờ, yên lặng. Sau đó bùng vỡ bởi những tràng vỗ tay và nhiều tiếng la: bis, bis...

Anh cúi xuống một lúc, hình như để dấu sự cảm xúc, rồi ngược lên nói nhỏ hai tiếng cám ơn và xin hát tiếp bài Chiều Trên Phá Tam Giang, thơ của Tô Thùy Yên phổ nhạc.

Lần này, chính tôi không cầm được nước mắt. Không chỉ vì anh hát hay, nhưng tôi thấy xúc động, thấm thía hơn cuộc đời của những người lính chiến.

- Thưa thầy. Bây giờ đã đi tu rồi, thầy có còn hát những bản nhạc tình lính ngày xưa? Tôi vẫn còn nhớ cái cảm xúc khi thầy hát cho cả lớp tôi nghe, sau cái tết năm nào ở trường An Túc. Thầy hát thật hay và truyền cảm. Hôm ấy là lần đầu tiên tôi được gặp thầy và anh Lân.

- Mô Phật ! Bây giờ tôi chỉ còn biết tụng kinh gõ mõ, cầu cho thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc. Nhưng những gì bà vừa nhắc lại, cũng là con người, làm sao tôi có thể quên.

- Xin thầy thứ lỗi, nếu tôi đã nhắc thầy nhớ lại chuyện đời để làm bận lòng một bậc chân tu.

- Mô Phật! Đạo ở trong Đời, cũng như hai kẻ đồng hành. Hành đạo là để giúp đời. Kẻ tu hành như chúng tôi cũng chỉ là “cư trần lạc đạo” mà thôi, thưa bà.

- Cư trần lạc đạo là sao, thưa thầy?

- Có nghĩa là hiện diện nơi trần thế mà hành đạo, vui đạo. Chứ không phải xa lánh trần thế đầy khổ nhục để tìm sự thanh thản riêng cho bản thân mình.

- Cám ơn thầy. Thầy giảng hay quá. Ngày đầu tiên gặp thầy, và nhất là lúc nhìn thầy đứng hát trên bục lớp, tôi đã thấy thầy giống một nhà tu. Có lẽ thầy đã có căn duyên từ trước, phải không thầy ?

- Mô Phật! Ai cũng có thể tu hành, và bất cứ ai cũng có thể thành Phật được, thưa bà .

Không ngờ lần gặp gỡ đầu tiên năm ấy lại mang đến cho tôi mối tình đầu. Sau vài lần gặp nhau, tôi biết Lân và Quế là hai người bạn thân thiết từ lúc còn học trong trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu. Ra trường về cùng đơn vị, nên sống với nhau như anh em, mặc dù tôn giáo khác nhau. Quế đạo Phật còn Lân là tín đồ Công giáo. Những ngày chủ nhật không bận hành quân, Lân đều đi lễ nhà thờ, nên chúng tôi thường gặp nhau hơn. Và lần nào tôi cũng mời Lân về nhà. Cha mẹ tôi cũng rất thương quý Lân, nhất là sau khi biết cha mẹ Lân đã chết trong biến cố tết Mậu Thân.

Tính tình Lân lại hiền lành chân chất và hiếu học. Dù bận hành quân liên miên, nhưng anh vẫn cố gắng tự học để thi tú tài vào mùa hè này. Cũng có đôi lần Quế theo Lân đến nhà tôi chơi. Càng lúc chúng tôi càng thân nhau hơn.

Tôi biết là Lân cũng thích tôi. Trong túi áo của anh lúc nào cũng có chiếc khăn tay tôi đã tặng anh trong gói quà Xuân. Mỗi lần chia tay, anh bịn rịn lưu luyến không muốn rời tôi. Còn tôi, cũng thấy nhớ anh da diết và mong chờ anh từng ngày trong các lần anh đi hành quân. Tối nào tôi cũng đọc kinh cầu nguyện cho anh được bình yên trở về.

Bây giờ tôi mới biết tình yêu là gì. Tôi bắt đầu biết tương tư, mơ mộng, nhớ nhung và man mác buồn khi thiếu vắng anh. Những bản nhạc tình lính, người yêu của lính, dường như càng lúc tôi càng thấy hay hơn, và tôi hát nhiều hơn. Sau mỗi lần hành quân, Lân đều mang về tặng tôi những cánh hoa lan rừng. Tôi nghe nói vùng núi rừng An Khê này có nhiều hoa lan. Có những loại hoa lạ, thật đẹp mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy hoặc biết tên. Chỉ sau hai tháng, trong phòng tôi treo đầy hoa lan rừng. Tôi thích nhất là những cánh hoa màu tím. Có lẽ tôi nhớ tới màu tím hoa sim trong một bản nhạc mà tôi thường hay hát..

Chiến tranh lại ngày càng ác liệt. Ngồi trong lớp học, bọn tôi vẫn thường nghe tiếng súng, tiếng máy bay vùn vù trên bầu trời. Ban đêm, nhìn qua cửa sổ, những trái hỏa châu lơ lửng giữa trời, soi sáng cả một vùng núi non nào đó. Rồi tôi nghe tin Dakto mất, Tân Cảnh thất thủ, thành phố Kontum bị pháo kích..Một số người đã phải bỏ nhà chạy xuống Pleiku, sống trong các trường học, được chính quyền dùng làm trại tiếp cư

Hơn một tuần, tôi chưa gặp Lân bởi đơn vị anh có lệnh cắm trại, ứng chiến. Bất ngờ gặp lại anh trong lễ sáng chủ nhật ở nhà thờ. Khi tôi đang quỳ gối cầu kinh, Lân đến sau, quỳ xuống bên cạnh. Tan lễ, vừa bước ra khỏi nhà thờ thì chúng tôi gặp anh Quế đứng đợi từ lúc nào. Tôi mời hai anh về nhà. Trên đường đi, cả hai anh im lặng, không nói một lời gì. Nhìn nét mặt thật buồn, tôi nghĩ là họ đang ưu tư điều gì. Tôi hỏi,

nhưng hai anh chỉ nhìn nhau rồi lắc đầu, không nói.

Suốt ngày hôm ấy hai anh ở lại nhà tôi. Mẹ tôi đãi hai anh một con gà tơ. Trong lúc Lân và Quế rượt bắt gà trong vườn, tôi tìm hái mấy trái cà, trái mướp và rau thơm. Cả ba chúng tôi cùng làm bếp, đũa giỡn, ca hát líu lo, không còn chút ưu tư nào trên khuôn mặt của mọi người. Ăn cơm xong, chúng tôi rủ nhau ra ngồi dưới những cây dừa rợp bóng, nghe Quế hát, rồi chúng tôi cùng hát theo những bài tình ca quen thuộc. Buổi chiều, Quế cáo từ tôi, chào ba mẹ tôi xin về trước. Trong phòng tôi chỉ còn có tôi và Lân. Lần đầu tiên tôi nghe Lân rụt rè tỏ tình. Anh bảo, đời chiến binh rày đây mai đó, rồi có một ngày, anh sẽ phải đi xa, nhưng lúc nào cũng mang theo bóng hình của tôi vào những nơi gió cát. Những lời anh nói làm tôi nhớ tới những câu thơ Chinh Phụ Ngâm thật hay của bà Đoàn thị Điểm dịch mà tôi đã học. Những câu thơ thật buồn bây giờ lại càng buồn hơn. Tôi khóc. Lần đầu tiên tôi khóc, không biết là vì hạnh phúc đến bất chợt của mối tình đầu hay là vì nghĩ tới nỗi cô đơn của người Chinh Phụ. Tôi giật mình, khi Lân ôm tôi vào lòng. Tôi đứng im, bất động, đón nhận nụ hôn tình yêu đầu đời trong hai hàng nước mắt. Tôi tiễn Lân ra đầu làng, hai đứa ôm lấy nhau khi bóng chiều vừa tắt.

Sáng hôm sau, ngồi trong lớp học, khi thấy từng đoàn xe nhà binh chở đầy lính chạy về hướng Pleiku, lòng tôi thần thờ khi nghĩ là Lân đã đi xa. Tôi vội lên xin phép cô giáo ra ngoài. Nhưng khi tôi vừa chạy đến hàng thông phía trước, thì đoàn xe cuối cùng đã chạy qua bên kia cầu.

Xuân ơi,

Anh đang ở phi trường Pleiku để chuẩn bị được không vận lên Kontum. Chiến trường đang ác liệt. Căn cứ Tân Cảnh vừa thất thủ. Địch quân đang tràn xuống uy hiếp thành phố Kontum. Thành phố này đang bị cô lập bởi những cái chốt của địch quân trên đỉnh núi ChuPao, cắt đứt quốc lộ 14 nối liền với Pleiku. Sợ lên Kontum rồi, anh không liên lạc được với

em, nên viết vội ít dòng tin em và cũng xin lỗi em vì hôm qua, khi chia tay ở nhà em, anh không nói chuyện anh đi. Mong em thông cảm bởi đó là bí mật quân sự, anh không được phép tiết lộ, mặc dù anh rất yêu em và tin em...

Không biết đến bao giờ mình mới gặp lại, nhưng dù bất cứ hoàn cảnh nào, anh vẫn luôn mang theo trong tim mình hình bóng của em. Em nhớ câu nguyện cho anh nghe.

Xin cho anh kính lời hỏi thăm hai bác cùng gia đình. Cầu xin Chúa và Đức Mẹ Maria luôn che chở em cùng tất cả mọi người.

Hôn em

Đỗ Lân

Không ngờ lá thư này là lá thư cuối cùng tôi nhận được của Lân. Chỉ ba tuần sau, Lân hy sinh. Người báo tin buồn này chính là Lê Phương Quế, người bạn chí thân của Lân và sau này cũng là bạn của tôi. Lá thư có kèm theo vài di vật, Quế đã nhờ một anh phi công gửi cho tôi từ Pleiku, sau một chuyến đổ quân cho đơn vị của Quế ở Kontum. Lân đã bị thương rất nặng khi cùng với vị tiểu đoàn trưởng chui qua hàng rào phòng thủ, mở đường vào giải cứu Bệnh Viện 2 Dã Chiến, đang bị địch quân xua xe tăng đánh chiếm, với ý đồ lợi dụng những thương binh nằm trong bệnh viện, làm bàn đạp tấn công vào khu phi trường nằm sát thị xã Kontum. Lân chết lúc chờ máy bay tản thương. Chính Quế là người đã vượt mất cho Lân và nghe những lời trần trối cuối cùng. Anh nhờ Quế giữ để trao lại cho tôi cái dây chuyền có mang thánh giá cùng mấy tấm ảnh có hình của cha mẹ anh và của anh mặc lễ phục trắng đội bê rê đỏ khi còn là thiếu sinh quân. Những tấm ảnh ấy bây giờ vẫn còn trong nhà thờ An Túc, và sợi dây chuyền tôi vẫn còn cất giữ đến hôm nay. Anh Quế còn cho biết thêm, trước khi trút hơi thở cuối cùng, Lân còn thì thào gọi tên tôi, và khi lục trong túi áo, anh Quế còn thấy cái khăn tay và lá thư của tôi tặng Lân trong gói quà tết hôm nào.

- Thưa thầy, cuối năm 1973 tôi có nhận được thư của thầy. Lúc ấy thầy bị thương nặng, nằm ở quân y viện Pleiku. Tôi có tìm đến thăm, nhưng người ta bảo là thầy đã được chuyển về quân y viện Nguyễn Huệ ở Nha Trang, để được gần nhà. Lúc ấy đoạn đèo An Khê lại bị địch chiếm, nên xe đồ không chạy được. Mấy tháng sau, khi đi được xuống Nha Trang tìm thăm thầy, thì thầy đã xuất viện. Tôi có hỏi nhưng bệnh viện không biết thầy ở đâu.

- Mô Phật! Đúng như bà nói. Tôi được Hội Đồng Giám Định Y Khoa cho xuất ngũ, vì thương tích. Tôi về sống với mẹ già. Lúc ấy bà cũng đang tu tại gia, ăn chay trường. Suốt một đời bà đã lo lắng cầu nguyện cho cha tôi, rồi đến tôi. Cha tôi cũng đã tử trận năm 1965, trong trận Đồng Xoài, khi ấy tôi chỉ vừa 11 tuổi.

- Nhờ vậy mà thầy đã đi tu .

- Lý do đó chỉ một phần. Cái chính là do tôi đã sống trong chiến tranh, chứng kiến bao nhiêu cái chết quá đau lòng, như cái chết của những người còn quá trẻ như Lân. Họ đâu có tội tình gì. Tôi nghĩ tới cuộc chiến phi nghĩa, khi mà anh em cùng một nhà lại chém giết thù hận lẫn nhau. Tôi nghĩ tới cái Vô Thường, Vô Minh mà Đức Phật đã dạy, nên tôi đã tìm tới cửa Thiền để mong trút bỏ mọi ám ảnh, oan khiên.

Như vừa nhớ ra một điều gì, thầy chỉ tay về hướng sau chùa :

- Mời bà đi theo tôi. Mong bà sẽ tìm thấy một điều kỳ diệu.

Tôi theo thầy đi dọc theo triền đồi, đến một nơi tương đối bằng phẳng. Lại một khu vườn nhỏ toàn hoa sim. Tuyệt diệu hơn, bên trên các khung cây được treo đầy những cánh lan rừng. Tôi nhớ tới những cành lan mà Lân thường mang về tặng tôi sau các cuộc hành quân. Ngày xuân, tất cả đang nở rộ một mùa hoa. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn là giữa khu vườn là một ngôi mộ, trên tấm bia lại có cây thánh giá. Tôi thắc mắc hỏi thầy.

Thầy im lặng, không trả lời, ra dấu bảo tôi cùng thầy đến gần ngôi mộ. Tôi bàng hoàng khi đọc mấy dòng chữ trên mộ bia :

Giuse Đỗ Lân
Sinh ngày 10.7.1953 tại Huế
Tử ngày 11.5.1972 tại Kontum

Tôi quỳ trước ngôi mộ, đưa tay lên ngực làm dấu thánh giá rồi khóc sục sùi. Một cơn gió xào xạc làm chao động cả rừng cây. Dường như tôi đã ngồi ở đây lâu lắm. Khi lau nước mắt đứng lên tôi không còn thấy thầy trụ trì. Có lẽ thầy muốn để tôi ngồi khóc một mình mà thốn thức với người xưa, hay là muốn tránh xa chuyện vui buồn của thế tục.

Khi trở lại chùa, tôi có cảm giác như chân mình đang bước vào khoảng không, hụt hẫng. Chú tiểu chờ tôi trong căn nhà khách, chuyển lại lời xin lỗi của thầy trụ trì và trao lại cho tôi một tờ giấy học trò được xếp làm đôi. Thầy trụ trì đang cúng ngọ. Tôi mở tờ giấy ra đọc, trong lúc tiếng chuông chùa ngân nga như muốn làm dịu đi phần nào những cơn sóng đang bành bồng trong lòng tôi. Trên tờ giấy chỉ có mấy dòng chữ :

Xin chào bà và cảm ơn bà. Chính tôi đã mang hài cốt của anh Lân về cất táng trong vườn chùa, khi được tin nghĩa trang trong thành phố Kontum bị giải tỏa. Anh Lân mồ côi, không còn ai thân thích. Từ nay, xin bà hãy cầu nguyện cho anh Lân, theo nghi thức tôn giáo của bà. Nam Mô A Di Đà Phật./.



(Tác giả viết lại phỏng theo lời kể của một nữ độc giả. Độc giả này sau khi đọc bài Trên Chiến Trường Xưa (Kontum) của tác giả, được phổ biến trên nhiều số báo nhân ngày 30.4.2008 đã tìm cách liên lạc với tác giả để tìm hiểu về cái chết của người tình cũ. Anh đã tử thương trong trận tái chiếm Bệnh Viện 2 Dã Chiến, Kontum ngày 11.5.1972)

Ngôn-ngữ người Việt

Yên Hà

*Truyện Kiều còn, tiếng ta còn,
Tiếng ta còn, nước ta còn.
Có gì mà lo, có gì mà sợ, còn điều chi nữa mà ngờ?
(Phạm Quỳnh)*

Thân mời các bạn trở về với tiếng nói và chữ viết của người Việt.

1. Tiếng nói người Việt (ngôn)

Tiếng Việt là ngôn-ngữ có nguồn-gốc bản-địa, xuất thân từ nền văn-minh nông-nghiệp, tại nơi mà ngày nay là khu vực phía bắc lưu vực sông Hồng và sông Mã của Việt-Nam.

Tiếng Việt được coi là một trong số các ngôn-ngữ thuộc hệ ngôn-ngữ Nam Á ở khu vực Đông Nam Á hiện nay, có quan hệ gần gũi với tiếng Mường và các thứ tiếng thuộc nhóm ngôn-ngữ Môn-Khmer.

Tiếng Việt đã chịu rất nhiều ảnh-hưởng Trung Hoa sau hơn một ngàn năm đô-hộ nhưng những từ gốc Hán vẫn được phát-âm theo lối bán-xứ nên tiếng Việt nghe vẫn khác hẳn tiếng Tàu.

2. Chữ viết người Việt (văn tự)

Trên giòng sông lịch-sử, chữ Việt đã phải trải qua bốn giai-đoạn trước khi được chính-thức hoá là ngôn-ngữ quốc-gia:

2.1 Chữ Việt cổ

Dân tộc ta trước khi nội thuộc nước Tàu, có thứ chữ riêng để viết tiếng Nam hay không? Đó là một vấn đề hiện nay vì không có di tích và thiếu tài liệu, không thể giải quyết được... (Dương Quảng Hàm)

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định:

"Đất nước ta, người Việt chúng ta, từ mãi thời Vua Hùng, từ tận thời Đông Sơn mấy ngàn năm trước, đã từng có chữ viết riêng."

Trong suốt năm mươi năm, nhà nghiên-cứu Đỗ Văn Xuyền đã lặn lội bỏ bao công sức đi thu-thập, nghiên-cứu từng tài-liệu để giải-mã một bộ chữ gồm 47 chữ cái mà ông tin chắc là chữ Việt cổ.

Thuyết này chưa được công-nhận hoàn toàn nhưng không phải là vô-lý. Cứ thử hỏi làm sao có thể cai quản một vương-quốc như Việt-Nam thuở ấy nếu không có chữ viết?



Dù sao đi nữa, suốt 1000 năm Bắc thuộc, với chính-sách "đồng-hóa", người Hán khuyến khích mọi người học chữ Hán, đồng thời hủy diệt đi tất cả sách vở, tài-liệu và tất cả những vết tích chữ nghĩa ta rồi.

2.2 Chữ Hán

Đến lúc Hán tộc phát-triển và cai-trị nước ta, dân ta vẫn nói tiếng Việt của mình nhưng chữ viết thì các quan Thái Thú Trung Hoa khuyến-kích dân ta học chữ Hán (còn gọi là chữ Nho).

Từ đó, chữ Hán đã trở thành chữ viết chính-thức trong gần 1000 năm, kể từ năm 1075 sau khi vua Lý Nhân Tông cho mở khoa thi Nho học đầu tiên, cho đến năm 1919 là năm mở khoa thi cuối cùng ở Huế.

Mặc dù chữ Nho viết từ chữ của người Trung Hoa, nhưng dân ta có cách đọc phát-âm riêng biệt. Mãi về sau, tổ tiên ta, dần dần, dựa trên căn bản chữ Nho mà biến-chế ra một loại văn-tự riêng biệt của nước Nam ta, được gọi là chữ Nôm.

2.3 Chữ Nôm

Chữ Nôm (= Nam đọc trại) là thứ chữ hoặc dùng nguyên-hình chữ nho, hoặc lấy hai ba chữ nho ghép lại để viết tiếng Nam. Chữ nôm đặt ra tự bao giờ và do ai đặt ra là một vấn-đề chưa thể giải-quyết được. Có lẽ là khoảng sau thế-kỷ 10 khi người Việt thoát khỏi nghìn năm Bắc-thuộc với chiến-thắng của Ngô Quyền vào năm 938 và sau khi phá tan quân Thanh, vua Quang Trung bắt đầu xây-dựng đất nước và cho dùng ngay chữ Nôm làm thứ chữ chính-thức thay cho chữ Hán.

2.4 Chữ quốc-ngữ

Văn-tự là chữ viết. Quốc-ngữ là loại chữ viết được dùng chung cho một nước.

Vào đầu thế kỷ 17, các nhà truyền-giáo Tây-phương đến Việt-Nam, và bắt đầu giới-thiệu đạo Thiên-Chúa cho dân ta. Để truyền-đạo hữu-hiệu, việc dùng chữ viết là một yếu-tố rất quan-trọng, trong việc tìm-hiểu phong-tục tập-quán của dân bản-xứ, cũng như việc phổ-biến tư-tưởng, giáo-lý kinh sách cho người học đạo.

Lúc bấy giờ, các giáo-sĩ nhận thấy chữ Nho và chữ Nôm quá phức tạp để học, đối với đại chúng bình dân. Cho nên, một nhóm tu-sĩ dòng Tên (Jésuites), cùng với các thầy giảng người Việt-Nam đầu tiên, đã ra công nghiên-cứu, áp-dụng các mẫu-tự Latinh, mà ghi-chú cách phát âm tiếng Việt, để dùng trong cách giao-dịch hàng ngày.



Cố Đắc Lộ Alexandre De Rhodes đã được xem là người đại-diện trong việc sáng chế ra chữ quốc-ngữ Việt-Nam. Quyển tự-điển An Nam, Bồ Đào Nha, Latinh (Dictionarium Annamiticum, Lusitanum et Latinum), in tại Roma năm 1651, là nền-tảng cho chữ Quốc-ngữ ta.

3. Đặc-điểm ngôn-ngữ Việt-Nam

3.1 Chữ La-Tinh

Khác hẳn với các nước châu Á, chữ Việt-Nam được viết bằng mẫu-tự La-tinh để viết, dễ học so với chữ Nho và trên phương-diện này, các giáo-sĩ Tây-phương đã có công lớn với dân ta.

3.2 Đơn âm

Ngược lại, tiếng Việt lại có một đặc-điểm Đông-Nam-Á là đơn âm (hay đơn lập), nghĩa là mỗi một tiếng (âm-tiết) được phát-âm tách rời nhau và được thể hiện bằng một chữ viết. Đặc điểm này thể hiện rõ rệt ở tất cả các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.

Bên cạnh những từ đơn (một chữ), còn có những từ ghép do sự kết-hợp của hai, ba chữ, gom vào hai ba nghĩa để mô-tả rõ hơn hay tạo một chữ mới.

Ví dụ:

- Từ-đơn “Yêu” là một tình-cảm ; “yêu mến”, “yêu thương”, “yêu mến”, “yêu quý”, nói rõ hơn những sắc-thái của tình yêu tùy theo trường hợp, với người yêu, với gia-đình, với bạn bè, ...

- “Nhân-quyền” là một từ ghép bằng hai nghĩa “quyền” và “nhân= người”. Đây là một đặc-điểm của chữ Hán.

Ngoài ra, Việt-Nam ta thích dùng những từ lấy là những từ ghép lập lại một chữ (nghĩa chính) với một chữ đồng âm hay đồng vần cho đỡ khô khan, để tăng thêm vẻ bóng bẩy, văn chương hay để thay đổi sắc thái của chữ.

Ví dụ: lành lạnh (hơi lạnh), đậm đà (rất đậm), xinh xinh, ...

3.3 Đa thanh

Thanh-điệu (tone / ton) là một âm-độ trầm bổng của giọng nói trong một âm-tiết, có tác dụng làm thay đổi ý nghĩa của các đơn-vị ngôn-ngữ.

Có những ngôn-ngữ có thanh-điệu ở Phi-Châu, Bắc-Mỹ, Nam-Mỹ, Âu-Châu hay Đông-Á. Nhưng đối với Trung-Quốc, Việt-Nam, Thái-Lan,

Lào, hệ-thống thanh-điệu phức tạp hơn hết và có lẽ tiếng Việt là một thứ tiếng có nhiều thanh-điệu nhất.

Tiếng Việt có 6 thanh điệu:

- ngang (không dấu: a),
- sắc (ngiêng phải: á),
- huyền (ngiêng trái: à),
- hỏi (dấu hỏi: ả),
- ngã (dấu ngã: ã)
- nặng (dấu chấm: ạ).

Với 6 thanh-điệu này, chỉ với một âm tiết mà ta có thể có đến 6 chữ khác nghĩa.

Ví dụ: với âm-tiết “ma”, ta có được 6 chữ khác nhau : ma ; má ; mà ; mả ; mã ; mạ.

Với sáu thanh điệu như bảy nốt nhạc, tiếng Việt chúng ta lên xuống, trầm bổng, mỗi câu nói là một khúc nhạc rất êm tai nhưng ngược lại khiến người ngoại-quốc phải gặp chút khó khăn để phát âm cho đúng.

Ngoài ra, những thanh-điệu này cũng gây nên không ít lỗi chính tả. Viết bỏ dấu trên máy vi-tính hay máy điện-thoại cũng là cả một vấn-đề đối với một số người Việt hải-ngoại.

3.4 Từ-vựng

Ngữ vựng chúng ta được tập-hợp bởi những từ thuần-Việt, những từ xuất xứ từ chữ Hán (đã số, sau 1000 năm đô-hộ) hay từ tiếng Pháp (suốt hơn trăm năm đô-hộ).

Ví dụ từ tiếng Pháp : ô-tô (automobile), bơ (beurre), cập-táp (cartable), ...

3.5 Ngữ-pháp

Nói chung, tiếng Việt không có một hệ-thống văn-phạm phức tạp như tiếng La-Tinh (Pháp, Ý, Tây Ban Nha,...): không có giống đực/giống cái, động-từ không có dạng khác nhau tùy theo chủ-từ hay thời-gian, cách phát-âm từ Việt hoàn toàn thống nhất theo qui-luật (không như tiếng Anh, chữ “I” lúc đọc “ai, lúc đọc “I”...), mỗi chữ (danh từ, động từ, tính từ, ...) không thay đổi theo số ít, số nhiều, hoàn cảnh, ...

Một điều khó khăn nữa cho người học là cách xưng hô tùy thuộc liên-hệ giữa hai người.

Ví dụ: Giữa bố-con, bố xưng “bố” và gọi “con”, con xưng “con” và gọi “bố”, người trẻ gọi người hơn tuổi mình là anh/chị, cô/chú/bác, ông/bà, cụ/cụ, ...

3.6 Địa-phương tính

Thêm vào đó, người miền Bắc, người miền Trung, người miền Nam (không kể đến mỗi vùng trong mỗi miền) có lối phát-âm và một số từ-vựng khác nhau.

Nói chung, giọng Bắc được xem như phát-âm chuẩn nhất và viết ít lỗi chính tả hơn (có lẽ vì dân-tộc Việt xuất thân từ miền Bắc?). Ví dụ: trong ngành tân-nhạc, các ca-sĩ đều phải cố gắng hát giọng Bắc.

4. Kết-luận

Mỗi ngôn-ngữ trên thế-giới là duy nhất nhưng ngôn-ngữ nước mình vẫn duy nhất... nhất.

Khách quan hơn chút, tiếng Việt ta dễ học, dễ viết, nghe rất êm tai, trầm bổng như một khúc nhạc. Từ vựng rất phong phú, biểu-lộ rất nhiều sắc-thái khác nhau, nhất là trong những lãnh-vực tinh-thần và tình cảm.

Những đặc-tính nói trên đem lại nhiều phương-cách chơi chữ dựa trên ngữ-âm, ngữ nghĩa, ngữ phạm và nói lái là cách chơi chữ có một không hai trên thế-giới.

Tôi yêu tiếng nước tôi cũng phải.

Tháng 11, 2017

Tài-liệu nguồn:

- Wikipedia
- Dương Quảng Hàm, *Việt-Nam Văn-Học Sứ-yếu*
- Nguyễn Hữu Vinh, *Chữ Nôm và tinh-thần dân-tộc*

Linh mục Đặng Đức Tuấn

(1825-1874)

*Bị bắt vì là đạo trưởng
trở thành khâm sai triều đình*

Lê Thiên

Địa sở Gia Hựu thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, là một họ đạo lớn kỳ cựu của Địa phận Đàng Trong, nay thuộc Giáo phận Qui Nhơn. Thống kê năm 1747 ghi nhận lúc bấy giờ họ đạo này đã có hơn 400 tín hữu.

Đặng Đức Tuấn sinh năm 1806 và lớn lên tại họ đạo ấy. Thân phụ của Tuấn là Đặng Đức Lành, một nhà Hán học nổi danh trong vùng, làm trùm trưởng giáo họ Gia Hựu. Ba người con của ông gồm Đặng Đức Hóa, Đặng Đức Tuấn và Đặng Đức Bình đều được giáo dục nên người, ngoan đạo và tinh thông chữ nghĩa.

Có tài liệu ghi nhận Đặng Đức Lành là cháu nội Đặng Đức Siêu (1750-1810), người Bồng Sơn, tỉnh Bình Định, một danh sĩ đã từng làm Lễ Bộ Thượng Thư triều Gia Long và đã sáng tác nhiều văn thơ nổi tiếng, trong đó có Văn Tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu. Đặng Đức Bình, con trai út của Đặng Đức Lành, mất sớm vì bệnh đậu mùa. Con cả Đặng Đức Hóa đỗ tú tài Hán học. Riêng Đặng Đức Tuấn, năm 19 tuổi (1825), cũng lều chõng vào Bình Định thi hương, vượt qua được hai trường thi (kinh nghĩa và phú lục), nhưng ở trường thi thứ ba lại hỏng môn thơ phú là môn sở trường của cậu.

Từ thầy dạy chữ Hán tới linh mục

Thời kỳ đó, trên đất Mã Lai, có Đại Chúng Viện Phi Năng (Pénang) được mở ra để đào tạo linh mục cho vùng Đông Nam Á (thay thế Chúng

viện ở Thái Lan, đóng cửa vì bị tàn phá). Các Chúng sinh Việt Nam thời ấy đều được gửi học tại Chúng viện Pénang (Phi-Năng), phần lớn đã được thụ phong linh mục. Một số nhỏ không được Chúa chọn, trở về sống đời giáo dân và đã thành danh, như Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Hữu Bài và Ngô Đình Khả.

Vì hồi đó linh mục Việt Nam cần học chữ nho để chu toàn công tác mục vụ, nên sau khi xét thấy Đặng Đức Tuấn vừa uyên thâm nho học vừa có tư cách đạo đức, năm 1840, Đức Giám Mục Cuénot Thê (Giám Mục Đàng Trong) giới thiệu Tuấn đi Mã Lai dạy chữ Nho trong Chúng Viện. Thầy Đặng Đức Tuấn không những tỏ ra mẫn cán trong công tác giảng huấn, mà còn nhanh chóng thông hiểu cả tiếng La tinh lẫn một số sinh ngữ Tây phương nhờ cố công tự học và được một số Cha giáo tận tình chỉ dạy.

Cha Bề trên Đại Chúng viện khám phá khả năng thông hiểu tiếng La tinh của thầy dạy chữ nho Đặng Đức Tuấn. Cha sớm hỏi thầy có muốn làm linh mục không. Câu hỏi đánh trúng ước vọng thầm kín mà Thầy Tuấn đã ôm ấp từ khi đến dạy học ở chúng viện này. Thầy không ngần ngại đáp lại tiếng gọi thiêng liêng của Chúa qua câu hỏi của vị Giám đốc. Thế là thầy Tuấn vừa tiếp tục giảng dạy môn chữ Hán vừa ngồi vào ghế học trò để bắt đầu học các môn học cần thiết cho sứ mạng mục vụ tương lai.

Sau 7 năm mài miệt đèn sách, thầy Tuấn được Bề Trên gọi ban chức Cất Tóc, chuẩn bị bước vào đời sống giáo sĩ. Mãn Đại Chúng viện, thầy trở về Việt Nam đi tập sự, gọi là “đi thứ” hầu được đào luyện thêm về đức độ cũng như khả năng mục vụ. Ít lâu sau, Thầy Đặng Đức Tuấn được Đức Giám Mục Cuénot Thê phong chức linh mục tại nhà thờ Gò Thị (Bình Định), quê hương của Thánh Anrê Kim Thông, rồi được bổ nhiệm coi sóc họ Châu Me và Trung Tín, thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Tình hình bách hại: Thích tự và phân sáp

Linh mục Đặng Đức Tuấn bắt đầu thi hành nhiệm vụ mục vụ nhằm vào lúc xảy ra hai biến cố 1858 và 1859: Liên quân Pháp - Tây Ban Nha đánh phá Đà Nẵng năm 1858 và xâm chiếm Sài Gòn - Gia Định năm 1859 dưới triều vua Tự Đức (1848-1883)

Trước đó, dưới thời vua Minh Mạng (1820-1840), người Công giáo đã chịu bách hại một cách thảm khốc. Tới thời vua Thiệu Trị (1841-1847) và giai đoạn đầu của triều vua Tự Đức (1848), sự bắt bớ tuy vẫn tiếp tục, nhưng cường độ ít căng thẳng hơn.

Sau hai biến cố trên, cuộc bắt đạo trở nên gay gắt gấp bội. Các đạo trưởng (linh mục cùng tu sĩ) và các trùm họ bị bắt đều bị đưa ra pháp trường xử trảm. Hàng trăm ngàn giáo dân bị đóng ấn hay khắc chữ "tả đạo" lên mặt bằng sắt nung lửa (gọi là thích tự), rồi phân tán vào các làng không Công giáo (gọi là phân sáp) để canh giữ và kìm kẹp.

Tình hình thích tự và phân sáp được linh mục Đặng Đức Tuấn mô tả bằng những dòng sinh động sau đây:

*Đạo rày phân sáp các miền,
Làm vì canh nhật giữ gìn chớ tha.
Làng nào để nó trốn ra,
Tội tình chẳng nhỏ, oan gia chẳng vờ.
Giáo dân lớn nhỏ bắt bừa,
Bắt ra thích tự chẳng chừa gái trai.*

Nghĩa khí trung can của người Công giáo

Cảm khái đức tin kiên dũng của người giáo dân lúc bấy giờ sẵn sàng thà chịu chết vì đạo Chúa chứ không thà bỏ đạo, linh mục Đặng Đức Tuấn hết lời tuyên dương ca tụng, coi họ giống như các bậc nghĩa khí trung can, sẵn sàng vong thân tuấn đạo. Theo Linh mục, những người "quyên sanh vị quốc" được "lệnh ban sắc thần," thì những người bỏ mình chịu chết vì đạo càng

được Chúa ban phần hiển vang, hưởng phúc thanh nhàn đời sau:

*Phận lưu ly chịu vì đạo thánh,
Lòng thảo ngay há lánh chông gai.
Dưới đời những bậc làm trai,
Xá sanh thù nghĩa để nài gian nan.
Kìa người nghĩa khí trung can,
Quyên sanh vị quốc, lệnh ban sắc thần,
Huống người tuấn đạo vong thân,
Lẽ nào Chúa chẳng ban phần hiển vang?
Chữ rằng thiên đạo hảo hoàn,
Gian nan có chốn, thanh nhàn có nơi.
Lấy câu: Sách định trên trời,
Hắn âu có Chúa muôn đời sửa sang.*

Giữ đạo vì Chúa, chẳng phải vì Tây

Linh mục Tuấn cũng mạnh dạn quả quyết rằng, người Công giáo nếu được chiếu chỉ vua ban, sẽ lập tức hợp tác tòng quân đánh Tây cứu nước, sẵn lòng chịu chết vì nước vì vua để chứng tỏ mình giữ đạo vì Chúa, chứ chẳng phải vì Tây:

*Phải mà trên xuống chiếu ban,
Truyền cho bốn đạo tòng quân cự Tây,
Cam lòng liều thác bỏ thân,
On vua trảặng, lòng này mới ưng.
Kẻo rằng: Trở mặt, sấp lưng,
Ở trong vương thổ, trông chừng Tây dương.
Suy đi nghiệm lại cho tường,
Bất cảm khoa quá, kính nhường thờ ai.
Vốn là vì Chúa Thiên Thai,
Chẳng phải vì người hóa ngoại Tây dương.*

Bôn tẩu để biên soạn điều trần

Đang thi hành mục vụ, nghe có tin bắt bớ gia tăng, linh mục Đặng Đức Tuấn tìm đường lánh nạn, nhân thể soạn một tập điều trần nói lên những điều tâm huyết mà ngài đã cư mang trong lòng bấy lâu nay: Tứ vi sấm sét đùng đùng,
Giam cầm khắp chốn, gông cùm khắp nơi.

*Nghe trong Bình Định thành thơi,
Tính vào trong ấy trốn chơi ít ngày.
Thấy trong thời sự đặng cay,*

*Điều trần một tập, tỏ bày căn nguyên.
Làm rồi lại ở chẳng yên,
Bọc lưng đi trốn qua miền Nha Môn.*

Như vậy, khi trốn vào Bình Định, linh mục Đặng Đức Tuấn đã hoàn thành tập điều trần. Nhưng tình hình bất bớ ở Bình Định trở nên dữ dội, ngài lại trốn ra Quảng Ngãi. Tới Nha Môn (thuộc Mộ Đức, Quảng Ngãi), ngài bị bắt và giải lên tỉnh năm 1861. Ngài trần tình với quan tỉnh về việc người Công giáo không hề can dự vào việc giặc Pháp đánh phá Đà Nẵng. Ngài nói:

*Năm kia tàu lại,
Giặc đánh ngoài Hàn.
Chúng tôi vô can,
Xin quan thẩm truat!*

Sau đó linh mục tiết lộ với quan rằng, trên đường bôn tẩu linh mục có mang theo một tập điều trần do mình soạn thảo nói lên nỗi oan của người theo đạo, nhưng chưa có dịp dâng lên triều đình thì bị bắt:

*Nghĩ tình oan ức,
Tôi mới điều trần...
Đợi dịp mà dâng,
Lượng trên minh chiếu,
Xét suy thì hiểu,
Đạo có tình ngay.
Đạo chẳng vẽ bày,
Thông mưu với giặc.*

Linh mục Tuấn khẳng định, đạo Công giáo từ xưa tới nay, khắp nơi thiên hạ, chỉ dạy lẽ công bằng chính trực, trung với vua, hiếu với cha mẹ và chăm lo thờ phượng Chúa, chứ chẳng làm gì sai trái.

*Tứ phương nam bắc,
Đạo dạy lẽ công,
Đạo dạy thuận tòng
Quốc vương thủy thổ.
Trải qua kim cổ,
Đạo giảng nhiều nơi,
Thờ phượng Chúa Trời,*

*Trung quân, hiếu phụ.
Ai ai tuân thủ,
Chẳng dám sai ngoa.
Mọi việc thật thà,
Gian khai hữu cữu.*

(Tự Thừa Khai)

Bên vực đạo Chúa trước các quan

Bấy giờ có một vị quan từ triều đình Huế vừa được phái đi kinh lược tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, vị quan có dịp đọc được tập điều trần của đạo trưởng tù nhân Đặng Đức Tuấn. Nhận thấy tập điều trần có nhiều kiến nghị hợp lý và khả thi, nhất là ý kiến về kế hoạch mua vũ khí và xây dựng đội quân tinh nhuệ để đánh trả giặc Pháp, vị quan liền tâu báo về kinh. Thế là linh mục Đặng Đức Tuấn được giải về kinh thành Huế. Ở đó hai vị đại thần “Phan - Lâm” tức Phan Thanh Giản và Lâm Duy Tiếp được chỉ định chủ trì một nghị hội tra xét Lm Tuấn, giống như một phiên tòa mở rộng đông đảo quan lớn nhỏ tham dự. Ngài thuật lại:

*Thượng quan vào Nội tâu rồi,
Một chặp kéo tới vô hồi quan gia,
Biết là mấy vạn người ta,
Đến coi thời sự thứ ra thế nào.
Phan – Lâm quan lớn ngồi cao,
Các quan bề dưới ngồi bao hai hàng.*

Cuộc xét hỏi nhắm vào hai điểm quan trọng mà vua Tự Đức đã gởi ra: Đạo dạy điều gì và vì sao quân Tây tới quấy nhiễu?

*Rằng vua có chỉ phán truyền,
Cho đòi đạo trưởng xét riêng hai điều.
Một là hỏi đạo Chúa Dâu,
Nghe trong đạo ấy nhiều điều nghinh ngang.
Hai là hỏi giặc Tây dương,
Qua đây khuấy rối làm ngang có gì?*

Đây là cơ hội ngàn vàng để Lm Đặng Đức Tuấn giới thiệu giáo lý đạo Chúa với các quan trong triều. Ngài trình bày minh bạch:

Ông lớn cho phép nói ngay,

*Thì tôi mới dám tỏ bày đạo nguyên.
Đạo dạy thờ Chúa thiêng liêng
Dựng nên trời đất, cầm quyền từ sanh.
Hễ người thì có tánh linh,
Giữ noi đường chánh, trường sinh cõi trời.*

Lm Tuấn lặp lại lời minh giải của ngài về
giềng mối Tam Phụ gồm Chúa- Vua – Thân sinh
mà ngài đã có lần đề cập đến. Ngài nói:

*Đạo dạy thờ vua dưới đời,
Vì vua thay mặt Chúa Trời trị dân.
Đạo dạy thảo kính song thân,
Cù lao báo bổ ân cần đền ơn.
Ấy là ba đáng trọng hơn,
Gọi là Tam Phụ có quyền (= quyền) khác nhau.*

Phân biệt Hội Thánh Chúa với Tây gian

Lm Đặng Đức Tuấn lại mạnh dạn trình bày
sơ lược lịch sử Hội Thánh Công giáo cốt ý chứng
minh rằng đạo không liên hệ gì với giặc Tây, trái
lại, theo linh mục, giặc Tây chỉ có mục đích “tìm
đường lợi danh,” và người Công giáo không hề
làm nội ứng cho giặc ấy. Lm Đặng Đức Tuấn
giảng giải:

*Rôma có một Giáo hoàng,
Gốc đầu Hội Thánh, mỗi mang Đạo Trời,
Tuy rằng đạo ở khắp nơi,
Giáo dân chồn chồn vâng lời Pha Pha. [Giáo hoàng]
Như giặc bởi nước Rôma,
Thì tôi cam chịu đạo qua quấy rầy,
Vốn nay chẳng phải làm vậy,
Lang Sa [Nước Pháp] nước khác đến gây chiến trường.
Giặc này tôi chẳng biết tường,
Nhưng mà cũng ước tìm đường lợi danh.
Vậy nên gây cuộc chiến tranh,
Nếu đi giảng đạo hoành hành sao nên?*

Sau đó, linh mục nêu lên bằng cứ cho thấy rõ
ràng người có đạo không hề nối giáo cho giặc:

*Xin suy lấy việc năm trên,
Đạo mà nội ứng với tàu Lang Sa,
Thì khi tàu ấy mới qua,
Kéo nhau bỏ xứ chạy ùa theo Tây.*

*Bởi đạo không có lòng này,
Đâu đó bình tĩnh xưa nay như thường
ooOoo
Triều đình là lượng mẹ cha,
Bất bố thời chịu, thứ tha thời nhờ.*

(Điều trần việc đạo, việc nước)

Đạo trưởng trở thành khâm sai của triều đình

Tập điều trần của Lm Đặng Đức Tuấn nhằm
vào 3 mục tiêu đề nghị chính là:

- Yêu cầu dung nạp giáo dân, xóa tan mọi nghi
kỵ ngờ vực.
- Khuyến khích việc xuất dương du học để nâng
cao dân trí, có đủ cán bộ tài năng để canh tân xứ sở.
- Xuất công quỹ mua súng ống đạn dược của
người Anh ở Hương Cảng để chống ngoại xâm, bảo vệ
an ninh lãnh thổ.

Sau khi nghiên cứu tập điều trần, thấy nhiều
điểm chứng tỏ đạo trưởng Gia tô [Công giáo] có
lòng yêu nước và quan tâm tới việc cứu nước khỏi
họa xâm lăng, vua Tự Đức truyền tha cho linh
mục Tuấn, và từ đó bắt đầu nới lỏng việc bắt đạo.
Chẳng bao lâu sau, Lm Đặng Đức Tuấn được
sung vào phái bộ Phan Thanh Giản – Lâm Duy
Hiệp nghị hòa với Pháp. Do đó, giáo dân lúc bấy
giờ thường gọi Lm Tuấn là “cha khâm”, vì ngài
làm khâm sai triều đình trong sứ bộ Phan Thanh
Giản trong vai trò phiên/thông dịch.

Hoàn thành nhiệm vụ, linh mục Tuấn trở về
cương vị mục vụ, ngài nhận bài sai đi quản xứ họ
đạo Tân Lộc, rồi Nước Nhì (huyện Phú Mỹ, Bình
Định) và qua đời tại đây năm 1874, thọ 68 tuổi.

Ngoài các bản điều trần, linh mục Đặng Đức
Tuấn còn sáng tác nhiều tác phẩm văn chương
giá trị, trong đó có *Việt Nam Giáo sử Diễn Ca*,
Hoành Mao Hiến Bình Tây Sách và *Lâm Nạn Phụng
Quốc Hành*, tỏ rõ ngài hết lòng kính Chúa, yêu
Giáo Hội và kiên trung với quốc gia dân tộc./.

Nguồn-gốc tên họ Việt-Nam (và trên thế-giới)

Yên Hà

Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến quân chủ ở Tàu và Âu châu, tên họ (danh tính) chỉ dành riêng cho giới quý tộc và tầng lớp. Thứ dân chỉ cần biết sống hết đời mình là đủ rồi. Ngày nay, tên họ không còn là một thứ đặc quyền xã hội mà đã trở thành điều bắt buộc do luật pháp quy định cho mọi người dân của một quốc gia.

Tuy nhiên, mãi đến thế-kỷ thứ 10, hệ thống tên họ của Âu Châu mới bắt đầu hình thành, và đến thế kỷ 16 mới hoàn tất: nước Pháp bắt đầu từ năm 1350 nhưng phải chờ đến năm 1539 để điều hành việc tên họ với phần chính-tả, Đan Mạch năm 1904. Đầu thế-kỷ thứ 19, Do-Thái mới có tên họ. Nhật Bản phải chờ cuối thế-kỷ 19 với Minh Trị Thiên Hoàng. Các dân-tộc Phi-Châu mới theo Tây-phương lấy tên họ từ đầu thế-kỷ 20.

1. Tên họ người Việt-Nam

Có thuyết cho rằng Trung Quốc đã có hệ thống tên họ theo lối phụ hệ sớm nhất trên thế-giới, sau đó là Việt Nam sau khi nước ta phải chuyển từ mẫu-hệ sang phụ-hệ dưới thời Bắc-thuộc.

Như vậy, sớm nhất Việt Nam (dân tộc Kinh) có tên họ vào khoảng đầu Công Nguyên.

1.1 Họ (Tính)

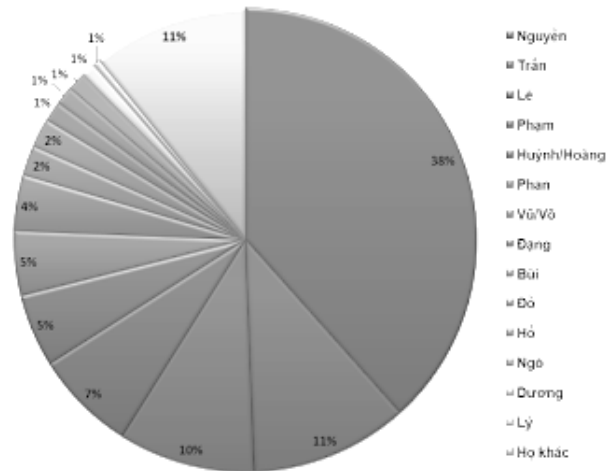
Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng từ văn hóa Trung Quốc cho nên họ người Việt cũng vậy.

Trong suốt hơn ngàn năm đô-hộ, những người Tàu như quan lại, binh lính, quý tộc, thương gia, nho sĩ, tội nhân bị đi đày, dân nghèo, đã sang nước ta và đã ở lại, thông hôn với người Việt và biến thành người bản xứ. Chính những lớp người này đã đem đến đa số họ mà người Việt Nam có hiện nay nhưng đa số tên họ được đọc trại đi cho khác với nguyên gốc để hợp với cách phát âm tiếng Việt. Và đương nhiên người Việt có ít nhiều tổ-tiên người Tàu: Lý Bôn (Lý Nam Đế sáng lập nhà Tiền Lý), Hồ Quý Ly, Nguyễn-Huệ vốn họ Hồ (?), ... đều dòng dõi người Tàu.

Họ người Việt không nhiều (khoảng 140), do đó có thành ngữ "trăm họ" (bách tính, còn đọc là "bá tánh") thời xưa thường dùng để chỉ dân chúng cả nước.

Các họ lớn ở Việt Nam đa số có một triều-đại trong lịch-sử.

Những họ người Kinh



Phổ thông nhất là:

- Nguyễn (38%), Trần (12%), Lê (10%), Phạm (7%),
- Hoàng/Huỳnh (5%), Vũ/Võ (4%), Đặng (2%), Bùi (2%),
- Đỗ (1,4%), Hồ (1,3%), Ngô (1,3%), Dương (1%), Lý (0,5%).

Mười bốn họ này chiếm khoảng 90% dân số Việt-Nam.

Điều đáng chú ý ngay là

- Họ Nguyễn đông nhất : 2 người Việt trên 5, hạng 4 trên thế-giới với ước tính 36 triệu, hạng 38 bên Mỹ, hạng 7 bên Úc (2 Melbourne, 3 Sidney), ...
- trong khi họ Lý trị vì 273 năm chỉ được 0,5%!

Điều này được giải-nghĩa bằng sự-kiện lịch-sử:

- Năm 1232, nhà Lý suy vong, Trần Thủ Độ đã bắt con cháu của dòng họ Lý chuyển sang họ Nguyễn.
- (Họ Bàng" - thi sĩ Bàng Bá Lân, Bàng sĩ Nguyên- hình như từ một người họ Lý không thi hành lệnh nhà vua, bèn chỉ cây bàng cổ thụ ở trước nhà mà tuyên bố: "Kể từ nay, gia đình ta thuộc họ Bàng!")
- Khi Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần, ông ta đã giết rất nhiều con cháu của dòng họ Trần. Vì thế, sau khi nhà Hồ sụp đổ, con cháu của họ Hồ vì sợ trả thù nên tất cả đã đổi sang họ Nguyễn.
- Năm 1592, nhà Mạc suy tàn, con cháu của dòng họ Mạc cũng lại đổi họ sang Nguyễn.
- Khi triều đại nhà Nguyễn nắm quyền năm 1802, một số con cháu của họ Trịnh cũng vì sợ trả thù nên lần lượt đổi họ sang Nguyễn, số còn lại trốn lên Bắc sang Trung Quốc.
- Trong luật của triều đại nhà Nguyễn, những người mang họ Nguyễn được hưởng nhiều đặc lợi, được triều đình ban thưởng, và vì thế các tội nhân cũng theo đó đổi họ sang Nguyễn nhằm tránh bị bắt.

Họ các sắc tộc khác

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị, vua Minh Mạng ban cho các

sắc tộc thiểu số vùng này các tên họ: Cốc, Đông, Hương, Kheo hay Khâu, Lân, Lâm, Sơn, Thạch, Thiết.

Vua Minh Mạng còn cho phép các quan được dùng tên xã thôn để đặt tên họ cho dân chúng huyện Kiên Giang và Hà Châu tỉnh Hà Tiên để tiện việc thu thuế và kiểm soát an ninh.

Đối với người Chăm, vào năm 1837, vua Minh Mạng xuống chiếu bắt người Chăm phải ăn mặc theo người Việt và thay đổi tên họ thành họ Lưu, Hàn, Đàng, Nguyễn, Trương, Châu, Phú, Dương.

Còn một số họ nữa do các tù trưởng bộ lạc thiểu số đặt cho dân chúng bộ tộc và các họ này thường là từ Nôm, hoặc là tiếng sắc tộc, chỉ phổ biến ở một vùng nhất định. Ví dụ: họ Đèo, Lò, Teo, Vù là các họ của các sắc dân thiểu số ở Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn.

Đổi tên họ

"Đi không đổi họ, ngồi không đổi tên"

Chúng ta thường hay nghe những tay hảo hán tuyên-bố như vậy trong những truyện/phim kiếm-hiệp.

Ngoài những trường-hợp "đổi họ để tránh họa" như đã nói trên, đổi họ còn là một đặc-ân vua chúa ban cho những quan-thần có công lớn với đất nước. Thí dụ như:

- Mạc Cảnh Vinh được chúa Sãi Nguyễn-Phúc Nguyên cho phép đổi thành Nguyễn-Phúc Vinh;
- Hàn Thuyên vốn họ Nguyễn, được vua Trần ban cho họ Hàn vì ông làm bài văn ném xuống sông khiến cá sấu bỏ đi, như chuyện Hàn Dũ bên Trung Hoa trước đó;
- Nguyễn Văn Chương được vua Tự Đức đổi là Nguyễn Tri Phương;
- ...

Đổi tên họ đôi khi là vì phạm húy vua: Phan Văn San do trùng tên húy vua Duy Tân (Nguyễn Phúc Vĩnh San) nên phải đổi thành Phan Bội Châu.

Mặt khác, một số người do thi hỏng nên đổi tên:

- Nguyễn Thắng thi hội hai lần không đỗ nên đổi thành Nguyễn Khuyển,
- Trần Duy Uyên thi hương hỏng nên đổi là Trần Tế Xương, rồi Trần Cao Xương và, cuối cùng, quay lại Trần Tế Xương.

Việc đổi tên rất phổ biến đối với người cộng sản. Hồ Chí Minh, Đỗ Mười, Lê Đức Thọ, Mai Chí Thọ ... đều không phải là tên chính hay nhũ danh, mà đó là những tên do họ tự chọn cho họ....

Người Việt sống nơi xứ người đôi khi gặp trường-hợp dở khóc dở cười với tên họ mình. Bên Pháp, anh Lê Cồn sẽ bị gọi là “Le con” = thằng ngu, anh Lê Chiến biến thành “Le chien” = con chó, anh Lê Phú thành “Le fou” = thằng điên. Bên Mỹ, Anh, hay Úc, tên Phúc hay Bích đọc thật khó nghe lắm. Bố mẹ đặt tên con có bao giờ nghĩ chúng sẽ có ngày đi Pháp, đi Mỹ đâu?

Họ kép

Chúng ta cần phân biệt hai loại họ kép:

- **Họ kết-hợp bởi hai họ:** Đây là những họ kép chính thức. Thường thấy có: Đặng Vũ, Vũ-Đỗ, Nguyễn-Trần, Trần-Lê, Hồ-Đặng, Lê-Phan, Vũ-Phạm, Đặng-Trần.

- Trước hết là trường hợp người con nuôi, y thêm họ gia đình cha mẹ nuôi vào họ gốc. Họ mới đi trước họ gốc. Đó là hoàn cảnh của nhà thơ Đặng-Trần Côn, tác giả Bích-Câu kỳ-ngộ và Chinh Phụ Ngâm Khúc.
- Có khi là họ bố và họ mẹ ghép vào với nhau.

- Còn có trường-hợp những người được vua cho đổi họ nhưng được phép giữ họ gốc ghép vào họ mới mà thành ra họ kép. Huỳnh Đức, quan triều đại Gia-Long trở thành Nguyễn-Huỳnh Đức.

- Trường-hợp họ Đặng Vũ: Có thuyết kể rằng đầu thế-kỷ 17, có ông Vũ Huy Pháp, nhà bị tru di tam tộc nên chạy trốn đến làng Hành Thiện (thuộc Nam-Định), được ông Đặng Phúc Long tận tình giúp đỡ nên vì chịu ơn họ Đặng mà ông cho một người con, tên là Thiện Thế làm rể họ Đặng, đổi họ thành Đặng-Vũ, bắt nguồn cho một dòng dõi riêng biệt.

- **Họ + tên đệm:** Đây không phải là 2 họ ghép vào mà là để phân biệt chi nhánh (thí-dụ họ Đặng có những chi Khắc, Hữu, Xuân, Đức, Ngọc, Huy, Đình...) hay để phân-biệt vai vế (thí-dụ họ Dương: bên nhánh nam thì lần lượt là Tự, Thiệu, Hồng, Nghiệp, nhánh nữ lần lượt là Hạ, Nguyệt, Vân, Thủy).

1.2 Tên (Danh)

Tên của người Việt-Nam thường là: Họ + Tên đệm (tên lót) + Tên chính.

Tên chính

Tên nữ thường là tên loài hoa: Mai, Lan, Cúc, Hoa, Hương,...; tên loài chim đẹp có tiếng hót hay: Yến, Oanh...; tên đá quý: Bích, Ngọc, Trân...; tên loại vải quý: Nhung, Gấm, Là, Lụa,...; từ ngữ chỉ đức tính: Hạnh, Thảo, Hiền, Dung,...; hay từ ngữ có âm thanh nhẹ nhàng, có ý nghĩa hoa mỹ: Vân, Thúy, Diễm, Lê, Nguyệt, Nga, Trang, Huyền, Ngân...

Tên nam thường được chọn trong các tiếng biểu lộ được sự mạnh mẽ về thể xác lẫn tinh

thần. Tên nam thường là tiếng chỉ sức mạnh: Cương, Cường, Hùng, Tráng, Dũng,...; tiếng chỉ trí tuệ: Thông, Minh, Trí, Tuệ, Quang, Sáng,...; tiếng chỉ đức hạnh: Nhân, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Công, Hiệp, Phúc... hay tiếng chỉ tiền tài danh vọng: Phú, Quý, Kim, Tài, Danh, Đạt... hay chỉ địa vật như Sơn, Giang, Lâm, Hải, Dương,...; hoặc một số từ có âm hưởng mạnh mẽ như Long, Quốc,...

Ngoài ra còn có **tên trung tính** (cả nam và nữ đều dùng được) được người Việt Nam sử dụng khá phổ biến như Anh, An, Bình, Hà, Khánh, Linh, Lương, Tâm, Thanh, Tú. Trong các trường hợp này có thể phân biệt giới tính của tên thông qua tên đệm, ví dụ như Quốc Khánh là tên nam (nghệ sĩ hài) còn Ngân Khánh là tên nữ (nữ diễn viên).

Tên có thể hay nhưng **tên đệm** cũng quan trọng để tạo nên âm điệu và ngữ nghĩa hài hòa cho toàn bộ cái tên.

Tên đệm có khi để phân biệt nam (Văn, Hữu hay Mạnh) hay nữ (Thị, Diệu); có khi chỉ thứ bậc trong gia-tộc (họ Dương hay hoàng-tộc Nguyễn, Ngô Thì, Ngô Vai; Nguyễn Đức, Nguyễn Mậu,...); hoặc dùng để bổ nghĩa cho tên chính: “Hùng” có thể được đệm bằng “Anh” để thành “Anh Hùng”, “Trang” có thể được đệm bằng “Đoan” để thành “Đoan Trang”, ...

Ngoài tên chính ra, còn nhiều loại tên khác:

Nhũ danh (hay tiểu danh) thường bị hiểu sai lạc là tên chánh của một người đàn bà lúc còn con gái trong gia đình. Thật ra, nhũ danh hoàn toàn không có nghĩa là tên riêng của người con gái, mà đó là tên của người lúc còn nhỏ, chung cho cả hai phái nam và nữ. Nhũ có nghĩa là cái vú, chỉ tên của người lúc còn bú vú mẹ.

Tên Tự, chính mình tự chọn riêng cho mình.

Tên hiệu, (hay xước hiệu, bút danh hay tên bút, nghệ danh, tên sân khấu) biểu lộ ý muốn, niềm mơ ước, mục đích muốn đạt.

Thí dụ: Tôi đã chọn Yên Hà làm bút hiệu vì Hà-Nội là nơi sinh của bố tôi, ông cố tôi và tôi) và Hưng Yên là nơi sinh mẹ tôi, gộp lại thành Yên Hà, cũng là ước vọng của tôi: sơn hà yên lành.

Tên cúng cơm (hay tên thụy) là tên đặt cho người vừa chết để gia đình dùng để cúng kỵ người ấy. (Tên này cũng hay bị hiểu sai)

Biệt danh (hay hõn danh): Chị Nguyễn Thị Hên, thứ Tư, người trong xóm gọi chị là chị Tư Hên. Bỗng một hôm chị bị tai nạn và mang tật ở một chân mà từ hôm đó chị đi khắp khiêng. Người lối xóm bắt đầu đổi tên chị thành Chị Tư què hay Chị Tư thọt.

Khi đi học, mấy cậu con trai thường đặt “biệt danh” cho nhau để gọi cho thân mật. Tên này thường dựa trên một đặc-điểm trên thân thể (Mập, Còm, Mù, Lùn...) hay dựa trên tên chính bí nói lái (xin miễn dẫn chứng).

Biệt danh cũng rất thông dụng trong giới anh chị trong xã-hội đen như Đại Cathay, Năm Cam, Minh Đen, Lâm Chín Ngón, Bình Toyota, ...

Tên “ở nhà” là những tên hàm chứa tình thương, sự triu mến của gia đình dành cho con cháu trong nhà như “Chó con”, “Tí”, “Cu”, “Nhít”, “Bê”, “Phốc”... Những tên này có khi được dùng để gọi những đứa trẻ mãi đến lúc chúng đã trưởng thành.

Người theo đạo Thiên Chúa thường có **tên thánh** và bên Phật giáo thì có **pháp danh**.

Cuối cùng, **Bí danh** (alias) là tên gọi theo quy ước một cách bí mật của một người, nhóm người, tổ chức nào đó.

2. Vài điều lý thú trong tên họ trên thế-giới

- Theo The World Geography, **mười dòng họ đông người nhất** thế-giới là:

Li (hơn 100 triệu), Zhang (khoảng 100 triệu), Wang (93 triệu), Nguyễn (36 triệu), Garcia (10 triệu), Gonzalez (10 triệu), Hernandez (8 triệu), Smith (4 triệu), Smirnov (2,5 triệu) và Muller (1 triệu).

- Một số họ do nghề nghiệp. Thí dụ: Boulanger / Baker (làm bánh mì), Couturier (thợ may), Masson (từ Maçon = thợ hồ) bên Pháp, Shuck (làm giầy hay bán giầy) bên Đức, Fisher (ngư ông) bên Anh/Mỹ hay Fischer bên Đức, Drukker (nghề in) bên Hà Lan, Gorczyka (trồng hay làm mù tạc) bên Ba Lan, Medici (nghề y-khoa) bên Ý...

- Một số họ dựa trên nhân dạng: Kreuser (người tóc quăn) bên Đức, Galanis (người mắt xanh) bên Hy-Lạp, Hartig (người đàn ông lực lưỡng) bên Hà Lan; Legros (người mập), Lelong (người cao), Blanc (da trắng) bên Pháp;

hay một nơi chốn: Tobler (người ở trong rừng) bên Đức, Arakawa (sông) hay Yamada (núi hay ruộng) bên Nhật, ... hay nước xuất-xứ như Lallemand (=Đức) hay Hollande (=Hà Lan) bên Pháp...

- Họ có nguồn gốc là tên

Thuở xưa, người thường dân không có (quyền có) họ, để tránh sự trùng tên, người ta gọi tên một người kèm theo tên của người cha:

Bên Đan-Mạch và Na-Uy, Jen Nielsen tên là Jen và là con của Niel

Bên Thụy-Điển, Jan Nilsson tên là Jan và là con của Nils

“Con của” được viết bằng một hậu tố (suffix/suffixe): “sen”, “son” (như Wilson=con của William bên Anh), “ovitch” hay “ovna” (Nga

Xô), “fy/ffy” (Hung-Gia-Lợi), “ez/es” (như Fernandez = con của Fernando bên Tây-Ban-Nha, Mỹ La-Tinh, Bồ Đào Nha);

hay bằng một tiền tố (prefix/préfixe): “Fitz” (như FitzGerald bên Anh Normand), “Mac” (Ái Nhĩ Lan và Scotland), “Ben” (Do Thái), “ic” (bên Trung Âu như Serbia, Croatia, Bosnia...), “ov” (Bulgaria), ...

Bên Armenia, hậu tố “ian” cũng như tiền-tố “O’ = ua” bên Ái Nhĩ Lan (như O’Hara = từ Eaghra) chỉ định nơi xuất xứ.

Uống nước nhớ nguồn

Lá rụng về cội,

Nước chảy về nguồn.

Tháng 3, 2017

Tài-liệu nguồn:

1. *Họ người Việt-Nam, Wikipedia*
https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%8D_n_g%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t_Na_m
2. *Tên người Việt-Nam, Wikipedia*
https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%AA_n_g%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t_Nam
3. *Tính danh học Việt Nam: Nguồn gốc tên họ Việt Nam* (Nguyễn Long Thao)
http://www.erct.com/4-ChiaSe/SuuTam/Tinh_danh-Nguongoc-TenhoVN.htm
4. *Lược-sử tên họ người Việt* (Nguyễn Vy-Khanh)
<http://baiviet.vietnamgiapha.com/2011/04/luoc-su-ten-ho-nguoi-viet.html>
5. *Tên Cúng Cơm - Vài nét về Tên và Họ của người Việt Nam* (Nguyễn Văn Trần)
[http://ttntt.free.fr/archive/Nguyenvantran\).html](http://ttntt.free.fr/archive/Nguyenvantran).html)
6. *L'origine des noms de famille dans le monde entier*
<http://www.lavoute.org/debuter/patronymie.htm>

Chúa sẻ trong Cộng đoàn

Đôi lời.- Năm qua, 2017, cũng như liên tục các năm trước nữa, nhiều thành viên của Cộng đoàn đã vĩnh viễn ra đi, già có, trẻ có, như ÔB Phan Ngọc Điển, ÔB Nguyễn Văn Thụy, các ông Nguyễn Bá Thiện, Nguyễn Thái Quân, Trần Xuân Thanh, Hồ Đức Lịch, Hoàng Chương, Trương Văn Lương, Nguyễn Văn Tý, Cao Đức Kinh, các anh Hồ Sĩ Thạch, Hoàng Hiếu, Nguyễn Tấn Bửu, Nguyễn Tiến Dũng, bà Nguyễn Thị Yến, các chị Nguyễn Thị Lan, Hoàng Thị Ái Mỹ, Phạm Thị Ngọc Yến, Nguyễn Thị Kim Liên cùng nhiều người khác...

Chúng ta cầu nguyện cho linh hồn các thành viên của CD đã ra đi trước chúng ta được sớm hưởng phúc nước Trời. Điều kiện không cho phép chúng tôi ghi lại đây những nét đặc thù cũng như công lao đóng góp vào Cộng đoàn của từng thành viên đã ra đi trước chúng ta.

Riêng cụ Vincentê Phạm Ngọc Tỏa là người đến sau với Cộng đoàn, nhưng lại là vị cao niên tân tông đón nhận ơn tái sinh trong Phép Rửa Tội tại Cộng đoàn, sốt sắng tham gia đời sống Kitô hữu trong Cộng đoàn và trong Hội Cao Niên. Cụ nằm xuống, gia đình thân quyến Cụ từ nhiều phương xa đến, tuy ngoài Công giáo, song đều tham dự các nghi thức Công giáo cách kính cẩn. Mạn phép giới thiệu về cụ Vincentê Phạm Ngọc Tỏa ở đây cùng với bài điệu văn và bài thơ Thương tiếc của người thân Cụ Tỏa.

Khóc Phạm Ngọc Tỏa (1927-2017)

Tôi đã khóc khi trời thu giá lạnh
Khi hồn Anh bay vút tới cao xanh
Anh cùng tôi khi cha mẹ sinh thành
Đã nguyện ước sống với tâm hồn trong sáng!
Chín mươi tuổi, mùa thu năm Đinh Dậu
Anh ra đi trong lặng lẽ một tối trời,
Tôi thương anh, nước mắt lặng lẽ rơi
Sao Anh nở bỏ đi không lời vĩnh biệt?

Trước bạn bè, thân nhân, tôi thương tiếc
Nói vài lời cáo biệt với buồn đau
Tuy u sầu nhưng ước muốn cho nhau
Anh sớm thoát cõi trần, vĩnh du nơi tiên cảnh!

Trên thượng giới, thể hiện lòng lành
Anh vui đời sống mới!
Với Tiên Nhân, Cha Mẹ, Anh em!
PHẠM NGỌC TỎA
Tôi cầu mong
Tâm hồn Anh luôn yên tĩnh!

Bào đệ

Phật Sơn Phạm Như Cương kính điệu
21-10-2017 (Mùng 2 tháng 9 năm Đinh Dậu)

Một Lời Vĩnh Biệt

Ông Phạm Văn Sinh đã kết bạn cùng BS PHẠM NGỌC TỎA hơn 70 năm trước và cũng là bạn của phu nhân Bà Vũ Thị Hương tại trường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn.

Vô Cùng Thương Tiếc Bác Sĩ PHẠM NGỌC TỎA!
Cựu Giám Đốc Bệnh Viện Trưng Vương
và Bệnh Viện Vì Dân

Anh Tỏa thương mến,

Hồi tưởng lại hơn 70 năm về trước khi nhắc đến tên anh khi cùng vào trường Bưởi cạnh Hồ Tây, Hà Nội học chữ Nho cụ Quỳnh, học vẽ thầy Lân, với kỷ luật của ông Lung Bạch; cùng vui chơi thể thao với môn bóng đá, nhảy cao và cả nhảy sào bên bờ hồ gió mát.

Thế chiến thứ Hai xảy ra trường đi tản về Trường Nhà Dòng Phúc Nhạc, Ninh Bình chúng ta nằm giường kề cạnh nhau cùng nghe giảng Thánh Kinh của cha Quy, cuối tuần được nghỉ cùng đi ra ngoài thăm dân sống trong cảnh đói kém, khổ sở vì chiến tranh...Chính phủ thay đổi... Sau hiệp định Geneve, quân Pháp trở lại tái lập chính phủ Bảo Đại rồi đảo chánh.

Anh bị gọi đi khoá 1 Nam Định. Tôi tốt nghiệp khoá 3 Thủ Đức, rồi ở lại làm huấn luyện viên...

Sau khi thụ huấn ở Brook Medical Center, Hospital Administrator School ở Texas, tôi trở về làm thanh tra tiếp vận, hướng dẫn điều hành các đại đơn vị Quân Y cấp Sư Đoàn và các Bệnh Viện Quân Y. Trong lúc đó, Anh trở thành Bác Sĩ Quân Y Bệnh Viện Pleiku và Quân Y Viện Nguyễn Huệ Nha Trang. Tôi và anh lại gặp nhau và chúng ta cùng làm việc tại Nha Quân Y, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà.

Anh được giao phó xây Bệnh Viện Trưng Vương để điều trị gia đình binh sĩ. Bệnh Viện Trưng Vương được nổi tiếng trong nước. Vì vậy, bà vợ Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu mời anh bàn kế hoạch xây dựng Bệnh Viện Vì Dân với kiến trúc tân kỳ, kỹ thuật hiện đại, giường bệnh nhân tự điều khiển bằng điện. Tôi được biệt phái về văn phòng Tổng Thống để sang làm phụ tá quản trị Bệnh Viện Vì Dân, và anh là Giám Đốc cho tới đầu năm 1975.

Sau 30 tháng 4, 1975 Anh và Chị sang định cư và làm việc tại Paris. Tôi ở Mỹ làm điện tử cho hãng computer Amdahl rồi Fujitsu tại Silicon California, nhân đi công tác ở Ireland đã đến thăm Anh Chị ở Pháp... Đến khi Anh Chị nghỉ hưu về định cư tại Mỹ gần cháu Ngọc nhưng sau đó Chị muốn về Pháp vì nhiều bạn bè và hợp với đời sống ở Paris hơn, Anh đã chiều ý Chị... Thời gian trôi qua với tuổi già, sức yếu và bệnh hoạn không ai tránh khỏi. Chị ra đi trước Anh lo liệu xong; buồn cảnh sống cô đơn, Anh trở lại Mỹ ở với cháu Châu tại New Jersey, và nhân dịp tôi qua Washington DC dự lễ tốt nghiệp Public Health của con trai út là Y sĩ thanh tra của Không Quân Hoa Kỳ nên tôi đã ghé thăm Anh. Sau đó tôi và anh vẫn liên lạc với nhau bằng điện thoại, ngày càng thưa đi vì sức khỏe và tuổi tác của cả hai...

Bất ngờ, cháu Châu cho biết tin Anh đã ra đi, tôi và các cháu rất thương xót và nuối tiếc vô cùng. Kiếp người quá là ngắn ngủi không ai tránh khỏi... Nhưng Anh đã sống một cuộc đời vinh quang của một y sĩ, phụng sự cho Tổ Quốc, xã hội và trọn vẹn tình nghĩa với gia đình, bạn bè:

VINH QUANG vì anh đã là một Bác Sĩ Quân Y của thời loạn lo cho binh sĩ tại tiền tuyến và các

tỉnh cùng gia đình họ ở hậu phương. Còn hơn thế nữa Anh đã xây dựng được 2 bệnh viện Trưng Vương và bệnh viện Vì Dân. (sau 1975, bệnh viện Vì Dân đổi tên là bệnh viện Thống Nhất chỉ dành riêng phục vụ cho cán bộ cao cấp)

TRỌN VẸN vì Anh là một người con hiếu thảo, một người chồng chung thủy, một người cha rất yêu thương, hy sinh cho con cái, luôn thông cảm, tha thứ với nụ cười vui tươi và chịu đựng, một người trọn tình nghĩa, thân mật với bạn bè và thân hữu.

Anh rất xứng đáng làm gương cho người đời và hậu thế với công trạng và đức độ hiếm có của một vị y sĩ như Anh.

Thành kính cầu nguyện ÔN TRÊN cho hương hồn Anh được bình an nơi vĩnh cửu.

Vô cùng thương tiếc Anh PHẠM NGỌC TOẢ !

Phạm văn Sinh và gia đình kính điều.

Nhớ về Vincentê Phạm Ngọc Tỏa (1927-2017)

Lê Thiên

Cách đây 2 năm (2015), trên hai báo *Hiệp Nhất* và *Diễn Đàn Giáo Dân* (Nam California) chúng tôi có giới thiệu gương hoán cải của Bác sĩ Phạm Ngọc Tỏa với sự kiện ông được ơn Chúa, gia nhập Công Giáo giống như một số nhân vật khác của VNCH trước ông, như các ông Ngô Khắc Tinh, Hà Thượng Nhân, Vũ Quốc Thúc, Bàn Bá Lân....



Ông Phạm Ngọc Tỏa sinh ngày 04/7/1927 tại Hà Đông, Miền Bắc Việt Nam. Ông là Bác sĩ Giám

đốc tiên khởi Bệnh viện Vì Dân tại Sài Gòn (khánh thành ngày 04/09/1971) cho đến ngày 30/4/1975 khi VNCH rơi vào tay thống trị của Cộng sản.

Phạm Ngọc Tỏa là một trong những Bác sĩ Quân Y đầu tiên của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Khởi đầu, khi Miền Bắc còn là vùng Quốc gia, ông theo học Y khoa tại Đại học Y Khoa Hà Nội. Năm 1954, di cư vào Nam, ông gia nhập quân đội Quốc Gia Việt Nam, học Trường Quân Y, tốt nghiệp bác sĩ quân y, phục vụ qua các chức vụ Y sĩ trưởng Sư đoàn Khinh chiến 12 tại Pleiku và Kontum, rồi Y sĩ Trưởng Trung Tâm Hồi Lược Vũng Tàu, Y sĩ trưởng Quân Y viện Nguyễn Huệ Nha Trang.

Năm 1969, Bác sĩ Tỏa rời quân đội khi được bổ nhiệm làm Y sĩ Trưởng *Bệnh viện Trưng Vương*, một bệnh viện do chính bà Mai Anh, phu nhân TT Nguyễn Văn Thiệu thành lập, dành chăm sóc các bệnh nhân thuộc gia đình Binh sĩ VNCH.

Năm 1970, Bà Nguyễn Văn Thiệu lại nảy ra sáng kiến lập một bệnh viện tư “miễn phí” hay “giảm phí” cho các gia đình dân nghèo. Đó là lý do hình thành Bệnh viện mang danh xưng **“Bệnh Viện Vì Dân”**. Bs Phạm Ngọc Tỏa được mời *“cộng tác nghiên cứu tổ chức, xây cất, trang bị và điều hành”* bệnh viện này, sau đó ông được bổ nhiệm giữ chức Giám Đốc tiên khởi của Bệnh viện (chính thức khai trương và đi vào hoạt động ngày 04/09/1971). Ông đã khéo léo điều hành Bệnh viện Vì Dân hoàn thành trách nhiệm theo đúng chủ trương “Vì Dân” đã đề ra.

Trong thời gian này, phu nhân của Bs Phạm Ngọc Tỏa là bà Vũ Thị Hường vốn là một chuyên gia Kinh tế. Khi Bs Tỏa, chồng bà đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Bệnh viện Vì Dân, bà Hường lại được cử đi nước ngoài với tư cách Đệ nhị Tham tán (Tham tán Kinh tế) Tòa Đại sứ VNCH tại Bonn, Đức. Ba người con lớn của ông bà đã cùng với thân mẫu sang Đức. Hai người con nhỏ thì ở lại Việt Nam với thân phụ là Bs Tỏa.

Ngày 30/4/1975, CSVN cưỡng chiếm toàn Miền Nam Việt Nam. Bệnh viện Vì Dân bị cưỡng chiếm. Bác sĩ Tỏa bị đi “học tập” và trở thành kẻ thất nghiệp. Gia đình Bs Phạm Ngọc Tỏa rơi vào

cánh phân ly! Bà Tỏa (tức Vũ Thị Hường) cùng ba người con lớn rời bỏ nước Đức, sang tị nạn chính trị tại Pháp. Còn Bs Tỏa và hai đứa con nhỏ (trong đó có cô Châu) thì kẹt lại tại VN cho đến ngày 26/10/1981 mới được đi đoàn tụ gia đình tại Pháp.

Ở Pháp, Bs Phạm Ngọc Tỏa đệ trình lại luận án Bác sĩ Y khoa và ông đã bảo vệ thành công luận án này, được công nhận là Bác sĩ thực thụ của ngành Y khoa Pháp, phục vụ trong Bộ Y Tế Pháp, hành nghề tại các Bệnh viện công của Pháp, rồi sau ra mở phòng mạch tư cho tới tuổi hưu năm 2000.

Năm 2010, phu nhân Bs Tỏa lìa đời sau nhiều năm lâm trọng bệnh, có lẽ do trầm cảm. Ông bà Phạm Ngọc Tỏa có tất cả 5 người con, 2 nam, 3 nữ. Cô gái út của Bs Tỏa là Phạm Thị Minh Châu. Thuở nhỏ, cô Châu được cha mẹ cho đi học trường đạo (Regina Pacis) tại Sài Gòn, Việt Nam. Cô tha thiết được nhập đạo Công giáo. Thân phụ cô đã không từ chối. Minh Châu nhận Bí Tích Thánh Tẩy, rồi Rước lễ Vỡ lòng và Thêm sức tại Việt Nam trước khi cùng cha mình đi đoàn tụ với mẹ và các anh chị ở Pháp. Cô Châu kết hôn với một thanh niên người Pháp tên Jean-François Bahier, một giáo dân Công giáo đạo đức, hiền lành, hòa nhã, thương người và có tinh thần phục vụ cao.

Do công ăn việc làm, Jean François & Minh Châu sang định cư tại Hoa Kỳ rồi nhập quốc tịch Mỹ, sống tại Tiểu bang New Jersey cùng với 2 cậu con trai cho đến nay. Hai vợ chồng Bahier-Minh Châu rất nhiệt tình với Cộng đồng Công giáo Việt Nam nơi cư trú, được mọi người trong cũng như ngoài Cộng đoàn quý mến. Đặc biệt, Jean-François Bahier xông xáo vào mọi việc chân tay nặng nhẹ của Cộng đoàn, nhưng cả ông lẫn bà luôn khiêm tốn từ chối bất cứ chức vụ gì mà vị linh mục Quản nhiệm hay Hội Đồng Mục Vụ Cộng đoàn đề nghị ông bà đảm đương. Hai cậu con trai của ông bà cũng sinh hoạt hăng say trong Ban giúp lễ và trong đoàn thể thanh thiếu niên Cộng đoàn.

Năm 2012, nhân chuyến du lịch từ Pháp sang Mỹ để thăm con cháu, ông Phạm Ngọc Tỏa quyết định chọn ở lại Mỹ với gia đình người con gái út. Từ những lần đến Mỹ thăm con cháu trước đó, ông Tỏa đã cảm nhận một động lực vô hình từ

Cộng đoàn Công giáo ở New Jersey tác động tâm hồn ông. Ông cảm thấy thích thú cùng với con cháu đi dự lễ Chúa nhật hàng tuần tại nhà thờ giáo xứ Cộng đoàn.

Nhờ tiếng gọi thúc bách của Chúa Thánh Thần thông qua những người bạn tốt trong Cộng đoàn, cụ Phạm Ngọc Tỏa quyết định xin học đạo. Vào thời điểm này, cụ Tỏa do tuổi già sức yếu đi lại khó khăn, bắt đầu nặng tai, nói và nghe không còn như trước. Dù vậy, ông vẫn kiên trì tham gia khóa Giáo lý Dự tòng, không bỏ lỡ lớp nào và nhất là không bỏ lễ Chúa Nhật.

Đêm Vọng Phục Sinh 2015, ơn Chúa Thánh Thần mang đến cho cụ Phạm Ngọc Tỏa 3 hồng ân lớn: *Ơn Bí tích Thánh Tẩy, ơn Bí Tích Thêm Sức và Ơn kết hợp với Chúa Giêsu trong Bí Tích Thánh Thể.* Ông chọn Thánh Vincentê là Quan Thầy.

Về cảm tưởng được làm con cái Chúa, người tân tòng Vincentê Phạm Ngọc Tỏa bày tỏ: *"Vui lắm! Mừng lắm! Còn gì sung sướng bằng được Chúa đoái thương vào buổi cuối đời của thân già! Cảm ơn được biết Chúa tuy rằng biết muộn và biết rất ít về Chúa. Nhờ lời cầu nguyện của mọi người và nhờ ơn Chúa, tôi chỉ mong trung thành với ơn gọi làm con cái Chúa một cách xứng đáng".*

Tuổi càng cao, sức càng yếu. Sau một thời gian chống chọi với bệnh già, ngày 30/9/2017 Vincentê Phạm Ngọc Tỏa đón nhận các Bí tích sau hết, rồi nhẹ nhàng ra đi vào đúng tuổi 90.

Chúng ta cùng học gương sáng của người quá cố và cầu nguyện cho linh hồn Vincentê sớm hưởng nhan thánh Chúa nơi vinh phúc muôn đời cùng Mẹ Maria và các Thánh.

Lê Thiên

Hay tin Vincentê Phạm Ngọc Tỏa vừa từ trần tại tiểu bang New Jersey, Hoa Kỳ, thọ 90 tuổi, xin phân ưu cùng gia đình và cầu cho linh hồn Vincentê hưởng nhan thánh Chúa.



Lục Tuần

Tặng chị Oanh nhân dịp sinh nhật 60

Sáu mươi tuổi thọ đến rồi,
Chúc Oanh luôn mãi sống đời trẻ trung.
Đạo vợ chồng luôn thủy chung
Vợ hiền, dâu thảo luôn thương lo toan.
Chúc Oanh xác hồn bình an,
Hăng say phục vụ hoàn toàn vị tha.
Cuộc đời dầu có gian nan,
Vui lòng chấp nhận trăm phần êm xuôi.
Bà nội, bà ngoại tươi cười,
Gia đình sum họp hân hoan mỗi ngày
Hạnh phúc đôi lứa đẹp thay,
Ngày ngày bảo trọng mây may sỡ lòng.
Gương sáng giới trẻ ước mong,
Dẫn đường, chỉ lối cậy trông muôn vàn.
Ngày ngày gương sáng, bảo ban,
Giúp cho tuổi trẻ hân hoan vào đời.
Tĩnh tâm, sinh hoạt, vui chơi,
Cùng nhau giúp đỡ, cuộc đời có nhau.

Phan Văn An

Tâm Tình Con Gửi Mẹ

Nguyễn Thị Mỹ Dương

Đời Lời: Cụ Bà Nguyễn Thị Xuân Tường đã tạ thế ngày 2/10/2017 tại Pháp, thọ 104 tuổi.

Kính thăm Mẹ yêu dấu,

Mẹ ơi, hôm nay Mẹ có được khỏe không mấy hôm trước không? Con ra về mà lòng dạ sé thắt, nhưng lại rất yên tâm vì có các anh chị, các cháu quây quần bên mẹ, thương yêu ân cần chăm sóc Mẹ hàng ngày.

Mấy hôm còn ở bên Mẹ, con rất muốn hàn huyên nhiều với Mẹ như những lần trước kia, nhưng vì Mẹ mệt nên lại không muốn quấy rầy.

Điều quan trọng nhất mà con muốn nói lên đây: Mẹ là mẹ người Mẹ tuyệt vời nhất trên toàn cõi thế gian, không ai có thể so sánh được, không lời lẽ nào có thể bày tỏ được hết những đức tính cao vời của Mẹ.

Ngược giòng thời gian nhìn về quá khứ, thì cách đây một 100 năm, Mẹ đã là một cô gái bé nhỏ chịu mồ côi mẹ, rất thiếu tình thương, vì bà ngoài chẳng may mất sớm lúc Mẹ chưa tròn 4 tuổi! Nhưng rồi mẹ cũng đã trưởng thành sớm hơn mọi người khác, đã trở nên một thiếu nữ rất thông minh sáng láng hơn hẳn mọi người đồng lứa: học giáo lý thì luôn chiếm giải nhất, bao nhiêu phần thưởng là o Tường nhà mình rinh hết!

Bước vào tuổi học trò, Mẹ lại học giỏi hơn cả con trai, mới đi học được 2 năm thì thầy cho vượt lớp! Và rồi thầy Thiệu đã tin cậy giao cho Mẹ dạy học một lớp 30 trẻ. Thế là buổi sáng đi học lớp lớn, buổi chiều dạy học lớp nhỏ hơn!

3 năm sau Mẹ đã đậu bằng “Sơ học yếu lược” khiến cho cha sở rất vui mừng hãnh diện, và cha đã mổ bò ăn khao cả làng! Vì Mẹ là người con gái duy nhất trong làng đã được đi học, lại học giỏi và

thành công đỗ đạt, đem vinh dự đến cho gia đình và mọi người trong làng lúc ấy.

Sau đó, được tiếp tục học Pháp văn thì o Tường cũng thuộc lòng, trả bài ro ro....!! “*Tường đau có ngán!*”

Thế rồi vì Mẹ là một thiếu nữ không những rất xinh đẹp lại thông minh hoạt bát nên đã lọt vào đôi mắt tình thương mình mẫn của Ba. Cho nên Ba đã “chăm” Mẹ trong số rất nhiều thiếu nữ khác, kể cả 4 chị em trong gia đình ông ngoại vừa mới 13 tuổi bốn tháng!

Bước sang tuổi 16, cái tuổi thơ mộng nhất đời người con gái, nhưng mà Mẹ lại chưa biết mộng mơ thì đã phải xa gia đình giòng tộc, rồi bỏ quê hương “xuất giá tòng phu” qua xứ lạ quê người!

Số Mẹ cao sang nên lấy chồng làm quan Phán, và đã trở thành bà “Phán Án” để được mọi người tôn trọng nể nang!

Định mệnh đã đưa để Mẹ “một bước lên bà”, nhưng định mệnh cũng đã dành cho mẹ một cuộc đời khá gian lao vất vả, buồn nhiều hơn vui, và đã biết bao lần trốn chạy cộng sản đi tìm tự do, mang gánh nặng một lần một đàn con trẻ đại, cũng là “Tất cả vì con” như mẹ đã từng tâm sự!

Suốt cả cuộc đời Mẹ đã chứng tỏ mình là người tràn đầy nghị lực, can đảm, hy sinh chịu đựng với một ý chí tuyệt vời, Mẹ là tấm gương sáng cho chúng con noi theo.

Nếu như Ba chúng con là một người chồng có địa vị, quyền cao chức trọng, thì Mẹ là một người vợ rất thông minh sáng suốt, biết thích ứng với mọi hoàn cảnh, quán xuyến trong ngoài, vất vả nuôi dạy chúng con để chúng con được khôn lớn và không hề bị thiếu thốn từ tấm bé cho đến lúc trưởng thành.

Một danh nhân đã từng nói: “*Sau lưng một người đàn ông thành đạt, khi nào cũng có bóng dáng của một người đàn bà tốt*”.

Thì Mẹ chính là người đàn bà đó, Mẹ là một “*mệnh phụ phu nhân, vượng phu ích tử*”.

Ngày hôm nay, tất cả chúng con đều đã thành “NGƯỜI”. Ôi, ơn Nghĩa sinh thành lấy chị đền đáp?!!!

Giờ đây, sức khỏe của mẹ quý hơn tất cả ngọc ngà châu báu, chúng con cầu mong cho mẹ được khỏe mạnh lại như dạo trước để Mẹ còn sống lâu hơn nữa với chúng con, và để rồi chúng con còn được vui tới viếng thăm mẹ.

Chúng con đã mất đi một người Cha yêu dấu rất đáng kính phục từ 30 năm nay, thì bây giờ chúng con chưa ai muốn mồ coi mẹ đâu, bởi vì chúng con lúc nào cũng cần đến tình yêu thương của Mẹ, cũng như con cần đến những lời chỉ dạy, khuyên lơn rất mực quý báu, như những người con thơ dại cần sự ấp ủ thương yêu của mẹ hiền...

Chúng con cũng nguyện là danh giá gia đình ta mà Ông Bà và Ba Mẹ đã để lại, chúng con lúc nào cũng cố gắng bảo toàn, và sẽ lưu truyền lại cho con cháu của chúng con.



Cũng giờ đây, kính xin Mẹ gác lại tất cả buồn phiền, ưu tư, giận hờn, tiếc nuối... để cho tâm hồn được thanh thản. Đừng còn lo lắng cho ai khác hơn là lo cho sức khỏe của chính mình.

Trong quá khứ cũng như hiện tại, nếu chúng con có điều gì làm lỗi, cúi xin Mẹ rộng lòng tha thứ.

Kính thư
Nguyễn thị Mỹ Dương

*Thương Ba Mẹ rất nhiều và
rất hạnh diện là con của Ba Mẹ.*

Hoa Trắng Tiên Mẹ

*Một ngày buồn, mông hai, ngày đáng nhớ,
Mẹ ra đi, tháng Mười, đau xót thay.*

*Cháu con ơi, xin hãy nhớ ngày này,
Năm Đinh Dậu là hai ngàn mười bảy.*

*Mong tụ về, cháu con về hết thảy.
Nhưng trần đời nào có được thế đâu!
Hoàn cảnh riêng nào ai dễ bắc cầu?
Xin hiệp ý, chung lòng dầu xuôi ngược.*

*Thử nhìn lại bao nhiêu năm về trước,
Mẹ với Ba sang sống ở Ai Lao,
Với chức danh “Thông phán Ấn” thật cao,
Để có dịp bênh dân, người nước Việt.*

*Đất xoay tròn, vì thời cuộc, hơi tiếc,
Mẹ với Ba về lại xứ Kế Gai.
Cùng bên nhau, con cái, kiếp ngày dài,
Vận nước đổi, xuôi Nam, Sài Gòn sống.*

*Lại một lần Ba ra tay dệt mộng,
Giúp nước nhà, Phủ Tổng Thống dài lâu.
Việt Nam mình trải bao cuộc bể dâu,
Năm bảy lăm, người ra đi kẻ ở.*

*Năm tám lăm, đến lúc Ba ngưng thở,
Mẹ bằng lòng, nuôi cháu với nuôi con.
Tuổi già thêm, bao ngày tháng hao mòn,
Rồi Chúa thương, Mẹ dời sang đất Pháp.*

*Quanh cháu con, Mẹ thấy mình âm áp.
Thọ bách niên, bao con cháu mừng vui.
Trên ngực Bà, cưới hỏi, gấn hoa tươi,
Trên trăm tuổi, quả đời đầy ơn Chúa.*

*Mẹ ra đi, cháu con đều sầu ứa.
Cầu Mẹ mau gặp Chúa, chốn thiên cung.
BÔNG HỒNG TRẮNG gấn cho Mẹ cuối cùng,
Xin vái Mẹ, đời sau mong gặp lại.*

Hồ Thanh Vân – 2017

*(Sau khi làm bài thơ thương tiếc mẹ chồng,
bà Hồ Thanh Vân cũng lìa đời
vốn vẹn 2 tháng sau)*

Tưởng nhớ một người

Phan Văn An

*Tiền biệt anh rể Cao Đức Kinh
Tặng chị và các cháu.*

Anh K. anh đã đi rồi,
Gia đình buồn tủi, ngậm ngùi nhớ thương.

Vợ hiền thương anh khôn lường,
Cô đơn lẻ bóng, phòng không lạnh lùng.
Ngày đêm tâm trí mông lung,
Vợ chồng trọn đạo thủy chung bao ngày.

Đời người ngắn ngủi lắm thay,
Anh đi để nhớ hằng ngày khó nguôi.

Cầu mong chung sống trọn đời,
Ai ngờ gãy cánh, kiếp người đơn côi.

Những lúc nghịch cảnh cuộc đời,
Lấy ai lo lắng, ai người đỡ nâng.

Đàn con buồn tủi, bâng khuâng,
Mất tình phụ tử, lệ dâng hai hàng.

Hương Trí đoàn tụ cuối cùng,
Hạnh phúc tràn ngập cùng chung một nhà.

Không ngờ ba đi thật xa,
Bao giờ gặp lại để mà hàn huyên.

Hiển Dung không sống thường xuyên
Nhưng tình con thảo mặn mà luôn luôn.

Huy Linh không khỏi lo buồn,
Sống xa ba má lệ tuôn tháng ngày.

Hoa Quỳnh nay đó, mai đây,
Nhưng luôn thăm viếng tràn đầy tình thương.

Hồng, Lizz ít nói, khiêm nhường,
Nhưng luôn chứng tỏ yêu thương gia đình.

Hải, Nhiều lo lắng thật nhiều,
Dành cho ba má trăm điều tốt tươi.

Huyền, Thu vui vẻ tươi cười ¹

Vì được ba má ở lâu trong nhà.

Hoài, Ni bản tính thật thà,
Lo cho cha mẹ, mặn mà biết bao.

Hào, Việt bận rộn lao đao,
Nhưng thường thăm viếng biết bao tâm tình.

Hoàn, Thanh săn sóc má, ba,
Những ngày sau hết cuộc đời trần gian.

Ngày ngày các cháu thờ than,
Không ông nội, ngoại lo toan cho mình.

Người thân chí nghĩa, chí tình,
Mất người nâng đỡ, mất người bảo ban.

Gia đình thương tiếc vô vàn,
Nhìn anh lần cuối đầy tràn thương đau.

Nhân tình thế thái biến dâu,
Luôn luôn tuân giữ ghi sâu trong lòng.

Cuộc đời dầu có long đong,
Anh luôn vẫn cứ một lòng thẳng ngay.

Ngọt bùi pha lẫn đắng cay,
Nghị lực chịu đựng tỏ bày trước sau.

Trái bao năm tháng tha hương,
Mến yêu đất nước, tình thương vẫn còn.

Tử thân vầy bữa chung quanh,
Anh vẫn bình tĩnh trung thành tới nơi.

Cuộc đời mới chốn nghỉ ngơi,
Hạnh phúc chan chứa đời đời an vui.

Kẻ ở lại những ngậm ngùi,
Buồn thương lẻ bóng sớm chiều thờ than.

Nguyện xin Thiên Chúa trao ban,
Bình an chân thực cho đàn cháu con.

Để khi cuộc sống không còn,
Cùng nhau chung hưởng vẹn toàn bên nhau.

¹ Từ ngày sang Hoa kỳ định cư theo diện đoàn tụ, ông bà Cao Đức Kinh sống với gia đình Huyền Thu là lâu nhất (8 năm)

Món nợ ân tình

Tôn Thất Đàm

Sau ngày tang thương của vận nước 30 tháng 4 năm 1975, Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam, tôi cũng như hàng lớp sĩ quan QLVNCH và cán bộ chính quyền đều phải vào tù, mà chúng bảo là đi “học tập cải tạo”!

Trong tù tôi quen biết nhiều người bạn đồng tù. Nhưng đến cuối năm 1978 sau khi chuyển ra ngoài trại A.30 (Tuy Hòa) tôi mới gặp được một người đồng lân đồng cảnh, nên chúng tôi thân nhau, và xem như anh em để cùng nhau chia sẻ những khổ đau, đói khát trong trại tù!

Người ta thường nói: “Mỗi hoa mỗi cảnh, mỗi người mỗi cảnh”. Nhưng sao hoàn cảnh của anh ta giống tôi quá. Nằm cạnh nhau mà hai đứa quanh năm suốt tháng cứ đói meo, không một thân nhân đến thăm nuôi. Hoàn cảnh của tôi thì đương nhiên rồi, vì vợ con tôi đều bị thương và mất mát trong chuyến đi thăm lần trước, nên bây giờ tôi phải chịu cảnh đói rách là lẽ đương nhiên. Còn anh bạn tôi đường đường là một cựu sĩ quan Thiết Giáp, có 3 bông mai trên cổ áo, đã từng là một Chi Đoàn Trưởng oai hùng trên trận địa. Anh đã từng lo cho vợ con đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Thế mà chỉ sau 3 năm vào tù, anh chẳng còn gì, ngoài trên răng dưới... dép! Một ngày nọ, vợ anh bèn cầm tờ đơn ly dị cùng người tình mới vào tận trại tù thuyết phục anh ta ký vào, để từ nay vợ anh theo duyên mới. Người đó là một tay cán bộ ngoài Bắc mới vào, khá giả đang làm quản lý ở địa phương. Sau đó, nghe nói hai người dắt theo đứa con gái vượt biên từ năm 1979, để rồi từ đó anh không hề nhận được một tin tức gì của mẹ con nàng, mặc dù có vài lần anh cố viết thư dò hỏi, tìm tông tích để hỏi thăm đứa

con gái, nhưng tuyệt nhiên không hề nhận được một chút hồi âm! Anh nói, bây giờ nếu còn sống, đứa con gái của anh cũng đã lớn lắm rồi, nhưng chắc chắn nó không biết anh còn sống hay đã chết!

Có lần anh tâm sự với tôi: “Thực ra lúc đầu tôi buồn lắm, nhưng rồi sau đó lại mừng cho mẹ con nàng. Chứ ở vậy mà chờ tôi thì cuộc đời của mẹ con nàng không biết sẽ ra sao?”. Đêm nào tôi cũng cầu nguyện cho mẹ con nàng được yên lành, hạnh phúc với gia đình ở quê hương mới. hạnh phúc với gia đình ở quê hương mới.

o o o

Thế rồi sau hơn 7 năm bóc lịch trong lao tù Cộng sản thì chúng tôi cũng được thả về sum họp với gia đình. Ra tù, mỗi người đi mỗi ngã, ai nấy đều lo cuộc sống bấp bênh không có ngày mai dưới bàn tay “quản chế” sát sao của chính quyền địa phương, nên chúng tôi chưa bao giờ gặp lại nhau một lần. Đùng một cái, hơn 10 năm sau có chương trình HO xuất hiện, chúng tôi được chính phủ Mỹ chấp thuận cho cả gia đình sang định cư theo diện tị nạn Cộng sản.

Sau hơn 20 năm lăn lộn nơi xứ người, tình cờ chúng tôi gặp lại nhau trong một kỳ “Đại Hội Thiết Giáp Binh QLVNCH. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau mừng mừng tủi tủi, để mặc cho hai giong lệ đoanh tròn. Thật đúng quả đất xoay tròn, không ngờ chúng ta lại còn có ngày gặp nhau. Sau hai ngày Đại Hội, anh mời tôi về nhà anh tại New York chơi cho biết, vì nhà tôi ở New Jersey thì cũng gần nhà anh. Qua vài hôm tâm sự, tôi được anh cho biết cuộc đời của anh sau khi ra tù như sau:

- Đúng là mỗi người mỗi cảnh. Khi anh trở về chôn cũ thì vợ con anh đã bỏ đi, anh không có chỗ ở, lại mang theo bệnh tật từ trong tù nên chẳng làm được việc gì. Nhà bà vợ bây giờ của anh là một gia đình giàu có, trước kia có một thời

nhà cha mẹ bà ở gần nhà anh. Chồng bà là một thương gia đã mất sớm, để lại cho bà 2 con gái và một số tài sản cũng khá khá. Nhờ vậy bà còn giấu được một số vàng để bây giờ có chút vốn làm ăn. Anh không hiểu sao lúc ấy bà lại cưới mang anh, và can đảm lấy anh làm chồng? Lúc ấy bà có tiền, buôn bán thuốc tây chui, và làm chủ một cửa hàng tạp hóa khá lớn. Lúc đầu thấy anh khổ sở, bà nhận anh vào làm công, và bảo dọn tới nhà bà ở, vì căn nhà sau có một phòng bỏ trống. Hơn một năm sau anh mới khỏe lại, và bắt đầu phụ giúp công việc buôn bán với bà. Nhưng bà chỉ giao cho anh lo việc sổ sách. Bà thường lo lắng, chăm sóc cho anh, và cuối cùng tỏ tình với anh. Nhưng khổ một điều là có tay cán bộ thuế vụ Cộng Sản từ miền Bắc chuyển vào cứ theo đuổi, tán tỉnh bà. Thịnh thoảng mang quà cáp và giảm thuế chợ, cũng như hàng hóa cho bà, nhưng bà nhất định khước từ. Ban đầu hẳn tưởng anh là người làm công hay bà con trong nhà, nhưng sau này khi biết bà đã lấy anh, hẳn tìm mọi cách để hãm hại anh! Bà liền bỏ tiền ra mua cả đám công an, nên tay cán bộ thuế vụ sợ, bỏ cuộc. Anh kể: Có lần anh hỏi, vì sao bà thương, và lấy anh khi anh trong cảnh thân tàn ma dại? Bà cười, bảo là ngày xưa, lúc còn là con gái mới lớn bà đã thầm yêu anh, bà thích người lính chiến, nhất là chiếc mũ bê rê đen đội lệch về bên phải, có vòng tròn vàng bao quanh chiếc xe Thiết Giáp trông oai hùng lắm, nhưng anh không để ý đến bà!

Những lần chính quyền địa phương gọi anh ta, diện từ "cải tạo" đang trong thời gian quản chế, đi làm công tác thủy lợi, bà đều thuê người đi làm thay. Bà sợ bọn chúng cưỡng bách anh đi vùng "kinh tế mới", bà lo làm hôn thú, và dù rất khó khăn bà cũng chạy cho anh được vào chung hộ khẩu với gia đình bà cùng hai cô con gái nhỏ con riêng của bà. Với lòng biết ơn và quý mến, anh đã yêu thương bà và hai đứa con của bà như

con ruột của mình. Rồi hai năm sau, vợ chồng anh rất vui mừng khi có được một đứa con chung là thằng con trai giống anh như đúc. Vì thế, sau khi có chương trình HO xuất cảnh, anh đã làm hồ sơ đưa hết cả mẹ con bà sang định cư tại Hoa Kỳ. Anh nói: "Mình là lính, mình không thể phụ ơn những người đã từng cứu mang, sống chết với mình! Cũng như mình đâu có thể quên được những đồng đội đã hy sinh mạng sống vì mình". Phải thế không anh?

Anh kể tiếp: Qua Mỹ một thời gian khá lâu, bà xin được một công việc quét dọn trong sông bãi tại thành phố Atlantic City. Gia đình thì cư trú ở New York, hai con gái lớn đã vào đại học và ở nội trú, chỉ còn đứa con trai đang sống với anh mà thôi. Anh hằng ngày đi làm nghề cắt cỏ cho các gia đình trong thành phố. Thời gian đầu bà còn đi đi về về. Lâu dần bà lún sâu vào nghề cờ bạc. Hết ca làm vệ sinh sông này, thì bà sang sông khác đánh bài. Bà chuyên sống ở các sông bãi. Khi nào không kiếm được tiền bà mới về nhà. Nhưng sau đó, khi có được đồng nào bà lại đi ngay. Anh nói, trước kia anh làm ăn dành dụm cũng được một số vốn, nhưng sau đó phải rút ra để trả nợ cho bà. Đồ đạc trong nhà, cái gì còn bán được thì bà cũng đã bán hết để nướng vào sông bãi, nên chẳng còn thứ gì đáng giá. May chiếc xe, và cái máy cắt cỏ tôi mang đi làm, nên còn lại đây thôi!

Tôi đã khuyên giải, can ngăn bà rất nhiều, nhưng khi đã lâm vào con đường cờ bạc rồi, cũng giống như thuốc phiện, khó mà quay lại được. Sau ngày hai cháu gái lớn tốt nghiệp, có việc làm rồi lập gia đình, ra ở riêng. Hai cháu đã biết bà ham mê cờ bạc, nhiều lần năn nỉ, can ngăn rồi làm dữ, nhưng đều vô ích. Khi hết tiền bà lại chạy đến xin. Xin vợ không được, bà xin cả chồng. Cuối cùng tụi nó sợ quá, phải dọn nhà đi nơi khác và không cho bà biết. Sau này thấy anh quá khổ sở với bà, hai cháu rất giận mẹ, đề nghị, hỏi thúc

anh bỏ bà, chuyển đi nơi khác ở. Hai cháu rất thương anh, lúc nào cũng xem anh như cha ruột, và luôn tỏ ra biết ơn anh đã hết lòng lo lắng cho hai cháu! Nhưng anh bảo với hai cháu rằng, là ba còn nợ mẹ rất nhiều! Mà dù ba có phải khổ sở, chịu đựng hết cả quãng đời còn lại vì mẹ con, cũng chưa trả hết được. Hơn nữa, đã là vợ chồng, ba đâu có thể nhẫn tâm bỏ bà trong lúc bà bị sa lầy này được!

oOo

Cuối cùng thì tôi cũng gặp được bà vợ bây giờ của anh. Mùa Hè năm ngoái, nhân ngày lễ tốt nghiệp đại học của cậu con trai út tại trường Polytechnic University (New York), đưa con chung duy nhất của hai người. Anh mời tôi đến tham dự, và sau đó mời tôi về nhà ăn tiệc mừng cho cháu. Tôi rất bất ngờ khi thấy chị khác hoàn toàn với hình ảnh người đàn bà mà tôi tưởng tượng bấy lâu nay với không mấy cảm tình. Vẫn còn phảng phất nét xinh đẹp, vui vẻ, nói năng hoạt bát và dễ thân thiện. Tuy nhiên, nhìn kỹ thì nhận thấy chị có một chút mệt mỏi, và bơ phờ. Buổi tối, sau tiệc mừng thiết đãi bạn bè của con trai, trước khi tiễn tôi ra xe, anh chị bắt tay tôi trong tiếng cười rộn rã.

Nhờ có đứa con trai vừa mới tốt nghiệp đại học, và hai con gái tâm tình khuyên giải bà nên từ bỏ mọi thứ đam mê sai lầm để sống với anh trong tuổi già, vợ chồng săn sóc hôm sớm có nhau, nên bà đã thức tỉnh, vì thấy con cái đều thành đạt, và gia đình đều hạnh phúc. Hơn nữa, tuổi tác cũng đã nhiều, bà thấy sức khỏe sa sút, mệt mỏi vì thức khuya quá nhiều. Bà đã hối hận, và tuyên bố sẽ trở về với con người cũ, để hai người còn có bên nhau trong những năm tháng cuối đời! Tôi ôm anh mừng rỡ, và nói vài lời ngưỡng mộ sự bình tĩnh, chịu đựng và tấm lòng bao dung của anh!

Khoảng một tháng sau, anh gọi phone báo cho tôi một tin không vui. Chị ấy đang nằm trong bệnh viện. Bác sĩ vừa khám phá chị bị ung thư vú trong giai đoạn cuối. Vì quá lâu không khám bệnh, nên không phát hiện được. Bây giờ đã trở nên trầm trọng, không biết có cần giải phẫu hay không? Tôi liền chạy qua New York thăm chị. Chị đang nằm trong phòng săn sóc đặc biệt của bệnh viện. Nhìn thấy tôi, chị mỉm cười yếu ớt, và khá mệt mỏi. Anh luôn ở bên cạnh, đút thức ăn, và săn sóc an ủi chị.

Bệnh viện quyết định không giải phẫu, chỉ cấp cho một số thuốc để đưa chị về nhà. Các cháu đều về thăm đầy đủ. Bên cạnh chồng và các con, thấy chị vui và hạnh phúc lắm. Tôi qua thăm, dù không được khỏe, nhưng chị còn tỉnh táo. Nằm thì thảo cho các con nghe về cuộc đời mình! Ân hận đã có một thời sa ngã vào con đường bài bạc, làm khổ chồng con và sa sút gia đình! Chị cũng nắm chặt tay anh, nói rất yêu và biết ơn anh đã hết lòng lo lắng đùm bọc vợ con trong những năm tháng khó khăn. Xin anh tha thứ về thời gian chị đã có lỗi lầm!

Anh ngồi bên cạnh, cúi xuống hôn lên trán chị:

- Lúc nào anh cũng yêu em. Cầu xin Ông Trên cho em sống khỏe mạnh để anh tiếp tục lo lắng, trả nợ cho em! Món nợ ân tình lớn lao, mà cả đời này anh cũng không thể trả hết được cho em!

Nước mắt chị ràn rụa trên đôi gò má hóp! Tôi thầm nghĩ, đó là những giọt nước mắt của hạnh phúc, cho dù có đôi chút xót xa!

Chị đã mất vào khuya hôm ấy! Theo lời anh kể lại, suốt đêm anh nằm bên chị, lấy tay làm gối cho chị, rồi ngủ mê lúc nào không biết. Khi giật mình thức dậy thì chị đã ra đi tự lúc nào!

Tôi có mặt trước khi đưa chị vào nhà quàn. Chị nằm như đang say ngủ, nét mặt thanh thản, bình yên. Và lần đầu tiên tôi thấy anh khóc./.

Tâm tư trong cuộc sống

Hân hạnh công hiến giới trẻ trong Cộng đoàn lời mời gọi *Hãy là (Be)* sau đây như là bài học của ý chí, nghị lực, quảng đại, khiêm cung và vị tha, của tình người... từ một bản tiếng Anh do một bạn trẻ trong Cộng đoàn chuyển ngữ.

Be

Be understanding to your enemies.
Be loyal to your friends.
Be strong enough to face the world each day.
Be weak enough to know you can not do everything alone.
Be generous to those who need your help.
Be frugal with what you need yourself.
Be wise enough to know that you do not know everything.
Be foolish enough to believe in miracles.
Be willing to share your joys.
Be willing to share the sorrows of others.
Be a leader when you see a path others have missed.
Be a follower when you are shrouded by mists of uncertainty.
Be first to congratulate an opponent who succeeds.
Be the last to criticize a colleague who fails.
Be sure where your next step will fall, so that you will not stumble.
Be sure of your final destination, in case you are going the wrong way.
Be lovely to those who love you.
Be showing love to those who do not love you, and they may change.
Above all, be yourself.

Hãy

Hãy cảm thông với kẻ thù của bạn.
Hãy trung thành với bạn bè.
Hãy dũng cảm đủ để đối đầu với thế gian mỗi ngày.
Hãy khiêm nhu đủ để biết mình không thể làm mọi sự một mình.
Hãy quảng đại với ai cần được giúp đỡ.
Hãy cần kiệm với những gì mình cần.
Hãy tinh thông đủ để biết mình không thể biết mọi sự.
Hãy khờ khạo đủ để vững tin vào phép lạ.
Hãy sẵn sàng chia sẻ niềm vui của mình.
Hãy sẵn sàng chia sẻ nỗi đau của người khác.
Hãy là người dẫn dắt khi bạn thấy ai lạc bước trên đường.
Hãy đi theo người khác khi mình không nắm chắc lối.
Hãy là người đầu tiên chúc mừng đối thủ khi họ thành công.
Hãy là người cuối cùng phê bình người đồng nghiệp bị thất bại.
Hãy chắc chắn mình sẽ vấp ngã ở bước kế tiếp, để không bị ngã nặng.
Hãy nắm chắc điểm đến của bạn cả khi bạn lạc đường.
Hãy dễ thương với người thương yêu bạn.
Hãy yêu thương người không thương yêu bạn, hầu họ có thể thay đổi.
Tiên vàn, bạn hãy là chính bạn.



Những Đàn Chim Thiên Di

Phạm Tín An Ninh

Cả hai tuần nay, mấy quan chức sở “bảo vệ súc vật” thành phố thường xuyên đến thăm gia đình tôi, để tìm hiểu lý do vì sao, trước mùa đông năm nay những đàn chim trane không còn trở về vùng này nữa. Họ đã cho người dọn dẹp lại khu bờ sông, chăm sóc cánh đồng cỏ và trồng thêm mấy hàng thông phía bên kia để đón những đàn chim, nhưng chờ mãi mà chẳng thấy bóng dáng một con trane nào trở lại.

Trane là một loài chim sống thành đàn, màu nâu đen, có dáng như con hạc ở quê nhà. Là một giống chim không chịu lạnh, nên hàng năm, cứ trời sắp sang đông là tụ tập từng đàn ở một nơi nào đó rồi chia nhau bay tìm những xứ nóng phương nam. Ở Bắc Âu có nhiều loài chim trốn lạnh, nhưng loại trane này nhiều nhất, có tổ chức khá qui củ, và khi bay đi chúng bay thành từng nhóm theo hình những mũi tên, có khoảng cách đều nhau, rất đẹp.

Định cư ở Nauy hơn ba năm. Lúc kinh tế gia đình và việc học hành của mấy đứa con tạm ổn định, cũng là lúc vợ chồng tôi bắt đầu có thời gian để hồi tưởng về quá khứ, và nhớ quê hương. Chúng tôi quyết định mua một ngôi nhà dưới thung lũng nhỏ, bên bờ sông Nitelva yên tĩnh, bên kia là cánh đồng cỏ mênh mông tiếp giáp với núi rừng. Cái khung cảnh có mang một chút hình dáng và màu sắc quê nhà giúp tâm hồn tôi yên ả hơn mỗi khi thấy lòng trần trở, nhưng nhớ một điều gì.

Những lúc buồn, tôi ngồi hằng giờ trong bao lơn nhìn ra phía cánh đồng và rừng núi phía xa xa, để ngỡ là quê hương mình như đang ở phía bên kia triền núi đó. Không những vợ chồng tôi mà mấy đứa con đều thích thú ngôi nhà này, vì nó khá rộng rãi đủ để mỗi đứa có một phòng riêng, trang trí, sắp xếp theo sở thích của mình.

Trong thung lũng nhỏ này, ngoài chúng tôi, chỉ có ba gia đình láng giềng, một đến từ Thụy Điển, một đến từ Tây Đức, chỉ có một gia đình là dân bản xứ chính tông. Có lẽ sống trong một khu “hợp chủng quốc” bé nhỏ nhất trên lục địa này, nên chúng tôi sớm gần gũi, thân tình.

Dọn đến cuối mùa xuân, nên suốt hè năm ấy, chúng tôi lần lượt là khách mời của mấy người bạn láng giềng. Ông bà người Thụy Điển có chiếc du thuyền lớn với đầy đủ tiện nghi. Cả nhà chúng tôi được cùng họ xuôi ngược cả một tuần trên con sông Nitelva chảy dài qua những rừng thông, đồng cỏ và một vài vùng quê êm ả, lãng mạn. Những ngày còn lại, cùng với gia đình ông bà người Đức vào rừng cắm trại, đi săn, rồi cùng với gia đình ông bà Nauy đi cắm lều bên kia bờ sông, vừa câu cá vừa ngắm những cặp thiên nga tung tăng bơi lội.

Khi những chiếc lá vàng cuối cùng rơi xuống, trời đột nhiên trở lạnh, báo hiệu sắp chấm dứt mùa thu bắc âu thơ mộng, cũng là lúc chúng tôi bắt đầu chuẩn bị mọi thứ cho một mùa đông băng giá kéo dài cả năm, sáu tháng.

Một buổi tối, khi ngồi ở phòng khách đọc mấy tờ báo, tôi nghe tiếng chim kêu, mỗi lúc một nhiều, vang động cả một vùng xưa nay tĩnh mịch. Tiếng chim có cái âm sắc như đang tìm nhau, gọi nhau, mừng rỡ. Hôm sau, hỏi ông láng giềng người Đức, tôi mới biết là chính ngã ba sông ngay trước nhà tôi, từ bao nhiêu năm nay, là nơi nhiều đàn chim trane di xứ chọn làm địa điểm tập trung để bay về phương nam trước khi mùa đông đến.

Cả mấy đêm liền sau đó, cứ vào khoảng chín giờ tối, những đàn chim từ mọi nơi bắt đầu kéo về tụ tập ở bờ sông và cánh đồng cỏ bên kia, kêu gọi nhau cả đêm. Đến mờ sáng, chia nhau từng nhóm chừng hai mươi con, nối tiếp bay đi, theo hình những mũi tên, vẽ lên nền trời mờ hơi sương một bức tranh tuyệt đẹp.

Nhiều đêm, tôi lặng lẽ ra bờ sông, ngồi cả mấy tiếng đồng hồ, nhìn chim từng đàn bay tới, cả trăm, rồi hàng vạn con. Chúng đón nhau gọi nhau líu lo mừng rỡ. Tiếc là loài người đã không hiểu được ngôn ngữ của loài chim, để nghe nó

chào nhau, nói với nhau những lời tình tự, và bàn nhau phân công, tổ chức, sắp xếp từng đàn lần lượt bay đi trong trật tự. Tôi miên man hồi tưởng thời gian hơn mười năm trong lính. Rồi bất ngờ nảy ra một ý tưởng so sánh lạ kỳ: Những “đội quân” chim trane này có tinh thần kỷ luật và tình đồng đội. Các “vị chỉ huy” của nó còn tài giỏi hơn nhiều ông quan chỉ huy của bọn tôi ngày trước. Con chim dẫn đầu trong một đội hình mũi tên chắc chắn phải là con chim chỉ huy cấp nhỏ nhất, nhóm trưởng. Con chim “tổng tư lệnh” phải là con chim bay lên ở những nhóm cuối cùng. Phải như thế mới có được một cuộc “hành quân triệt thoái” diễn ra trong trật tự và đẹp đẽ như tôi vừa chứng kiến. Cái may mắn, là chúng có cả một không gian yên bình để sắp xếp những chuyến ra đi, khác với những người lính chúng tôi vào những ngày cuối tháng tư, với bom đạn xe pháo dày đặc của cả một khối liên minh đối phương kéo từ phương Bắc. Trong lúc chúng tôi bị người bạn đồng minh bội phản, và điều đáng buồn hơn, đã có nhiều cấp chỉ huy hèn mạt, xa chạy cao bay trong khi chúng tôi vẫn còn kiên cường chiến đấu.

Những năm sau đó, năm nào cũng thế, khi trời chỉ mới vào thu là tôi đã bắt đầu ngóng chờ những con chim trane trở lại. Tôi chờ chúng như đã từng chờ những chiến hữu của mình. Tôi thấy như mình trẻ lại, lòng rộn rã niềm vui. Cho dù cứ mỗi lần đàn chim tụ tập về đây là tôi có nhiều đêm mất ngủ, trăn trở nghĩ suy về quê hương và thân phận của mình cùng những bạn bè xưa.

Hầu hết bạn bè tôi, nếu còn sống sót sau cuộc chiến tang thương đó, kẻ đã phải ra đi trong loạn lạc, ly tan, người thì được ông bạn đồng minh phản bội năm xưa, can thiệp với kẻ cựu thù cho “ra đi trong vòng trật tự” sau nhiều năm bị đầy đọa ngục tù, vợ con nheo nhóc, để giờ này mỗi người trôi dạt một phương, mang theo những vết thương không lành được ở trong lòng. Biết đến khi nào chúng tôi mới được như những con chim trane đang tụ tập ca hát líu lo ngoài kia, trước giờ bay xuống phương nam?

Có một lần, dường như vào mùa đông thứ năm, khác với mọi năm, khi trời đã sáng hẳn rồi mà đàn chim cuối cùng vẫn chưa rời khỏi địa điểm tập trung, kêu lên những tiếng kêu lạ, buồn và khắc khoải. Tôi tò mò chạy ra xem. Lúc ấy những con chim vôi vàng tung cánh bay lên rồi lần lượt xếp lại thành đội hình mũi tên, nhưng vẫn bay vòng lại mấy lần và tiếp tục những tiếng kêu buồn không dứt. Tôi đứng nhìn theo, lòng lắng xuống như muốn nhấn gỏi theo từng cánh chim một ít nỗi niềm. Nghe có tiếng sột soạt trong một hốc đá, tôi chạy lại tìm. Một chú chim, chẳng hiểu vì sao bị gãy đôi chân, nằm sâu trong đó, bên cạnh có khá nhiều hạt lúa mì, thức ăn dành cho nó. Tôi bế con chim vào nhà. Nó nhìn tôi như van lơn, đôi mắt ướt nhè. Tôi có cảm tưởng là nó đang khóc. Tôi lại chợt nhớ tới những đồng đội bất hạnh, bị trọng thương trong những ngày cuối cuộc chiến, đau đớn, cô đơn, rồi lang thang sau khi bị đuổi ra khỏi các quân y viện. Mất tôi bỗng nhòe đi khi nghĩ đến mấy vị tướng oai hùng, cùng ở lại sống chết với anh em rồi tuần tiết trước giờ thứ hai mươi lăm.

Từ ngày có con chim trane thương tích, nhà tôi lại vui hơn, nhất là hai cô con gái nhỏ của tôi, tha hồ nâng niu, chăm sóc và kể cả tâm tình với nó. Cô bé thích sau này làm nghề y tá, thì mang nó ra phòng bác sĩ thú y khám, mua thuốc băng bó cho nó. Riêng tôi, mỗi lần chăm lo cho nó, tôi có cảm giác như đang lo cho một đồng đội bị thương tích của mình. Hơn hai tháng sau, khi đôi chân của nó lành hẳn, cũng là lúc tuyết đang rơi trắng cả khung trời. Được thả ra khỏi lồng, nhưng nó chỉ quanh quẩn trong nhà. Suốt gần một năm nó là một thành viên đặc biệt trong gia đình tôi và là bạn thân của hai cô con gái nhỏ.

Khi mùa thu trở lại, tôi bàn bạc, khuyên mấy đứa con chuẩn bị trả nó lại với đàn, khi những con chim thiên di đầu tiên trở lại. Giải thích và năn nỉ mãi mấy cô mới chịu. Hôm trả nó lại sum họp với đàn, hai cô con gái nâng niu, âu yếm tâm tình rồi chia tay nó. Không khí cảm động không thua gì những cuộc chia ly trên thế gian này.

Một điều làm cả nhà tôi ngạc nhiên và xúc động. Cuối mùa thu năm sau, khi những đàn chim bắt đầu trở lại, một buổi tối khi sửa soạn đi ngủ, mấy cô con gái của tôi bất ngờ thấy con chim trane đậu ngoài cửa sổ. Khi cửa sổ vừa mở, nó bay vào trong phòng, kêu lên rộn rã. Nhờ vết thương cũ còn in dấu trên đôi chân của nó, mấy cô con gái mới biết chắc, nó chính là con chim năm trước. Từ đó, có thể tôi còn biết về loài chim trane này nhiều hơn những nhà nghiên cứu chim muông: trung thành và có trí nhớ.

Không ngờ, những con chim trane lại là những niềm vui, nỗi nhớ cho gia đình tôi trong những ngày lưu lạc ở một vùng Bắc Âu xa lạ.

Bây giờ mấy cô con gái của tôi đã thành người lớn. Tất cả đã đi học bên Mỹ, bên Anh rồi ở lại làm việc luôn bên ấy, nhưng cứ gần tới cuối mùa thu đều gọi về nhà hỏi thăm đàn chim trane có còn tụ tập trước nhà, và con chim bị thương ngày trước có còn bay về đậu trên khung cửa sổ.

Suốt mùa thu vừa rồi, tôi trông chờ nhưng đàn chim không trở lại. Tôi thấy nhớ tiếc những đêm nghe tiếng chim kêu, và những buổi sáng tinh mơ nhìn từng nhóm lặng lẽ bay theo hình những mũi tên hướng về phương nam, hùng vĩ như một binh đoàn vượt tuyến xuất phát, bắt đầu một cuộc hành quân qui mô dài hạn. Nhiều lúc tôi đã từng ước mơ có thêm đôi cánh, để cùng được bay lên với chúng.

Cơ quan bảo vệ sức vật và sỡ y tế & vệ sinh thành phố, cũng đã đến đây từ đầu mùa thu, xịt thuốc sát trùng và dọn dẹp bờ sông, đồng cỏ, để đón những đàn chim trane trở lại. Năm nay, họ làm việc nhiều hơn, chuẩn bị mọi điều chu đáo hơn, vì có tin bệnh “cúm gia cầm” ở một vài xứ nóng phía nam. Họ lo lắng những con chim trane bị lây nhiễm vi khuẩn H5N1. Loại vi khuẩn mà cả thế giới đang bàn tán về nguy cơ một cơn đại dịch. Hội Đồng thành phố họp liên miên, bàn bạc về khả năng những con chim trane, có thể sẽ bị giết chết trên một xứ nóng nào đó, để ngăn ngừa mang bệnh vào. Họ liên lạc với cơ quan y tế Liên Hiệp Quốc, gửi thư cho chính phủ của một số nước nhiệt đới phía nam, nhằm bảo vệ cho những

đàn chim trane bay sang trốn lạnh. Họ chuẩn bị, lo lắng để đón những đàn chim của họ quay về.

Trời đã vào đông, ngoài kia, bầu trời đã đổi sang màu trắng đục, trên dòng sông Nitelva dày đặc sương mù, báo hiệu những hạt tuyết đầu mùa sắp rơi. Bà Anne-Mari, trưởng Sở bảo vệ sức vật thành phố, cùng một số nhân viên đến nhà tôi từ chiều nay. Họ kiên nhẫn ngồi chờ để hy vọng được đón những đàn chim trane có thể trở lại muộn màng. Họ cùng vợ chồng tôi uống hết mấy bình trà, rồi chia tay lúc nửa đêm. Tuyết bắt đầu rơi. Chắc chắn giờ này những con chim trane không còn đến nữa. Khi đứng lên chia tay, nhìn họ thoáng buồn nhưng không tuyệt vọng. Mỗi người đều nắm chặt tay tôi và nói lời cầu nguyện bằng an cho những con chim trane di xứ, dù nó đang trôi dạt ở nơi đâu cũng mong cuối mùa thu năm sau sẽ kéo nhau trở lại nơi này.

Suốt cả đêm tôi không hề chợp mắt. Không phải tôi nghĩ đến những con chim trane, mà nghĩ đến thân phận của chính mình cùng những người đồng hương đang lưu lạc khắp năm châu. Ngược lại với loài chim trane thiên di, bay về nam tìm nắng ấm, chúng tôi đã phải bỏ quê hương bốn mùa nắng ấm để đi tìm tự do và tình người ở những vùng băng tuyết xa xăm. Những mùa đông kéo dài, trong cái lạnh lẽo mới thấy thấm thía tận cùng nỗi cô đơn xa xứ.

Tự dưng, tôi nghĩ đến một điều: Biết đến khi nào chính quyền ở quê nhà thật lòng xem những người ra đi là “khúc ruột ngàn dặm”, là “một bộ phận không thể tách rời”, để biết yêu thương lo lắng và mong ước đón tiếp họ trở về, như chính quyền của cái thành phố nhỏ ở xứ Bắc Âu xa xôi này – nơi từng cư mang gia đình tôi – đã lo lắng mong chờ những con chim trane di xứ? Điều đặc biệt hơn, là những người Việt tha phương sẽ mang về cho quê hương biết bao nhiêu tài năng, trí tuệ, và bạc tiền, còn những con chim trane kia có thể sẽ mang về cho họ những con vi khuẩn chết người.

Tôi đắp kín chăn nhưng vẫn thấy lạnh toát, mơ hồ như tuyết đang phủ đầy người, và vết thương cũ trong lòng vừa mới nhói đau trở lại.



Cueillez le temps

Tu ne peux pas retenir le temps.
Il passe.
Il coule entre tes doigts
comme l'eau de la fontaine.
Il glisse dans ta main comme
le sable de la mer.

Tu ne peux rattraper le passé.
Il n'est plus.
Il s'en est allé
comme le couchant d'hier.
Il est disparu
comme un souvenir perdu.

Tu ne peux emprisonner le futur.
Il n'est pas encore.
Il viendra à son heure
comme le levant de demain.
Il te rejoindra
comme la vague qui s'approche du rivage.

Mais tu peux toujours cueillir
le présent comme un beau présent de Dieu.
Ce présent est comme un arbre:
il plonge ses profondes racines

Cùng năm mãi tháng, Hãy hái lấy thời gian

Dominic (chuyển ngữ)

Bạn không thể níu kéo thời giờ.
Nó qua đi.
Nó chảy giữa các ngón tay của bạn
như nước phong-tên.
Nó trượt trong bàn tay bạn
như cát biển.

Bạn không thể bắt lại quá khứ.
Quá khứ không còn nữa.
Nó đã đi rồi
như hoàng hôn của ngày hôm qua.
Nó biến đi
như một kỷ niệm bị đánh mất.

Bạn không thể giam hãm tương lai
vì nó chưa tới.
Nó sẽ đến vào giờ của nó
như bình minh của ngày mai.
Nó sẽ tháp tùng bạn
như cơn sóng tiến vào bờ.

Nhưng bạn luôn có thể nắm hái lấy hiện tại
như một món quà xinh đẹp từ Thiên Chúa.
Món quà này như một cây trồng:
nó đâm rễ sâu

dans ton passé tout plein
de souvenir et d'expérience,
comme une sagesse accumulée.

Et il lance ses longues branches
vers ton futur tout plein
de promesse et d'espérance,
comme un projet emballant.
Le présent est fait
de ton passé qui n'est plus
et de ton futur qui n'est pas encore.

Prends le temps qui t'est donné
à chaque instant qui passe.
Cueille-le précieusement
comme l'eau du ruisseau
qui t'est toujours disponible.

Ne gaspille pas ton temps,
c'est un cadeau de Dieu.
Ne passe pas ton temps
à courir après le temps.

Prends ton temps.
Ne dis pas: je n'ai pas le temps.
Dis plutôt: j'ai tout mon temps.

Ne sois pas avare de ton temps.
Donne de ton temps aux autres
comme Dieu te le donne à toi.
Ne cours pas tout le temps,
prends ton temps.
Et laisse au temps le temps
de faire son temps.

Alors, tu gagneras du temps.
Et tu découvriras
que c'est beau et bon le temps,
que c'est plein de Dieu dedans.

vào quá khứ của bạn đầy ắp
ký niệm và kinh nghiệm,
như một túi khôn được tích lũy.

Và nó tỏa những nhánh dài
về phía tương lai của bạn
đầy hứa hẹn và hy vọng,
như một dự án to tát.
Hiện tại được hình thành
Từ cái quá khứ của bạn giờ không còn nữa
và cũng từ cái tương lai của bạn hiện chưa tới.

Hãy nắm lấy thời gian vì nó được ban cho bạn
Mỗi khi nó đi qua.
Hãy hái lấy thời gian một cách trân quý
như nước suối nguồn lúc nào
cũng có sẵn cho bạn.

Đừng hoang phí thời gian của bạn,
đó là một món quà từ Thiên Chúa.
Đừng tiêu tốn thời gian của mình
để chạy theo thời gian.

Hãy nắm lấy thời gian của bạn.
Đừng nói: tôi không có thời giờ.
Tốt hơn, hãy nói: tôi có thời giờ của tôi.

Đừng keo kiệt thời giờ của bạn.
Hãy trao ban thời giờ của bạn cho người khác
Như Thiên Chúa ban tặng thời giờ của Người cho bạn.
Đừng lúc nào cũng chạy đôn chạy đáo,
hãy nhẫn nha, từ từ.
Và hãy để cho thời gian
tự nó lo liệu.

Bấy giờ, bạn sẽ có thêm thời giờ.
Và bạn sẽ khám phá ra
rằng thời giờ tốt đẹp dường bao,
thời giờ có Chúa bên trong.



The Story Of The Rainbow

Le Hong Thuan (collected)

Once upon a time the colors in the world started to quarrel; all claimed that they were the best, the most important, the most useful, the favorite

GREEN said: "Clearly I am the most important. I am the sign of life and hope. I was chosen for grass, trees, leaves... without me, all animals would die. Look over the countryside and you will see that I am in the majority."

BLUE interrupted: "You only think about the earth, but consider the sky and the sea. It is the water that is the basis of life and this is drawn up by the clouds from the deep blue sea. The sky gives space and peace and serenity. Without my peace, you would all be nothing."

YELLOW chuckled: "You are all so serious. I bring laughter, gaiety, and warmth into the world. The sun is yellow, the moon is yellow, the stars are yellow. Every time you look at a sunflower, the whole world starts to smile. Without me, there would be no fun."

Sự Tích Cái Cầu Vồng

Lucy & James chuyển ngữ tiếng Việt

Ngày xưa ngày xưa, các màu sắc trên trái đất nổi dậy tranh cãi nhau; màu sắc nào cũng tự cho mình là tốt nhất, quan trọng nhất, hữu dụng nhất, được ưa chuộng nhất.

MÀU XANH LÁ CÂY nói: "Rõ ràng ta đây quan trọng nhất. Ta là dấu chỉ của sự sống và của niềm hy vọng. Ta được tuyển chọn để làm nên cỏ, cây và lá... Không có ta, muôn thú đều chết. Hãy nhìn về đồng quê và bạn sẽ thấy ta thuộc khối đa số."

MÀU XANH DƯƠNG ngắt lời: "Anh chỉ nghĩ tới trái đất, nhưng hãy xem trời và biển kia. Chính nước mới là căn bản của cuộc sống và nước được mây lấy ra từ biển sâu xanh biếc. Bầu trời cung cấp không gian, sự bằng an và thanh thản. Thiếu vắng sự yên bình của ta, tất cả các bạn sẽ chẳng là gì cả."

MÀU VÀNG cười ruồi: "Các người đều nghiêm túc cả đấy chứ! Còn ta, ta mang lại tiếng cười, niềm vui và sự ấm áp vào thế gian này. Mặt trời màu vàng, mặt trăng màu vàng, các vì sao cũng màu vàng. Mỗi lần các người nhìn vào một cánh hoa mặt trời, cả thế gian bắt đầu mỉm cười. Không có ta, không có niềm

ORANGE started next to blow her trumpet: "I am the color of health and strength. I may be scare, but I am precious for I serve the needs of human life. I carry the most important vitamins. Think of carrots, pumpkins, oranges, mangoes, and pawpaws. I don't hang around all the time, but when I fill the sky at sunrise or sunset, my beauty is striking that no one gives another thought to any of you.

RED could stand it no longer. He shouted out: "I am the ruler of all of you... I am blood! I am the color of danger and bravery. I am willing to fight for a cause. I bring fire in the blood. Without me, the earth would be empty as the moon. I am the color of passion and of love: the red rose, the poinsettia, and the poppy."

Doing as they were told, the colors united and joined hands. Then the Rain continued: "God will stretch you across the sky in a great bow of color as a reminder that he loves you all, that you all can live together in peace.

The RAINBOW is a promise that God is with you. The RAINBOW is a sign of hope for tomorrow." And so, whenever God has used a good rain to wash the world, he puts the RAINBOW in the sky, and when we see it, let us remember to appreciate on another.

vui.

MÀU CAM thổi kèn nối tiếp: "Ta là sức của màu sắc của sức khỏe và sức mạnh. Ta thật đáng sợ, nhưng ta quý giá vì ta phụng sự cho các các nhu cầu của đời sống con người. Ta mang đến những sinh tố quan trọng nhất. Kìa những cà rốt, bí ngô, cam, xoài và đu đủ. Không phải lúc nào ta cũng quanh quẩn ở đây, nhưng khi ta phủ mình lên bầu trời lúc mặt trời mọc hay khi mặt trời lặn, thì nét kiêu diễm của ta sẽ khiến các người không chú tâm tới ai khác hơn là ta."

MÀU ĐỎ không nhịn được nữa. Anh ta hét lên: "Ta là kẻ thống lĩnh tất cả các người... Ta là máu huyết! Ta là màu sắc của hiểm nguy và dũng cảm. Ta sẵn sàng chiến đấu cho một chính nghĩa. Ta mang lửa vào máu. Không có ta, trái đất trống rỗng giống như mặt trăng. Ta là màu sắc của yêu thương và say đắm: hoa hồng đỏ, hoa hồng điệp và cây anh túc."

Thực hành điều được dạy bảo, đám màu sắc cùng họp lại, nắm tay nhau theo tiếng lệnh. Bấy giờ nàng Mưa nói tiếp: "Thượng Đế sẽ giăng các người thành một vòng cầu màu sắc kỳ vĩ như để nhắc nhở rằng ngài yêu thương tất cả các người, và các người có thể chung sống hòa bình với nhau.

Cái **CẦU VÒNG** là lời Thượng Đế hứa ở cùng các các người. **CẦU VÒNG** là Dấu chỉ niềm Hy vọng cho ngày mai." Vì vậy, bất cứ lúc nào Thượng Đế dùng cơn mưa tốt lành để rửa sạch thế gian, ngài đặt **CẦU VÒNG** lên nền trời, và khi chúng ta nhìn thấy cầu vòng ấy, chúng hãy nhớ trân trọng nhau.

The Alien

(Anonymous)

I am now as a stranger
In a strange and hostile land
Fraught with unseen danger
And peril at every hand.

Alone amidst the throng
Wearied by sleepless night
Condemned to vigil far too long
Tired and filled with fright.

Certain death is fate decreed
But what misfortunes then
That intrigue yields fear indeed
And resistance'til the end.

Oh for a place to lay my head
And there unmolested rest
A protected spot to make my bed
And dream of paradise blessed

To seize some quiet corner
Secure it safe and warm
Then doze in bold abandon
Immune from early harm.

In this sanctum, Heaven knows
I'd wait unafraid the call
When at last long blue shadows
Cloak the garden wall.

Kẻ Ngoại Nhân

Ann G.

Ngoại nhân thân phận đơn côi
Quê người đất khách nổi trôi bọt bèo
Đêm ngày thù hận rắc gieo,
Khốn nguy vây hãm, hiểm nghèo bám chân!

Đã nên sinh tử hữu phần,
Tai ương sao mãi lần khân rập rình?
Nhiều nhưng cuộc sống an bình,
Chữ tâm điên đảo, chữ tình phai phôi!

Tướng đời êm ả nhẹ trôi,
Mộng vàng chói lợi chiếu soi cõi lòng,
Thiên đường hạ giới ngóng mong...
Ngờ đâu tai họa tấn công dập dồn!

Lao xao vốn chỗ người khôn,
Còn ta trót dại đâu cần phần hoa!
Phận an lặng lẽ xó nhà,
Ầm thầm một cõi hơn là bon chen!

Lưu đầy số kiếp phu phen,
Giấc mơ thánh địa trống kèn còn đâu!
Chỉ còn địa ngục thăm sâu,
Chỉ còn bóng tối mịt mù tương lai!

Trở trần thao thức canh dài,
Ngậm ngùi nuốt hận bái bai mộng vàng!
Phù vân của cái trần gian
Vinh hoa phú quý giàu sang làm gì?!

(Ngẫu hứng từ bài Alien, Ann G. dệt nên những vần thơ trên đây sau khi trải qua một thời gian sống trong một khu chung cư khu phố nghèo Brooklyn, NY vào những năm cuối thế kỷ 20.)

Vườn Thơ Cộng Đoàn

Không ít thành viên trong Cộng đoàn chúng ta sở đắc năng khiếu về thơ, đóng góp nhiều bài thơ đầy thi hứng mang ý nghĩa sâu sắc. Chúng tôi coi đây là những dòng thơ tạo nên VƯỜN THƠ của Cộng đoàn, hân hạnh giới thiệu từng khoảnh vườn thơ của 4 Nhà thơ gồm Phan Văn An, nhà thơ quá cố Hoàng Chương, Chương Đài, và Nguyễn Đức Khổng... không kể một số bài thơ được lồng vào các tiết mục khác.

Khoảnh Thơ Phan Văn An

Linh Mục

Kính tặng cha Phêrô Trần Việt Hùng,
Quản nhiệm CĐĐMHXT,
Giáo phận Metuchen,
nhân dịp nhận chức chánh xứ (Oct 29/2017)



Linh Mục thánh chức Chúa ban,
Được chọn ở giữa muôn ngàn giáo dân.
Thánh Thần tuôn đổ muôn ân,
Khôn ngoan, khéo liệu, ân cần lo toan
Mỗi ngày sung sướng hân hoan,
Cử hành Thánh lễ đầy tràn hồng ân.
Linh mục người của muôn dân,
Ngày ngày loan báo hồng ân Chúa Trời.
Bí tích mang đến cho đời,
Giáo dân nhận lãnh dồi dào muôn ơn.
Đời dâng hiến quên bản thân,
Nguyện Chúa phù trợ muôn phần thủy chung.
Giáo dân ước nguyện chờ mong,
Linh mục của Chúa sống trong ân tình.
Nguyện xin Thiên Chúa đoái nhìn,
Cho cha Quản nhiệm muôn nghìn hồng ân.
Cuộc đời tận hiến xin vâng,
Thực thi ý Chúa mọi đàng tốt tươi.

Đời Tu

Thân tặng Sister Nguyễn Thị Thanh Lan,
nhân dịp kỷ niệm 25 năm khấn trọn đời.
Tuổi xuân thì tương lai chờ đón,
Bỏ tất cả cất bước theo Thầy.
Cuộc đời chiêm niệm ngập đầy,
Tình yêu trọn vẹn hiến Thầy Giêsu
Chọn lý tưởng cuộc đời tận hiến,
Để ngoài tai tiếng gọi phu thê.
Một lòng khấn giữ lời thề.
Vâng lời, khiết tịnh, khó nghèo thủy chung.
Chốn tu viện xem chừng tĩnh lặng,
Nhưng cảm dỗ luôn vẫn chờ mong,
Phải luôn tỉnh thức đề phòng.
Tiền tài, sắc dục, xiêu lòng dễ thay !
Đời tu trì lắm lúc buồn chán,
Cánh sớm hôm vắng bóng người thân
Nhiều lúc tâm trí phân vân.
Tiếp tục ơn gọi, thể trần bước theo.
Việc “cho, nhận” luôn luôn theo đuổi,
Sống đời đời lứa vẫn cuốn lôi,
Những lời tình ái ngọt bùi,
Xui dục tìm kiếm cuộc đời gỏi chăn.
Nghèo khó tuy rằng đã khấn hứa,
Quý ma quấy phá thả mỗi ngon,
Cuộc đời ngăn ngủi mỏng dòn,
Sao không hưởng thụ còn đời chi hơn.
Vâng lời, tuân phục thực khó thay,
Cùng kiếp nhân sinh khác chi ai !
Cớ sao cứ phai vâng lời.
Luôn luôn tuân giữ những điều bảo ban.
Nguyện xin Thiên Chúa dù lòng thương,
Ban cho tớ nữ nhiều hồng ân,
Sống đời tận hiến chuyên cần,
Luôn luôn giữ vững cuộc đời hiến dâng.

Khoảnh Thơ Hoàng Chương

Hỡi Ai

Hỡi ai dòng giống Việt Nam
Nhìn về đất tổ ngập tràn đau thương
Hỡi ai hào kiệt bốn phương
Lời thề giữ giống, giữ nòi chớ quên
Này mẹ Việt-Nam đang khóc than
Này cha già vang lời trần trối
Này em bé đầu đường xó chợ lang thang
Em nhạt từng mảnh giấy rách,
Lượm từng mảnh sắt rỉ sét
Ngủ bờ ngủ bụi, tay run, bụng đói.
Quê hương ta mắc vòng tăm tối,
Vẫn đợi mong ánh sáng yêu thương
Ai người dựng lại Giang-Sơn?
Ai về cứu nước, cứu đàn em thơ
Cứu nội-ngoại già tóc bạc phơ
Giang-Sơn bờ cõi vẫn còn đợi trông.

Tháng tư, 2002

Làm Lại

Lạy Ngài con tưởng mắt Ngài
Vì con chệnh mảng chẳng hoài cố công
Xưa nay con chỉ bảo lòng
Rằng con đã cố gắng công nhiều rồi
Nên con nản chí chẳng hoài
Để mình xa cách mặt Ngài bấy lâu
Giờ đây con xin nguyện cầu
Giúp con tái lập nhịp cầu thiêng liêng
Giúp con cố sức vươn lên
Nhất là quyết chí vững bền không lay.
Mến yêu Ngài mãi đêm ngày
Tin yêu phó thác vào tay Cha lành
Xin Ngài nâng đỡ, bảo ban
Chờ che dìu dắt, ủi an không ngừng
Vì con yếu đuối quá chừng
Con cần bền chí cậy trông vào Ngài
Và xin phó thác mỗi ngày
Xác hồn tâm trí... xin Ngài đỡ nâng.

Ngày 23 Tháng Giêng, 2007

Khi Con Lo Sợ

Khi con e ngại buồn lo
Sống trong tăm tối mịt mù bủa giăng
Lòng con xao xuyên bất an
Mặc dù gắng sức kêu van, khẩn cầu
Chúa ơi sao Chúa ở đâu?
Để con đơn độc, dãi dầu, gian nan
Tiếng con tha thiết kêu van
Chẳng nghe lời đáp, mây giăng tư bề
Dấu tin Chúa ở cạnh kề
Nhưng sao thình lặng, phủ che mịt mù
Con như chìm giữa âm u
Hồn đầy e sợ, tâm tư nặng nề
Con cần tay Chúa chờ che
Con cần lời Chúa vỗ về ủi an
Chúa ơi xin ở bên con
Xin Ngài lên tiếng cho hồn vững tin
Con tin, lạy Chúa con tin
Nhưng con yếu đuối, một mình bất kham
Xin Ngài lên tiếng bảo ban
Cho con vững dạ bình an tâm hồn.

Metuchen, mùa PHỤC SINH 2005

Dâng Ngài

Mỗi ngày là một bài thơ
Bài ca dâng Chúa thiết tha tôn thờ
Dâng Ngài nguyện ước đơn sơ
Việc làm, sức khỏe, ngày, giờ, buồn, vui
Dâng Ngài gia đạo trong ngoài,
Vợ, chồng, con, cháu xin Ngài chờ che
Dâng Ngài tình nghĩa phu thê
Xin Ngài gìn giữ không hề lung lay
Dâng Ngài thử thách mọi ngày
Phó giao, tin cậy tình Ngài đỡ nâng
Dâng Ngài thất bại, thành công
Dâng Ngài giây phút lâm chung cuối đời
Dâng Ngài tất cả Ngài ơi
Làm thành bài nhạc ngàn lời ngợi ca.

Khoảnh Thơ Chương Đài

Hoài Niệm Quê Hương

Long Thạnh Phụng Hiệp quê hương
Bao năm xa xứ nhớ thương vô bờ
Nhớ về kỷ niệm tuổi thơ
Nhớ thời áo trắng mộng mơ đến trường
Nhớ thầy nhớ bạn thân thương
Nhớ Đình Thần nhỏ cây dương trước nhà
Nhớ trường Phụng Hiệp ở xa
Nhớ đường đi học nhớ nhà cạnh bên
Nhớ cây cầu khi chành vênh
Nhớ sông Long Thạnh lênh đênh lục bình
Nhớ bà con ở xóm Đình
Nhớ dì nhớ ngoại giàu tình yêu thương
Thoáng buồn hoài niệm cố hương
Mong ngày thăm lại con đường làng quê!

11/29/2017

Thu Xưa!

Thu về cho lá vàng chanh
Rụng rơi che phủ cỏ xanh mượt mà
Ngắm nhìn lá rụng tim ta
Bồi hồi nhớ đến thu qua cùng người
Thu về còn đó nụ cười
Năm xưa ai đã làm người xuyên sao
Thu về nhớ đến thu nao
Bên nhau say đắm ta trao tình nồng
Thu xưa đẹp giấc mơ hồng
Thu nay lãng mạn mệnh mộng đất trời!

Thu phiêu lãng!

Thu về cho lá vàng bay
Gió thu man mác đắm say hồn người
Ngày thu phiêu lãng tuyệt vời
Rừng thu thay sắc gọi mời nàng thơ
Thiên nhiên tuyệt mỹ mộng mơ
Chiều thu lãng mạn ngắm ngơ ngắm nhìn
Trời mây non nước hữu tình
Ngát ngát ta gửi chút tình thi thơ!

Kỷ niệm trại hè

Lang thang ngắm cảnh buổi chiều tà
Cỏ cây nhẹ nhõm tỏa hương hoa
Vài con hươu nhỏ ven sông vắng
Văng vẳng xa xa tiếng đàn ca
Khói lam chiều lững lờ quanh vách núi
Gió thổi bay cây lặng lẽ ngủ yên
Dòng sông xanh chảy nhẹ rất bình yên
Hồn xao xuyên cảnh thiên nhiên lãng mạn
Hương cỏ hoa thơm nhẹ
Dòng sông êm ả trôi
Hoàng hôn khuất sau đồi
Gió chiều hè man mác
Chú nai vàng ngơ ngác
Ngắm cảnh chiều ngắm ngơ
Kỷ niệm đến bất ngờ
Nhẹ nhàng nhưng sâu lắng
Như sông kia phẳng lặng
Chẳng bao giờ ngừng trôi
Trước cảnh đẹp hồn tôi
Bồi hồi và xao xuyên.



Bette Midler - The Rose

*Some say love it is a river
That drowns the tender reed*

*Some say love it is a hunger
an endless aching need*

*I say love it is a flower
and you it's only seed*

*It's the heart afraid of breaking
that never learns to dance*

*It's the dream afraid of waking
that never takes the chance*

*It's the one who won't be taken
who cannot seem to give*

*and the soul afraid of dyin'
that never learns to live*

*When the night has been too lonely
and the road has been too long
and you think that love is only
for the lucky and the strong
just remember in the winter
far beneath the bitter snows
lies the seed that with the sun's love
in the spring becomes the rose*

Chương Đài phỏng dịch

Nhiều người nói tình yêu là dòng sông
nhấn chìm cỏ sậy yếu mềm

Nhiều người nói tình yêu là cơn đói
làm ta đau day dứt mãi khôn nguôi

Riêng với em tình yêu là hoa
và anh là hạt giống giống duy nhất

Chỉ là tim ta sợ vấp ngã
nên không bao giờ học nhảy

Chỉ là giấc mơ ta sợ khi thức dậy
sẽ không bao giờ có được

Chỉ là ta không cho ta cơ hội được yêu
ta không muốn trao tặng tình yêu

và tâm hồn ta sợ chết
nên không bao giờ học được cách sống

Khi đêm tối thật cô đơn
và khi con đường còn dài xa tắp
và khi ta nghĩ rằng tình yêu
chỉ dành cho những người may mắn và mạnh mẽ
hãy nhớ trong giá lạnh mùa đông
sâu thẳm dưới lớp tuyết phủ dày
hạt mầm đang nằm đó với tình yêu của nắng
thành hoa hồng rực rỡ giữa mùa xuân.





The White Rose of Athens

By Manos Hadjidakis

*Till the white rose blooms again
You must leave me, leave me lonely
So goodbye my love till then
Till the white rose blooms again*

*The summer days are ending in the valley
And soon the time will come when we must be apart
But like the rose that comes back with the springtime
You will return to me when springtime comes around*

*Till the white rose blooms again
You must leave me, leave me lonely
So goodbye my love till then
Till the white rose blooms again*

*Good bye till then, good bye till then
Good bye till then*

*The autumn leaves are falling in the valley
And soon the winter snow will lie upon the ground
But then I know, I know that like the rose
You will come back again when springtime comes around*

Chương Đài phỏng dịch

Cho đến lúc hồng trắng trinh nguyên lại nở
Để em cô đơn khi anh phải rời xa
Tạm biệt anh yêu mong thời gian chóng qua
Cho đến lúc hồng trắng trinh nguyên lại nở

Thung lũng ngày hè sắp tàn trong tiếc nhớ
Và sắp đến rồi khi ta phải chia tay
Như hoa hồng sẽ nở trong nắng xuân mai
Anh về bên em khi mùa xuân lại đến

Cho đến lúc hồng trắng trinh nguyên lại nở
Em lại cô đơn khi anh phải rời xa
Tạm biệt anh yêu mong thời gian chóng qua
Cho đến lúc hồng trắng trinh nguyên lại nở

Tạm biệt anh yêu hẹn mùa xuân gặp gỡ
Tạm biệt anh yêu hẹn hoa nở tương phùng

Lá thu vàng rơi trên thung lũng nào nùng
Và đông đến tuyết rơi phủ đầy lối cũ
Nhưng em biết anh như hoa hồng hé nụ
Sẽ đến bên em khi xuân thắm quay về.



Tại Em

Quang Tuấn

*Tìm em chẳng biết tìm nơi đâu
Nhớ quá làm anh rụng hết râu
Rờ lại cái đầu thì trụi lủi
Tại em râu tóc anh còn đâu?
Thôi làm đệ tử ông Lưu Linh
Mượn rượu để quên nhớ bóng hình
Trời ơi! làm sao quên nổi chó,
Tại em quá đổi xinh là xinh.*

Chương Đài họa

Cuộc đời còn sống được bao lâu
Mê gái đẹp chi để muộn sầu
Râu tóc đã thưa càng rụng rớt
Đến ngày râu tóc chẳng còn đâu
Không râu không tóc mất lòng tin
Xấu xí làm sao được gái xinh
Người ơi mong đừng mơ tưởng hão
Để đời bớt khổ bớt điêu linh

Khoảnh Thơ Nguyễn Đức Khổng

Thơ Buồn

Tàn chinh chiến lao tù mút chỉ
Tướng ngày về cũng sẽ là không
Ngày qua ngày toàn khoai ngô sắn
Rừng thiêng nước độc xơ xác khô
Di chuyển nhiều nơi rừng phương Bắc
Đói rách lâu ngày thêm xác xơ
Lao động vinh quang mồ hôi cạn
Ai cũng chờ ngóng châu Diêm La
Xít xoát mười năm mới được tha
Vợ con thương xót nhớ chồng cha
Hai năm quản chế thêm chề chán
Chắc biết Hoa Kỳ đón tiếp ta
Chín chín lặn ra huyết áp cao
Tưởng theo cha mẹ chốn quê nhà,
Nhưng rồi lê lét qua ngày tháng
Ăn bám vợ con tàn tạ ra
Muôn năm tử tội bệnh phát lan
Chưa hết bệnh này thêm bệnh kia
Hai chân lê lét đời ăn bám
Mong sớm về quê bên mẹ cha.

Đón Xuân 2018

Tàn Thu 2017

Uống giọt tàn thu trong mắt em
Giọt lã cho rã lá thu mềm
Ai ai giẫm nát mùa thu ảo
Để lá vàng rơi rất vội vàng

Uống giọt cà phê trên môi em
Buổi sáng lòng êm, đắng buổi chiều
Ai đem đi hết mùa đông giá
Hạt tuyết vừa rơi nổi ngỡ ngàng

Uống giọt tình em tận đáy tim
Buổi sáng lòng say xót nỗi niềm
Sao em nở xóa mùa xuân cũ
Chiếc lá mùa xuân rũ úa tình

Uống giọt thời gian trên tóc em
Qua đi dồn dập tuổi xuân tình
Trời ơi hạt hăng nhiều năm cũ
Lọn tóc nhuộm đen đó bẽ bàng.

Xuân 2018

Tàn Đời 2018

Thu tình lát phát lá vàng bay
Gom góp thương yêu ở chốn này
Ngày qua tháng hết đông vừa tới
Tình nghĩa bao năm đã thấy vơi
Người bảo tình ta đã cũ rồi
Chỉ còn nghĩa để cầm hơi

Tình yêu xưa cũ nay tàn úa
Thương quá chao ôi nhắm cuối đời
Suốt giải giang sơn hình chữ S
Ba lô súng đạn nặng thân gầy
Bao năm lặn đạn mùa chinh chiến
Tàn cuộc lưu đày chín mươi năm

Đến được Hoa Kỳ diện H.O.
Tám thân tàn tạ chân lê lét
Kiếm được miếng cơm cũng khó khăn
Nhưng rồi cũng là thân ăn bám
Sống lụy sống nhờ kiếp tha hương,
Bệnh già, bệnh trĩ, bệnh tim,
Hành hạ thân ta cuối cuộc đời
Buổi ơi! Sao cứ hành ta nhỉ?
Chết quách cho rồi cũng thế thôi!?
Tàn Thu 17, Xuân 18
Sống được bao lâu nữa hỡi ôi!?

Với Người Cao Tuổi

Niềm An Ủi cho Người Cao Niên

**Đức Thánh Cha dành tháng 12
cầu nguyện cho người cao tuổi**



05.12.2017 (Tin Mừng Cho Người Nghèo)

Trong video cầu nguyện dành cho tháng 12, **ĐTC Phanxicô** đã dâng lời cầu nguyện cho cao tuổi, ngài mời gọi mọi người tỏ lòng kính trọng và giúp đỡ người cao tuổi, sự khôn ngoan của ông bà sẽ được truyền lại cho con cháu đời sau.

ĐTC nói rằng, “Người nào không quan tâm chăm sóc ông bà, không đối xử tốt với ông bà thì không có tương lai. Người cao tuổi họ có sự khôn ngoan. Người cao tuổi còn có trách nhiệm rất lớn trong việc truyền lại cho con cháu những kinh nghiệm sống, lịch sử của gia đình, cộng đoàn và văn hóa”.

Ngài khép lại đoạn video khi nói rằng: “Hãy luôn giữ trong tim mình hình ảnh ông bà, từ đó gìn giữ gia đình và cộng đoàn, có lẽ chính sự khôn ngoan và trải nghiệm của ông bà sẽ hỗ trợ cho quá trình giáo dục con cháu”.

Được công bố vào ngày 4 tháng 12, đoạn video có cách tiếp cận nhẹ nhàng hơn so với những video ý nguyện trước đó. Đoạn video mô tả một người đàn ông trẻ tuổi đã phớt lờ những người già mà anh ta đi ngang qua trên phố. Ngay sau đó người đàn ông nghe tiếng nhạc jazz lôi cuốn từ một tòa nhà, khi bước vào trong tòa nhà, anh phát hiện ra ba người mà anh đã đi ngang qua lúc này đang cùng nhau chơi đàn. Rồi ông được họ mời cùng chơi đàn.

Một trong những chủ đề yêu thích của **ĐTC Phanxicô** là tầm quan trọng trong mối quan hệ giữa người cao tuổi và thế hệ trẻ, đặc biệt giữa ông bà và con cháu.

Năm ngoái ở Rome, ĐTC đã cử hành một buổi tiếp kiến với khoảng 7.000 cụ ông cụ bà, ngài mời gọi họ trò chuyện về đức tin với các cháu mình

“Hãy trò chuyện với con cháu mình. Hãy để các cháu hỏi mình. Các cháu có thể khác với ông bà, có thể khác về sở thích, khác về gout âm nhạc... nhưng các cháu cần ông bà”.

“Ông bà là sự hiện diện rất quan trọng, vì kinh nghiệm sống của ông bà là báu vật, rất cần thiết cho việc chuẩn bị bước vào tương lai bằng niềm hy vọng và trách nhiệm”.

Trong một thánh lễ đặc biệt hồi tháng 6, ĐTC đã nói rằng người cao tuổi được mời gọi để trở thành “ông bà về mặt tinh thần” đối với con cháu bằng việc chia sẻ các kinh nghiệm sống, đặc biệt là đức tin với con cháu.

Và đây là điều Thiên Chúa đòi hỏi chúng ta phải làm ngay hôm nay: trở thành ông bà.

Để có sức sống truyền lại cho con cháu, vì chúng mong mỏi nhận được điều đó từ chúng ta; “đừng khép lòng mình, hãy thể hiện tốt nhất có thể: chúng cần kinh nghiệm của chúng ta, cần những ước mơ tích cực để tiếp nối lời tiên tri và hành trình sống”.

Nguyện xin Thiên Chúa ban cho tất cả chúng ta hồng ân này.



*Bài Thơ Viết Trên Tường
Nhà Dưỡng Lão*

(Nỗi lòng người mẹ cao niên)

Con ơi! Bây giờ mẹ đi chân không vững,
Nhắc không nổi bước
Mẹ xin con nắm tay mẹ dìu mẹ, chậm thôi...
Như năm đó Mẹ dìu con đi những bước đầu...
Con ơi! Khi con còn thơ dại,
Mẹ dạy con cầm thìa, dùng đũa ăn cơm
Mẹ dạy con buộc dây giày, chải tóc, lau nước mũi
Những kỷ niệm về những năm tháng mẹ con mình sống bên nhau
Làm mẹ nhớ thương da diết
Vì thế, khi mẹ chóng quên, mẹ chậm lời
Con hãy cho mẹ chút thời gian, xin con chờ mẹ chút
Cho mẹ suy nghĩ thêm
Cho dù cuối cùng ngay cả định nói gì
Mẹ cũng quên...
Con ơi! Con quên là mẹ con ta đã tập luyện
hàng trăm lần
Con mới thuộc khúc đồng dao đầu đời
Con nhớ không mỗi ngày mẹ đáp
Những câu ngây ngô, hàng trăm câu con hỏi từ đâu
Nên nếu mẹ lỡ kể lể nhiều lần những câu chuyện móm răng
Ngâm nga những khúc ru con thời con bé
Xin con tha thứ cho mẹ
Xin con cho mẹ chìm trong những hồi ức ấy nhé!
Xin con đáp lời mẹ kể những chuyện vụn vặt trong nhà!
Con ơi! Giờ mẹ thường quên cài nút áo, xỏ dây giày,
Ăn cơm vãi đầy vạt áo
Chải đầu tay bần bật run
Đừng giục già mẹ
Xin con nhẫn nại chút và dịu dàng thêm
Mẹ chỉ cần có con ở bên
Mẹ đủ ấm.
Con ơi! Bây giờ mẹ đi chân không vững, nhắc không nổi bước
Mẹ xin con nắm tay mẹ
Dìu mẹ, chậm thôi
Như năm đó...
Mẹ dìu con đi những bước đầu đời.

(Vô danh)

Tâm Tình Người Mẹ/Cha Gửi cho Con

Peter Lê (từ một bản tiếng Anh)

Con trai & Con gái yêu quý (của mẹ/cha)

Có ngày con sẽ thấy mẹ/cha già đi nhiều, con hãy cố gắng kiên nhẫn một chút đối với mẹ/cha và cố gắng thông cảm mẹ/cha.

Nếu mẹ/cha dơ bẩn do ăn uống...

Nếu mẹ/cha mặc áo quần khó khăn... con hãy kiên nhẫn! Con hãy nhớ lại những giờ phút mẹ/cha dạy cho con học từng thứ lúc con còn bé.

Nếu mẹ/cha cứ lặp đi lặp lại đến hàng tá lần cũng cùng một điều, con đừng chặn lại! Hãy lắng nghe mẹ/cha!

Khi con còn bé, con đã từng xin mẹ/cha cứ đọc cho con cũng cùng một mẩu truyện, đêm này sang đêm khác, cho đến khi con gật ngủ. Và mẹ/cha đã làm điều đó.

Nếu mẹ/cha không còn thường xuyên tắm dưới vòi sen được nữa, con đừng trách móc mẹ/cha và đừng bảo với mẹ/cha rằng đó là điều đáng xấu hổ. Con hãy nhớ lại khi con còn bé mẹ đã bịa ra đủ thứ cố để làm cho con phải tắm.

Thấy mẹ/cha dốt về các kỹ thuật tân tiến, con đừng cười mẹ/cha mà hãy để cho mẹ/cha có thời gian để hiểu.

Mẹ/cha đã từng dạy cho con nhiều điều như ăn uống đàng hoàng... ăn mặc nét na... hành xử đúng đắn... phải đối phó thế nào với những khó khăn của cuộc sống.

Nếu đôi khi mẹ/cha đãng trí hay không còn khả năng nói chuyện có đầu có đũa, con hãy để

cho mẹ/cha thời gian cần thiết mà ôn nhớ lại, hoặc giả mẹ/cha không làm được như vậy, con cũng đừng đâm ra tức tối và hờn hỉnh, bởi vì điều quan trọng nhất đối với mẹ/cha... là còn ở với con và còn nói được với con.

Nếu mẹ/cha từ chối ăn, con đừng ép! Mẹ/cha biết rất rõ khi nào mẹ/cha đói và khi nào không đói.

Khi mà cái chân yếu đuối của mẹ/cha không còn cho phép mẹ/cha di chuyển được như trước...

Hãy giúp mẹ/cha cũng cùng một cách thức giống như mẹ/cha đã từng nắm tay con tập cho con bước những bước đi đầu tiên.

Và khi một ngày nào đó, mẹ/cha nói với con rằng mẹ/cha không muốn sống nữa... nghĩa là muốn chết, con chớ giận mẹ/cha... bởi vì có ngày, con cũng sẽ hiểu ra!

Con hãy cố hiểu rằng tới một tuổi nào đó, chúng ta sẽ thật sự không còn sống nữa. Đơn giản là chúng ta đang còn sống!

Rồi có ngày con sẽ hiểu rằng, bất kể mọi lầm lỗi của mẹ/cha, mẹ/cha vẫn luôn luôn mong muốn điều tốt nhất cho con và đã chuẩn bị cho con "đất dụng võ" khi con trưởng thành.

Con đừng cảm thấy buồn phiền, bất hạnh hay bất lực trước tuổi già hay trước trạng thái hiện thời của mẹ/cha. Con hãy luôn kề cận mẹ/cha, hãy hiểu mẹ/cha sống để làm gì, để làm điều tốt nhất có thể làm được cho con như mẹ/cha đã từng làm từ khi con sinh ra.

Hãy giúp mẹ/cha bước đi, hãy giúp mẹ/cha kết thúc cuộc đời mình bằng yêu thương và nhẫn nhục. Cách duy nhất mẹ/cha cần đến để cảm ơn con về việc con đã giúp mẹ/cha, đó là một nụ cười và một tình yêu chan chứa phát xuất từ nơi con.

Mẹ/cha yêu quý con, con trai, con gái của mẹ/cha.

Thư giãn

Ô hô! Tiếng Bắc, tiếng Nam

Sau đây là một bài thơ vui và ngộ nghĩnh về cách sử dụng danh từ khác nhau giữa miền Bắc khác với miền Nam Việt Nam. Chúng tôi mời quý vị độc giả vừa thưởng thức cách nói khác nhau mà có khi chúng ta coi là kỳ cục, nhưng lại rất vui. Đồng thời còn có thể học hỏi và biết thêm được một số danh từ rất là mới lạ. Bài thơ này chúng tôi nhận được do một độc giả gửi tới.

Bắc than gầy thì Nam bảo ốm
Bắc cáo ốm, Nam khai bệnh hay đau
Bắc cuốc nhanh, Nam bảo đi mau mau
Bắc bảo muộn thì Nam cho là trễ
Nam mần sơ sơ, Bắc nàm nấy nệ
Bắc lệ trào, Nam chảy nước mắt ra
Bắc nói úi chà, Nam kêu ui da
Bắc bước vào kia, Nam đi vô trông
Nam kêu vạc tre, Bắc gọi là cái chông
Nam trả treo, Bắc lý luận ngược xuôi
Nam biểu vui ghê, Bắc nói buồn cười
Bắc chỉ thể thôi, Nam là vậy đó
Nam làm giỏ tre, Bắc đan cái rọ
Nam muống cà phê, Bắc cãi cái thìa
Nam muống canh, Bắc gọi cái cùi đĩa
Nam đi tuốt, thì Bắc lia xa mãi
Nam nói dai, Bắc cho là lải nhải
Nam nói xe hơi, Bắc gọi ô tô
Nam xài dù, thì Bắc lại dùng ô
Nam đi trốn, Bắc cho là lánh mặt
Nam cho là mắc, Bắc bảo là đất
Nam mần ăn, thì Bắc kinh doanh
Nam nói lòng vòng, Bắc bảo dối quanh
Nam biểu từ từ, Bắc khuyên gượng lại
Nam thấy ngu ghê, Bắc cho là quá đại
Nam sợ ghê, Bắc thì hãi quá đi

Nam hỏi nói gì? Bắc hỏi bảo chi
Nam kêu trúng lăm, Bắc bàn chí phải
Bắc gọi thích ghê, Nam kêu là khoái
Nam kêu hái bắp, Bắc bảo vật ngô
Bắc thích thì vô, Nam ưng là chụp
Nam rờ bông búp, Bắc vuốt tường vi
Nam nói: mày đi! Bắc réo: cút xéo
Bắc bảo: cứ vèo! Nam bảo: ngắt đi
Bắc gửi phong bì, bao thơ Nam gửi
Nam kêu: muốn ói, Bắc bảo: buồn nôn!
Bắc nói tiền đồn, Nam kêu chòi gác
Bắc nói khoác lác, Nam bảo xạo ke
Mưa đến Nam che, Bắc thì lại chắn
Bắc khen giỏi mắng, Nam nói chửi hay
Bắc nấu thịt cày, Nam nấu thịt chó
Bắc vén búi tóc, Nam bới tóc lên
Anh Cả Bắc quên, Anh Hai Nam lú
Nam: ăn đi chú, Bắc: mời anh xơi!
Bắc mới tập bơi, Nam thời tập lội
Bắc đi phó hội, Nam tới chia vui
Bắc kéo xe lôi, xích lô Nam đạp
Bắc bảo là To, Nam cho là Lớn
Đùa mà không thật, Bắc bảo là điều
Giỡn hơi nhiều, Nam kêu là Xạo
Nam thời mập bạo, Bắc bảo béo ghê
Bắc bảo sướng phê, Nam rên đã quá!
Bắc hay đi phá, Nam đá bằng gươm
Bắc chọc bị lườm, kiếm Nam, Nam thọt
Bắc ngồi bia bọt, Nam nhậu lade
Bắc gọi lạc rang, Nam kêu đậu phộng
Nam tròm tròm ăn vụng, Bắc len lén ăn vèn (?)
Nam "hổng chịu đâu", Bắc thì "em chả"
Bắc cho là "cái ả", Nam bậm trợn "con kia"
Nam "tên cà chua", Bắc rửa "đồ phải gió"
Nam nhậu thịt chó, Bắc chén cây tơ
Bắc vờ vịt lá mớ, Nam thẳng thừng lá thúí đệt!

Thy Mai

Ghi chú: Không thấy tiếng Miền Trung, có lẽ vì thổ âm, thổ ngữ "chừ, mô, răng, rứa, mụ mệ..." phức tạp quá chăng?

Ngày 13 thứ Sáu, Ngày xui xẻo!

Tôn Thất Đàn

Theo thiên ý riêng của tôi thì tôi nhận thấy rằng, từ ngàn xưa con số 13 đã làm cho nhiều người đã phải e dè, kiêng kỵ, thậm chí còn phải tránh né nó nữa. Điển hình nhất là không có một khách sạn nào có phòng mang số 13, và ngay cả trong quân đội cũng không có đơn vị nào mang danh hiệu 13. Tiêu biểu nhất là binh chủng Thiết Giáp của chúng tôi có tất cả 22 Thiết Đoàn. Nhưng chỉ có từ Thiết Đoàn 1 đến Thiết Đoàn 12, không có Thiết Đoàn 13, rồi tự động nhảy lên Thiết Đoàn 14 cho đến Thiết Đoàn 22 Chiến Xa mà thôi.

Tại con số 13 tự chính nó mang lại điềm xui xẻo hay sao? Điều này chẳng có ai giải thích được, nhưng nếu dùng nó để đánh dấu cho một sự việc, thì theo tôi thấy ít khi thành công. Điển hình sự thất bại của việc phóng phi thuyền “Apolo 13” của Mỹ đã minh chứng cho cái không may của con số 13 này. Đối với người Âu Mỹ, con số 13 còn đáng sợ hơn khi nó lọt ngay vào ngày thứ Sáu trong tuần, đó là ngày đại kỵ. Trong kinh Thánh cũng đã nói, ngày xưa cách đây hơn 2000 năm, Chúa Giêsu cũng đã từng chịu đóng đinh trên cây Thập tự giá cũng rơi vào ngày 13 thứ Sáu. Đúng là ngày khổ nạn!!!

Vậy có ai đã gặp điều may mắn hay chưa ở ngày 13 thứ Sáu này? Riêng tôi, cái ngày xui xẻo ấy đã để lại trong tôi một ký ức thật buồn, thật đau thương và nhiều nước mắt!

Đó là sau ngày 30/4/1975, ngày miền Nam thất thủ. “Bên thắng cuộc” đã lừa chúng tôi vào các trại tù mà chúng bảo là trại “học tập cải tạo!”. Sau 3 năm đầu do bộ đội chính quy Bắc Việt quản lý, chúng đưa chúng tôi qua nhiều trại giam từ Song Mỹ (Ninh Thuận) vào Sông Mao, xuống Tà zôn (Triển) rồi lên Hàm Trí (Bình Thuận). Sau cùng gần cuối năm 1978, thì chúng đưa chúng tôi ra trại tù A.30 (Tuy Hòa) bàn giao cho Công An thuộc Bộ Nội Vụ quản lý. Trại này quá hắc ám, lao động khổ sai quá sức chịu đựng

của con người, ăn uống lại quá thiếu thốn, nên sức khỏe anh em tù “cải tạo” sa sút một cách trầm trọng!

Sau một thời gian dài, để cứu vãn tình trạng chết chóc của tù mỗi ngày mỗi gia tăng vì quá đói, trại quyết định cho thân nhân, vợ con của tù được đi thăm nuôi, và được phép mang đồ ăn tiếp tế cho tù cải tạo. Trại cho phép viết thư về gia đình báo tin cho thân nhân biết địa điểm nơi đến gặp gỡ và thăm viếng. Tôi cũng không ngoại lệ, liền viết thư báo tin cho gia đình biết đề đi thăm nuôi. Khi vợ tôi nhận được thư thì mừng lắm, vì lâu ngày không biết tôi ở đâu, và các con tôi lâu quá không thấy mặt cha, nên chúng rất nhớ, và tôi cũng thế. Vì lý do đó, nên vợ tôi đã đưa luôn cả 3 đứa con (2 trai, 1 gái) từ Phan Rang ra đến trại tù A.30 (Tuy Hòa) để thăm Ba. Ra đến nơi, vợ chồng, cha con gặp nhau đều rất vui mừng và xúc động, thỏa lòng mong nhớ. Ngỡ rằng, sẽ còn gặp lại nhau và thăm nuôi nhiều lần khác nữa. Nhưng không ngờ đó là lần cuối cùng tôi ôm đứa con trai đầu yêu quý nhất của tôi vào lòng!

Số là, sau khi thăm nuôi xong, trên đường trở về lại Phan Rang, khi chiếc xe đò đổ dốc xuống đèo Cả (Nha Trang) (hồi đó năm 1978, thời Xã hội chủ nghĩa, xe chạy bằng than), vì xe quá cũ nên bị đứt thắng, tài xế không làm chủ được tốc độ, bèn cho xe húc vào thành núi bên trái để còn có người sống sót! Nếu lạng về bên phải thì xe sẽ lăn xuống biển chết hết không còn một ai. Cú húc vào thành núi đó làm hành khách trên xe chết 6 người tại chỗ, trong đó có một đứa con trai đầu lòng của tôi! Còn tất cả đều bị thương nặng. Riêng vợ tôi thì mê man bất tỉnh, hai đứa con còn lại, đứa thì bị gãy chân, đứa thì bị u đầu sứt trán. Tất cả đều được đưa vào bệnh viện Nha Trang. Còn đứa con trai bị tử nạn tại chỗ đó, được một người bà con ở Nha Trang đưa về an táng tại quê nhà.

Những sự việc đau lòng xảy ra như vậy mà mọi người đều dấu kín hết, không một ai cho tôi hay biết tí gì, kể cả Ban chỉ huy trại tù. Mặc dầu họ đã nhận được giấy báo, và thư nhà, từ địa phương gửi ra xin cho tôi được về thăm gia đình và thấp cho con một nén nhang, mà họ vẫn không cho. Họ bảo rằng: “Ráng cải tạo tốt thì sớm được trở về với gia đình”. Họ còn bảo: “Đã

cho mày trở về với gia đình một lần rồi, mà mày còn chống lại cách mạng, không chịu giải ngũ. Bây giờ thì mày ở tù đến “mút mùa lệ thủy” không đi đâu hết.” Vì năm 1972 (mùa Hè đỏ lửa) tôi bị bắt tù binh tại trận Quảng Trị một lần rồi, được “trao trả tù binh” theo hiệp định Paris năm 1973 nhưng tôi không giải ngũ, mà vẫn ở lại quân đội cho đến ngày tan hàng. Cho nên lần này chúng nó trù dập tôi toi bời hoa lá. Lúc nào chúng cũng đem tôi ra làm đề tài cho các đội tù góp ý. Ôi, biết thế nào là tốt? Mà tại sao lại phải “cải tạo”? Rồi biết đến khi nào thì tốt? Sao mà quá mơ hồ? Đối với tôi chuyện đó chẳng khi nào hiện thực cả, và mãi mãi tôi chẳng bao giờ “tốt” nổi với cái bọn Cộng Sản vô nhân tính này được. Vì chúng đã xếp tôi vào loại “ngoan cố” khó cải tạo. Ôi thôi, tôi đành nuốt lệ vào trong, chấp nhận thương đau mà sống lây lất cho qua ngày đoạn tháng. Âu cũng là số phận ông Trời đã an bài cho gia đình tôi vậy!

Ở đời, người xưa có câu: “Có thờ có thiêng, có kiêng có lành”, nhưng bà “xã xệ” nhà tui bà chẳng bao giờ kiêng cử một điều gì hết. Hôm đó là ngày 13 thứ Sáu (thứ Sáu ngày 13 tháng 12 năm 1978). Trước khi ra đi, người anh của vợ đã ngăn cản không cho đi rồi. Anh ta bảo; “Hôm nay là ngày 13 thứ Sáu, ngày xui xẻo nhất trong năm, em khoan đi đã, đợi ngày mai 14 rồi hãy đi”. Nhưng bà “xã xệ” nhà tui bà không chịu nghe! Mà còn ngang nhiên tuyên bố rằng: “Ngày nào cũng là ngày của Chúa hết!”, “Một ngày như mọi ngày”, rồi an nhiên tự tại quẩy gánh lên vai, dắt hết luôn 3 đứa con (một đứa đầu 8 tuổi, đứa thứ nhì 6 tuổi, và đứa gái thứ ba 3 tuổi) lên xe đò (xe chạy bằng than hồi năm 1978 của xã hội chủ nghĩa) trực chỉ trại tù A.30 trên rừng núi Thạch Thành tại Tuy Hòa, mà bên “phe thắng cuộc” bảo là nơi “học tập cải tạo” của ba chúng nó để đi thăm. Để rồi chuốc lấy một tai nạn đau thương thảm khốc như đã nói ở trên.

Còn nữa, vào đầu thập niên 1960, chiến cuộc miền Nam VN bắt đầu sôi động, lệnh “tổng động viên” của chính phủ đã ban hành. Tất cả thanh niên tuổi từ 20 trở lên đều phải lên đường tòng quân nhập ngũ. Trong số đó có rất nhiều thành phần trí thức phải gia nhập khóa 13 “Sinh Viên Sĩ Quan trừ bị Thủ Đức”, nào là giáo sư, kỹ sư, luật sư, kiến trúc sư v.v...toàn là những chất

xám, tinh hoa của đất nước hầu hết đều nằm trong khóa 13, vì thành phần đó là “tài nguyên” của khóa 13 Sĩ quan Trừ bị này. Sau 9 tháng quân trường, ngày mãn khóa cũng đến. Chỉ trong vòng 1 tháng đầu, người đầu tiên tử trận là một chuẩn úy đồ “thủ khoa” của khóa 13 tại chiến trường Bình Định. Tuổi đời còn rất trẻ, độc thân vui tính, và chưa có một mảnh tình nào vắt vai. Rồi sau đó những sĩ quan của khóa 13 này lần lượt rơi rụng và hy sinh rất nhiều, hơn tất cả các khóa nào khác của trường Bộ Binh Thủ Đức. Có phải cũng tại con số 13 xui xẻo này chăng!?

Chưa hết, con số 13 xui xẻo này nó lại cứ đeo đẳng theo tôi mãi cho đến ngày tôi được đi định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO. Số của tôi là số “con rệp” nên cứ gặp ngày 13 thứ Sáu hoài. Gia đình tôi lên máy bay ngày 13 tháng 2 năm 1992 (cũng là ngày 13 thứ Sáu ở VN) đến Mỹ (NY) cũng ngày 13 thứ Sáu (vì giờ VN đi trước giờ Hoa Kỳ 12 tiếng). Nên cái ngày hắc ám đó cứ bám theo tôi mãi đến tận cùng. Xuống máy bay, trời rét căm căm, tuyết phủ đầy đường, lòng buồn tê tái. Nghĩ rằng không biết tương lai gia đình mình sẽ đi về đâu? Thế rồi, đúng một tháng sau, cũng là ngày 13 nhưng không lọt vào ngày thứ Sáu, tôi được “sở xã hội” gọi lên phỏng vấn để cho hưởng tiền trợ cấp trong bước đầu mới đặt chân đến Mỹ. Đúng ra là tôi được hưởng tiền SSI vì tôi bị thương, viên đạn còn nằm trong đùi, trời lạnh thì đau nhức không chịu nổi. Nhưng số phận của tôi xui xẻo, gặp phải một nhân viên xã hội quá khó khăn nhất định không cho hưởng tiền SSI mà chỉ cho hưởng trợ cấp 1 năm, nhưng phải đi lao động công ích thì mới ăn được tiền đó. Nghĩ lại, có phải cũng tại con số 13 xui xẻo đó cứ đeo đẳng theo tôi mãi hoài, làm cho tôi chẳng gặp được một chút may mắn nào chăng!?

Thế rồi, từ những ngày 13 thứ Sáu đau thương và xui xẻo đó, nó như một ám ảnh bám theo tôi mãi đến tận bây giờ. Cho nên, mỗi năm khi nhận được một quyền lịch mới, việc đầu tiên của tôi là tôi giở từng tờ lịch tháng để xem có ngày 13 thứ Sáu nào không? Nếu có, tôi liền dùng bút mực đỏ khoanh tròn cái ngày xui xẻo ấy để đến ngày 13 thứ Sáu hễ trong nhà có người nào đi xa, hoặc cần lái xe đi đâu là tôi nhắc ngay một câu: “Hôm nay là ngày 13 thứ Sáu, ngày xui xẻo nhất trong năm! Hãy cẩn thận!”

XMAS

Xin Mừng Ánh Sáng

Trà Lữ
(08/12/2017)

Trà Lữ là nhà văn Công Giáo nổi danh về những truyện khôi hài. Ông hiện định cư tại Canada và là cây bút thường trực của báo Diễn Đàn Giáo Dân (Nam California) cùng nhiều báo khác.

Thành phố Toronto, theo truyền thống lâu đời, cứ cuối tháng 11 là tổ chức rước ông già Noel - Santa Claus vào thành phố để mở đầu mùa Giáng Sinh. Nói là mừng Chúa Giáng sinh, chứ thực ra là mừng mùa mua sắm. Ở Việt nam thì đây là dịp các cửa hàng tăng giá, còn ở đây thì trái lại, đây là mùa hạ giá, cốt bán lấy nhiều.

Ông già Santa Claus mặc quần áo đỏ, đội mũ đỏ, dân gian nhất là các đồng nhi đồng cũng bắt chước ông, cũng quần áo đỏ. Màu đỏ Giáng Sinh cùng với nhạc Giáng Sinh vang vang khắp nơi, tạo ra một không khí thanh bình an lạc cho mọi người.

Tuần qua, tôi gặp một bà du khách mới từ VN qua thăm con đang du học tại đây, tôi hỏi bà nghĩ sao về đất nước Canada này thì bà nói ngay: Ông ơi, ở VN, chỗ nào cũng thấy cờ đỏ, màu đỏ này làm tôi sợ quá. Gần đây họ lại lập ra cái hội Cờ Đỏ để đối chọi với dân chúng, càng làm tôi sợ hãi hơn. Hội Cờ Đỏ xuất hiện tức là chính quyền VN đang cho diễn lại tuồng Hồng Vệ Binh của Mao Trạch Đông ngày xưa, eo ơi, khiếp quá. Tôi đang xin ở lại Canada, ông ạ.

Bà này ăn mặc diêm dúa chứng tỏ bà ta có của, mà có của ở VN bây giờ thì phải thuộc phe nhóm cán bộ tham nhũng. Rõ ràng cán bộ đầy túi rỗng đang tìm cách chạy trốn, các cụ thấy chưa

Nhưng thôi không nói chuyện cán bộ chạy của nữa. Xin nói chuyện miền đất nước thanh bình này vui hơn. Chuyện đầu tiên là chuyện ông hoàng tử Harry cháu nội của nữ hoàng Elizabeth bên Anh. Chàng sang Canada chơi, gặp cô tài tử Mỹ Meghan Markle đang đóng phim ở Canada, hoàng tử bị tiếng sét, mê liền, và tuyên bố sẽ cưới cô làm vợ. Quà là tiếng sét, hoàng tử Harry không cưỡng lại được. Chàng mới 33 tuổi, nàng đã 36, có chút máu da đen của mẹ, và đã một đời chồng. Chàng tuyên bố sẽ cưới nàng vào mùa hè sang năm và sẽ đưa nàng về dinh bên Anh. Quà là duyên số.

Chuyện thứ hai là chuyện Hiệp Ước TPP dính tới VN. Ban đầu hiệp ước này có 12 thành viên, nhưng khi vua Trump lên ngôi, vua Trump tuyên bố rút lui khỏi hiệp ước này, và Canada hiện nay cũng định theo vua Trump rút chân ra. Các cụ đã thấy Canada và Mỹ có liên hệ mật thiết với nhau chưa !

Chuyện thứ ba là chuyện các giáo chức của 24 trường cao đẳng ở Ontario đã đình công đòi cải tiến quy chế trong tháng 10 và tháng 11 vừa qua. Việc này làm ảnh hưởng tới sự học của hơn 300.000 sinh viên. Sau cùng, quốc hội đã phải ra quyết định chấm dứt việc đình công này. Lớp trẻ đã bị nghỉ học trong 5 tuần lễ với bao nhiêu mất mát và thiệt hại. Đây là cái giá của sự tự do và dân chủ. Ở Canada người ta sợ nhất các công đoàn, chứ không sợ giới chủ nhân.

Chuyện thời sự thứ bốn đang gây xôn xao cả trong nước, cả ở hải ngoại này, đó là chuyện cụ giáo sư tiến sĩ Bùi Hiền ở Quy Nhơn đưa ra những cải cách về chữ viết tiếng Việt. Theo cụ thì chữ viết hiện nay sai lắm, cụ đề nghị các cách viết mới và thêm những chữ f, j, w, z. Hiện nay bảng mẫu tự có 29 ký tự, nay sẽ là 33. Cả nước sẽ phải học lại cách viết abc, các sách quốc ngữ phải in lại hết... Khắp nơi đang bùng lên những lời chỉ trích, tôi toàn thấy chê, không hề có ai khen.

Bạn bè tôi bảo không lạ chuyện này vì cái đầu là ông thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã từng đọc cờ lơ mờ vờ và ma dze trong diễn văn mà, các

cụ còn nhớ chuyện này không. Ngoài ra ở VN bây giờ CSVN đẻ ra nhiều tiến sĩ lắm, sự thông thái của các tiến sĩ bây giờ đang bày ra đó.

Ông ODP, anh cả trong làng nhậu của tôi thấy chúng tôi khoái trá bàn về những việc này thì nói ngay: Các bạn hãy coi chừng cái mưu của CSVN. Họ mang cái ông Bùi Hiền với lối cái cách chữ viết làm hòa mù để che lấp những việc quan trọng hơn nhiều như vụ xả chất thải Formosa, như vụ án nhân quyền Mẹ Nấm mà quốc tế đang theo dõi... Nếu cần cái cách chữ viết thì Anh Văn là ngôn ngữ cần cái tổ hơn hết, vậy mà thế giới Anh Ngữ không hề đặt ra vấn đề này. Thì ra đáng tiến sĩ VN bên nhà thông thái thật.

Ông ODP thấy dân làng vỗ tay khen ý kiến của mình thì được hứng bèn tuyên bố từ nay làng ta không thềm bàn về việc cái tổ chữ viết của Bùi Hiền nữa. Bàn nữa là mắc mưu VC. Sắp tết rồi, chúng mình bàn chuyện tết vui hơn. Nói đến tết thì người ta thường nói tới cỗ bàn và ăn uống đình đám. Hôm nay làng ta thử bàn về tết theo đề tài văn chương nha. Anh John đâu, anh thấy đề tài tết trong văn chương VN ra sao?

Anh John nói ngay : Xưa nay em chỉ thuộc mấy bài thơ về tết in trong sách giáo khoa, như bài Ông Đồ ngồi viết câu đối của Vũ Đình Liên hay bài thơ Chúc Tết của Tú Xương. Mỗi lần đọc là mỗi lần thấy nó hay cách gì. Năm nay niềm vui thích này đã tăng lên mạnh mẽ vì tuần qua em mới đọc trên mạng mấy bài thơ châm chích nhái giọng hai bài thơ trên. Xin đọc để bà con nghe nha, chỉ trích mấy đoạn đầu:

Bài nguyên thủy, Ông Đồ:

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua.*

*Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay*

Đây là bài nhái châm chích cùng vần: Ông Hồ

*Mỗi năm hoa đào nở
Lại hận ông Hồ già
Đem Mác Lê cờ đỏ
Hại nước bao năm qua.*

*Bút mực nào đủ viết
Sự tàn ác độc tài
Gian manh là đặc nét
Dân sợ chạy xa bay.*

...
Hay bài 'Chúc Tết' của Tú Xương.

Bài gốc:

*Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu
Phen này ông quyết đi buôn cối
Thiên hạ bao nhiêu đứa già râu*

*Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giàu
Trăm nghìn vạn mở để vào đầu
Phen này ắt hẳn gà ăn bạc
Đồng rụng đồng rơi lọ phải cầu.*

...
Bài nhái:

*Đứng lẳng mà nghe chúng kháo nhau
Ngày xưa cách mạng đi dẹp râu
Một vắt com khô, đội mũ cối
Cướp của đập dân đập bã râu*

*Bây giờ đảng cướp đã quía giàu
Đô la bạc tỷ dẫu vào đầu?
Chuyển tiền ngoại quốc gởi kho bạc
Con đi du học lập đầu cầu*

...

Mấy dòng thơ châm chích trên mạng ghi là của tác giả N. Nguyen. Hay quá chứ, phải không các cụ.

Chị Ba Biên Hòa nói với chồng: Vừa rồi anh chỉ bàn mặt thơ, về tán văn em biết anh thích nhiều bài lắm, hôm nay có mặt cả làng, anh thử bàn về một bài nghe coi.

Anh John không cãi lời vợ, bèn lấy ipad trong túi ra, rồi anh bấm bấm một lúc, cuối cùng anh thưa:

Về tán văn thì tôi thích nhiều bài lắm. Vì tôi thích nên phải cất nó trong kho ipad. Một trong những bài mà tôi mê nhất là bài nói của nhạc sĩ Trần Văn Khê về văn hoá VN. Chuyện kể rằng năm 1964, lúc đó nhạc sư Khê đang ở Paris và rất nổi tiếng. Ông được cộng đồng Nhật mời tham dự một buổi sinh hoạt bàn về đề tài Thơ Tanga. Vị khách thuyết trình bữa đó là một Thủy Sư Đô đốc người Pháp. Ông này mở đầu bài diễn văn như sau:

... Thưa quý vị, tôi là thủy sư đô đốc đã sống ở Việt Nam 20 năm mà không thấy VN có một áng văn nào đáng kể. Nhưng khi tôi sang Nhật, chỉ trong vòng một hai năm mà tôi đã thấy một rừng văn học, trong đó Tanka là một đóa hoa tuyệt đẹp, chỉ cần một ngọn núi, một con sông mà tả được bao nhiêu tình cảm với chỉ 31 âm tiết. Chỉ hai điều này thôi mà các nước khác không dễ có được...

Lời phát biểu này đã chạm tới lòng tự ái dân tộc của GS Trần Văn Khê. Khi đến phần giao lưu, GS Khê đã xin phát biểu:

... Thưa ông thủy sư đô đốc, ông nói rằng ông đã ở VN 20 năm mà không thấy một áng văn nào đáng kể. Tôi là người Việt, khi nghe câu này tôi rất ngạc nhiên. Chẳng biết khi ở VN ông đã chơi với ai mà chẳng biết một áng văn hay nào của nước Việt.

Có lẽ ông chỉ chơi với những người quan tâm đến chuyện ăn uống, chơi bời, hút xách. Phải chi ông chơi với Giáo sư Emile Gaspardone thì ông sẽ biết đến một thư mục gồm 1.300 sách báo nói về văn chương Việt Nam mà vị giáo sư này đã in trên tạp chí Viễn Đông Bác Cổ bằng tiếng Pháp. Hay nếu ông gặp Maurice Durand thì sẽ có dịp đọc qua hàng ngàn câu ca dao

Việt Nam mà ông ấy đã cất công sưu tầm...Nếu ông làm bạn với những người như thế, ông sẽ biết rằng nước tôi không chỉ có một, mà có đến hàng vạn áng văn kiệt tác...

Ngài nói trong thơ Tanka, chỉ cần một ngọn núi một con sông mà mô tả được bao nhiêu tình cảm. Tôi chỉ là nhà nghiên cứu âm nhạc, nhưng với kiến thức văn chương học thời trung học cũng đủ để trả lời ngài: Việt Nam có câu ca dao:

“Đêm qua mạn mới hỏi đò
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?”

Trai gái thường mượn hoa lá để bày tỏ tình cảm. Chỉ có 14 từ mà bày tỏ được bao nhiêu ý bao nhiêu tình một cách rất tế nhị và sâu sắc.

Còn về số âm tiết, tôi nhớ sử Việt Nam kể rằng Ông Mạc Đĩnh Chi thời nhà Trần đi sứ sang Nhà Nguyên bên Tàu gặp lúc bà phi của Vua Nguyên vừa từ trần. Nhà Nguyên muốn thử tài sứ giả Việt Nam nên mời đọc điệu văn. Mở bài điệu văn ra chỉ có 4 chữ ‘nhất’, Mạc Đĩnh Chi không hốt hoảng mà ứng tác đọc liền:

Thanh thiên nhất đóa vân
Hồng lô nhất điểm tuyết
Thượng uyển nhất chi hoa
Dao trì nhất phiến nguyệt
Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!

Nghĩa:

Bà là một đám mây giữa trời xanh
Một bông tuyết trong lò lửa
Một bông hoa giữa vườn thượng uyển
Một vầng trăng trên mặt ao
Than ôi! Bây giờ thì mây tán, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết!

Tất cả chỉ 29 âm chứ không cần đến 31 âm như thơ Tanka.

Khi GS Khê dịch và giải nghĩa những câu thơ này xong thì khán giả vỗ tay nhiệt liệt.

Ông thủy sư đô đốc đỏ mặt rồi nói: Tôi chỉ biết ngài là một nhà âm nhạc nhưng khi nghe

ngài dẫn giải với chỉ hai dẫn chứng, tôi biết mình đã sai đã vô tình làm tổn thương giá trị văn chương của dân tộc Việt Nam. Tôi thành thật xin lỗi ngài và xin lỗi cả dân tộc Việt Nam.

Khi buổi hội thảo chấm dứt, ông thủy sư đô đốc đã đến gặp riêng GS Trần Văn Khê, và ngỏ ý muốn mời GS Khê đến nhà dùng cơm để được nghe nhiều hơn về văn hóa VN. Nhưng GS Khê đã tể nhị từ chối, nói rằng người VN không đến dùng cơm ở nhà người lạ.

Ông thủy sư đô đốc nói: Vậy là ngài chưa tha thứ cho tôi.

GS Khê đáp ngay: Tôi tha thứ nhưng chưa thể quên được việc này.

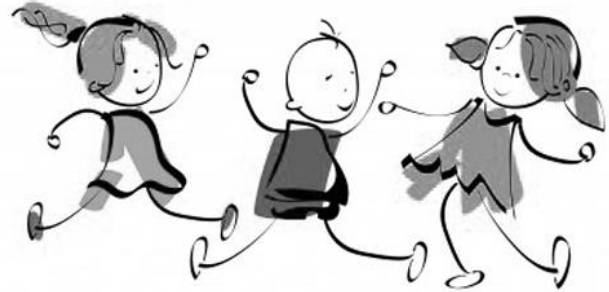
Cả làng An Lạc của tôi đã vỗ tay râm ran ca ngợi sự thông thái tài ba và mẫn tiệp của giáo sư nhạc sĩ Trần Văn Khê. Các cụ nhớ kể chuyện này cho con cháu nghe nha.



Vỗ tay xong, bà cụ già B.95 thấy chữ **Xmas** ở tấm thiệp trên bàn mới hỏi anh John: Chữ này là chữ viết tắt của những chữ gì vậy? Anh John nói ngay: Thưa là chữ viết tắt của 2 từ **Christ** là Chúa Kitô và **Mass** là buổi lễ. Rồi anh John cười ha ha và nói tiếp:

- Nhưng theo lời của bác ODP thì chữ **XMAS** **đây là 4 từ viết tắt của tiếng Việt Nam**. Bác giải thích thế này: Chúng ta sống trong trần gian là đang sống trong sự lầm lạc u tối, chìm đắm trong đêm đen mịt mù. Chúa là Ánh Sáng, Chúa sinh ra là Chúa đem ánh sáng lại cho trần gian, bởi vậy ai cũng vui mừng. **XMAS = Xin Mừng Ánh Sáng**.

Xin kính chúc các cụ *Mùa Giáng Sinh đầy hồng ân và ánh sáng./.*



Khi xưa nhà còn nghèo, mẹ hay mua cua đồng làm cua rang muối. Cua đồng cứng nhưng mẹ khéo tay chiên giòn, đủ gia vị nên thật ngon. Thấy các con tranh nhau ăn, mẹ nhường. Các con hỏi, mẹ bảo: **răng yếu**.

Giờ, các con đã lớn, nhà khá hơn, chúng mua cua biển gạch son về rang muối mời mẹ. Các con nói vui:

- Cua rang muối thật đó mẹ.

Rồi chúng ăn rất ngon. Riêng mẹ không hề gắp. Các con hỏi, mẹ cười móm mém:

- Còn răng đâu mà ăn?!

Con đề dài hun hút như cuộc đời. Ngày về thăm ngoại, trời chợt nắng, chợt râm. Mẹ bảo:

- Nhà ngoại ở cuối con đề. Trên đề chỉ có mẹ, có con.

Lúc nắng, mẹ kéo tay con:

- Đi nhanh lên, kéo nắng vỡ đầu ra. Con cố.

Lúc râm, con đi chậm, mẹ mắng:

- Đang lúc mát trời, nhanh lên, kéo nắng bầy giờ.

Con ngỡ ngàng: sao nắng, râm đều phải vội ợ

Trời vẫn nắng, vẫn râm... ..

Mộ mẹ cỏ xanh, con mới hiểu: đời, lúc nào cũng phải nhanh lên.

麵 麵 麵

Noodle Go Go

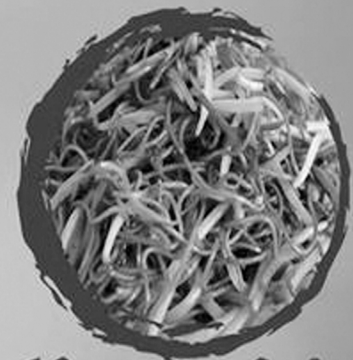
Asian Bistro



**Cantonese
Barbecue**



**Noodle
Soups**



**Pan Fried
Noodles**

Open 7 Days
11:00am - 1:00am

4811 Stelton Road
South Plainfield NJ, 07080

Tel: 908 - 222 - 8898
Fax: 908 - 222 - 8897

Under New
Management

Baguette Delite bánh mì việt

381 OLD POST ROAD, EDISON NJ 08817

TEL: (732) 626-5542

Đặc biệt: Bánh mì thịt nguội (*mua 6 giảm \$3*)

Bánh Mì:

- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì gà nướng
- Bánh mì xíu mại
- Bánh Tét
- Đậu Hũ Chiên
- Bánh mì bò nướng xả
- Bánh mì paté, chả lụa

- ◆ Chả lụa
- ◆ Chả sống
- ◆ Nem chua
- ▲ Bánh chưng
- ▲ Bánh ú
- ▲ Các loại xôi, chè, bánh

- ✓ Các loại sinh tố
- ✓ Các loại nước giải khát thuần túy Việt Nam
- ✓ Các loại bubble tea

Phở

- ❖ Bánh bèo
- ❖ Đậu hũ chiên

Giờ Mở Cửa:

7 Ngày
10:00am - 10:00pm

***** Nhận Đặt Tiệc *****

***** Nhận Nấu Các Món Nhậu *****

Downtown Renal Medicine, PC
Bác sĩ Nguyễn Đăng Dũng

202 Canal St. Suite 305, New York NY 10013
Tel:(212) 334-8108 – (212) 334-8147 – Fax (212) 334-4055



- Board Certified in Internal Medicine
- Board Certified in Nephrology
- Fellow of American College of Physicians (FACP)
- Fellow of the American Society of Nephrology (FASN)
- Medical Co-Director, Chinatown Dialysis Center
- Attending Physician, NYU Downtown Hospital
- Attending Physician, St. Vincent Hospital Manhattan
- Attending Physician, Lower Manhattan Dialysis Center

Tốt Nghiệp Chuyên Khoa Nội Thương
Y Khoa Đại Học New York
Chuyên Trị: Các bệnh về tim, phổi, bệnh thần kinh, bệnh về máu, bệnh tiêu hóa, bệnh nội tiết, bệnh dị ứng, bệnh phong thấp, bệnh ngoài da và hoa liễu.

- Nhận MEDICARE, BCBS, HIP, UNITED HEALTHCARE, OXFORD, GHI, CIGNA, AETNA, MULTIPLAN, HEALTH FIRST, HEALTHNET và nhiều Bảo Hiểm khác
- Giá đặc biệt nếu đồng hương không có Bảo Hiểm.

Trường hợp khẩn cấp
Khám bệnh trong ngày
phòng mạch mở cửa hoặc
gọi (212) 334-8108

ĐẶC BIỆT

Nhận giúp đồng hương
khám sức khỏe:

- Chích ngừa và cố vấn
- Du Lịch
- Bằng Nail Certificate
- Bằng Marriage Certificate

Tốt Nghiệp Chuyên Khoa Thận, Đường Tiểu và Áp Huyết Cao tại Albert Einstein College of Medicine, New York
Chuyên trị: Các bệnh về thận, đường tiểu, và áp huyết cao; chạy thận nhân tạo, sửa soạn ghép thận. Nhận cố vấn về thận cho Bác Sĩ chuyên

Giờ Làm Việc

Thứ Hai, Tư, Sáu: Từ 11 am đến 6:30 pm
Thứ Ba: Từ 1 pm đến 6:30pm
Thứ Năm & Bảy: Nghỉ
Chủ Nhật và những ngày lễ lớn:
Đóng Cửa

Dùng Chúc Tân Xuân



FAMILY OF FUNERAL HOMES ♦ INDEPENDENT & LOCAL
www.mccriskinfuneralhome.com

South Plainfield ♦ Piscataway ♦ Middlesex

Independent Family Owned & Operated Funeral Homes”

Proudly Supports

***The Vietnamese Community
of the Metuchen Diocese
and
Our Lady of Czestochowa RC Church***



Pre Arrangements • S/S Medicaid Protection • Cremation Services

**James A. Gustafson - Pres./Mgr. N.J. Lic. No. 4205
Richard W. McCriskin, II - V. Pres. N.J. Lic. No. 4564
Daniel M. Erickson - Dir. N.J. Lic. No. 4798
Kerri-Anne Krapf - Dir. N.J. Lic. No. 5045
Lauren J. Lapola—Dir. NJ Lic. No. 4816**

908-561-8000



AXA EQUITABLE

redefining / insurance

Long Ngô

Registered Representative

long.ngo@axa-advisors.com

Tel: (732) 452-7213 / Cell: (201) 388-6492 / Fax: (732) 906-3618

AXA Advisors, LLC

333 Thornall Street, 8th Floor, Edison, NJ 08837

Chúng tôi cung cấp các dịch vụ:

- Business Planning
- Estate Planning Strategies
- Retirement Planning
- Insurance
- Asset Allocation
- Education Planning⁽¹⁾
- Tax Planning⁽²⁾
- Survivorship Planning
- Disability-Income Insurance
- Long-Term Care Insurance
- Hoạch Định Kinh Doanh
- Các Sách Lược Hoạch Định Tài Sản
- Hoạch Định Hưu Trí
- Bảo Hiểm
- Phân Phối Của Cải
- Hoạch Định về Giáo Dục⁽¹⁾
- Hoạch Định về Thuế⁽²⁾
- Hoạch Định cho Người Thừa Kế
- Bảo Hiểm Lợi Tức Tàn Tật
- Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn

Bảo hiểm sức khỏe Obama Care (ACA)

www.axa-equitable.com

1. Được trả dùng bảo hiểm nhân thọ và các sản phẩm tài chính khác
2. Xin tham vấn với người cố vấn về thuế hoặc pháp lý để biết các tình trạng đặc biệt của quý vị.

Chứng khoán do AXA Advisors, LLC cung cấp (NY, NY 212-314-4600), hội viên FINRA, sipc. Niên kim và các sản phẩm bảo hiểm do AXA Network, LLC và các cơ quan bảo hiểm chi nhánh của hãng cung cấp.

AXA Network, LLC kinh doanh tại California dưới tên AXA Network Insurance Agency of California, LLC và, tại Utah, dưới tên AXA Network Insurance Agency of Utah, LLC. Người cố vấn AXA và chi nhánh của hãng không tham vấn về thuế và pháp lý. GE-55128b (4/10)

“Các thông tin trong tương lai có thể chỉ bằng tiếng Anh.”



EST. 1997

BAGEL PANTRY

Metuchen & South Plainfield



Our bagels are always hand-rolled and made on the premises!

We carry an array of gourmet salads, sandwiches and catering.

134 South Plainfield Ave.

South Plainfield NJ 07080

908.791.0076

www.bagelpantry.com

H O U R S

M-F 5am-8pm Sat 5am-6pm Sun 5am-3pm

Summer Hours begin after June 19

M-F 5am-6pm Sat 5am-5pm Sun 5am-3pm



MARY "NGUYEN" SITU
Realtor Associate
Cell: (732) 371-9777

Nói tiếng VIỆT
và tiếng ANH



**COLDWELL
BANKER**

RESIDENTIAL BROKERAGE
and COMMERCIAL NRT



CÔNG TY ĐỊA ỐC

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC VÙNG MIDDLESEX, GARDEN STATE, & MONMOUTH, NJ

269 State Route 18, Suite A, East Brunswick, NJ 08816

Bus: (732) 254-3750 ext. 124

Cell: (732) 371-9777 | Fax: (862) 345-2653

Websites: www.marysitu.com & www.cbcworldwide.com

Email: situmary@gmail.com

- Phục vụ và hướng dẫn quý vị trong lãnh vực về mua bán nhà cửa, đất đai, và khu thương mại.
- Có đầy đủ danh sách nhà bán trên thị trường của tất cả các công ty địa ốc trong vùng New Jersey qua hệ thống MLS.
- Giúp định giá căn nhà chính xác trước khi dự định bán và được phát rộng gấp 3 lần qua hệ thống MLS.
- Hướng dẫn thân chủ lựa chọn các chương trình tài trợ địa ốc và quyền lợi của người mua bán nhà (Direct Lender Home Mortgage Services).
- Đây là thời điểm tốt để bán căn nhà lớn và mua căn nhà nhỏ, hoặc bán căn nhà nhỏ sau rồi mua căn nhà lớn.

Tham Khảo MIỄN PHÍ | TẬN TÂM, VUI VẺ, NHỊT TÌNH và KÍN ĐÁO



Mary Situ
Realtor Associate
Cell: 732-371-9777
Office: 732-254-3750
Mary.Situ@cbmoves.com
www.MarySitu.com

**COLDWELL
BANKER**
RESIDENTIAL BROKERAGE
269 Route 18 South, Suite A
East Brunswick, N.J. 08816

HAPPY NEW YEAR 2018

One of the advantages of working with a neighborhood real estate professional like me is my in-depth knowledge of your area. I'm more than familiar with the real estate marketplace, and I can give you the best guidance when it comes time for you to sell your house.

Call me anytime.

Let me be your realtor of choice.

Mary

Monday, Jan 1 - New Years Day 2018
Monday, Jan 15 - Martin Luther King Day 2018
Wednesday, Feb 14 - Valentines Day 2018
Monday, Feb 19 - Presidents Day 2018
Sunday, Mar 11 - Daylight Saving Starts 2018
Saturday, Mar 17 - St. Patrick's Day 2018
Sunday, Apr 1 - Easter 2018
Sunday, May 13 - Mothers Day 2018
Monday, May 28 - Memorial Day 2018
Sunday, June 17 - Fathers Day 2018
Wednesday, July 4 - Independence Day 2018
Monday, Sept 3 - Labor Day 2018
Monday, Oct 8 - Columbus Day 2018
Wednesday, Oct 31 - Halloween 2018
Sunday, Nov 4 - Daylight Saving Ends 2018
Sunday, Nov 11 - Veterans Day 2018
Thursday, Nov 22 - Thanksgiving 2018
Tuesday, Dec 25 - Christmas Day 2018

If some property is advertised, listed with a real estate broker, please disregard. It is not our intention to solicit the offerings of other real estate brokers. We are happy to work with them and cooperate fully. © 2008 Coldwell Banker Real Estate Corporation. Coldwell Banker is a registered trademark licensed to Coldwell Banker Real Estate Corporation. An Equal Opportunity Company. Equal Housing Opportunity. Created and Operated by NRE Incorporated.



KAM MAN FOOD

金門超市

your asian market

Fresh Bakery • BBQ • Hot Foods • Live Seafood • Quality Meats



www.kamman.com

200 Canal St
New York, NY
(212) 571-0330

511 Old Post Rd
Edison, NJ
(732) 248-9611

200 Route 10 W
East Hanover, NJ
(973) 503-1770

219 Quincy Ave
Quincy, MA
(617) 328-1533

LUU'S

AUTO REPAIR. INC.
327 Bound Brook Rd
Middlesex. NJ 08846
Đ.T. (732) 968-8986



ĐẶC BIỆT

- * Chuyên sửa các loại xe Nhật
 - ⇒ ACURA
 - ⇒ HONDA
 - ⇒ TOYOTA
 - ⇒ NISSAN
 - ⇒ MAZDA
 - ⇒ MITSUBISHI
- * Hơn 30 năm kinh nghiệm.
- * Cựu chuyên viên huấn luyện của hãng American Honda Motor.
- * Thợ máy chính lâu năm cho các đại lý Honda

SPECIALIZED IN:

- State Inspection & Emission, Repair facility
- Engine & Transmission
- Check all Computer System
- Front & Rear Suspension
- Brake System
- Engine Tune Up



- Increases Engine Efficiency
- Increases Fuel Economy
- Reduces Emissions
- Lifetime Warranty
- No Maintenance
- Made in the USA

GIỜ MỞ CỬA:

Thứ Hai-Thứ Sáu : 8 AM – 6 AM
Thứ Bảy: 9 AM – 4 PM
Chúa Nhật: Đóng Cửa

ĐẶC BIỆT

Bớt 10% Cho Người Đồng Hương

Kính Chúc Quý Vị Một Năm Mới An Khang Thịnh Vượng

Phở Thành Đô



Beef Noodle Soup Specialty

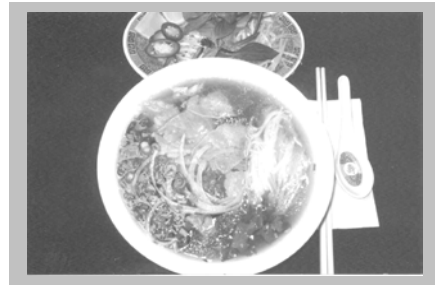
1876 Rt. 27 Lincoln Hwy. Edison, NJ 08817 Phone: 732-248-9080

Đầu Bếp Từ California Nhiều Năm Kinh Nghiệm Đảm Trách

PHỞ NGON NỔI TIẾNG

Đặc Biệt Các Món Ăn Thuần Tủy Việt Nam

- * Chả Giò, Gỏi Cuốn
- * Gỏi Tôm Thịt, Chạo Tôm
- * Gỏi Khổ Qua Tôm Thịt
- * Hủ Tiếu Nam Vang, Mì Hải Vị
- * Bún Tôm, Thịt Nướng, Chả Giò
- * Bánh Hỏi Chạo Tôm, Tàu Hủ Ky
- * Cơm Bò Lức Lắc, Cơm Sườn Bì Chả...



Nhận Đặt Tiệc: Sinh Nhật, Hội Họp, Liên Hoan

Tiếp Đãi Ân Cần, Nhanh Nhẹn, Nhả Nhặn

Bãi Đậu Xe Rộng Rãi An Toàn

Tues – Thurs: 11:00AM – 9:30PM
Fri & Sat: 11:00AM – 10:00PM
Sun : 11:00AM – 9:00PM
MONDAY CLOSED

Cám On Quý Khách Đã Đến Ủng Hộ Phở Thành Đô Trong Thời Gian Qua

Phở Thành Đô Kính Mời

Kính Chúc Quý Khách/Một Năm Mới An Khang Thịnh Dượng

Phở Việt Ám

Vietnamese Restaurant

136 Talmadge Road - Edison, NJ 08817

Phone: 732-662-1911

Đặc Biệt:

Cơm gia đình: ♦ Cá chiên xả ♦ Cá hấp
♦ Canh chua ♦ Cá kho tộ

Món ăn chơi: ♦ Bún bò ♦ Bún riêu
♦ Bún mắm ♦ Bánh cuốn

Mở Cửa 7 Ngày:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 11:00 AM - 10:00 PM

Chúa Nhật: 11:00 AM - 9:00 PM

Hân hạnh được phục vụ Quý Khách





SAIGON

RESTAURANT

Vietnamese Cuisine

2239 South Clinton Avenue
South Plainfield, NJ 07080
Website: www.saigoncuisinenj.com

Tel: (908) 561 - 9085

OPEN 7 DAYS A WEEK

Monday: 10:00am - 4:00pm
Tues. to Thurs.: 10:00am - 9:00pm
Fri. to Sun.: 10:00am - 9:00pm

We Cater For Any Occasion !!!

Saigon Welcome

T & S AUTO REPAIR

297 Vail Avenue ★ Piscataway, NJ 08854
(Off Washington Ave. at corner of Vail Ave. & New Market Rd.)

Phone: (732) 424-7900 ☎ Fax: (732) 424-3988



ACURA – HONDA – TOYOTA

LEXUS – INFINITI- NISSAN

MAZDA – ISUZU – MITSUBISHI

- ☞ Engine repair and rebuild
- ☞ Exhaust system
- ☞ Transmission and clutch
- ☞ Timing belt/chain
- ☞ State inspection
- ☞ Engine performance diagnose
- ☞ Heating & Air conditioning
- ☞ Electrical diagnose
- ☞ Engine tune up

All Work Guaranteed
6 months or 6,000 miles on O.E.M. parts
(No guarantee on customer supplied
parts and used parts)

Over 20 Years of Experience
Complete Factory Trained
“A” Technician
Factory Honda & Acura Accessories

HOURS of OPERATION

Monday to Friday: 8:00AM – 5:00PM

Saturday & Sunday: Closed

Huy Nguyễn & Sơn Nguyễn

Kính Chúc Quý Khách Chủ Mặt Năm Mới An Khang và Thịnh Vượng



Transamerica Financial Group Division
31 Stelton Rd #5 Piscataway, NJ 08854

Office: 732.210.8888

Mobil: 347.386.1880

Fax: 732.347.8988

- Education Fund – Family Risk
- Retirement Plan Management
- 401K
- Long Term Care & many many more....

Yong Lin

Investment Advisor Representative
Branch Office Manager

Email: Jason.lin@tfaconnect.com

[Https://jasonlin1.wfgopportunity.com/](https://jasonlin1.wfgopportunity.com/)

TRUNG TÂM Y TẾ

PLAINFIELD HEALTH CARE CENTER



38 Watchung Ave ♦ Plainfield, NJ 07061

ĐT: (908) 769-7881

Fax: (908) 769-0061



SỨC KHOẺ LÀ VÀNG

Trung Tâm có Bác Sĩ, Nha Sĩ Chuyên Khoa
Tín Nhiệm và Tận Tâm Phục Vụ Quý Vị Đồng Hương

Y Khoa: Bác Sĩ Lê Đình Thương

Nha Khoa: Nha Sĩ Nguyễn Thanh Ngọc

*Nữ Nha Sĩ Thanh Ngọc Nguyễn
Kinh Nghiệm - Tận Tâm - Mહે Tay*

Y KHOA

Bảo Hiểm HORIZON NJ HEALTH



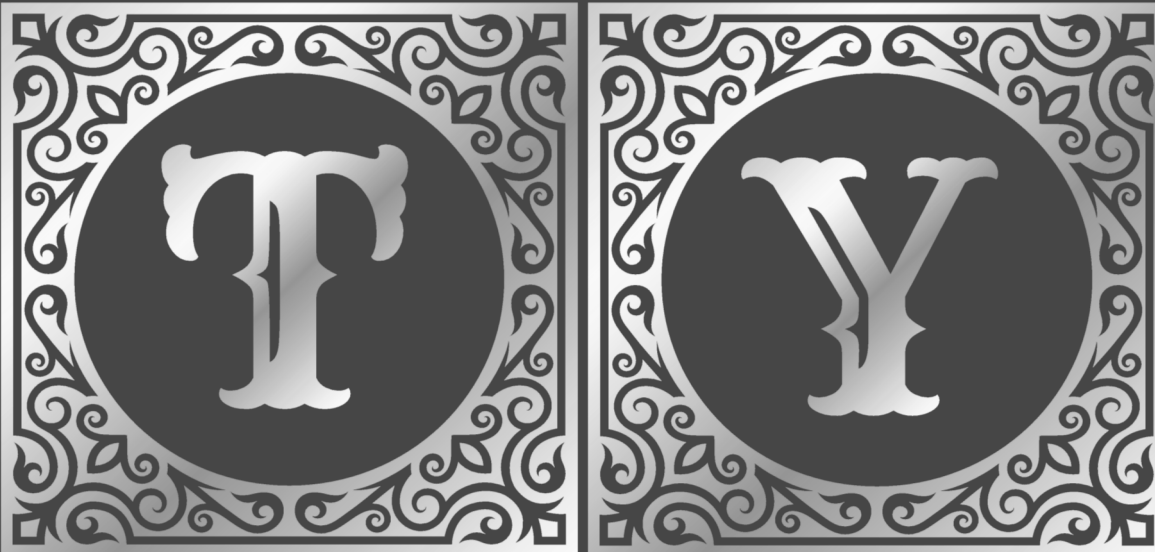
Giờ Mở Cửa:

Thứ Hai/Ba/Năm	10:00AM - 6:00PM
Thứ Tư/Chúa Nhật	Đóng Cửa
Thứ Bảy	10:00AM - 2:00PM
Thứ Sáu	Theo Hẹn



Kính Chúc Quý Vị Đồng Hương Một Năm Mới

Thành Công, Hạnh Phúc và Khỏe Mạnh



Xin Liên Lạc Thiện:(917) 829 - 0932
E-mail: phiyendang@yahoo.com



VIDEO

Cảm Tạ

Cộng Đoàn Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời xin chân thành cảm tạ và ghi ơn quý thân chủ quảng cáo, quý vị ân nhân và quý vị mạnh thường quân đã hỗ trợ tinh thần và vật chất để giúp hoàn thành cuốn đặc san Xuân và cũng để tổ chức Đại Hội Văn Nghệ Tết Mậu Tuất 2018 với chủ đề "Việt Nam Quê Hương Tôi".

Cộng Đoàn xin kính chúc quý vị một Năm Mới an bình, dồi dào sức khỏe và tràn đầy yêu thương hạnh phúc.

Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam, Giáo Phận Metuchen, NJ
kính mời quý vị đến tham dự chương trình văn nghệ đặc biệt mừng

Tết Mậu Tuất 2018

với chủ đề

Việt Nam Quê Hương Tôi

Thứ Bảy Ngày 17 Tháng 2, 2018
Tại Ukrainian Cultural Center
135 Davidson Ave., Somerset, NJ

3:00 PM Thánh Lễ Tân Niên

6:00 PM Văn Nghệ Tết

8:00 PM Xổ Số

8:30 PM Dạ Vũ

Chương Trình
Hoàn Toàn
Miễn Phí

Có bán các món ăn Việt Nam trong đêm văn nghệ